

TỦ SÁCH CHUYÊN SÂU KHAI CUỘC

LỜI GIỚI THIỆU

QUÁ CUNG PHÁO là một khai cuộc mang đặc điểm là vừa tấn công vừa phòng thủ một cách ổn định. Tư tưởng chính của cách chơi này là trong khi phòng thủ luôn luôn tìm cơ hội phản kích (như kiểu phòng thủ chặt, phản công nhanh trong bóng đá). Nó khác hẳn ới kiểu chơi Thuận Pháo đối công mãnh liệt hay kiểu Tiên nhân chỉ lộ mang tính thăm dò cao.

Ngay từ đầu bên đi tiên không chú trọng vào trung lộ mà dồn quân sang một cánh để uy hiếp đối phương (chữ "quá cung Pháo" xuất phát ở chỗ Pháo bên này đi ngang qua cung để sang bên kia), tuy nhiên việc dồn quân sang một bên như thế rất dễ khiến cho các quân bị cản trở lẫn nhau, vì vậy người chơi kiểu thế trận này phải thật nhuần nhuyễn về lý thuyết, phát huy thế mạnh, khắc phục điểm yếu. Khi đã làm được điều đó thì diễn biến tiếp theo sẽ khiến đối phương bị bất ngờ lúng túng, từ đó giành thế chủ động dẫn dắt ván cờ. Đó cũng chính là bí quyết của trận Quá cung Pháo, vốn đã từng được nghiên cứu từ hơn 300 năm trước đây.

LỜI GIỚI THIỆU

QUÁ CUNG PHÁO ĐỐI PHÁO ĐẤU được chia làm 2 tập. Gồm 2 chương : Chương lý thuyết và chương các ván thực đấu.

Trong mỗi chương lại chia ra các tiết, mỗi tiết là một kiểu chơi của trận Quá Cung Pháo.

Trong mỗi tiết có các phương án khác nhau được gọi là các cục.

Cách sắp xếp như thế để bạn đọc tiện nghiên cứu một cách có hệ thống theo một trình tự khoa học và rõ ràng.

Ví dụ : Tiết thứ nhất chỉ tập trung vào cách chơi Quá cung Pháo đối Pháo đấu Mã bàn đấu (gồm cả cả 16 cục) tập trung trình bày hết các phương án có Mã bàn đấu. Sau đó tới tiết thứ 2 chỉ tập trung nói về Quá cung Pháo đối lại Pháo đấu hoành Xe quá hà...

Trong sách, những phương án chủ yếu của Quá cung Pháo đều đã được trình bày cho bạn đọc chơi cờ ở mức sơ cấp và trung cấp , kể cả những người chơi cờ giỏi, sách này hoàn toàn đáp ứng được, chỉ cần các bạn nghiên cứu kỹ, thuộc được các kiểu chơi của Quá Cung Pháo.

Đối với những kỳ thủ có đẳng cấp cao như các kiện tướng hay quốc tế đại sư thì cũng có có thể tham khảo, ngoài ra còn có những sách đi sâu hơn, cao hơn, có dịp chúng tôi sẽ đáp ứng.

Chúng tôi cũng rất mong có được sự góp ý, nhận xét của bạn đọc gần xa.

Xin chân thành cảm ơn trước.

KÝ HIỆU DÙNG ĐỂ ĐỌC VÀ GHI CHÉP NƯỚC ĐI TRONG CỜ TƯỚNG

Bàn cờ Tướng được vẽ như ở hình bên. Các cột của bên Trắng được đánh số từ 9 tới 1, các cột bên Đen được đánh số 1 đến 9 (ngược lại).

Ký hiệu và cách ghi nước đi :

Dấu chấm (.) là tiến

Dấu gạch (-) là đi ngang (bình)

Dấu gạch chéo (/) là lùi (thoái)

Mỗi nước đi được ghi theo thứ tự :

- Số thứ tự nước đi
 - Tên quân cờ
 - Vị trí và sự dịch chuyển quân cờ
- Ví dụ : Nước đầu, Trắng đi Pháo 2 bình 5 (vào Pháo đầu), bên Đen Mã 8 tiến 7 thì ghi :

1.P2-5 M8.7 (xem hình)

Nước thứ hai :

2.P8/1 B7.1

Trắng đưa Pháo ở cột 8 lùi 1 bước (đếm 1 ô về phía mình), Đen đưa Tốt cột 7 lên một bước (đếm 1 ô về phía đối phương)

Trường hợp 2 Pháo(Mã, Xe)

nằm trên một đường thì ghi Pt là

Pháo trước, Ps là Pháo sau.

Nếu có 3 Tốt nằm trên cùng một cột thì

ký hiệu Bt (Binh trước), Bg (Binhgiữa), Bs (Binh sau)

Ký hiệu các quân cờ :

Tướng = Tg

Sĩ = S

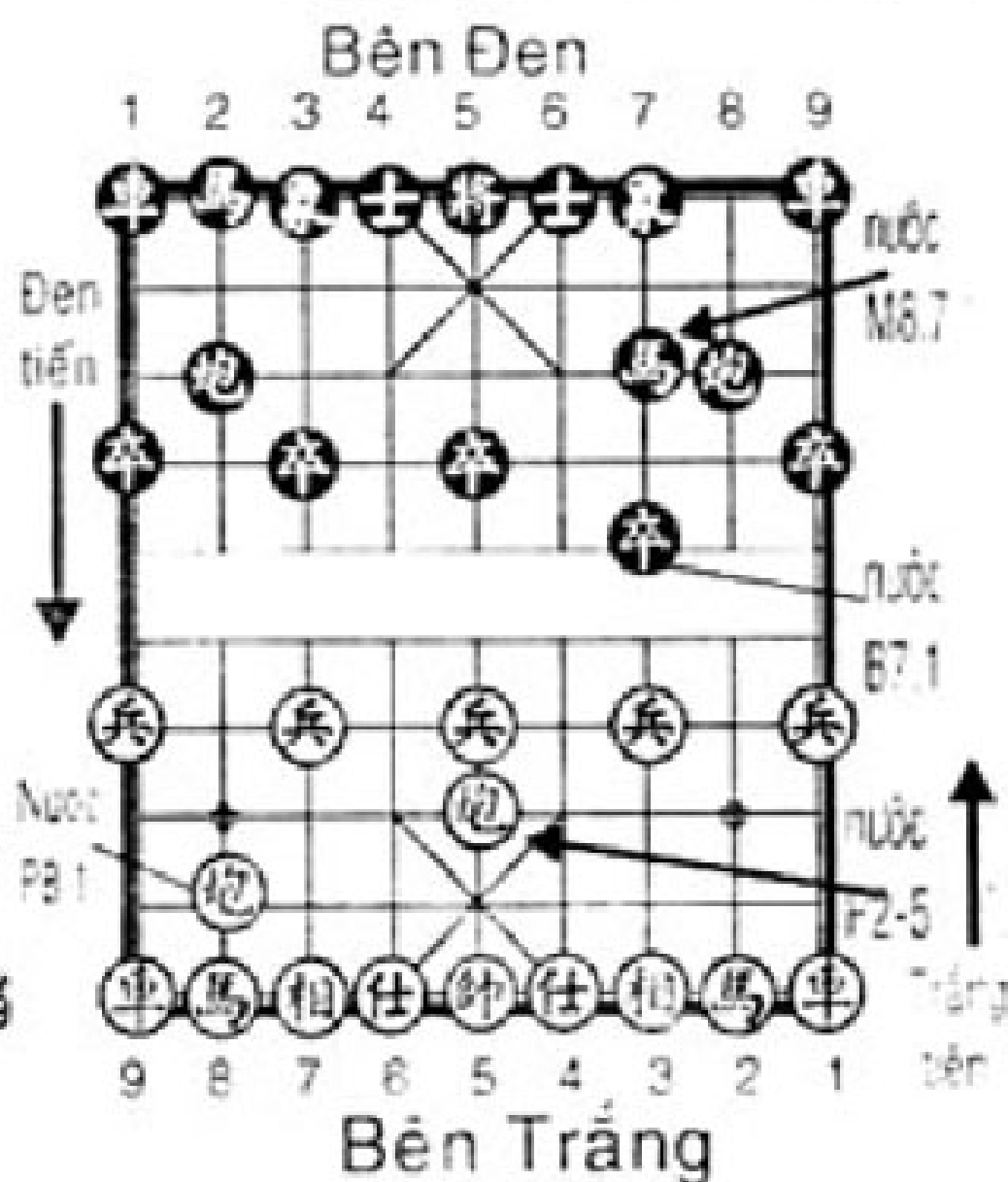
Tượng = T

Xe = X

Pháo = P

Mã = M

Tốt = B (bình)



CHƯƠNG 1

QUÁ CUNG PHÁO ĐỐI PHÁO ĐẦU CÔNG PHÒNG SÁCH LƯỢC

TIẾT 1

QUÁ CUNG PHÁO ĐỐI PHÁO ĐẦU BÀN HÀ MÃ

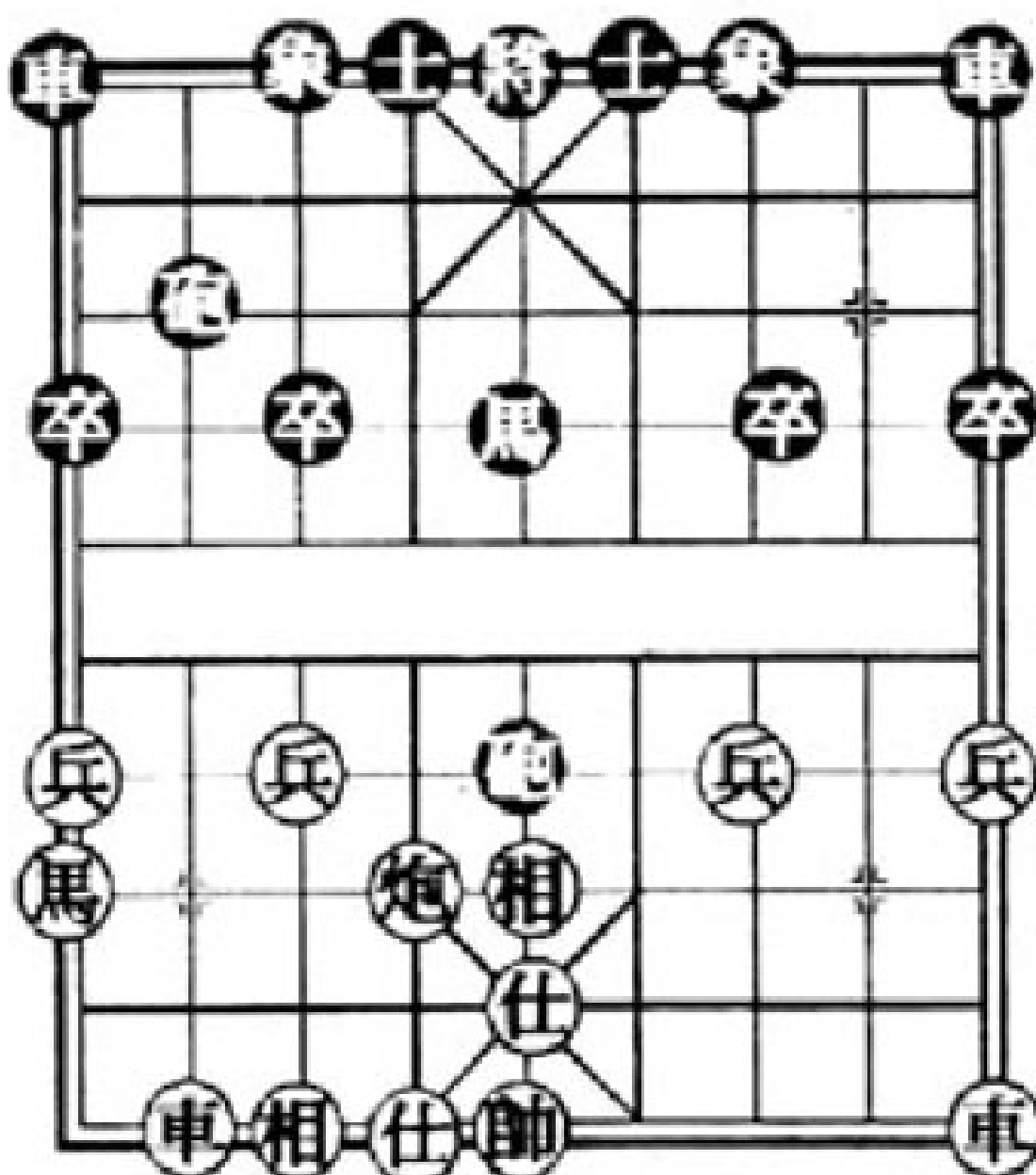
CỤC 1

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-6 | 炮8-5 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 相3.5 | 馬2.3 |
| 4. 馬8.9 | 卒5.1 |
| 5. 仕4.5 | 馬3.5 |
| 6. 炮8.4 | 卒5.1 |

Nếu Đen đi B3.1
thì P8-3 X1-2 X9-8
P2.5 X1-4 hai bên
hình thành cục diện
gò bó, tuy nhiên bên
Trắng dễ đi hơn.

- | | |
|---------|------|
| 7. 炮8-5 | 馬7.5 |
| 8. 卒9-8 | 卒5.1 |

Bên Đen tiến Tốt thí Pháo nhằm đoạt được thế công,
nhưng Trắng không ăn Pháo mà dùng Mã tróc Tốt.



Đen có thể đi X1.2 Trắng sẽ B5.1 M5.7 B5.1 M7.5 X1-4 M6.4 S5.6 X9-8 B5.1 P5-9 Trắng tuy có được Tốt đầu tiến mạnh qua sông nhưng lại bị bị đối phương uy hiếp. Vì vậy thế cờ hai bên vẫn ở thế giằng co.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 9. ⑤3.5 | ④5.4 | 10. ④8.7 | ⑤4.5 |
| 11. ④8/3 | ④5-1 | 12. ④1-4 | ④9-8 |
| 13. ④4.6 | ⑤5.3 | | |
| 14. ④5/3 | | | |

Trắng hồi Tượng, chuẩn bị vào Pháo đầu uy hiếp trung lộ, là nước đi rất có lực.

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 14...④7.5 | | | |
| 15. ④6-5 | ④1.1 | 16. ④5-4 | ④3.4 |
| 17. ④8-2 | ④8-7 | 18. ④2-6 | ④1-2 |
| 19. ④4-6 | ④3.1 | 20. ④s-5 | ④1/3 |
| 21. ④6.2 | ④7.2 | 22. ④5.5 | ④5.4 |
| 23. ④6-4 | ④2.4 | 24. ④4.1 | ④5.1 |
| 25. ④4/1 | ④5/1 | 26. ④5-2 | ④7/2 |
| 27. ④5/5 | | | |

Trắng thắng

CỤC 2

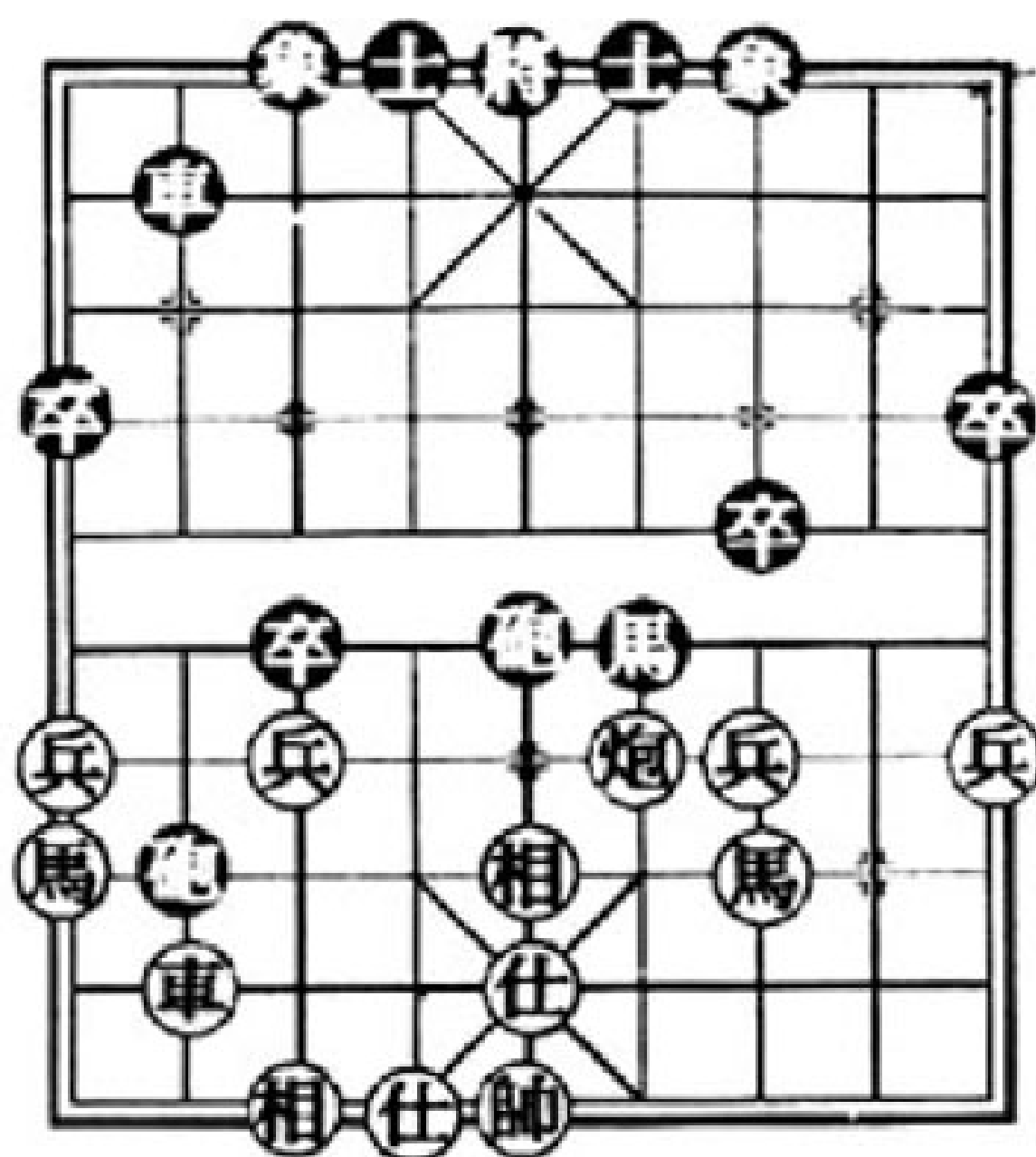
- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 1. ④2-6 | ④8-5 | 2. ④2.3 | ④8.7 |
| 3. ④4.5 | ④9.1 | 4. ④3.5 | ④5.1 |
| 5. ④8.9 | ④2.3 | 6. ④8.4 | ④9-4 |
| 7. ④1-4 | ④3.1 | 8. ④4.6 | ④3.5 |
| 9. ④4/3 | | | |

Thoái xe không có tác dụng, có thể đi P8-7 sau đó chuẩn bị X9-8

- 9...④7.1

10. ④9.1 ⑤1.1
 11. ④8-7 ⑤1-2
 12. ④9-8 ⑤2.5
 bên Đen tiến Pháo
 dè Xe là cách tranh
 tiên.

13. ④5-4 ⑤4-6
 14. ④4.5 ⑤2-6
 15. ④4-5 ⑤6-2
 16. ④6.4 ⑤5.1
 17. ④7-5 ⑤7.5
 18. ⑤5.1 ⑤5.3
 19. ④6/3 ⑤5.6
 20. ④6-4 ⑤3.1



Bên Đen thí Tốt là kiểu tranh đoạt tiên thủ. Đen giành
 ưu thế.

21. ⑤3.1 ⑥7.1 22. ⑥3.4 ⑥7-6
 23. ④4/1 ④2/3 24. ④8-6 ④2-6

Đen thí Pháo là nước hay, Trắng khó đối phó. Nếu
 bên Trắng đi P4.3 thì X2-8 Tg5-4 X8.8 Tg4.1 B6.1
 Bên đen thắng tiể

25. ④4/2 ④6-3 26. ④6.4 ④3.5
 27. ④6-4 ④3-4 28. ④4.4 ④5.1
 29. ⑥9/7 ⑥2.7

Đen thắng

CỤC 3

1. ④2-6 ④8-5
 2. ⑥2.3 ⑥8.7
 3. ④4.5 ④9-8
 4. ④3.5 ④2.3

5. ①1-4 ②2-1
 Bên Đen bình Pháo
 ra biên chuẩn bị uy
 hiếp cánh bên trái
 của trắng, Đen X8.4
 tuần hà

6. ③8-7
 Trắng bình pháo lộ 7,
 không đi M8.9 Đen
 X1-2 thì trắng X9-8
 B5.1 P8.4 hih thành
 cục diện đối công.

6... ④1-2

7. ⑤8.9 ⑥5.1

8. ⑦7.1 ⑥5.1

9. ⑦5.1 ⑤3.5

11. ⑤9.7 ⑤2.6

13. ⑥7-9 ⑥5.3

10. ⑦9.1 ⑥1.3

12. ⑥9.4 ⑤2-3

14. ⑥9.2 ⑤3/1

Đen thoái Xe ăn tốt, chiếm ưu. Còn như đi X3.3 thì
 quá gấp, không cần thiết.

15. ⑥6.1 ⑥7.5

17. ⑥4.7 ⑥5-8

19. ⑥4/1 ⑥8.4

21. ⑥8-7 ⑥8-9

23. ⑥4.1 ⑥8/5

25. ⑥4/1 ⑥1-6

27. ⑥4-5 ⑥5-6

29. ⑥7/3 ⑤4.3

16. ⑥6-5 ⑥3.1

18. ⑦3.1 ⑥6.5

20. ⑥9-8 ⑥3-1

22. ⑥5-4 ⑥8.9

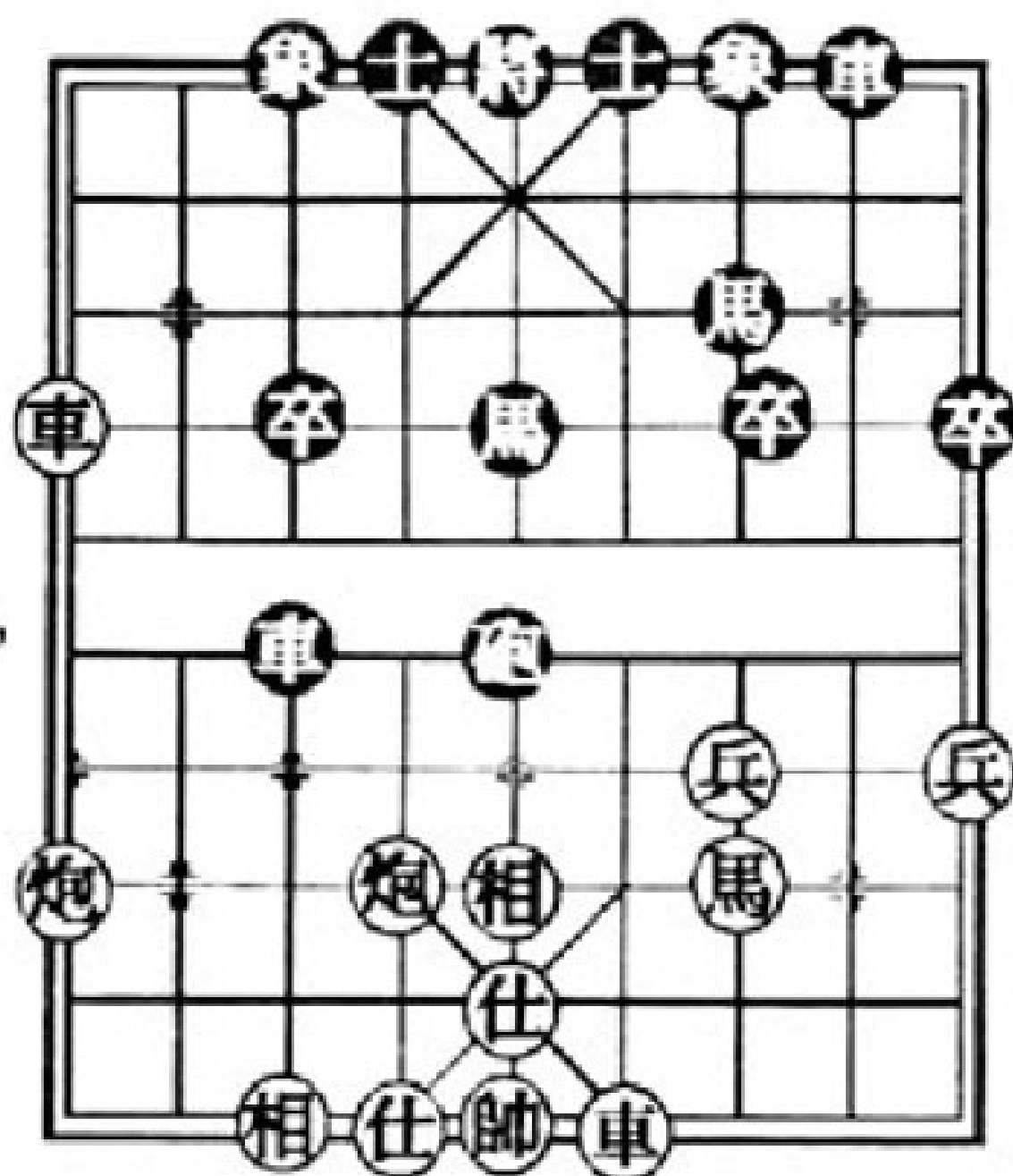
24. ⑥9-7 ⑥1/2

26. ⑥4/1 ⑥8-6

28. ⑥5.4 ⑤5.4

30. ⑥7/1 ⑥6.2

Đen thắng.

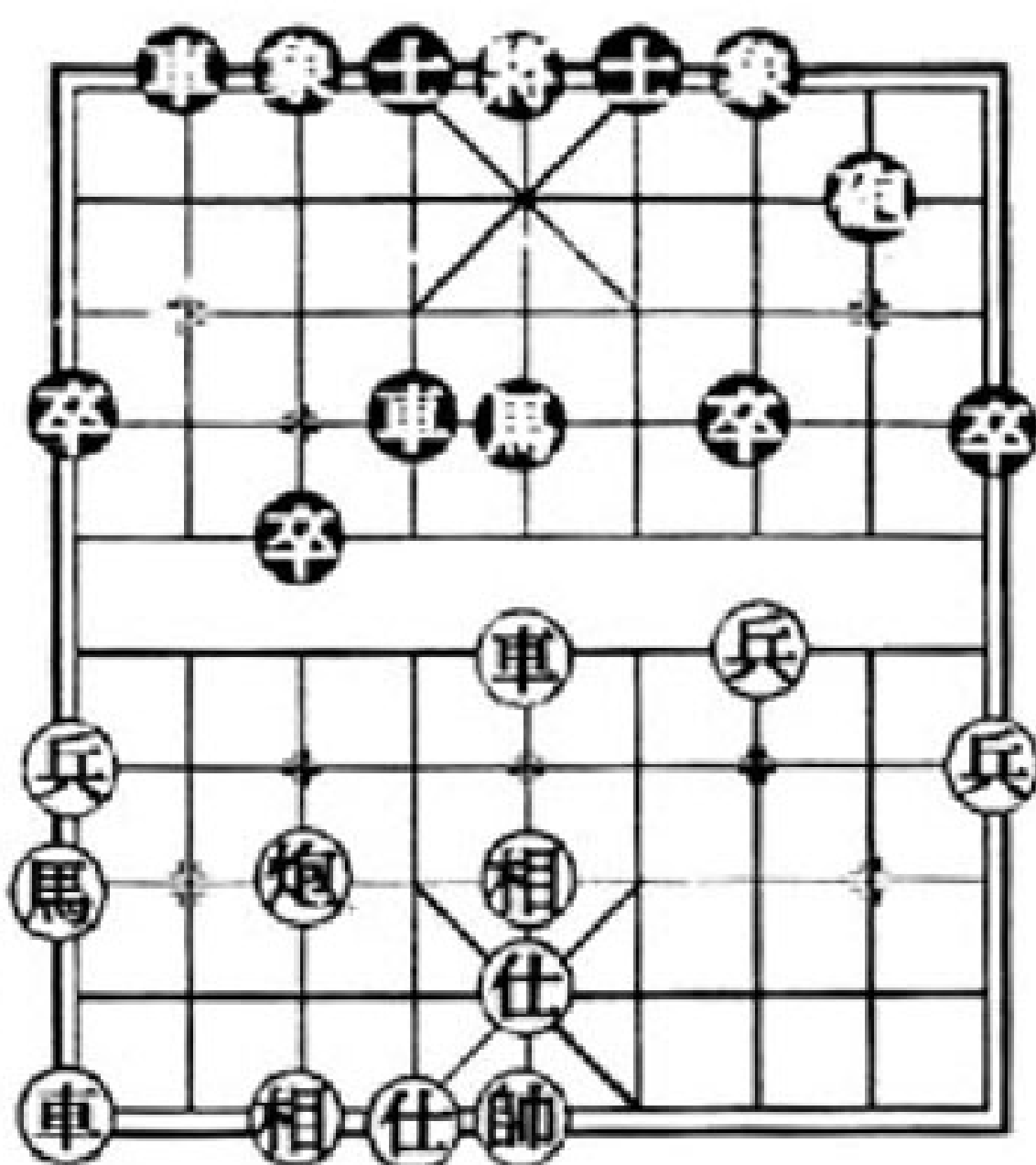


CỤC 4

1. ⑥2-6 ⑥8-5

- | | |
|---------|------|
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 車1-2 | 馬2.3 |
| 4. 兵7.1 | 車9.1 |
| 5. 仕4.5 | 車9-4 |
| 6. 炮8-7 | 卒5.1 |
| 7. 車2.4 | 車1-2 |
| 8. 炮6-5 | 炮2.5 |

Bên Đen tiến Pháo đối Pháo, không có tác dụng ớn. Còn như đi M3.5 sau đó có P2.3 đánh xe, Đen sẽ chủ động.



- | | |
|----------|------|
| 9. 馬8.9 | 炮2-5 |
| 10. 相3.5 | 卒5.1 |
| 11. 兵5.1 | 馬3.5 |
| 13. 車2-5 | 炮5-8 |
| 15. 馬3.4 | 車4.2 |
| 17. 兵7.1 | 卒3.1 |
| 19. 炮7.7 | 士4.5 |
| 21. 車9.7 | 馬4.2 |
| 23. 炮7/2 | |

- | | |
|----------|------|
| 12. 兵5.1 | 炮5.2 |
| 14. 兵3.1 | 炮8/3 |
| 16. 馬4.5 | 馬7.5 |
| 18. 車9-8 | 車2.9 |
| 20. 馬9/8 | 馬5.4 |
| 22. 馬7.8 | 象7.5 |

Trắng thoá Pháo là nước chính xác, còn như đi X5.3 B3.1 T5.7 X4-2 Đen độc quân sẽ chiếm ưu thế lớn.

23... 車4.2

- | | |
|----------|------|
| 24. 車5-6 | 馬2/4 |
| 26. 炮7/1 | 卒7.1 |
| 28. 炮3-5 | 炮8-5 |
| 30. 兵3-4 | 炮5-4 |
| 32. 兵4-5 | 炮4/2 |
| 34. 馬7/9 | 炮4.1 |

- | | |
|----------|------|
| 25. 馬8.6 | 馬4/6 |
| 27. 炮7-3 | 士5.6 |
| 29. 兵3.1 | 炮5.2 |
| 31. 兵4.1 | 士6/5 |
| 33. 馬6.7 | 象5/7 |
| 35. 馬9/7 | 炮4-9 |

36. ⑤7/5	⑨9.4		
37. ⑤5.3	⑨9.1	38. ⑤3.2	⑨9.1
39. ⑤2.3	⑨9-8	40. ⑤3/2	⑨9/3
41. ⑤2/3	⑨9-7	42. ⑤9.1	⑨7-8
43. ⑤9.1	⑨5-4	44. ⑤9-8	⑨8-7
45. ⑤8-7	⑨7-8	46. ⑤5.4	⑨8.1
47. ⑤7.1	⑨8/1	48. ⑤5.1	⑨8-7
49. ⑤7-6	⑨7-8	50. ⑤5.1	⑨8-7
51. ⑤3.1	⑨8.1	52. ⑤1/2	⑨7-6
53. ⑤2.4	⑨4.1	54. ⑤5.7	⑨4/1
55. ⑤7/9	⑨4.1	56. ⑤4.2	⑨6-7
57. ⑤2/3	⑨8-7	58. ⑤3.5	⑨7-9
59. ⑤9.7	⑨4/1	60. ⑤6-5	⑨4.1
61. ⑤5-4	⑨9-8	62. ⑤5/1	⑨8-9
63. ⑤4/5	⑨4/1	64. ⑤5/4	⑨4.1
65. ⑤5.1	⑨9-8	66. ⑤5/3	⑨8-9
67. ⑤3/5	⑨9.1	68. ⑤5.4	⑨7-6
69. ⑤4.6	⑨4/1		
70. ⑤5.1			

Trắng thắng

CỤC 5

1. ⑤2-6	⑨8-5	2. ⑤2.3	⑨8.7
3. ⑤1-2	⑨2.3	4. ⑤8.9	⑨9.1
5. ⑤4.5	⑨9-4	6. ⑤2.6	⑨5.1
7. ⑤2-3			

Trắng dùng Xe bắt Tốt để phản kích, có thể đi P6-5 M3.5 P8.4 Trng có phần ưu thế hơn.

7... ⑤3.5

8. ⑤6-5 ⑨2.1

9. 兵9.1

Trắng tiến Tốt chưa phải là nước hay vì không gây khó khăn gì cho Đen.

9... 卒3.1

10. 車3/2 卒1.1

11. 兵9.1 士1.4

12. 炮8-7 马1-2

Đen bình Xe không chế, không cho Xe Trắng xuất kích là nước đi có lực.

13. 炮7/1 士4.5

14. 炮5-6 卒5.1

15. 兵5.1 炮4.4

17. 炮6-5 炮4.1

19. 相3.5 炮4-7

21. 車5-3 炮7/1

23. 馬3.5 炮t.5

25. 炮5.2 炮5.3

26. 仕5.6

Bên Trắng thượng Sĩ là nước đi đúng, nếu đi T3/5 thì X2/1 thì Trắng khó ứng phó.

26... 炮2/1

27. 車9-8 炮2-5

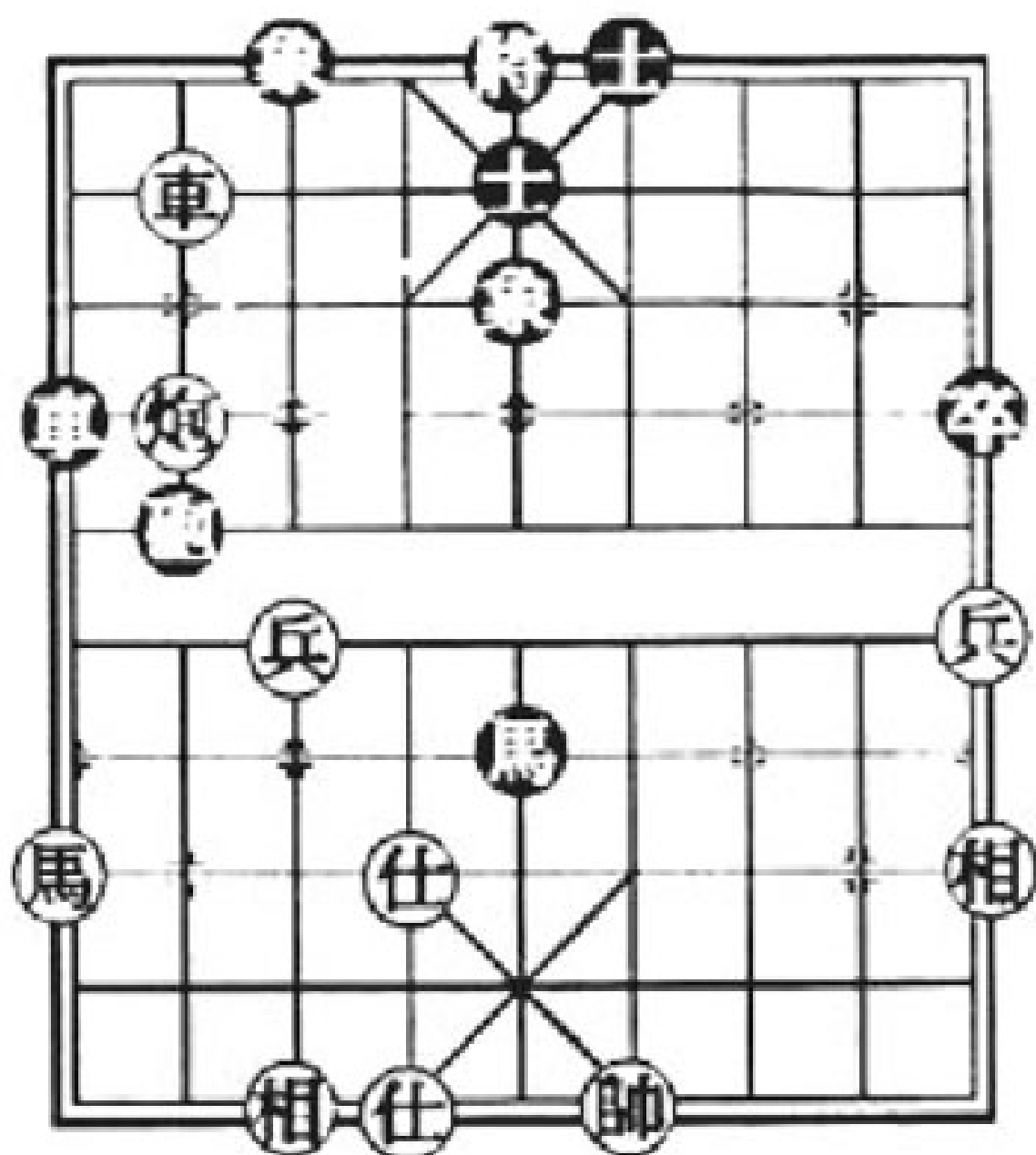
29. 車8.8 炮5-1

31. 炮8.2 馬6.7

33. 相3/1 卒3.1

35. 帥5-4 炮5-2

Nếu Trắng đi P8-7 thì P2-6 P7-8 M5/3 mã Đen ăn Sĩ, thắng thế.



16. 兵5.1 炮5.2

18. 車3-5 炮5.3

20. 炮7.1 馬5.7

22. 相5.3 炮7.5

24. 炮7-5 炮2-5

28. 炮5-9 馬7.8

30. 炮9-8 馬8.6

32. 兵1.1 炮5/2

34. 兵7.1 馬7/5

- | | |
|----------|------|
| 36. ⑤9.8 | ⑤1.5 |
| 37. ⑤8-6 | ⑤1-8 |
| 38. ⑤4-5 | ⑤2-5 |
| 39. ⑤7.5 | ⑤5.7 |

Đen thắng

CỤC 6

- | | |
|---------|------|
| 1. ⑤2-6 | ⑤8-5 |
| 2. ⑤2.3 | ⑤8.7 |
| 3. ⑤1-2 | ⑤2.3 |
| 4. ⑤7.1 | ⑤5.1 |
| 5. ⑤8.7 | ⑤3.5 |
| 6. ⑤6-5 | ⑤5.1 |

Đen thí Tốt đầu với chiến thuật chiếm nhanh trung lộ, nếu Đen đi B3.1 thì X2.4 X9-8 X2.5 M7/8 M7.6 M8.7 M6.5 M7.5 X9.1 bên Trắng chiếm ưu.
7. ⑤5.1

Trắng ăn Tốt, cờ còn nhiều biến hoá. Nếu Trắng đi X2.4 thì B5-6 P8.4 B3.1 B7.1 M5.3 M7.6 hai bên hình thành thế đối công.

7...⑤5.3

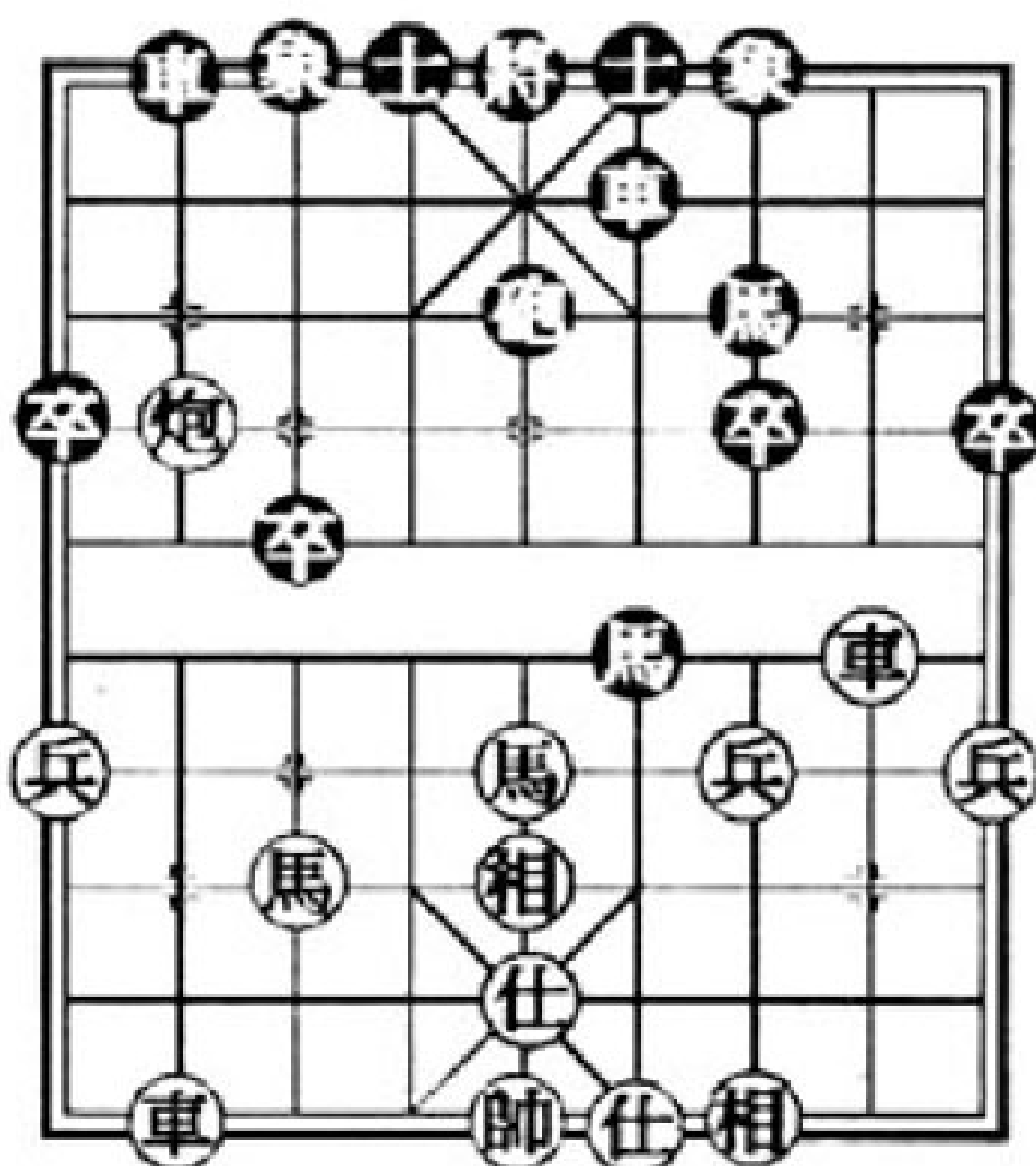
8. ⑤3.5

Tiến Mã binh ổn thế trận, nếu đi S6.5 thì P2-5 P8.5 Trắng có phần ưu hơn.

8...⑤2-5

9. ⑤9-8 ⑤1-2

10. ⑤8.4 ⑤t.2



11. ④7.5 ⑤9.1
12. ④2.4 ⑤9-6
14. ③7.1 ⑥3.1
16. ④8.9 ⑤5/1
18. ④8/5 ⑤5/1
20. ④8-5 ⑥6.5
21. ③7.8

13. ③6.5 ③5.6
15. ⑤8-5 ⑤5.4
17. ④2/2 ③7.5
19. ④2-4 ⑤5-4

Nếu Trắng đi X5.1 thì P4/2 bên Trắng không có được thế công với M7.6, bên Đen chiếm ưu thế hơn.

21...⑤4-6

22. ④4-2 ⑤6/2
24. ③6.5 ⑥3.5
26. ③3.1 ⑥7.1
28. ④5.1 ⑥7/5
29. ④4.1

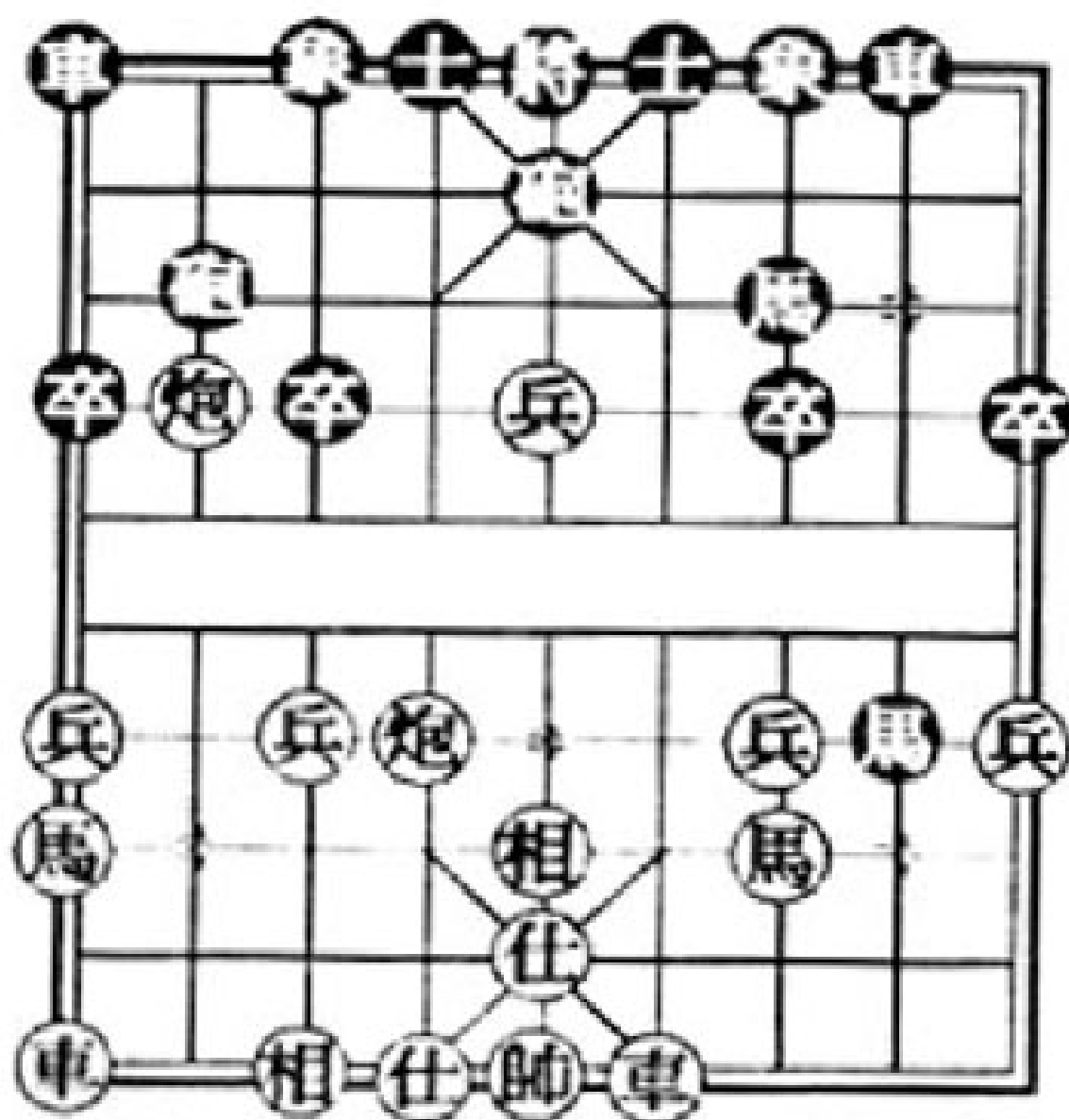
23. ③8.6 ⑤6-5
25. ④2-4 ⑤6.1
27. ③3.1 ⑥5.7

Hoà cục

CỤC 7

1. ⑤2-6 ⑤8-5
2. ③2.3 ③8.7
3. ③4.5 ③2.3
4. ④3.5 ⑥5.1
5. ④1-4 ⑤9-8
6. ⑤8.4 ⑥5.1

Đen tiến Pháo đầu quá gấp. Nếu không P5.1 đổi Pháo, Trắng đi P8-5 M3.5 thế cờ hai bên bình ổn



7. 兵5.1 馬3.5
 8. 馬8.9 馬5.7
 9. 兵5.1 馬t.8
 11. 炮6.1 車1.1
 13. 兵3.1 車1-4

10. 兵5.1 炮5/1
 12. 炮6-2 車8.6
 14. 車9.1 車4.1

Nếu Đen đi X8-7 tróc Mã thì X4,7 P5.1 X4/5 Trắng sẽ có nước P8/3 dả Xe giành tiên thủ.

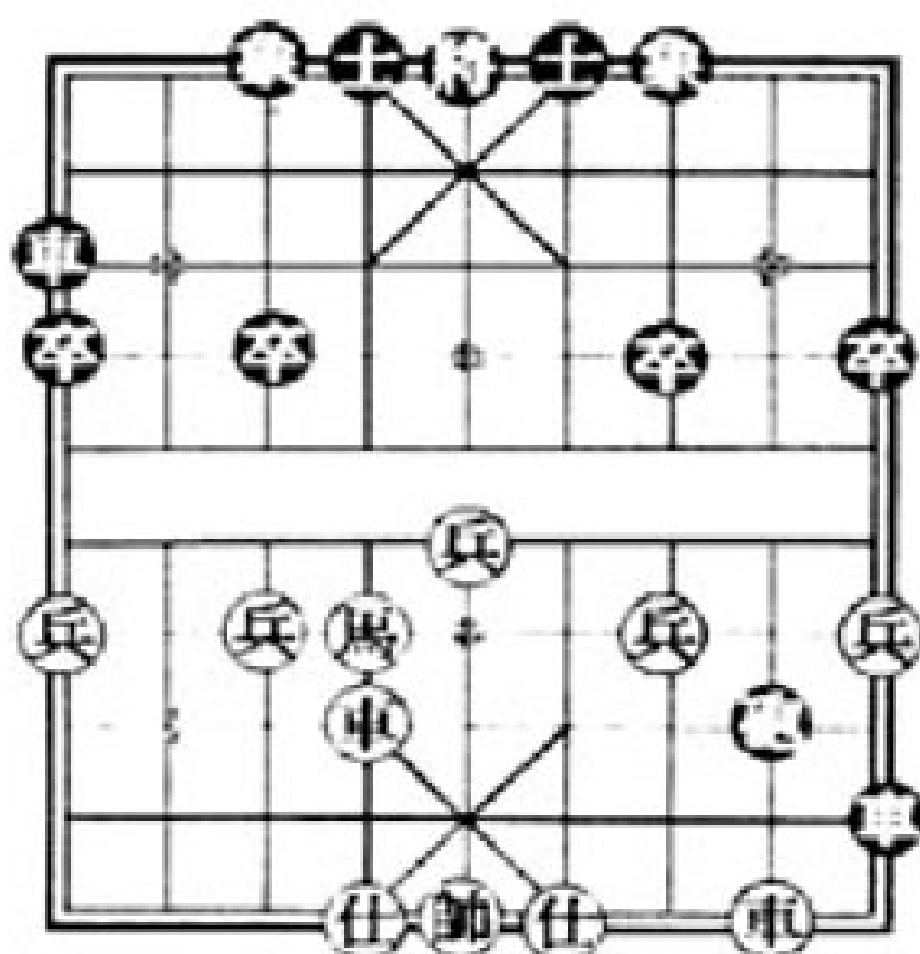
15. 兵5-6 車4-5
 17. 車9-6 炮5-6
 19. 炮8/2 卒7.1
 21. 馬4.5 馬7.6
 23. 車t-6 炮2.1
 25. 車3.9 馬6.7
 27. 車6.4 車8.1
 29. 車6-8 車6-2
 31. 車8/1 象3.5
 33. 兵7.1 將5-4
 35. 兵7.1

16. 馬3.4 車5-6
 18. 車6.3 車8/2
 20. 車4-3 卒7.1
 22. 車6-3 馬6/4
 24. 馬5.4 車6/1
 26. 仕5/4 馬4.6
 28. 兵7.1 車8.1
 30. 車8/2 車8-1
 32. 車3/5 士4.5
 34. 兵7.1 車1.1

Trắng thắng

CỤC 8

1. 炮2-6 炮8-5
 2. 馬2.3 馬8.7
 3. 車1-2 車9.1
 4. 馬8.9 馬2.3
 5. 仕4.5 卒5.1
 6. 炮8.4 卒5.1
 7. 兵5.1 馬3.5
 8. 車2.4



Tiên Xe lên cửa sông
là cách chơi bình ổn.

Có thể đi P6-5 thì P5.3 M3.5 sau đó đổi quân, Trắng
giành tiên thủ.

8...♙9-6

9. ♖8-5 ♘7.5

10. ♗9-8 ♙2/1

11. ♖6-5 ♘2-5

12. ♗5.4 ♙s.2

13. ♗3.5 ♘t.4

14. ♗7.5 ♙5.5

15. ♖5/4 ♘6.6

16. ♗8.2

Trắng tiến Xe cản trở Xe Pháo là nước đi đúng, nếu
M3/1 thì P5/1 Đen có thể tấn công.

16...♙6-7

17. ♗8-6 ♘7-9

18. ♗2/4 ♙1.2

19. ♗9/7 ♘5-7

20. ♗2-3 ♙7-8

21. ♗3-2 ♘9.1

22. ♗7.6

Trắng có thể đi X2.2 Đen sẽ X9-3 X8-7 X3-1 X7-9
X1-3 X2-7 Trắng cứ liên tục đổi quân, cục diện hai
bên hòa cờ.

22...♙8/5

23. ♗6.5 ♘4.5

24. ♗6.4 ♙9/2

25. ♗6-7 ♘9-7

26. ♗2.4 ♙8-3

27. ♗2-3 ♘7-5

28. ♖4.5 ♙7.5

29. ♗3.2 ♘3.4

30. ♗5/3 ♙5-7

31. ♖5/4 ♘1-2

32. ♗3.2 ♙7-5

33. ♖4.5 ♘3-2

34. ♗7-8 ♙2-4

35. ♗2/3 ♘5-7

36. ♗3.4 ♙7/3

37. ♗4.6 ♘5.4

38. ♗8/3 ♙7-5

39. ♗8.1

Hoà cục

CỤC 9

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-6 | 炮8-5 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 車1-2 | 馬2.3 |
| 4. 馬8.7 | 卒3.1 |
| 5. 車2.5 | |

Nếu Trắng X2.4 Đen
X9-8 thì X2-6 Trắng
tiên thủ

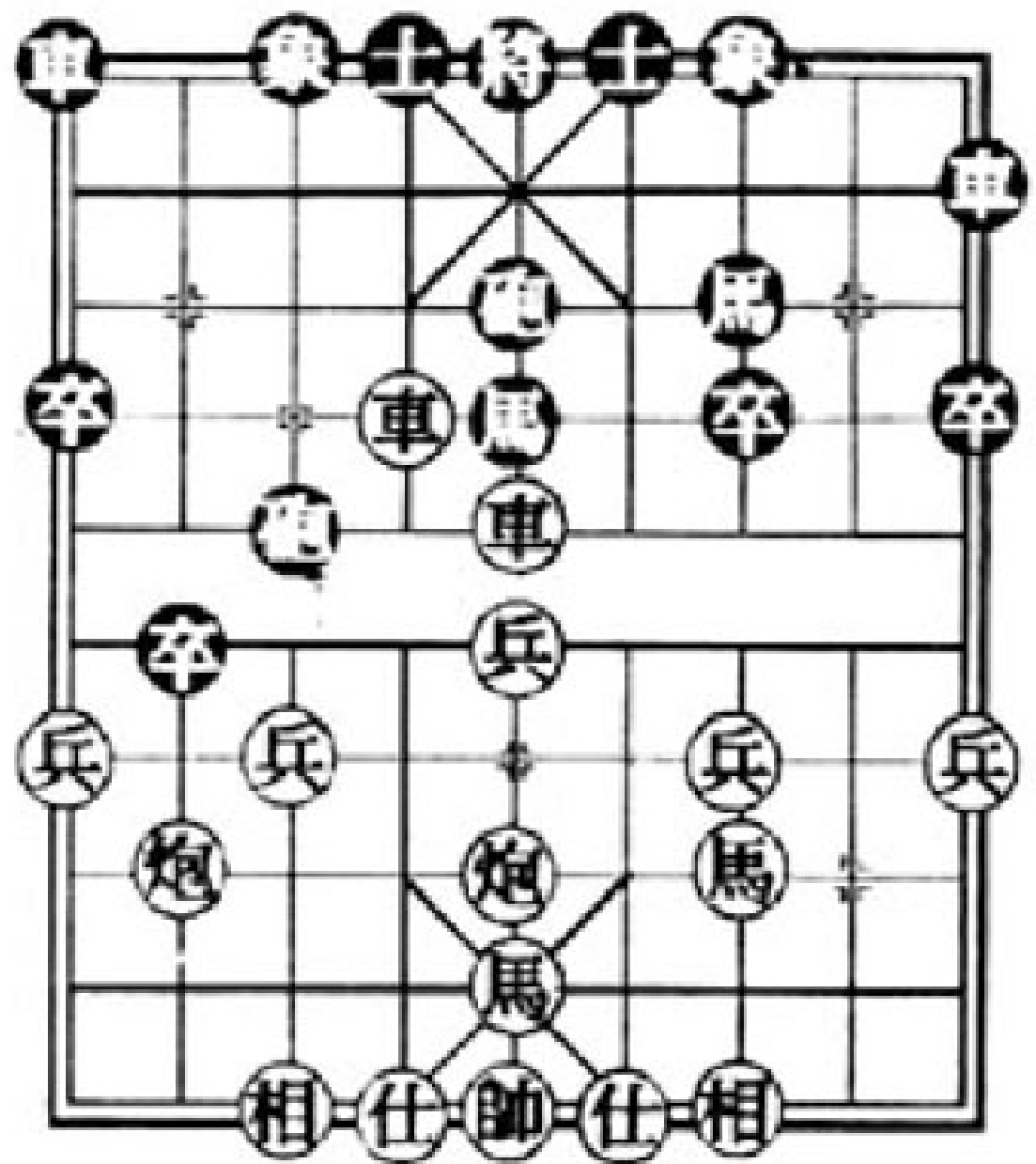
- | | |
|----------|------|
| 5...卒5.1 | |
| 6. 炮6-5 | 馬3.5 |
| 7. 車9.1 | 炮2-3 |
| 8. 車9-6 | 卒3.1 |
| 9. 車6.5 | 卒3-2 |
| 10. 馬7/5 | 車9.1 |
| 11. 兵5.1 | 炮3.2 |
| 12. 車2-5 | |

Nếu Trắng đi X2/1 thì B5.1 P5.4 M7.5 X6-5 X9-4 bên
Đen tuy ít hơn 1 quân nhưng rõ ràng có cơ hội đối
công.

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 12...炮5.2 | | | |
| 13. 兵5.1 | 車9-6 | 14. 炮8-7 | 炮3.3 |
| 15. 兵5.1 | 士6.5 | 16. 兵5-4 | 卒3.5 |
| 17. 馬5.7 | 卒7.1 | | |
| 18. 馬7.5 | | | |

Tiến mã là nước hay, tăng cường tiên công.

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 18...車1.2 | | | |
| 19. 兵4-3 | 馬7/8 | 20. 馬5.6 | 車6.6 |
| 21. 馬3/1 | 車1-3 | 22. 仕4.5 | 車6.1 |
| 23. 馬1.3 | 車3.2 | | |



24. 炮5.3 車3/2
 26. 兵t.1 車3.4
 28. 車6-5 車5-3
 30. 相7.5 車7-8
 32. 兵2.1 車8-6
 34. 炮5.1 卒9.1
 36. 炮5-8 車5-2
 38. 炮7-8 車3/1
 40. 炮8-5 士5/6
 42. 兵2-3

25. 馬3.5 車6/2
 27. 馬6/7 車6-5
 29. 兵3-2 車3-7
 31. 車5-3 象7.9
 33. 兵2.1 車6/2
 35. 車3.1 車6-5
 37. 炮8-7 車2-3
 39. 炮8.1 車3/1
 41. 車3-1 卒2.1

Trắng thắng

CỤC 10

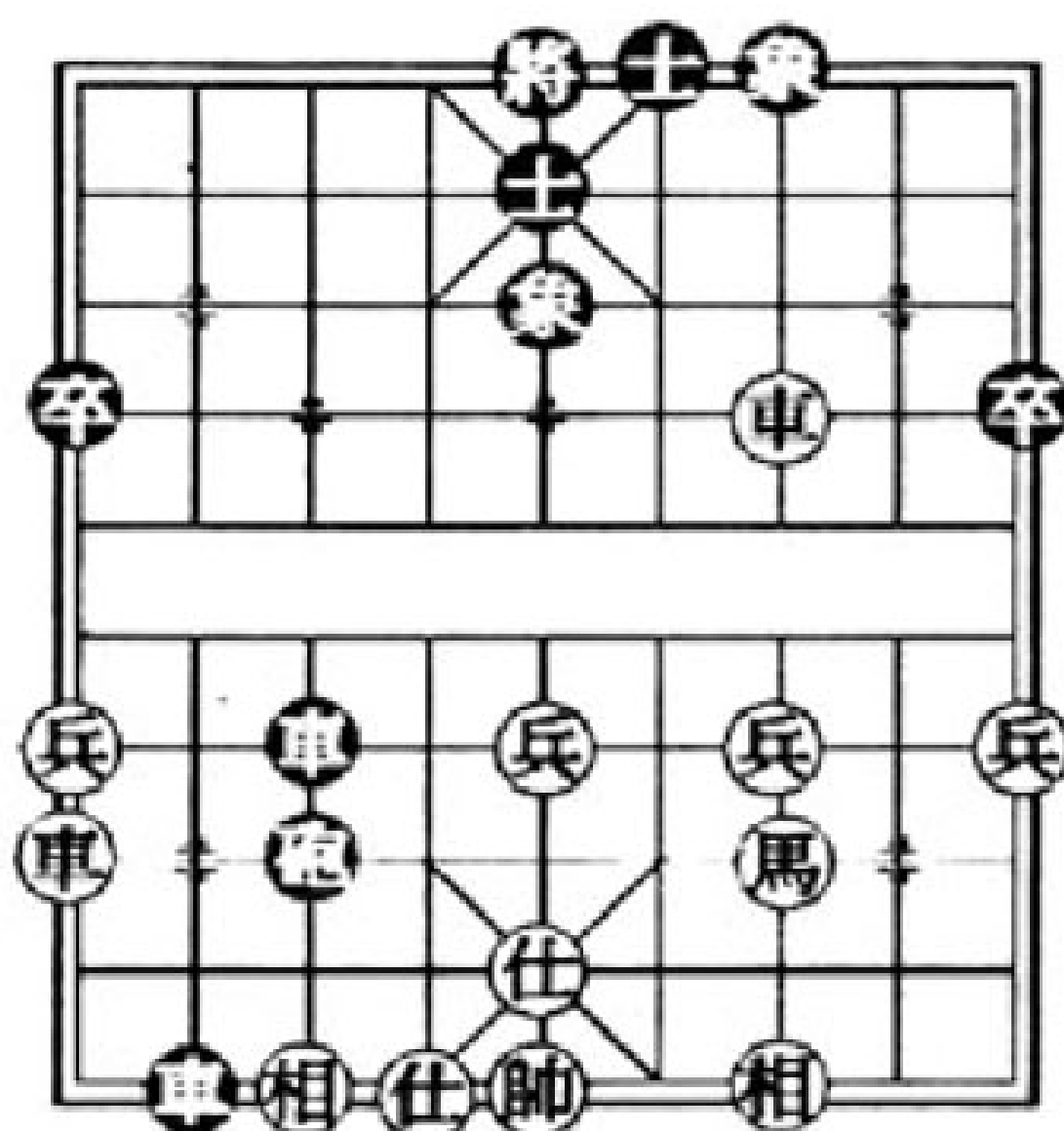
1. 炮2-6 車8-5
 2. 馬2.3 馬8.7
 3. 車1-2 車9.1
 4. 仕4.5 馬2.3
 5. 馬8.7 車9-4
 6. 車2.4 卒5.1

Đen có thể đi X4.5
 Trắng sẽ P6-4 X4-3
 T3.5 B5.1 P8/1 B5.1
 hai bên hình thành
 thế đối cọng.

7. 炮6-5 馬3.5
 8. 兵7.1 車4.5

Tiến Xe chuẩn bị bình Xe dè Mã, nếu P2.4 thì M7.8 bên Trắng tiên thủ.

9. 炮8.4 車4-3
 10. 車9.2 車2-3



11. ④2-6 ⑤1-2 12. ⑧8-5 ⑨7.5

13. ④6.2 ⑤3.3 14. ④6-7 ⑤2.4

Nếu X6-5 ăn Mã thi P3.2 P5.3 s4.5 cả hasi bên đều
chơi công thủ.

15. ④7-5 ⑤3.2 16. ⑤5.3 ⑥4.5

17. ⑤5.2 ⑥3.5 18. ④5-3 ⑤2.5

Đen tiến Xe đuổi Tượng. Nếu Đen đi X2.4 Trắng đi
M3/4 X2-3 t3.5 Xs-4 X3-9 X4.2 X9-7 X3/1 X9-1 hoà
cục.

19. ④3-6 ⑤2-3 20. ③3.5 ⑥t-2

21. ④6/4 ⑤3.1 22. ⑥3.1 ⑤2/3

23. ④6-7 ⑤3-2 24. ④7.1 ⑤2-3

25. ④9-8 ⑤2-1 26. ⑥9.1 ⑤3-1

27. ④8.2 ⑤1.1 28. ④8/4 ⑤1/4

29. ④8.6 ⑥1.1 30. ⑥3.1 ⑤1-3

31. ⑥3.1 ⑤1.4 32. ④8/6 ⑤1/3

33. ④8.9 ⑥5/4 34. ④8/4 ⑥1.1

35. ⑥3.1 ⑤1.3 36. ④8/5 ⑤1/2

37. ④8.2 ⑤1.2 38. ④8/2 ⑤1/2

39. ⑨3.4 ⑤3-5 40. ⑨4.6 ⑤5-7

41. ⑥3-4 ⑥6.5 42. ⑥4.1 ⑤7-6

43. ⑥4-3 ⑤1/1 44. ④8.6 ⑤6/2

45. ④8-6 ⑥5-6 46. ⑥1.1 ⑥1-2

47. ③5/7 ⑥2-3 48. ⑨6/5 ⑤6.1

49. ④6-3 ⑤6-5 50. ⑨5.3 ⑤1-5

51. ③7.5 ⑤5-6

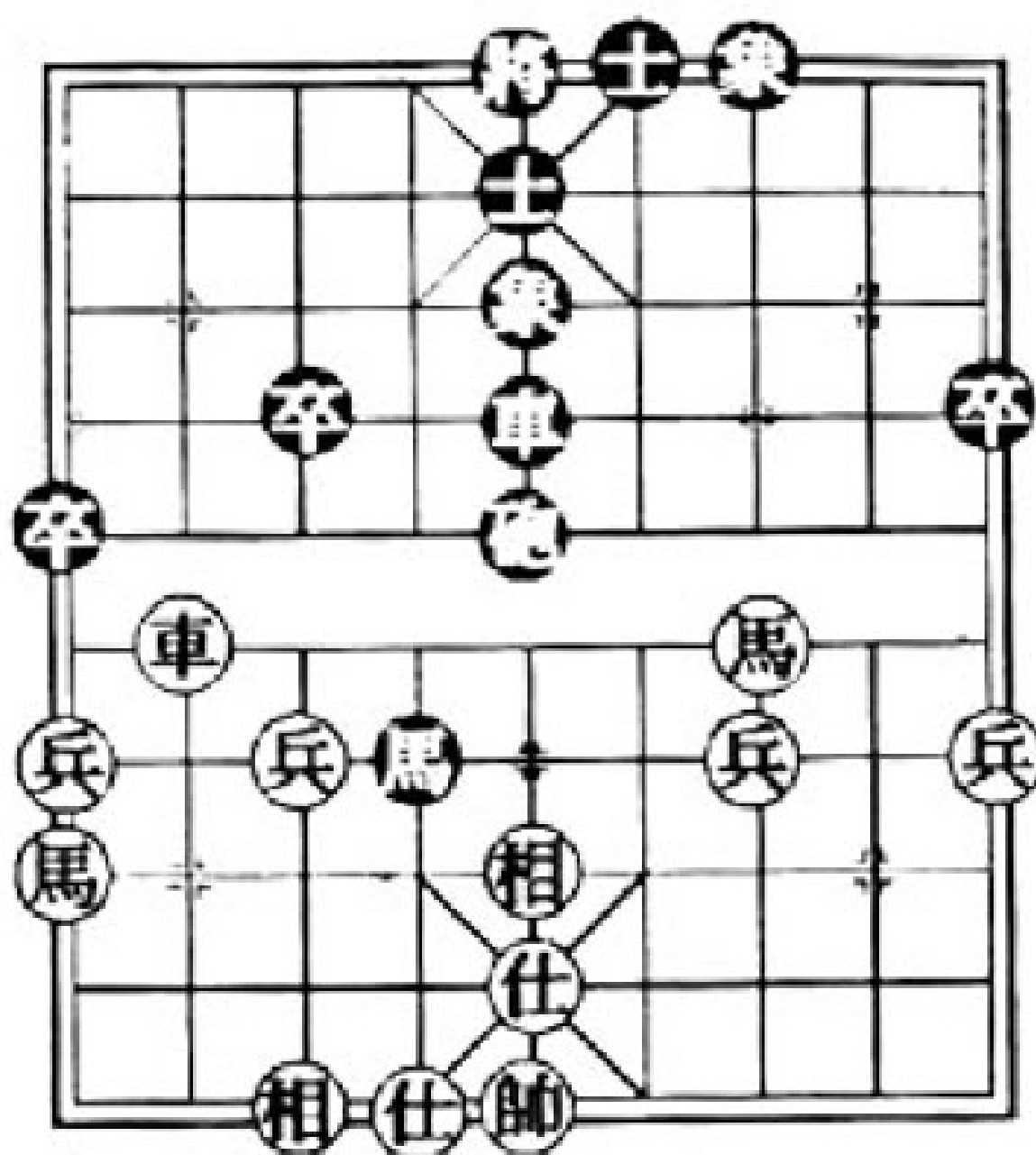
52. ④3-4

hoà cục.

CỤC 11

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-6 | 炮8-5 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 車1-2 | 馬2.3 |
| 4. 馬8.9 | 車9.1 |
| 5. 車2.6 | 車9-4 |
| 6. 仕4.5 | 卒5.1 |

Trắng bình Xe áp
Mã. Nếu đi X8.4 hai
bên bước vào trận
thế đối công.



- | | |
|----------|------|
| 7. 炮6-5 | 馬3.5 |
| 8. 車2-3 | 車4.4 |
| 9. 炮8-6 | 卒1.1 |
| 10. 車3/2 | 卒5.1 |
| 11. 兵5.1 | 炮2.3 |
| 13. 炮6-5 | 炮2-5 |
| 15. 車3-4 | 士4.5 |
| 17. 相3.5 | |

- | | |
|----------|------|
| 12. 炮5.4 | 馬7.5 |
| 14. 帥5-4 | 馬5.3 |
| 16. 炮5.5 | 卒3.5 |

Nếu M9/7 thì X1-4 M7.5 M3.4 Đen chiếm ưu.

17... 馬3.4

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 18. 馬3.5 | 卒1-4 | 19. 車9-8 | 炮5/1 |
| 20. 車8.4 | 卒t-2 | 21. 車4-8 | 卒4.3 |
| 22. 帥4-5 | 卒4-5 | | |

Đen bình Xe vào lộ giữa, chuẩn bị tiến Pháo dả Tượng cướp tiên.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 23. 馬5.3 | 炮5.1 | 24. 兵9.1 | 馬4.6 |
| 25. 帥5-4 | 馬6.8 | 26. 帥4-5 | 卒5.7 |
| 27. 兵9.1 | 馬8/6 | 28. 帥5-4 | 卒5-6 |
| 29. 馬3/5 | 炮5-6 | 30. 車8-4 | 馬6.8 |

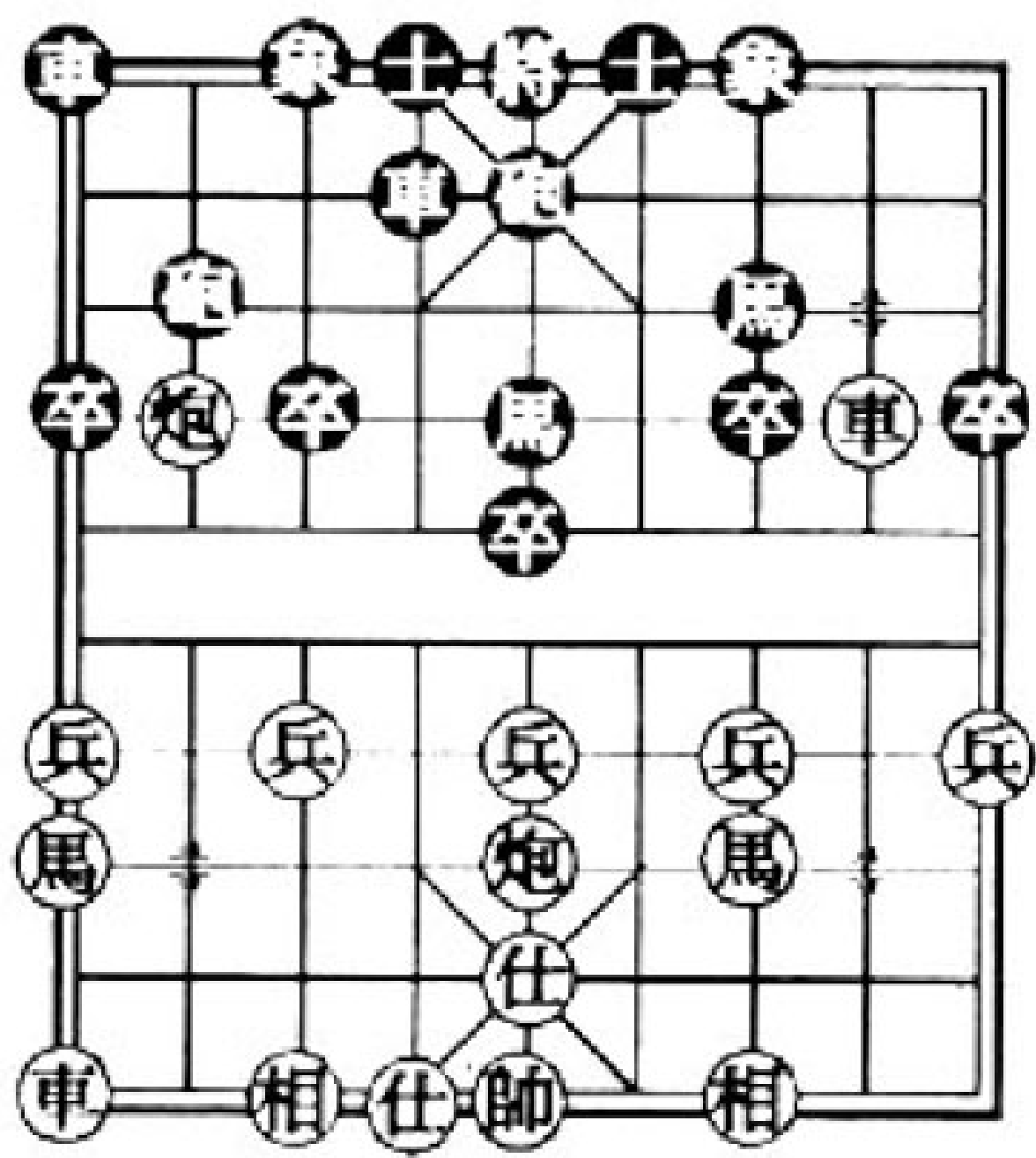
- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 31. 帥4-5 | ♙6.2 | 32. 馬5.3 | ♘8/7 |
| 33. 兵7.1 | ♙7.5 | 34. 兵9-8 | ♘7.9 |
| 35. 馬3/2 | ♙6-8 | 36. 馬2.4 | ♙8.1 |
| 37. 相5/3 | ♙8-6 | 38. 相3.1 | ♙6-9 |
| 39. 相1/3 | ♙9-2 | 40. 兵8-9 | 卒9.1 |
| 41. 相3.5 | ♙2.1 | | |
- Đen thắng.

CỤC 12

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-6 | ♙8-5 |
| 2. 馬2.3 | ♘8.7 |
| 3. 仕4.5 | ♙9.1 |
| 4. 車1-2 | ♘2.3 |
| 5. 馬8.9 | ♙9-4 |
| 6. 車2.6 | 卒5.1 |

Nếu Đen B3.1 thì
X2-3 P5/1 T7.5 hai
bên còn giằng co
lâu.

- | | |
|----------|------|
| 7. 炮6-5 | ♘3.5 |
| 8. 炮8.4 | ♙5/1 |
| 9. 炮8-5 | ♘7.5 |
| 10. 車2-3 | ♙2-5 |
| 11. 車3-4 | 卒5.1 |
| 13. 兵5.1 | ♘3.4 |
| 15. 相3.5 | ♙1-2 |
| 17. 兵3.1 | ♙5-7 |
| 19. 仕5.6 | ♙4-8 |
| 21. 馬2.1 | ♙8.8 |
| 23. 仕6.5 | ♙8-9 |



- | | |
|----------|------|
| 12. 兵5.1 | ♘5.3 |
| 14. 兵5.1 | ♙1.5 |
| 16. 車9.1 | ♙2.5 |
| 18. 馬3.2 | ♙7-9 |
| 20. 車9-4 | ♙4.5 |
| 22. 車8/1 | ♙8/7 |
| 24. 車8.3 | ♘4/5 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 25. ④s-5 | ⑤5.7 | 26. ④5.3 | ⑤9.2 |
| 27. ④3/5 | ⑤2-8 | 28. ⑤5-6 | ⑤9-8 |
| 29. ⑤6-7 | ⑤8/3 | 30. ④4-3 | ⑤8-9 |
| 31. ④3/3 | ⑤8/2 | | |
| 32. ⑤t.1 | | | |

Tiến Tốt là nước hay, có thể được Tượng chiếm tiên.

32...⑤9-3

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 33. ④3.6 | ⑤8-9 | 34. ④3/6 | ⑤9.2 |
| 35. ⑤7.1 | ⑤3.1 | 36. ⑤9.7 | ⑤9-5 |
| 37. ④3.2 | ⑤9-8 | 38. ⑤7.1 | ⑤8.6 |
| 39. ⑤5/4 | ⑤8/3 | 40. ④5.1 | ⑤3-4 |
| 41. ④3-6 | ⑤4-2 | 42. ⑤7.8 | ⑤8-9 |
| 43. ④6.3 | ⑤2/1 | 44. ④6-7 | ⑤3.1 |
| 45. ⑤8.7 | ⑤9/4 | 46. ⑤7.1 | ⑤2.7 |
| 47. ⑤6/5 | ⑤5.5 | 48. ⑤5/6 | ⑤5-3 |
| 49. ④5-7 | | | |

Trắng thắng

CỤC 13

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 1. ⑤2-6 | ⑤8-5 | 2. ⑤2.3 | ⑤8.7 |
| 3. ④1-2 | ⑤2.3 | 4. ⑤7.1 | ⑤5.1 |
| 5. ⑤6-5 | | | |

Nếu đi S6.5 thì M3.5 M8.7 B3.1 T7.5

5...⑤3.5

- | | |
|---------|------|
| 6. ⑤8.7 | ⑤3.1 |
| 7. ④2.4 | ⑤3.1 |

Đen có thể đi X9-8 rồi đổi Xe, thế cờ hai bên sẽ cân bằng.

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 8. ⑤8.3 | ⑤1-3 | 9. ⑤8-5 | ⑤3.1 |
|---------|------|---------|------|

10. 炮t.2 7.5
 11. 兵5.1 卒3.1
 12. 兵5.1 馬5.3
 13. 兵5-6 士6.5
 14. 兵6-7 卒3.1
 15. 車2-8

Nếu Trắng đi X9-8
 P2.5 M3.5 P2-5 T7.5
 X3.4 cục diện hai
 bên bình ổn.

- 15... 2-4
 16. 車8-6 馬7.5
 17. 炮5.5

Nếu Trắng đi X6-5 thì M5.3 X5.3 M3.2 tạo thành cục
 thế phức tạp.

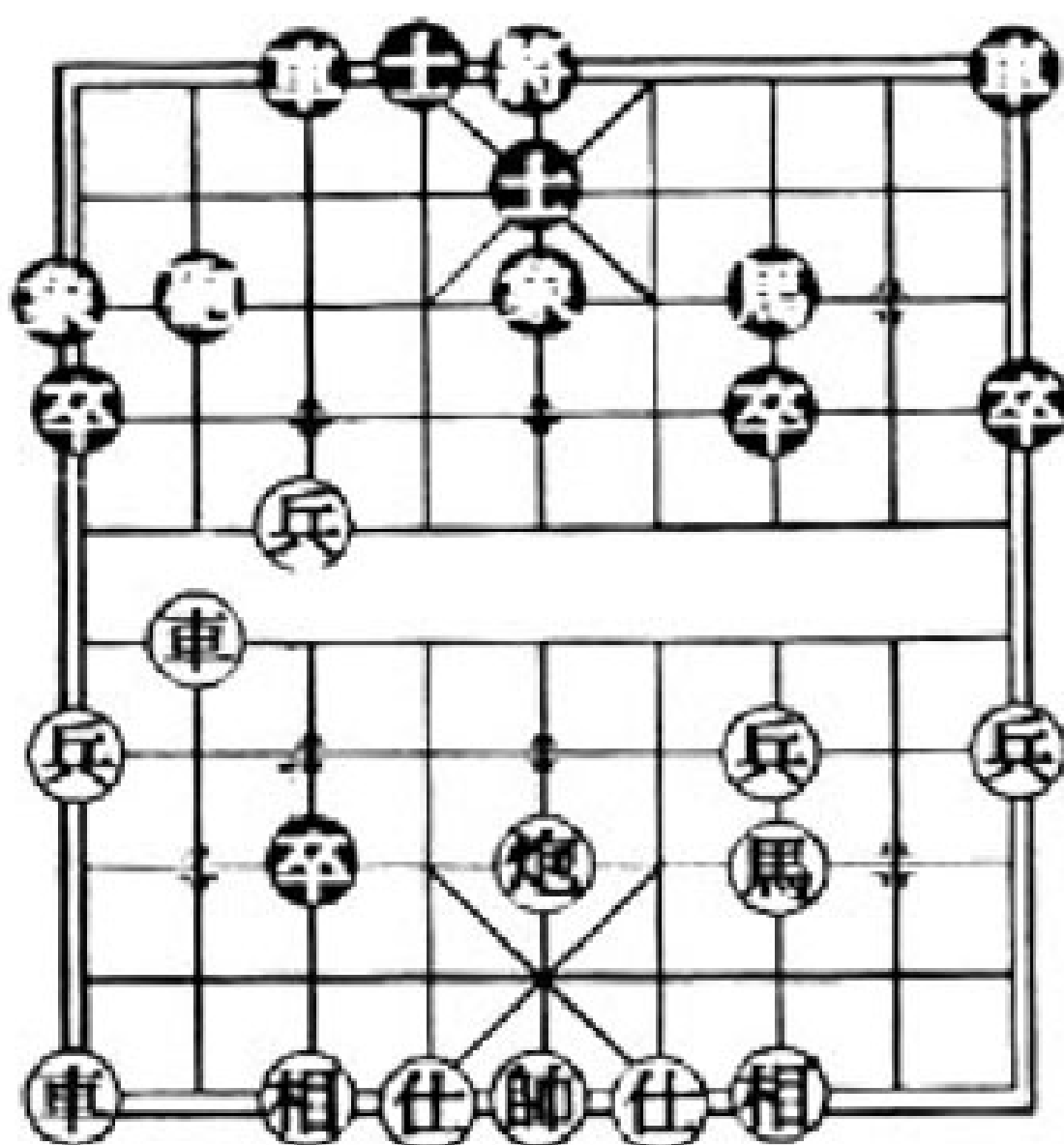
- 17... 5-6
 18. 車6.2

Tiến Xe tróc mã là chính xác. Nếu đi X6/1 Đen sẽ X9.2
 Trắng sẽ gặp bất lợi.

- 18... 1.3
 19. 車6-5 3/5 20. 車5.1 3.3
 21. 馬3.5 9.1 22. 車9.2 9-6
 23. 仕4.5 4-3 24. 相7.5 6.2
 25. 兵9.1 3.1 26. 車9-6 6-5
 27. 車5/1 3-5 28. 馬5.7 3-1
 29. 車6.4

Tiến Xe tinh chuyện hoà cờ. Nếu đi M7.6 P1:3 M6.7
 P1.4 T5/7 X5-6 Trắng gặp bất lợi.

- 29... 5-4
 30. 馬7.6 9.1
 31. 馬6/4 7.1



32. 馬4.3	將6-5
34. 馬5/3	炮9.4
36. 馬5.7	炮9.3
38. 馬7.9	卒8.1
40. 馬9/7	卒7.1
42. 馬5/7	卒7-6
44. 兵9.1	士6/5

Hoà cục.

33. 馬3/5	炮1-9
35. 馬3/5	卒9.1
37. 仕5/4	卒9-8
39. 兵3.1	卒8-7
41. 馬7/5	卒7.1
43. 仕6.5	士5.6

CỤC 14

1. 炮2-6	炮8-5
2. 馬2.3	炮9.1
3. 車1-2	炮9-4
4. 仕6.5	馬8.7
5. 車2.4	馬2.3
6. 馬8.9	卒5.1
7. 炮8-7	

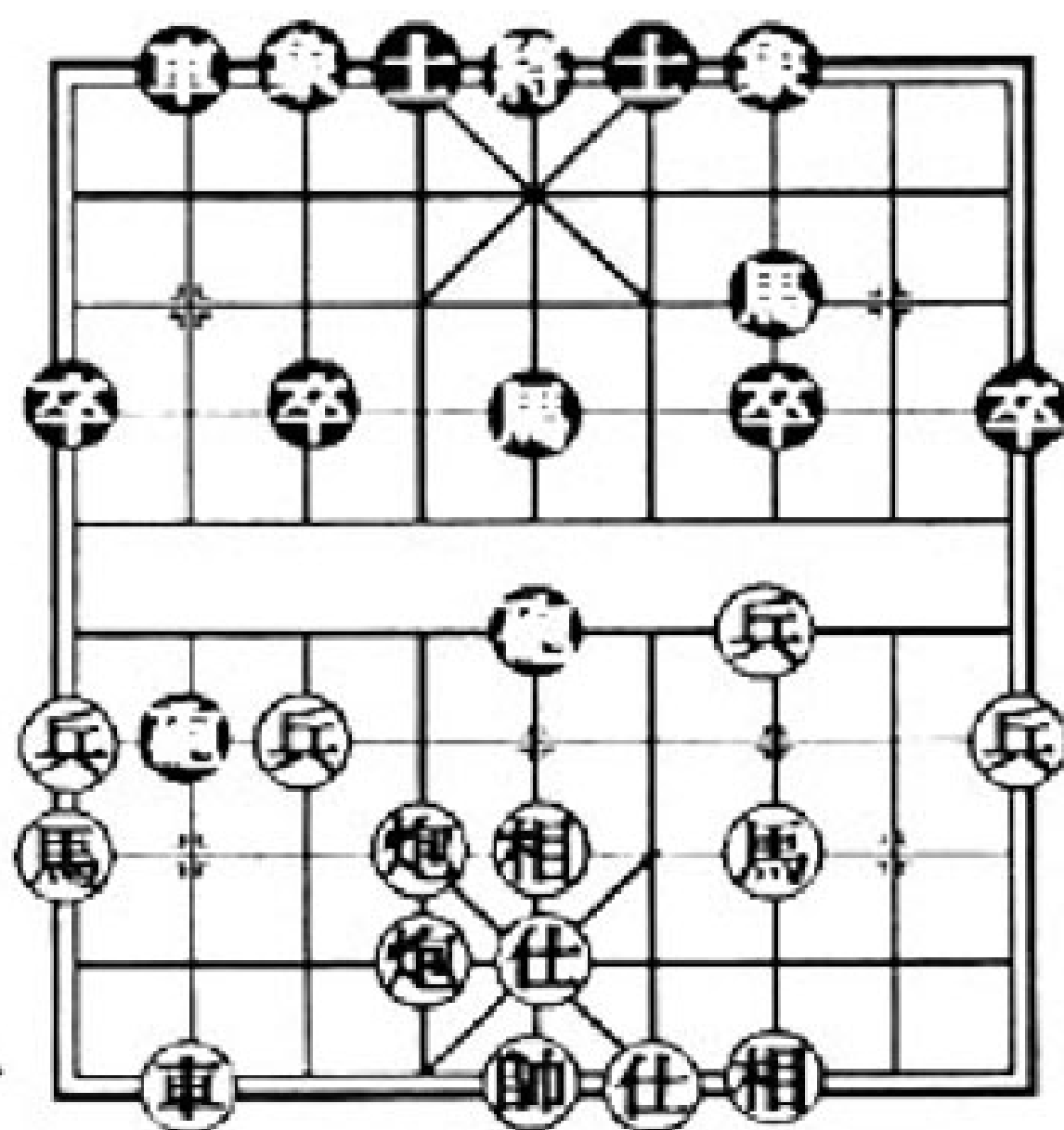
Nếu Trắng P8.2,
Đen M3.5 thì T7.5
B5.1 B5.1 X4.4 B7.1
X4.1 P8.1 hai bên
còn giằng co kéo dài.

7...炮1-2

8. 卒9-8	炮2.4
10. 兵5.1	炮4.4
12. 炮7-6	炮4-5
14. 兵3.1	

Nếu Trắng đi P6.1 thì P2.1 P6-5 T7.5 B3.1 cục thế của hai bên trở nên bình ổn.

14...炮2.1



9. 相7.5	卒5.1
11. 炮7/1	馬3.5
13. 車2-5	炮5.3

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 15. 兵9.1 | 卒7.1 | 16. 兵3.1 | 馬5.7 |
| 17. 馬3.5 | 馬s.6 | 18. 馬5.7 | 馬7.6 |
| 19. 炮t.1 | 卒3.1 | 20. 馬7/5 | 馬t.5 |

Dùng Mã phá Sĩ, nước hay, tạo thế thắng

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 21. 仕4.5 | 馬6.5 | 22. 炮t.1 | 馬5.3 |
| 23. 炮s-7 | 馬3.5 | 24. 帥5-6 | 車2.2 |

Đen thắng.

CỤC 15

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-6 | 車8-5 |
| 2. 馬2.3 | 馬2.3 |
| 3. 兵7.1 | 車1.1 |
| 4. 車1-2 | 車1-4 |
| 5. 仕6.5 | 卒5.1 |

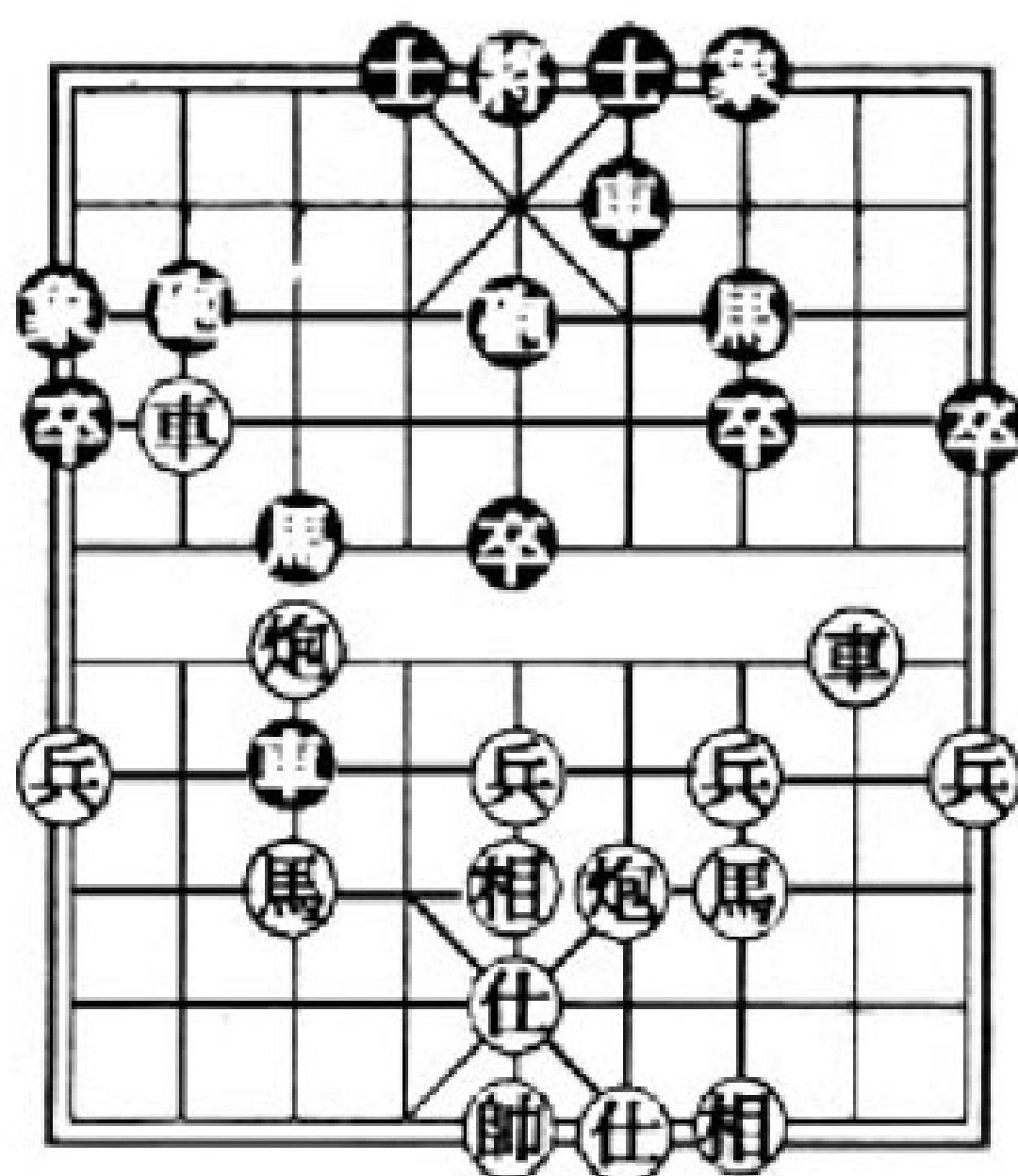
Đen từ trung lộ phát động tấn công. Nếu đen đi X4.5 thì X2.8 S4.5 hình hành kiểu chơi rất biến hóa.

- | | |
|---------|------|
| 6. 馬8.7 | 馬8.7 |
| 7. 車2.4 | 車4.5 |
| 8. 炮6-4 | 馬3.5 |
| 9. 相7.5 | 車9.1 |

Đen hoành Xe, chơi ổn định. Nếu đi X9-8 thì X2.5 M7/8 P8-9 P2-3 X9-8 Trắng tiên thủ.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 10. 炮8.2 | 卒3.1 | 11. 兵7.1 | 馬5.3 |
| 12. 炮8-7 | 車3.1 | 13. 車9-8 | 車9-6 |
| 14. 車8.6 | 車4-3 | 15. 車2-6 | 馬7.5 |
| 16. 車6.1 | 車6.2 | | |

Đen đi X6.5 chuẩn bị cản Mã cướp tiên, như Trắng



điX8-5 thì P2.2 đã Xe , hai bên đối công.

17. 兵3.1 卒6.3

18. 馬3.2 卒5.1

19. 兵3.1 卒6.1

20. 仕5.4 卒5-4

Nếu Đen đi X3.1 ăn Mã thì M2.4 bên Trắng có thể tấn công.

21. 馬2.4 卒4-3

23. 馬4.5 卒7.5

25. 車6.1 卒2-7

27. 車6/2 卒3.4

29. 相5.3 卒1/3

31. 車6-5 卒5-6

32. 車5-4

Trắng thắng.

22. 車8-5 卒2.2

24. 車5.1 卒6.5

26. 車5-6 卒3-4

28. 馬7/5 卒7-2

30. 車5-2 卒2.2

CỤC 16

1. 炮2-6 卒8-5

2. 馬2.3 卒8.7

3. 車1-2 卒2.3

4. 馬8.7 卒3.1

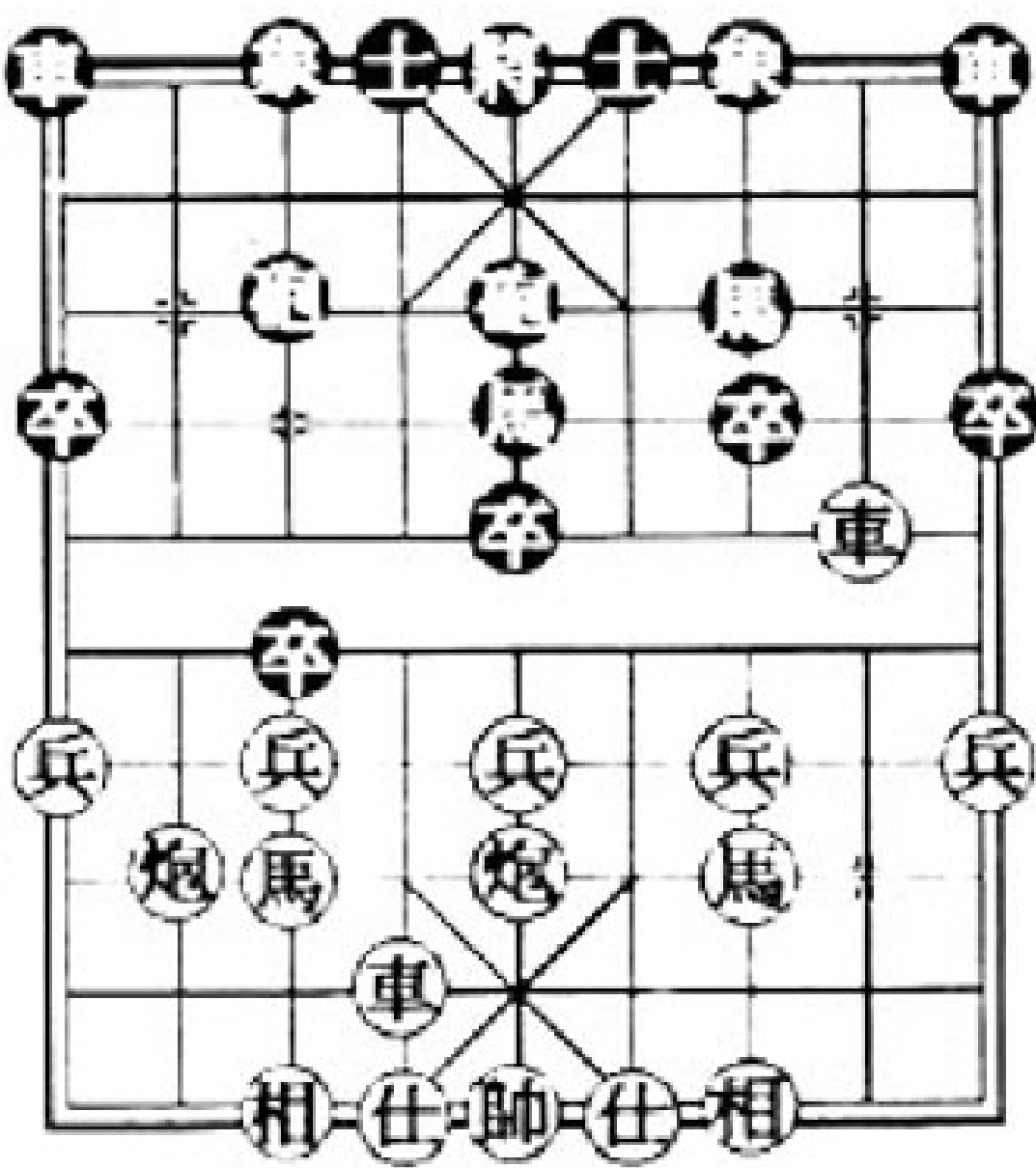
5. 車2.5 卒5.1

6. 炮6-5 卒3.5

7. 車9.1 卒2-3

Bên Đen binh Pháo uy hiếp Mã Trắng, nhưng kết quả không như ý, như X1.1

Trắng sẽ X9-6 thì X9.1 Đen có thể



kháng cự được.

8. ♖9-6 ♙3.1

Đen tiến Tốt 3 cũng chỉ có ưu thế cục bộ chiếm tiên. Nếu Đen đi X1-2 thì X6.5 X2.6 P8-9 Bên Trắng chiếm ưu thế.

9. ♖6.5 ♙3.1

10. ♘7/5 ♙5/1

Nếu đi B5.1 thì P8.4 M5.6 X2-6 Trắng có thể công

11. ♙8.4 ♙3-5

12. ♖2-4 ♙3-4

13. ♖4.2

Kịp thời tiến Xe tróc Mã, Đen khó ứng phó.

13... ♙4.1

14. ♖6/4 ♘5.3

15. ♖4-3 ♙1-2

16. ♖3/1 ♙t.1

17. ♖6.4 ♙t-2

18. ♖6-8 ♘3.2

19. ♘5.7 ♙9-8

20. ♖8-6

Trắng bình Xe phòng thủ vùng vàng, tạo ra thế thắng.

20... ♙8.2

21. ♖3-4 ♙2.2

22. ♙5.3 ♙3.5

23. ♙5.3 ♙6.5

24. ♚4.5 ♙2-3.

25. ♖4/4 ♙3.4

26. ♙3.1 ♙8.2

27. ♙5-4 ♙9.1

28. ♖6-9 ♘2/3

29. ♖9-6 ♘3/2

30. ♖6-3 ♙8/2

31. ♙3.1 ♘2/4

32. ♙3-4 ♘4.3

33. ♖3/2 ♙8.1

34. ♙9.1 ♙8-4

35. ♙4-5 ♙7.9

36. ♖3.3 ♙5/7

37. ♖3-7 ♙4-7

38. ♙5-4 ♙7.2

39. ♙9.1 ♙7-3

40. ♘7/9 ♘3.1

41. ♖7/3 ♙3/1

42. ♘7.5 ♙3.3

43. ♘9/7 ♘1/3

44. ♖4.2 ♘3/5

45. 兵5.1
Trắng thắng.

TIẾT 2 QUÁ CUNG PHÁO ĐỐI PHÁO ĐẦU HOÀNH XE QUÁ HÀ

CỤC 1

- | | |
|----------|------|
| 1. 炮2-6 | 炮8-5 |
| 2. 馬2.3 | 炮9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.7 |
| 4. 車2.4 | 炮9-4 |
| 5. 仕4.5 | 馬2.3 |
| 6. 馬8.7 | 卒5.1 |
| 7. 兵7.1 | 炮4.5 |
| 8. 炮6-4 | 炮4-3 |
| 9. 相7.5 | 炮1.1 |
| 10. 車9-7 | |

Trắng bình Xe dọa
tiến Pháo bắt chết

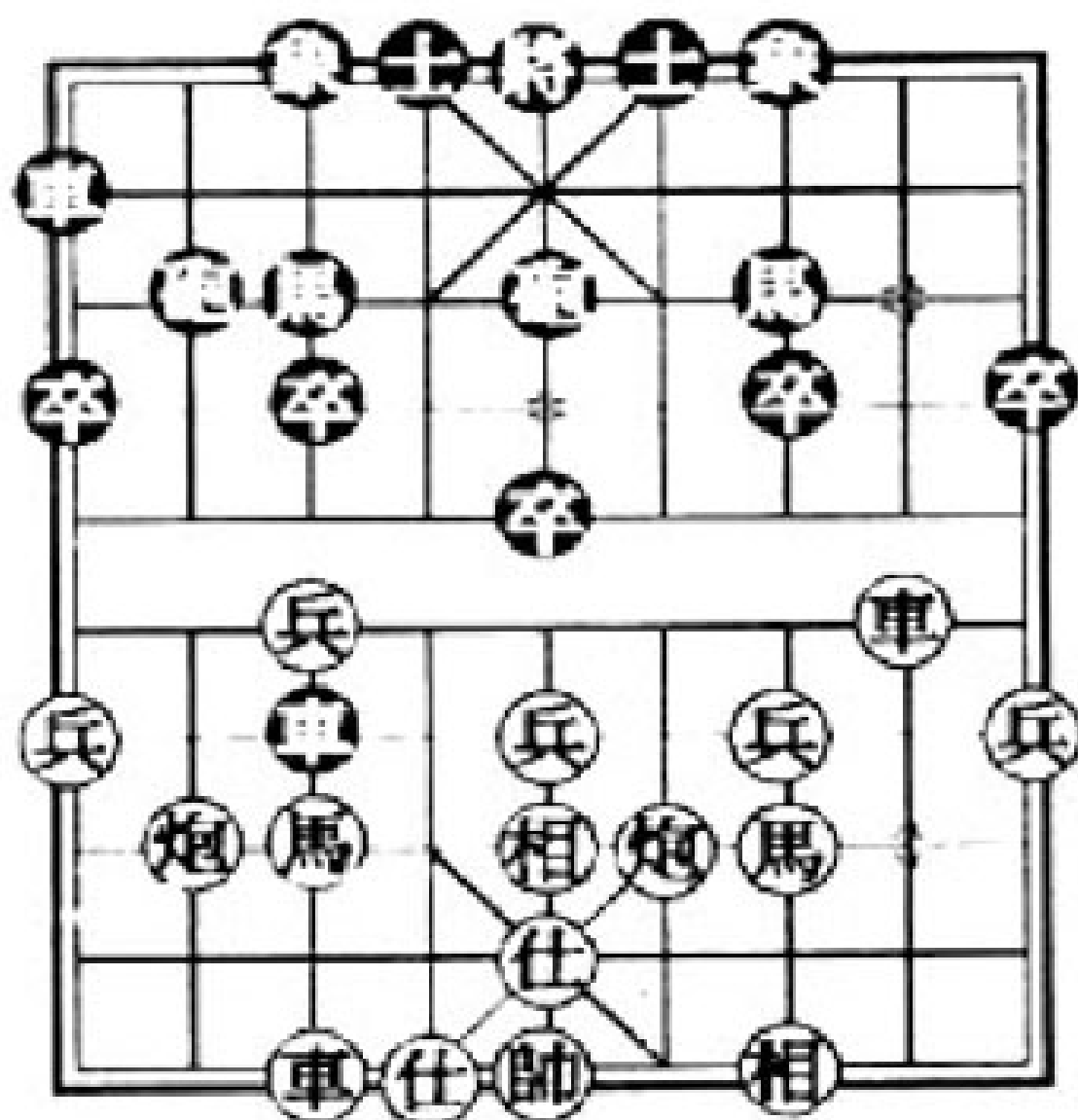
Xe đen, nhưng bị bên Đen trả đòn X1-6. Nếu đi P8.2
B5.1 P8-5 M3.5 X9-8 P2-1 P5.3 T7.5 B5.1 M5.4 X8.2
hai bên bước vào trận thế biến hoá rất phức tạp

10... 炮1-6

11. 炮8.2 卒5.1

Đen tiến Tốt đầu, phòng bên Trắng đổi Xe, là nước đi
rất kịp thời.

12. 車2-5



Nếu Trắng đi P8-5 thì M3.5 bên Đen tạo được thế tấn công.

12... 炮3.5

13. 車5-2 炮6.5

15. 馬3/2 炮5.4

17. 馬2.1 炮7.1

19. 炮8-4 炮2-5

21. 馬1.2 炮5-8

23. 車2-3 炮8/1

25. 車7.3 炮8.4

27. 仕5/4 炮8-7

29. 車4/1 炮7.9

31. 炮5.1 炮9/8

33. 帥5.1 炮7/2

35. 帥5-4 炮5-6

37. 仕4.5 炮6/1

Đen thắng.

14. 車2.2 炮6-7

16. 馬7.5 炮3-5

18. 炮4.2 炮5.6

20. 兵1.1 炮7.5

22. 炮4.1 炮5.6

24. 車3/4 炮6.7

26. 炮4-5 炮5.5

28. 車7-4 炮5/2

30. 車4.4 炮7/5

32. 帥5.1 炮7.4

34. 帥5/1 炮7-5

36. 兵9.1 炮5/2

CỤC 2

1. 炮2-6 炮8-5

2. 馬2.3 炮8.7

3. 車1-2 炮2.3

4. 仕4.5 炮9.1

5. 車2.4 炮9-4

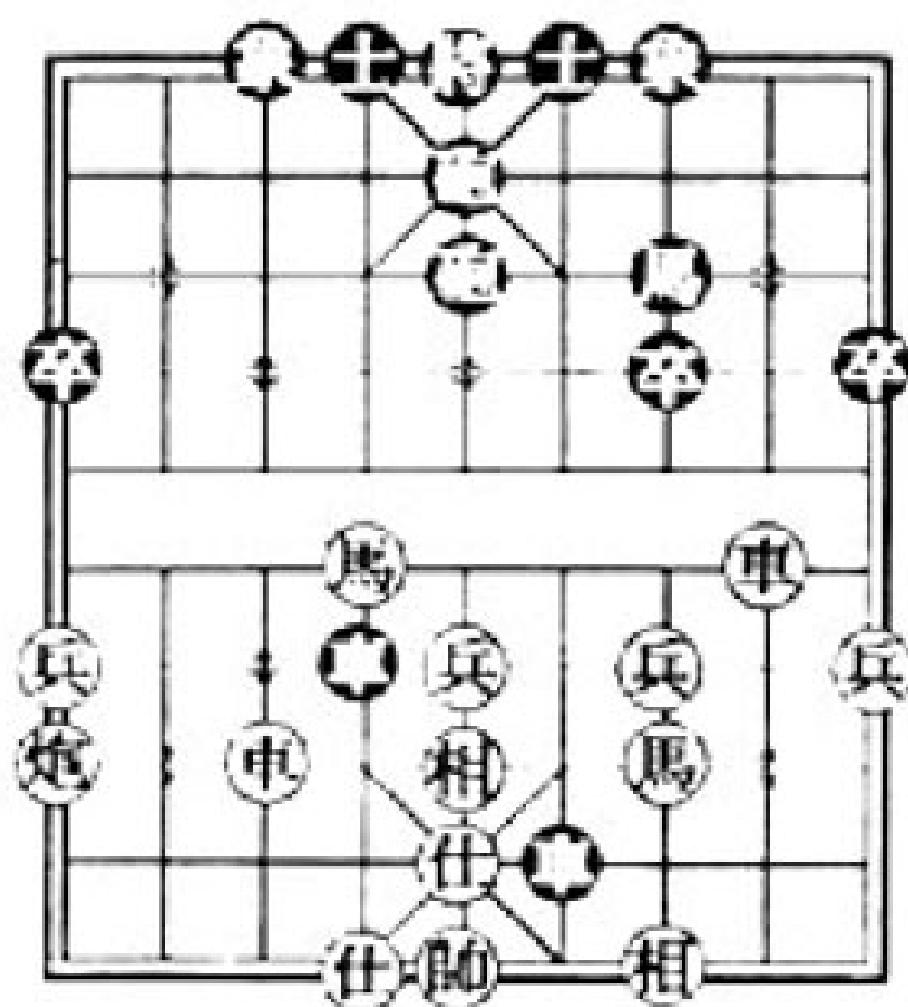
6. 馬8.7 卒5.1

7. 兵7.1 炮4.5

Đen tiến Xe uy hiếp

Mã lộ 7 của Trắng

là cách nhằm tranh



tiên.

8. 炮6-4 炮1.1

9. 炮4.1 炮4/3

Bên Đen có thể đi X4.2 bên Trắng đi P4.4 X1-3 p8-9 p2.4 bên Đen dễ đi.

10. 炮4.4 炮1-3

Bình Xe giữ Mã là nước đi chính xác. Còn như đi P5.4 M7.5 P2-6 P8-5 P6-5 P5.3 M7.5 P5.2 T3.5 cục thế của hai bên trở nên bình ổn.

11. 炮8-9 炮4-6

Nếu Đen đi P2.4 thì X9-8 P2-3 T7.5 Đen chẳng được thêm lợi ích gì.

12. 炮4-7 炮3.1

13. 車9-8 炮3.1

14. 兵7.1 炮3.2

15. 馬7.6

Trắng có thể đi X8.7 ăn Pháo, Đen X3.3 Trắng T3.5 tuy hậu thủ nhưng không bị thiệt thòi gì.

15... 炮2-3

16. 相7.5 炮5/1

17. 車8.5 炮3.2

18. 車8-5 炮3-4

19. 車5-7 炮3-5

20. 車7/3 炮6.5

21. 車7-6

Đổi Xe kịp thời, Đen có cơ tấn công

21... 炮4.1

22. 仕5.6 馬7.5

23. 馬6.5 炮s.2

24. 仕6.5 炮6-7

25. 車2/2 炮s.4

26. 馬3.5

Nếu Trắng đi T3.1 thì Pt-6 P9/1 P6.2 đổi quân như thế sẽ dẫn tới hoà cục.

26... 炮7/2

27. ♖2-3

Bên Trắng đổi Xe rất chính xác, nếu M5/3 X7-1 M3.4. P5/2 cò của Trắng sẽ kém.

27...♙7-5

28. ♖3.4 ♙5/2

29. ♔9.4

Hoà cục

CỤC 3

1. ♔2-6 ♙8-5

2. ♘2.3 ♙9.1

3. ♗4.5 ♘8.7

4. ♖1-2

Bên Trắng có thể đi T3.5 M2.3 X1-4 B3.1 M8.9 Trắng có vẻ chiếm thế thượng phong.

4...♙9-4

5. ♖2.4 ♘2.3

6. ♘8.7 ♙5.1

7. ♙7.1 ♙4.5

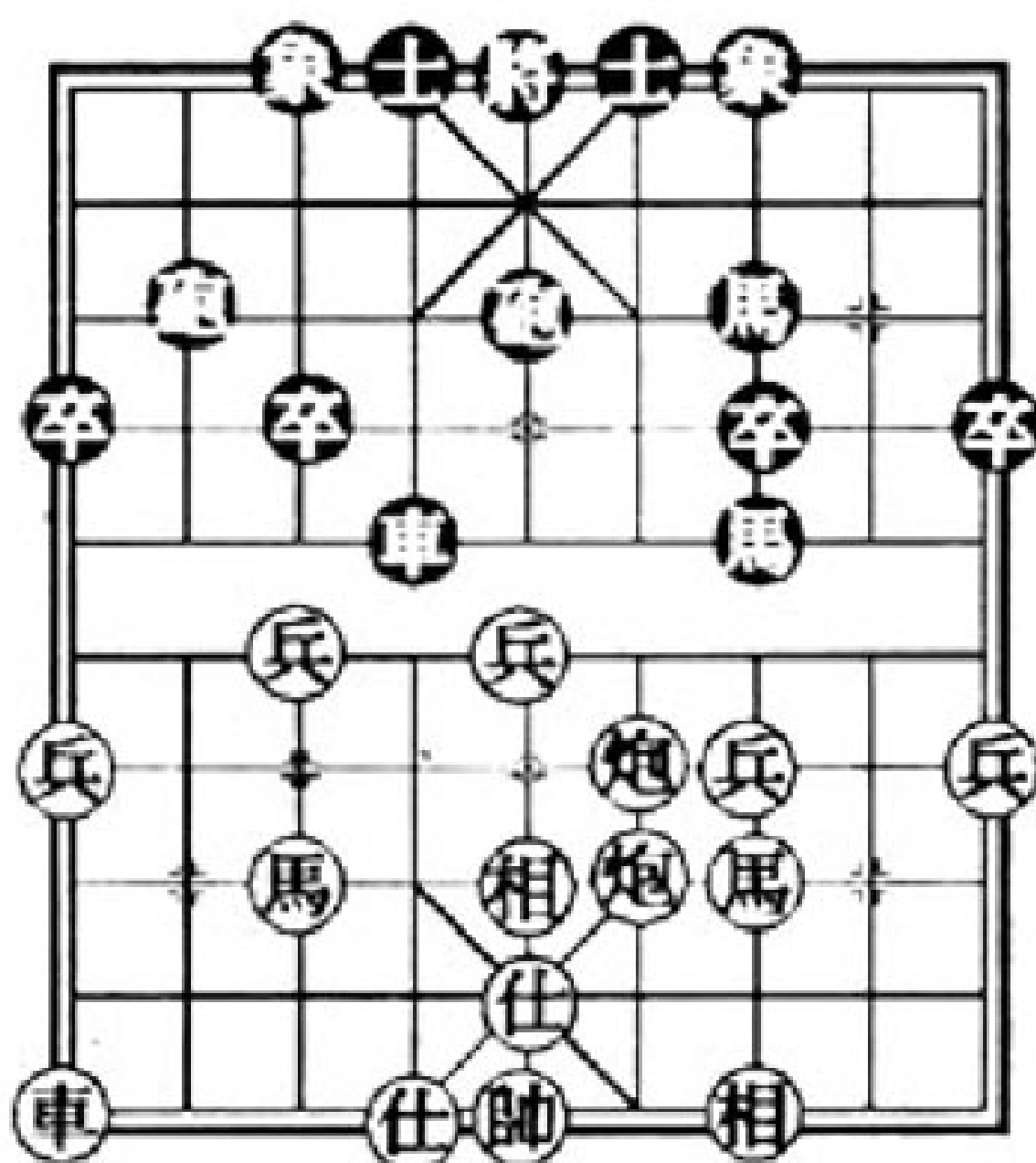
8. ♔6-4 ♙1.1

10. ♔8.2 ♘3.5

12. ♔8-4 ♙5.1

14. ♙5.1 ♘5.7

Đen tiến Mã đuổi Pháo bị Trắng xuất Xe đuổi Pháo đoạt tiên, hình thành thế tranh tiên quyết liệt. Bên Đen có thể đi P5.3 dả Pháo đầu P4-5 P2-5 X9-8 X4-8 X8.6 X8.4 Đen dễ đi.



9. ♗7.5 ♙1-6

11. ♖2-4 ♙6.4

13. ♔t/1 ♙4/2

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 15. ②9-8 | ⑧t.6 | 16. ②8.7 | ⑧6/7 |
| 17. ③5.1 | ⑧4-5 | 18. ③3.1 | ⑧t.5 |
| 19. ④4.1 | ⑧5.4 | | |
| 20. ⑤5-4 | | | |

Nếu Trắng đi S5.6 thì X5.3 M3/5 X5-6 P4-5 S6.5 trắng có thể công.

20...⑧5-6

21. ②8/4 ⑧4/5

Nếu Đen đi P5-6 thì X8-5 S6.5 S5.6 X6.2 Tg4-5 X6-5 M3.5 rất dễ hòa cờ

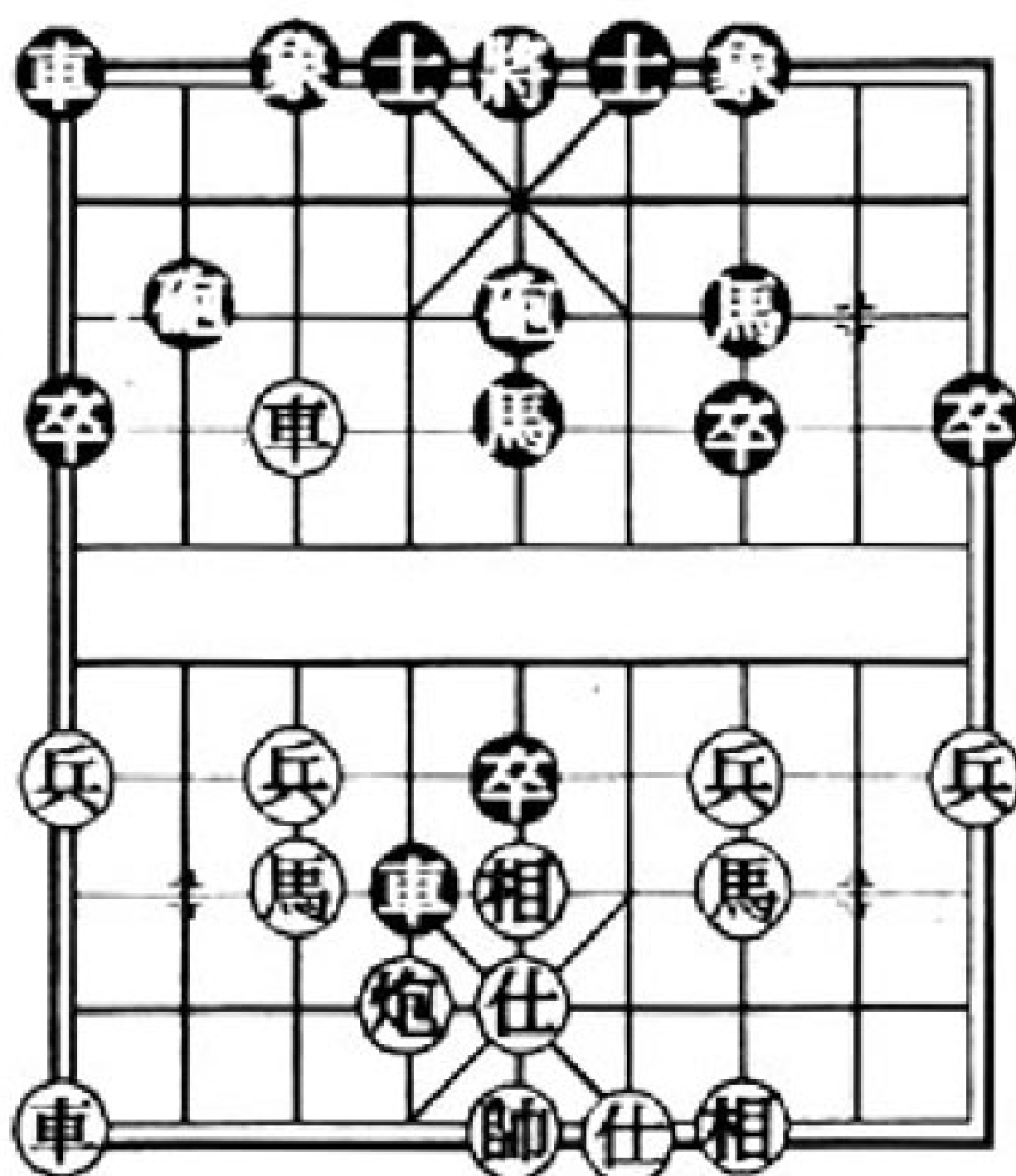
22. ⑤4-5 ⑧5.4 23. ⑤5-4 ⑧4/5

24. ⑤4-5 ⑧5.4

hoà cờ.

CỤC 4

- | | |
|----------|------|
| 1. ④2-6 | ⑧8-5 |
| 2. ⑤2.3 | ⑧8.7 |
| 3. ②1-2 | ⑧2.3 |
| 4. ⑤8.7 | ⑧9.1 |
| 5. ③7.5 | ⑧9-4 |
| 6. ②2.4 | ⑧5.1 |
| 7. ③6.5 | ⑧4.5 |
| 8. ②2-7 | ⑧5.1 |
| 9. ④8/1 | ⑧3.1 |
| 10. ②7.1 | ⑧3.5 |
| 11. ②7.1 | ⑧5.1 |
| 12. ④8-6 | ⑧4.1 |
| 13. ③5.6 | ⑧5.1 |
| 14. ⑤5-6 | ⑧5-4 |
| 15. ④6-5 | ⑧2-4 |



16. 帥6-5 炮5.6
 18. 車7-6 卒4-3
 20. 帥5-4 炮1-2
 22. 相3.1 馬5.6
 24. 帥4-5 馬6.5
 26. 帥5-4 馬7.5
 28. 車4/5 炮2-7

17. 仕4.5 炮4-5
 19. 車9-6 士6.5
 21. 兵3.1 炮2.5
 23. 馬3.2 炮5-6
 25. 車t-4 炮6-5
 27. 相1/3 馬t.7

Trắng tuy còn cả 2 Xe nhưng gặp khó khăn vì Xe Mã Pháo Tốt của Đen đang tập trung công kích.

29. 車6.6 馬7/8
 31. 車4.4 馬8/6
 33. 帥4-5 炮8.4

30. 相3.1 炮7-8
 32. 相1.3 馬6.7

Đen thắng.

CỤC 5

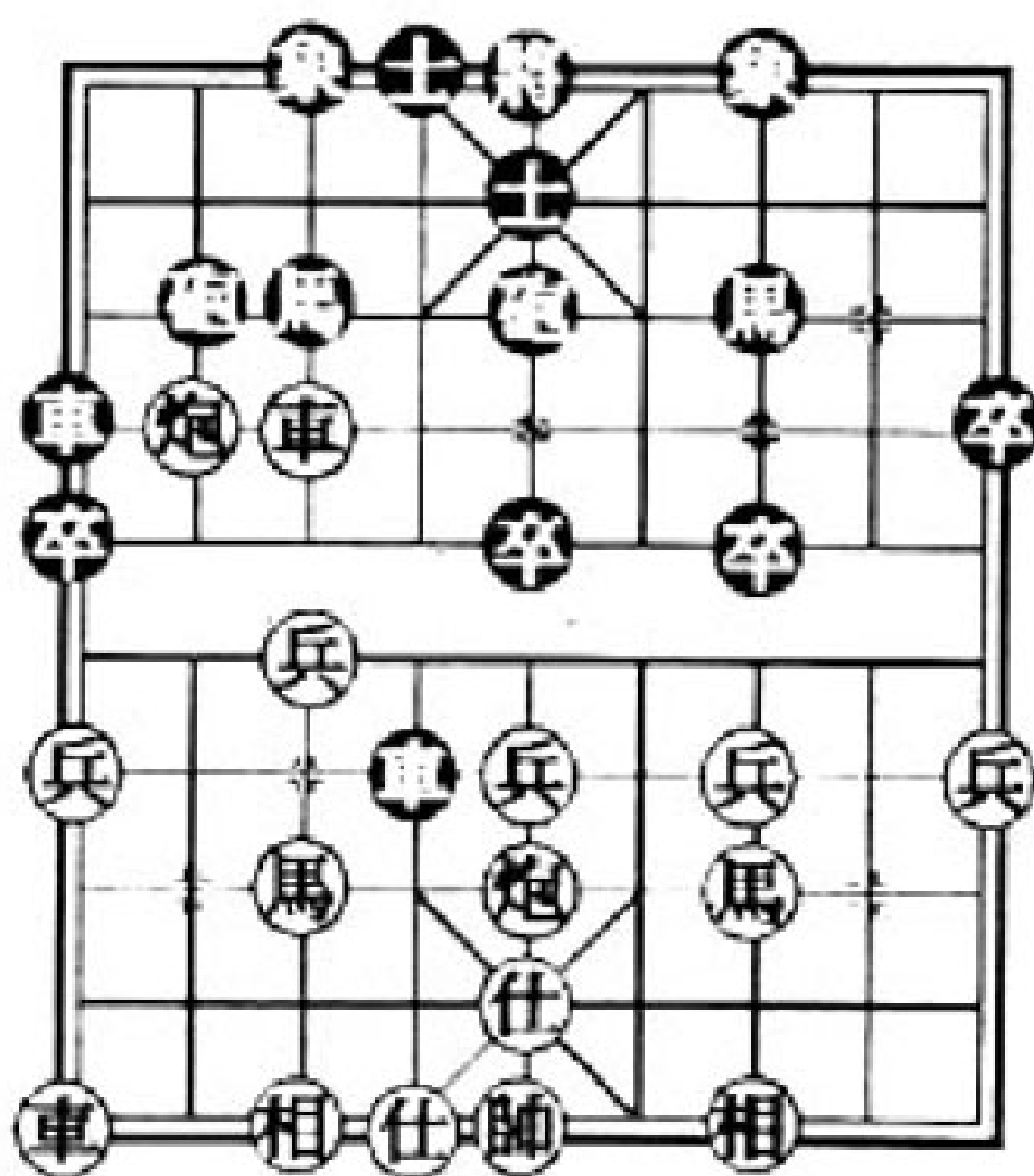
1. 炮2-6 炮8-5
 2. 馬2.3 炮9.1
 3. 仕4.5 馬8.7
 4. 車1-2 馬2.3
 5. 馬8.7 炮9-4
 6. 車2.4 卒5.1
 7. 兵7.1 車4.5
 8. 炮8.4

Trắng có Pháo quá hà đe dọa thế công của Đen ở trung lộ

8...卒7.1

9. 車2.2 卒1.1

Nếu Đen đi P5.1 Trắng đi P8.5 thì M7.6 X2-4 M6.7 P8-6 X4-3 X9.2 P2.1 Tg5-4 S4.5 P6-7 X3-2 X4/3 B7.1 T3.1 B5.1 T1.3 P5-7 P6-5 B5-6 X4.1 M7.5 T3/5 M3.5



X4.1 T3.5 B5.1 cục thế sẽ trở nên phức tạp, hai bên đều vừa có thể công lẫn thế thủ.

10. ②2-7 ⑤1.3

11. ④6-5 ⑥6.5

Đen lên Sĩ phòng thủ là chính xác. Nếu Đen đi X4-2 thì P5.3 S6.5 P5-7 S5.4 X7-3 X1-2 P7.4 S4.5 X3.1 bên Trắng chiếm ưu thế

12. ③7.1 ⑤4-3

13. ②9.2 ④3.5

Nếu Đen đi M7.5 thì X7-6 X3/2 M7.6 M5/7 P8-7 T3.1 X9-7 X3.3 M6/7 X1-2 M7.6 Trắng nắm thế chủ động.

14. ④8/5 ⑤1-3

15. ③7.1 ⑤3/3

Nếu Đen đi X3-4 thì M7.8 X4-2 P8-7 T3.1 M8.6 M5.3 X9-7 M3.4 P5-6 Trắng giành thế chủ động.

16. ④8-7 ⑥5.3

17. ②9-8 ⑥5.4

18. ③5.1 ④5-6

19. ③5.1 ⑥5.5

20. ④3.5 ⑥3.4

21. ④7.5 ⑥4.2

22. ④7-3 ⑥2.1

23. ③5-4 ⑥7.5

24. ⑥3.5 ⑥2/1

25. ④3-4 ⑥6-5

26. ③4-3 ⑥1/3

27. ⑤5-4 ④2-6

28. ③3-4 ⑥5.3

29. ⑥5.4 ⑤3.5

30. ③3.1 ⑥s.5

31. ④4-7 ⑥5.3

32. ④7.3 ⑥4.5

33. ④7-3 ⑥5.6

34. ③4-5 ⑥6-9

35. ④3/2 ⑥9.5

36. ⑥4/5

Hỏi Sĩ là nước lão luyện. Nếu P3-6 thì M5.7

36... ⑥9-6

37. ④3-6 ⑥9.1

38. ④6/3 ⑥5.7

16. 兵7.1 車4-3
 18. 仕5.6 卒7.1
 20. 仕6/5 車2-9
 22. 炮8-7 馬3.2

17. 相3.5 炮7-4
 19. 車2-3 卒7.5
 21. 兵5.1 馬5.3

Đen thắng

CỤC 7

1. 炮2-6 炮8-5
 2. 馬2.3 馬8.7
 3. 車1-2 車9.1
 4. 馬8.7 馬2.3
 5. 車2.4 車9-4
 6. 仕4.5 車4.5
 7. 炮6-4 車1.1
 8. 相7.5 卒5.1
 9. 兵7.1 車1-6
 10. 炮8.2 馬3.5

Với X6.5 X2-4 X6/1
 P8-4 P5.4 X9-8 P2-1

Đen hơn Tốt đầu, thế có phần nhỉnh hơn.

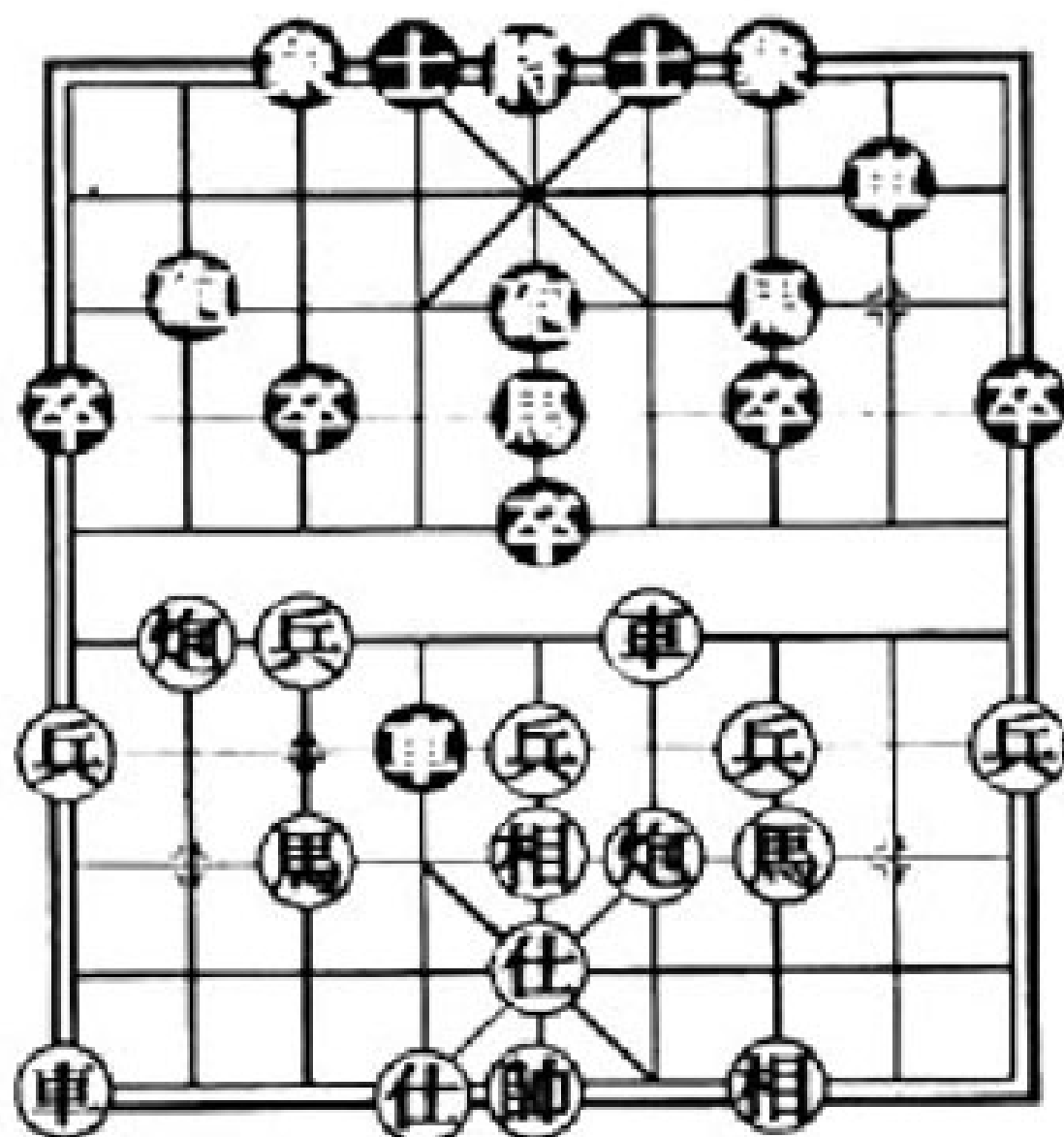
11. 車2-4 車6-8
 12. 車4.2 卒3.1
 13. 兵7.1 卒5.1

Bên Đen có thể đi M5.3 Trắng sẽ P8-7 T3.1 X9-8 X8.7
 hai bên đều cố cướp tiên thủ.

14. 炮4.1 車4.2 15. 炮8-7 卒3.1
 16. 車9-8 馬5.3 17. 兵5.1 馬3.5
 18. 炮4-5

Bên Trắng bình Pháo thực hiện bỏ trước lấu sau.

18... 車5.4



19. ④4/2 ⑤5/4
 21. ⑥7.3 ⑦7/9
 23. ⑥6/2 ⑦2/3

20. ③3.5 ②2-5
 22. ⑥7-6 ⑦4.2
 24. ①5-4 ②4.5

Nếu Đen đi S6.5 thì P6-5 M3.5 X8.6 bên Trắng thắng thế.

25. ③7.6 ②4-3
 27. ④8.6 ②8.1
 29. ③5.7 ②3-4
 31. ①4-5 ③3/2
 33. ④7-6 ②4-5
 35. ④6.1 ②2/7
 37. ④4.3 ②2.3
 39. ④4.1

26. ⑥6-5 ①5-4
 28. ④8-6 ②5-4
 30. ④6-7 ②4-6
 32. ⑥5-6 ②4-2
 34. ⑥6-5 ②5.4
 36. ④6-4 ②8-6
 38. ③6.5 ②6.5

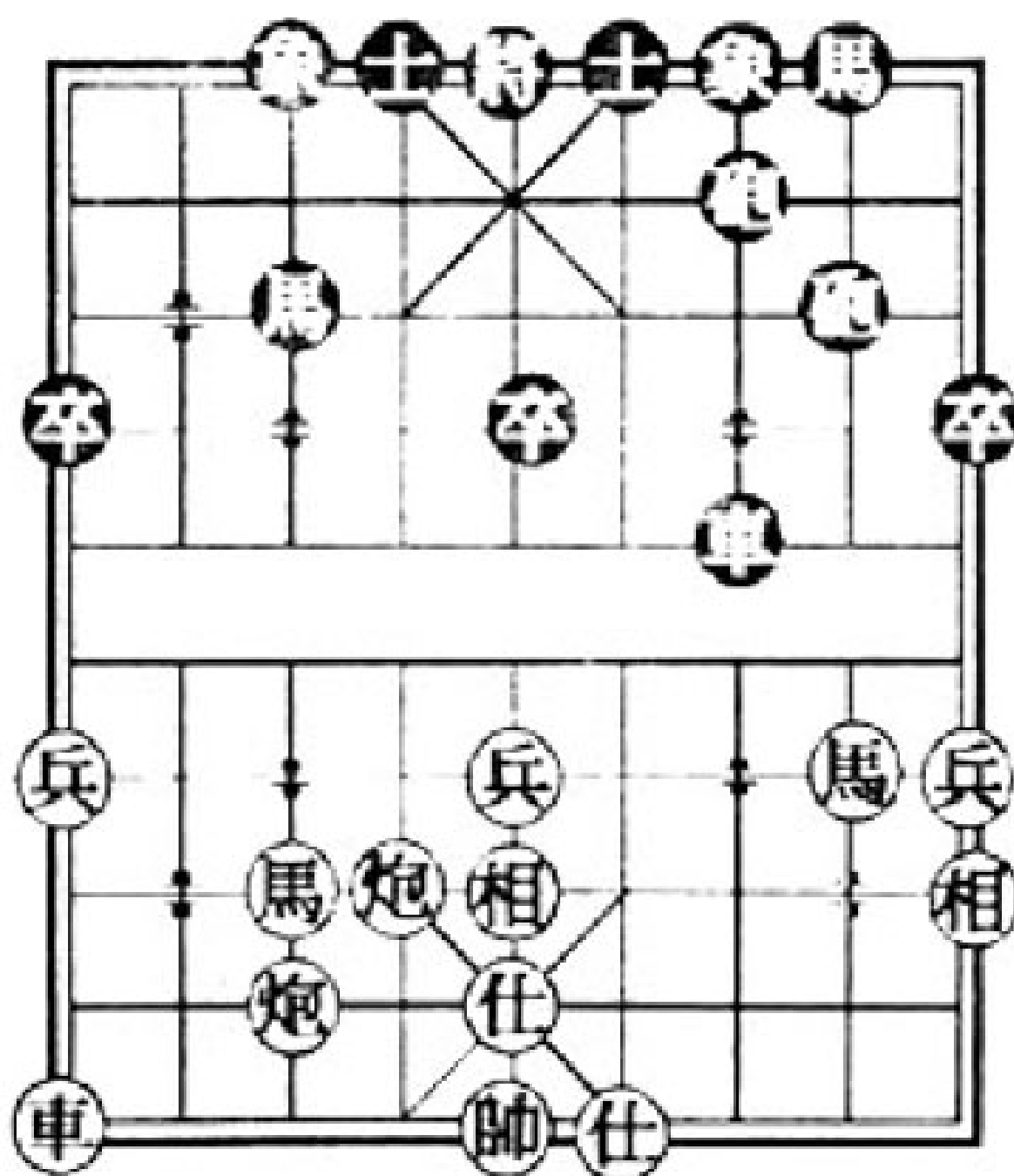
Trắng thắng.

CỤC 8

1. ⑥2-6 ②8-5
 2. ③2.3 ⑦8.7
 3. ④1-2 ⑦2.3
 4. ③8.7 ④1.1
 5. ⑤7.1 ②1-4
 6. ⑥6.5 ⑦7.1
 7. ⑥8.2 ②4.5
 8. ⑤3.1

Trắng đổi Tốt gấp quá, nếu Trắng đi P6-4 thì nảy sinh nhiều biến hoá

8... ⑦3.1
 9. ⑤3.1 ⑦3.1



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 10. 炮8/3 | 马9-8 | 11. 车2.9 | 马7/8 |
| 12. 相7.5 | 马4/2 | 13. 相5.7 | 马4-7 |
| 14. 相7/5 | 马5-7 | | |
| 15. 马3.4 | | | |

Nếu Trắng đi P8-7, Đen P7.5 P5-3 X7.3 P7.5 Trắng dễ đi.

15... 马2/1

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 16. 炮8-7 | 马2-7 | 17. 相3.1 | 马t-8 |
|----------|------|----------|------|

18. 马4/2

Nếu Trắng đi P7.6 thì P8.7 T1/3 P7.8 T5/3 X7.5 S5/6 X7/4 S4.5 X7-6 Đen chiếm ưu.

18... 马7.2

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 19. 炮6.1 | 马7.1 | 20. 马2/4 | 马7-9 |
| 21. 炮7.6 | 马9-7 | 22. 车9.2 | 炮8.7 |
| 23. 相5/3 | 炮7.8 | 24. 马4/3 | 马7.2 |
| 25. 仕5/6 | 马7/7 | 26. 仕4.5 | 马7-3 |
| 27. 马7.6 | 马3-7 | 28. 帅5-4 | 马7.7 |
| 29. 帅4.1 | 马8.7 | 30. 车9-4 | 马7/5 |
| 31. 车4.1 | 马7-5 | 32. 炮6/1 | 士4.5 |
| 33. 车4-3 | 马7.8 | 34. 车3-2 | 炮8-7 |
| 35. 炮6-2 | 马8.6 | 36. 车2-4 | 马6/8 |
| 37. 车4-2 | 马5-4 | | |

Đen binh Xe tróc Mã nhằm thay đổi binh lực là cách chơi sai lầm. Nếu đi M8.6 thì Đen còn có cơ hội hơn

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 38. 炮2.3 | 马4.1 | 39. 车2-3 | 炮7-9 |
| 40. 车3.3 | 马4-6 | 41. 仕5.4 | 马6-8 |
| 42. 炮2.1 | 卒5.1 | 43. 炮2-9 | 马8.3 |
| 44. 帅4/1 | 马8.1 | 45. 帅4.1 | 马8-4 |
| 46. 兵9.1 | 卒9.1 | 47. 兵9.1 | 卒3.5 |
| 48. 车3-8 | 马4/5 | 49. 兵9-8 | 炮9-2 |
| 50. 兵8-7 | 马4.4 | 51. 仕4/5 | 炮2-5 |

52. ④8.3 ⑤5/4
 54. ③7.1 ⑤6.5
 56. ②9/9 ⑤1.1
 58. ④8-5 ⑤3/7
 59. ④5-1

53. ②9.3 ⑤4-1
 55. ③7.1 ⑤5-1
 57. ④8/4 ⑤1-3

Hoà cục

CỤC 9

1. ②2-6 ⑤8-5
 2. ④2.3 ⑤8.7
 3. ④1-2 ⑤2.3
 4. ③7.1 ⑤9.1
 5. ④4.5 ⑤9-4
 6. ④8.7 ⑤5.1
 7. ②8.2 ⑤4.5
 8. ②6-4 ⑤4-3
 9. ③3.5 ⑤3.5
 10. ④2.4 ⑤1.1
 11. ④9.2 ⑤3-2

Nếu Đen đi X1-6 thì
 X2-4 X6.4 P8-4

X3-2 Pt/1 X2/2 B9.1 B3.1 X9.1 cục diện cả hai bên
 bình ổn.

12. ③3.1 ⑤3.1

Hai bên đổi quân quá sớm

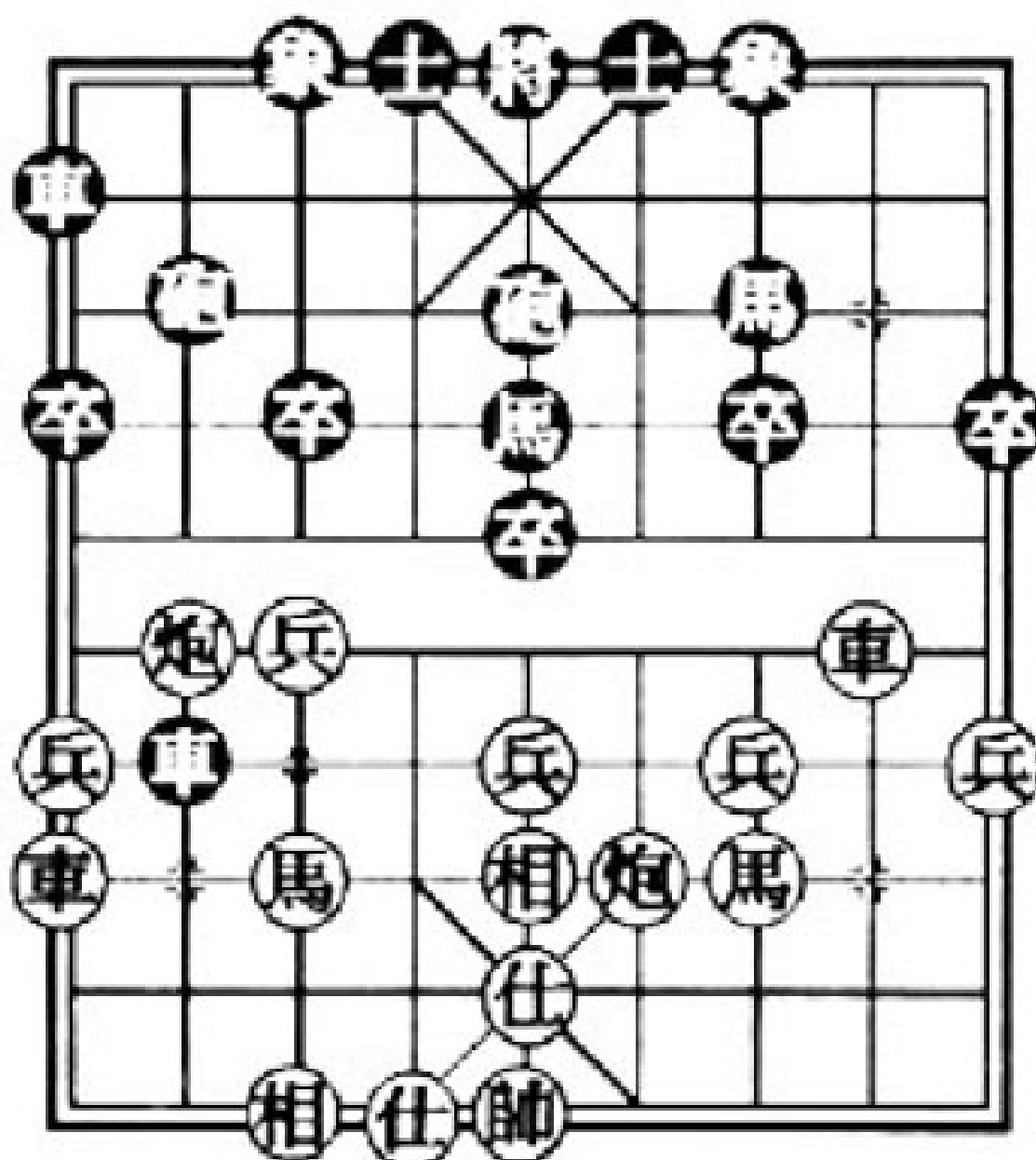
13. ③7.1 ⑤5.3

14. ②8-7 ⑤2/3

Thoái Xe không có tác dụng.

15. ④7.6 ⑤3.1

16. ④6.4 ⑤5.1



17. ⑤4.5	⑧7.5	18. ③5.1	⑨3.5
19. ④4.1	⑤5/4	20. ④7-4	⑥1-3
21. ⑥2.2	⑦4.5	22. ⑥2-3	⑦3.5
23. ④s-5	⑧4.3	24. ⑥3-8	⑤3/2
25. ⑥9-6	⑥3/2	26. ⑥6.4	⑥3-2

bên Đen binh Xe giữ Mã . Nếu Đen đi M2.4 thì X4-6
Đen khó ứng phó.

27. ③3.1	⑨2-4	28. ③3.1	⑤7/8
29. ④4-5	⑥5-4	30. ⑥6-7	⑤2/1
31. ⑥7.2	⑤1/3	32. ④s.4	⑥2-3
33. ④s-6	⑥3-4	34. ④6.3	⑥4/2
35. ④5-9	⑥4-1	36. ⑥7.1	⑥4.1
37. ⑤3.4	⑥1-5	38. ⑤4.6	⑥5-2
39. ⑥7/1	⑥4/1	40. ⑤6.7	⑤8.6
41. ⑥7.1	⑥4.1	42. ③3-4	⑥4.1
43. ⑤7/6	⑥4/1	44. ③1.1	⑤6.8
45. ⑥7/1	⑥4/1	46. ⑥7.1	⑥4.1
47. ③4-5	⑤8.7	48. ⑥7/1	⑥4/1
49. ⑤6.7	⑤7.5	50. ③5.1	⑥1.1
51. ⑥7.1	⑥4.1		
52. ⑤7.8			

Trắng thắng

CỤC 10

1. ④2-6	⑧8-5	2. ⑤2.3	⑤8.7
3. ⑥1-2	⑥9.1	4. ⑤8.7	⑤2.3
5. ⑥2.4			

Tiến Xe lên cửa sông ổn định thế cờ. Nếu Trắng đi
X2.6 thì B3.1 trận thế của Trắng không quá lý tưởng.

5...⑥9-4

- | | |
|----------|------|
| 6. 仕6.5 | 卒5.1 |
| 7. 炮6-5 | 士4.5 |
| 8. 車2-7 | 炮2/1 |
| 9. 車7.2 | 士1.2 |
| 10. 炮8.1 | 士4/2 |

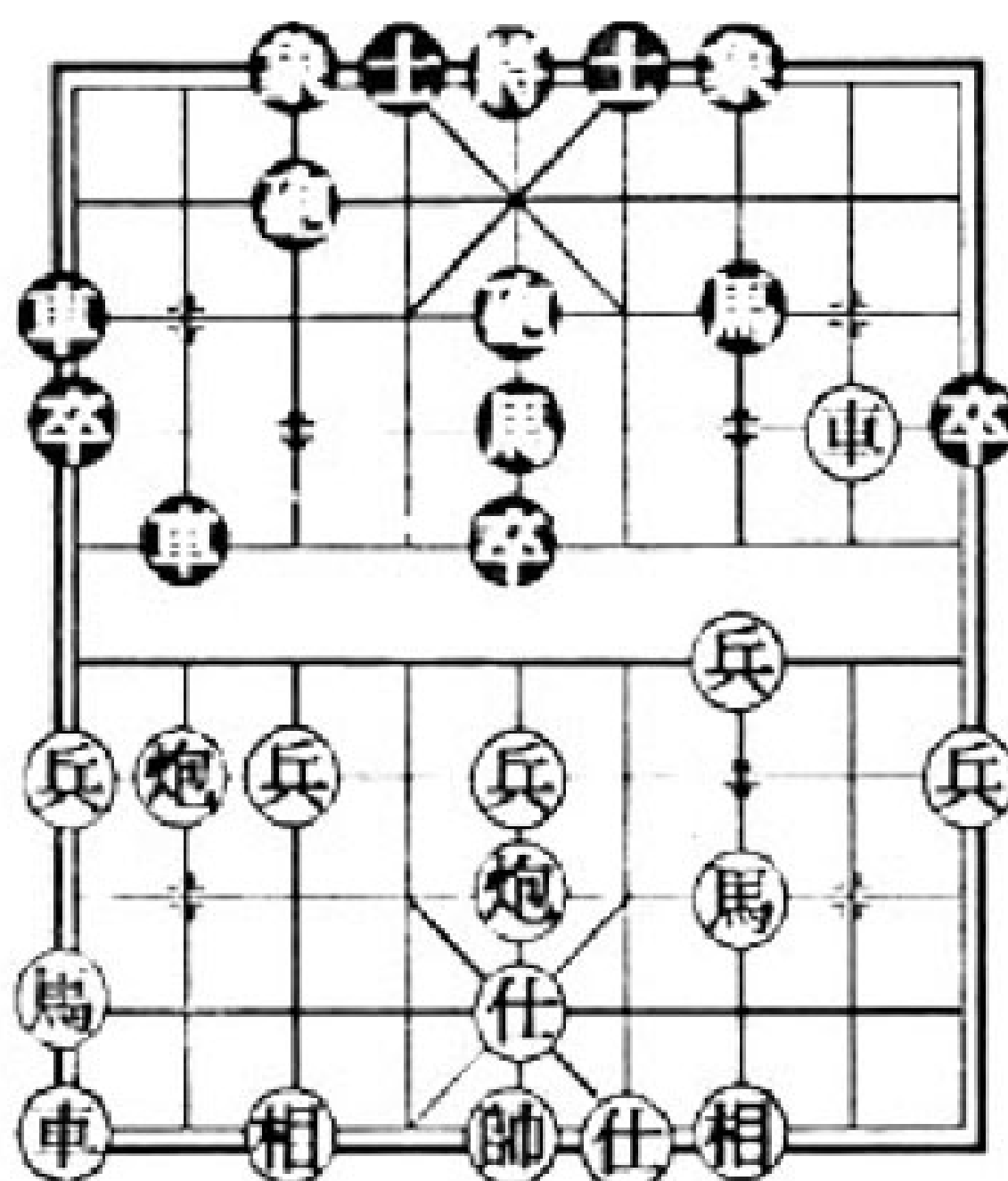
Nếu Đen đi X4.2 thì có thể công hơn.

- | | |
|----------|------|
| 11. 兵3.1 | 炮2-3 |
| 12. 車7-3 | 士4-2 |
| 13. 馬7/9 | 馬3.5 |
| 14. 車3-2 | 士2.1 |
| 15. 兵5.1 | 炮3.2 |
| 16. 車2.2 | 卒5.1 |
| 17. 車2-7 | 士1-3 |
| 18. 車7-6 | 士6.5 |
| 19. 車9-8 | 卒5.1 |

Nếu Đen đi P5-4 Tắt X6-9 thì M5.4 Đen sẽ chiếm ưu thế rõ

- | | |
|----------|------|
| 20. 炮5-8 | 士2-7 |
| 22. 馬5.6 | 馬5.6 |
| 24. 車6/3 | 炮3-5 |
| 26. 炮8.6 | 士7/3 |
| 28. 車8-6 | 將5-6 |
| 29. 炮5.5 | 象7.5 |

Đen thắng



- | | |
|----------|------|
| 21. 馬3.5 | 士7.4 |
| 23. 炮8-5 | 馬6/4 |
| 25. 帥5-6 | 士3.4 |
| 27. 車8.2 | 士7-9 |

CỤC 11

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-6 | 炮8-5 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 車1-2 | 士9.1 |

Nếu Đen đi M2.3 thì
 M8.7 B3.1 X2.4 X9-8
 X2-6 X8.4 S6.5 P5-6
 thế trận hai bên bình
 ổn.

4. 馬8.7 炮9-4

5. 兵7.1 炮4.5

6. 炮6-4 卒5.1

7. 仕6.5 卒5.1

Đen có thể đi M2.3
 T7.5 M3.5 thế cờ
 ổn định.

8. 炮4.1 炮4.2

9. 炮8.2

Nếu Trắng đi B5.1 thì

X4-3 M3.5 P5.4 M7.5 P2-5 hai bên vừa công vừa thù,
 cục chiến còn kéo dài.

9...卒5.1

10. 馬3.5 馬2.3

11. 炮4.4 炮4/2

12. 車2.4

Tiến Xe lên cửa sông, ổn định tình thế.. Nếu Trắng đi
 X2.6 thì M3.5 P4-8 P5.4 Trng sẽ bị gò bó.

12...炮1.1

13. 炮4-7

Trắng có thể đi P8.2 không chế các đường chính.

13...馬7.5

14. 相7.5 炮5.4

16. 車5/1 炮4-5

18. 馬5.6 馬3.5

20. 炮8.2 卒3.1

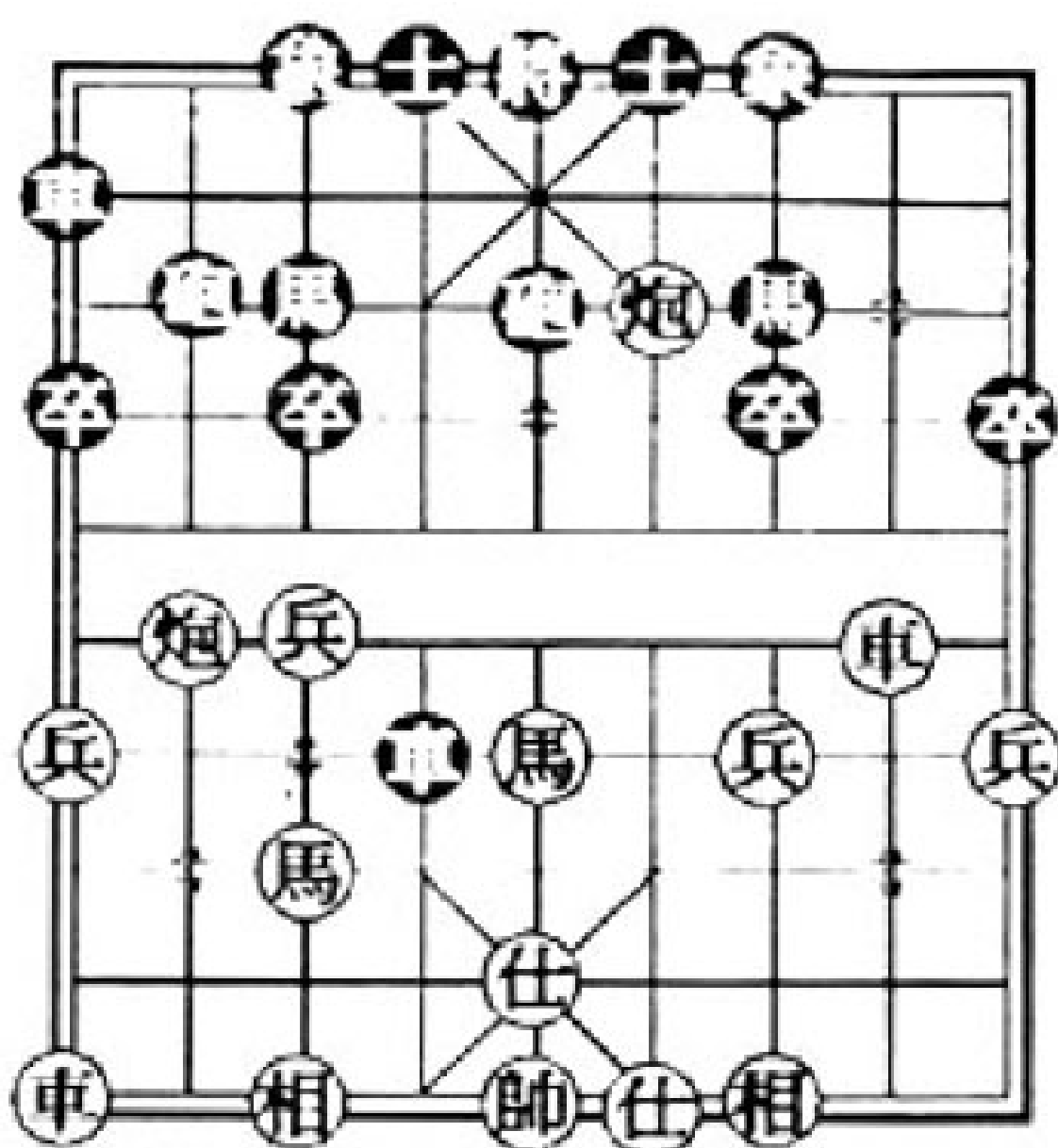
22. 相5.7

15. 車2-5 炮1-5

17. 馬7.5 馬5/3

19. 車9-6 炮5-4

21. 炮8-3 卒3.1



Nếu Trắng đi M6.4 thì X4-6 bên Trắng cũng không có gì khá hơn.

22...♙5/6

23. ♖3/2	♙4.2	24. ♘6/5	♙4.6
25. ♗5-6	♘6.5	26. ♘5.4	♙6.5
27. ♖3.2	♘5.6	28. ♙3.1	♙7.5
29. ♖3-4	♘6.4	30. ♘4.2	♙9.1
31. ♘2.3	♙5-6	32. ♖4/5	♙2-4
33. ♗6-5	♙4-1	34. ♘3/4	♙5.6
35. ♘4.2			

Nếu đi B3.1 P1.4 M4/3 Tg6-5 B3-4 S6/5 P4-1 thì có cơ may thắng cờ.

35...♙6-5

36. ♘2/1	♙1.4	37. ♙1.1	♙1/1
38. ♖4-2	♘4/5	39. ♘3.5	♙5.6
40. ♖2.8	♙4.5	41. ♗5-6	♙5-6
42. ♙5.4	♙1-2	43. ♙4.5	♙1.1
44. ♖2/3	♙1.1		
45. ♖2-5	♙1.1		

Hoà cục.

CỤC 12

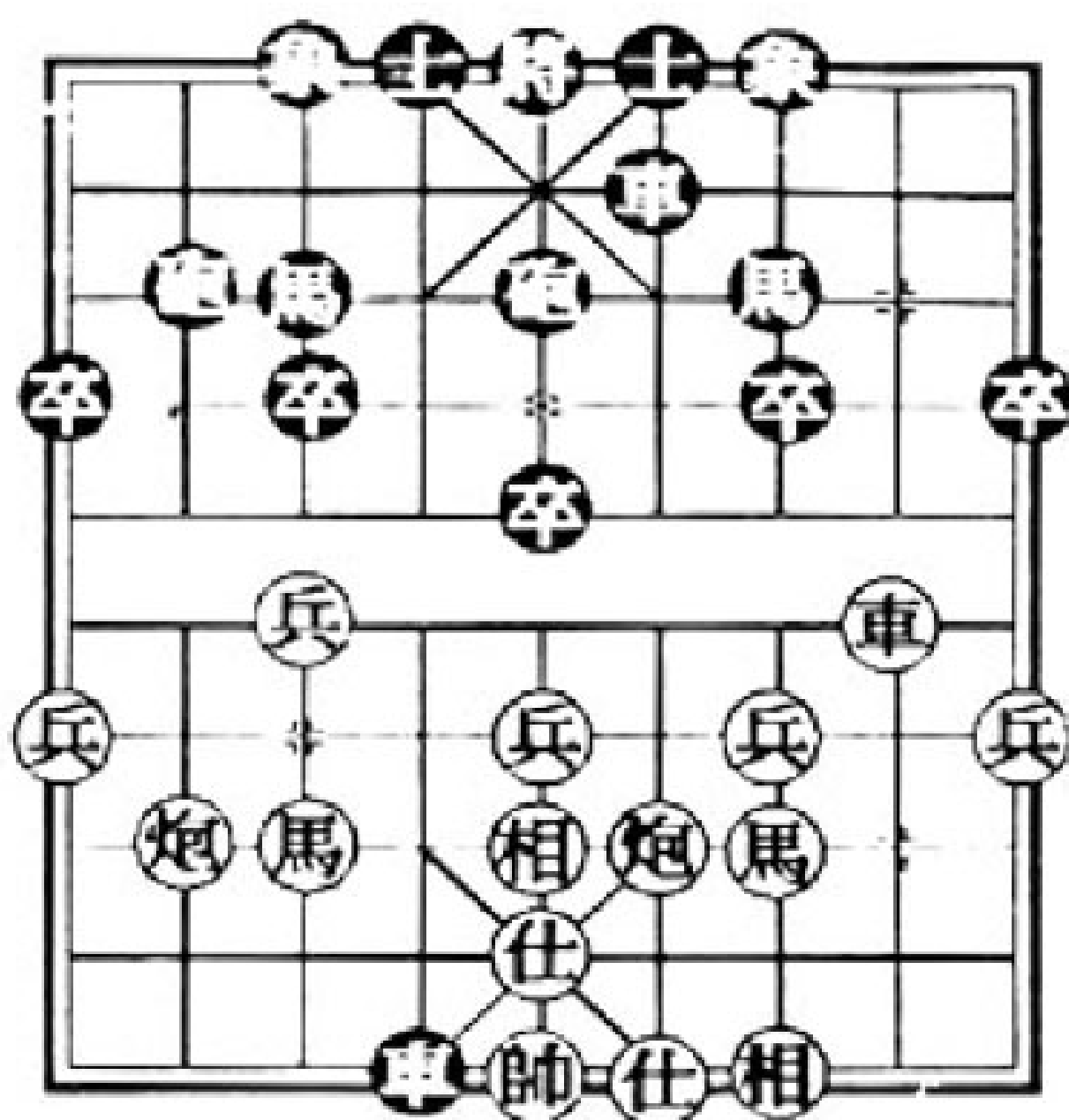
1. ♖2-6	♙8-5	2. ♘2.3	♙8.7
3. ♗1-2	♘2.3	4. ♘8.7	♙9.1
5. ♗2.4	♙9-4	6. ♙7.1	♙4.5
7. ♖6-4	♙1.1	8. ♙6.5	♙5.1
9. ♘7.5	♙1-6	10. ♗9-6	♙4.3

Nếu Đen đi X4-3 thì P8/1 B5.1 X2-5 M3.5 X5-2 X6.4 X2-4 M5.6 P8-7 X3-2 P4.1 X2.2 X6-7 không bên nào chiếm ưu thế.

11. 帥5-6 卒5.1
 12. 車4-5 馬3.5
 13. 車5-2 炮2.4
 14. 帥6-5 炮6.4

Nếu đen X6.5 công
 kích Mã lộ 3 của
 đối phương

15. 兵3.1 炮6.1
 16. 車2.4 士4.5
 17. 馬3.2 炮6-8
 18. 炮4-3 馬5.6
 19. 馬7.6 炮5-1
 20. 馬6.4 炮1.4



Đen thí Mã phát

động tấn công là cách ứng phó hay., còn nếu Đen đi
 T3.5 X2-4 Trắng sẽ có thể công.

21. 車2/1

Nếu Đen đi M4.3 thì M6.7 P8-3 P1.3 Tg5-6 X8-5 Đen
 có thể công.

21... 炮6.7

22. 車2-3 馬7/5

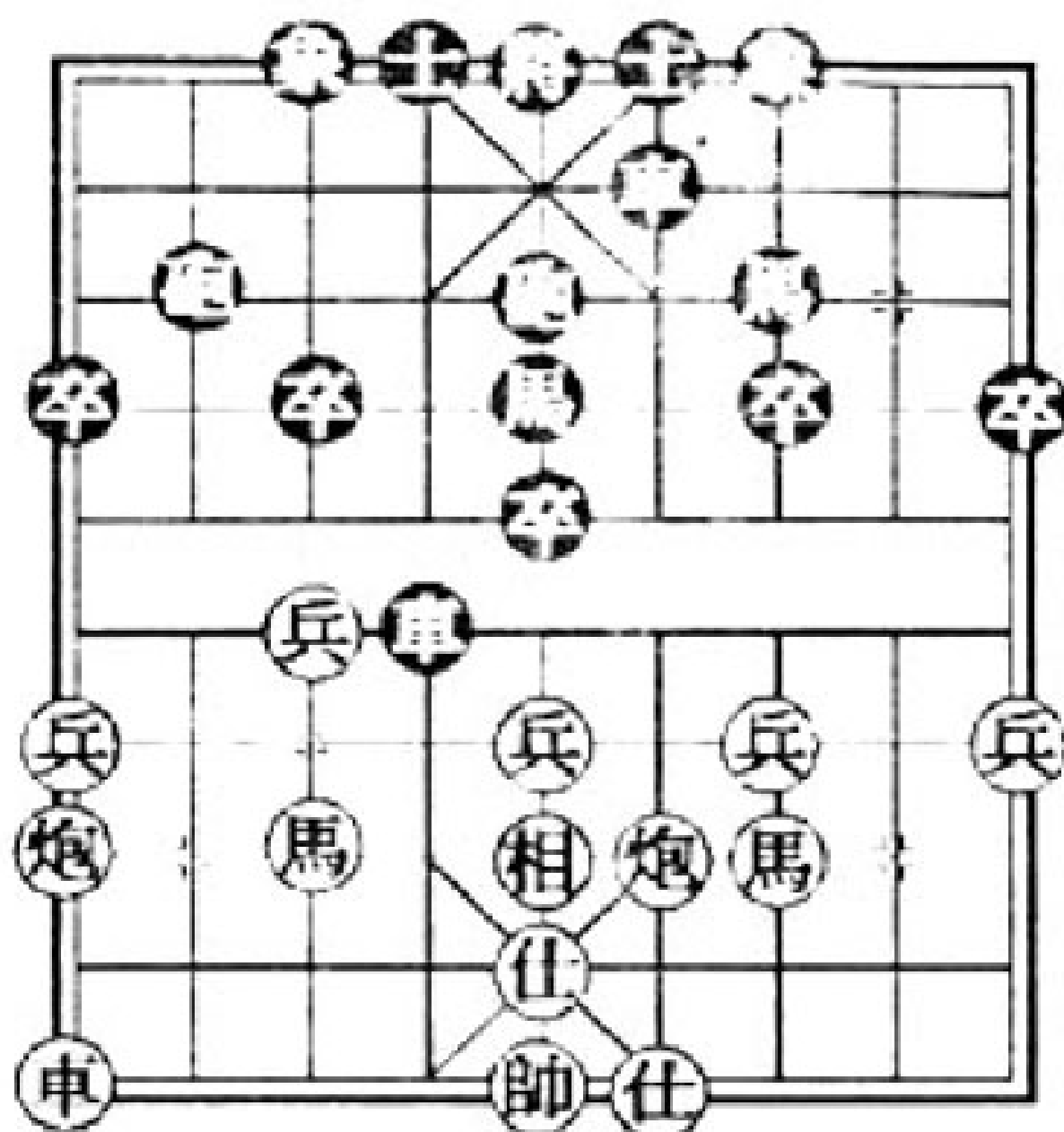
Nếu Trắng đi P8-3 thì Tg5-4 T5/7 P1.3 S5/6 P2.3 Đen
 có thể công chiếm ưu.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 23. 馬4.6 | 馬5.3 | 24. 車3-7 | 炮7.5 |
| 25. 馬6.7 | 帥5-4 | 26. 車7/1 | 炮8-4 |
| 27. 車7-9 | 炮2-9 | 28. 仕5.6 | 士5.4 |
| 29. 馬2.3 | 炮4-2 | 30. 車9-8 | 炮2/3 |
| 31. 馬7/8 | 炮1-5 | 32. 仕6/5 | 士4/5 |
| 33. 馬8/6 | 炮5-2 | 34. 炮8/1 | 炮9-4 |
| 35. 炮8-6 | 車4-5 | 36. 馬6.8 | 士5.6 |
| 37. 馬3/5 | 炮4/5 | 38. 馬5.4 | 帥5.1 |

39. ⑤8.7	⑤5-6	40. ⑤4/5	⑤6.5
41. ⑤6.5	⑤2.3	42. ⑤5.3	⑤6/1
43. ⑤3.5	⑤3.1	44. ⑤5/4	⑤4.1
45. ⑤6/2	⑤1.3	46. ⑤5/6	⑤3/2
47. ⑤6.5	⑤2/4	48. ⑤5.6	⑤2/5
49. ⑤4.5	⑤9.1	50. ⑤6-5	⑤2.2
51. ⑤3.1	⑤4.5	52. ⑤4.3	⑤6.1
53. ⑤3.2	⑤6/1	54. ⑤5.2	⑤4-3
55. ⑤5-1	⑤4.3	56. ⑤5-6	⑤2-9
57. ⑤2/3	⑤6.1	58. ⑤1/3	⑤3/6
59. ⑤1/2	⑤5.6	60. ⑤1-4	⑤6-5
61. ⑤4-7	⑤3.7	62. ⑤3-4	⑤5/1
63. ⑤4.1	⑤6/5	64. ⑤7.1	⑤9.1
65. ⑤4-5	⑤3/2	66. ⑤7.1	⑤3-8
67. ⑤3/2	⑤9-8	68. ⑤2.4	⑤8-5
69. ⑤5/4	⑤5-9	70. ⑤7.1	⑤9/5
71. ⑤4.3	⑤5-6	72. ⑤6-5	⑤9-8
73. ⑤5/7	⑤8.1	74. ⑤5-4	⑤8-7
75. ⑤4-3	⑤7-6	76. ⑤3/4	⑤3.5
77. ⑤3.1	⑤8-6	78. ⑤4.2	⑤6-5
79. ⑤3.1	⑤6.3	80. ⑤3-4	⑤6-5
81. ⑤7.1	⑤5-4	82. ⑤4.5	⑤5.6
83. ⑤2/4	⑤5-6	84. ⑤4-3	⑤6-9
85. ⑤4/5	⑤9/3	86. ⑤5.6	⑤6-7
87. ⑤5/4	⑤9-3	88. ⑤6.7	⑤4.1
89. ⑤7/9	⑤6/5	90. ⑤9/7	⑤4.1
91. ⑤7.5	⑤4/1	92. ⑤5/4	⑤7.1
93. ⑤4.6	⑤5/4	94. ⑤6.4	⑤4.1
95. ⑤4/5	⑤4/1	96. ⑤5.4	⑤4.1
97. ⑤3-4	⑤7-8	hoà cục	

CUC 13

- | | |
|----------|------|
| 1. ②2-6 | ⑧8-5 |
| 2. ③2.3 | ③8.7 |
| 3. ④1-2 | ③2.3 |
| 4. ④2.4 | ⑤9.1 |
| 5. ③8.7 | ⑤9-4 |
| 6. ⑤7.1 | ⑤4.5 |
| 7. ②6-4 | ⑥5.1 |
| 8. ⑥6.5 | ③3.5 |
| 9. ⑦7.5 | ⑤1.1 |
| 10. ②8-9 | |



Bình Pháo chuẩn bị
xuất Xe trục Pháo.
Nếu Trắng đi X9-6

thì X4.3 S5/6 X1-4 hai bên vừa thủ vừa công.

- 10... 1-6

11. ④2-6

Đổi Xe ổn định cỡ thế. Nếu X9-8 thì P2.4 bên Trắng khó đi.

- 11... 4/1

12. ④7.6 ⑤5.1

13. ④6.5 ⑤7.5

- 14. 兵5.1 卒6.5**

15. ④9-6 ⑤6-7

- ## 16. 兵 5.1

Nếu Trắng đi P4.3 thì M5.7 Đen sẽ có được thế công.

- 16... 5.2

17. ④6.5 ⑤2-5

18. ④5-6 ⑤6.5

Nếu Đen đi X7.1 thì P4.4 X7/1 P9.4 bên Trắng có thể tróc tử một quân

19. ④4.3 ⑤5-6

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 20. 炮9-7 | 象3.1 | 21. 炮7-8 | 炮7-2 |
| 22. 炮4/3 | 将6-5 | 23. 馬3.4 | 炮1.4 |
| 24. 馬4.3 | 炮1-6 | 25. 炮4-2 | 馬5/7 |
| 26. 車6.1 | 炮6/6 | 27. 炮2-3 | 炮5-4 |
| 28. 車6-7 | 炮6-5 | 29. 馬3.5 | 象7.5 |
| 30. 車7-3 | 卒1.1 | 31. 兵1.1 | 馬7/6 |
| 32. 車3-1 | 炮2-1 | 33. 車1-9 | 象1/3 |
| 34. 炮3.2 | 炮4.3 | 35. 炮8.2 | 炮4-2 |
| 36. 炮3-8 | 炮1-2 | 37. 炮8.2 | 馬6.7 |
| 38. 炮8-1 | 炮2.3 | 39. 帥6.1 | 炮2-6 |
| 40. 炮1.3 | 炮6/8 | 41. 車9/1 | 炮6-9 |
| 42. 車9-1 | 炮9.3 | | |
- hòa cục.

CỤC 14

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-6 | 炮8-5 |
| 2. 馬2.3 | 炮9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.7 |
| 4. 馬8.7 | 炮9-4 |
| 5. 仕4.5 | 炮4.5 |
| 6. 炮6-4 | 馬2.3 |
| 7. 相3.5 | |

Củng cố trung lộ là cách chơi ổn định.

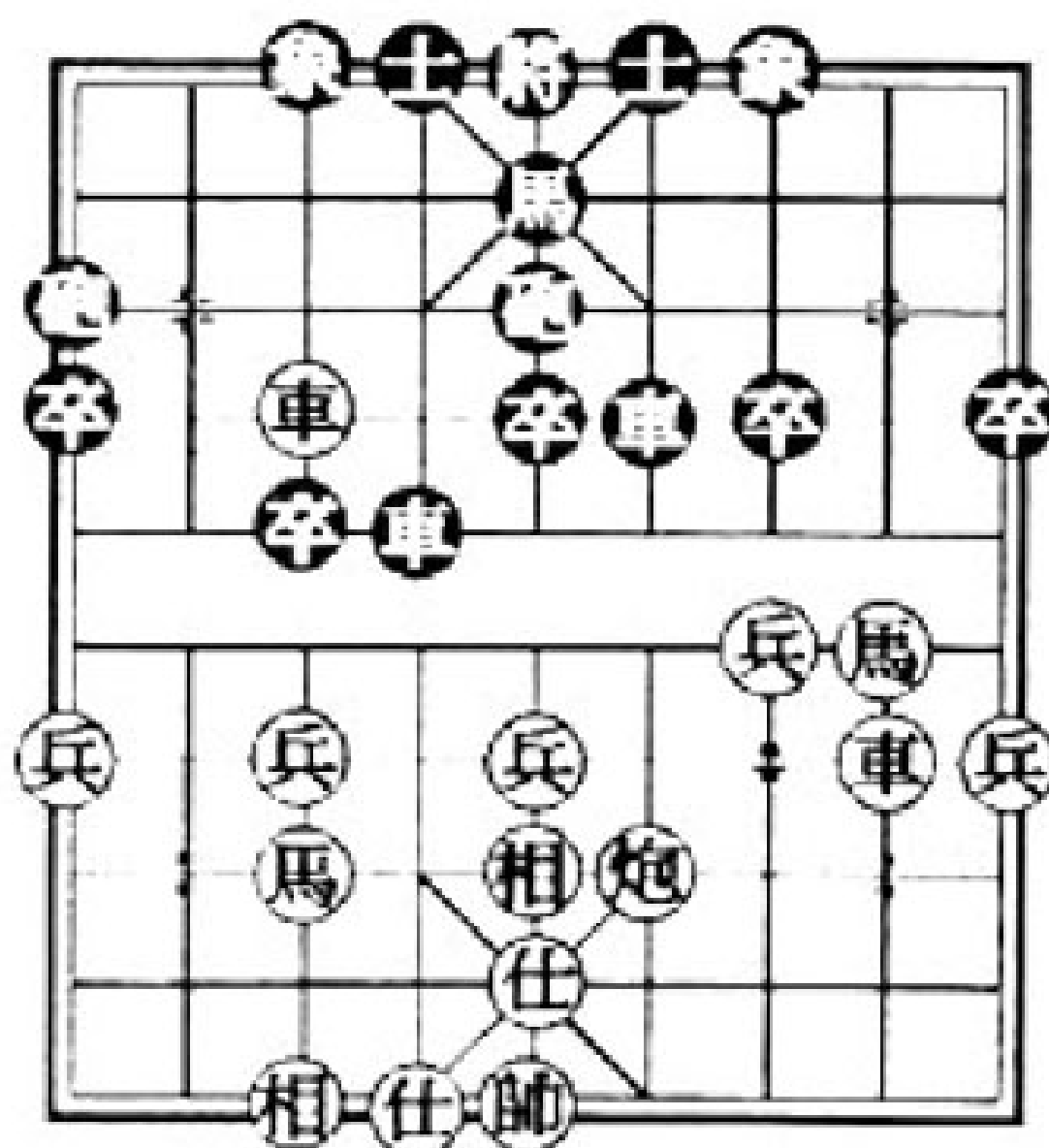
Nếu Trắng đi P4.5 đánh Mã thì B5.1

P4-7 M7.5 P7.1 X1.1

Bên Đen các quân

đều đã xuất, thế trận có phần nhỉnh hơn.

7... 炮1.1



8. 兵3.1	車1-6	9. 炮8.2	車6.5
10. 馬3.2	車6/3	11. 馬2/3	車6.3
12. 馬3.2	車6/3	13. 炮8-7	馬7/5
14. 車9-8	卒3.1	15. 炮7.3	馬5.3
16. 車8.6	炮2-1	17. 車8-7	馬3/5
18. 車2.3	車4/2	19. 馬2.1	炮5-3
20. 馬1.2	車4/2	21. 炮4-2	炮1/1
22. 相7.9	炮1-2	23. 兵5.1	車4.1
24. 車7/1	炮2-3	25. 車7-2	炮t.5
26. 炮2-7	炮3.6	27. 車t.2	車6/2
28. 車t-4	車6-7	29. 帥5-4	馬5.3
30. 車4.2	將5.1	31. 兵7.1	車4.1
32. 馬2/3	炮3-2	33. 兵1.1	炮2/6
34. 馬3/1	車7-6	35. 車4/1	炮2-6
36. 馬1.2	炮6/1	37. 馬2.3	車3.5
38. 馬3/1	車4-6	39. 帥4-5	車6/2
40. 馬1/2	車6-8	41. 兵1.1	馬3.4
42. 兵1.1	馬4/6	43. 車2-5	馬6/7
44. 兵5.1	卒5.1	45. 車5.2	炮6.3
46. 車5-3	馬7.8	47. 車3.1	馬8.7
48. 相5.3	車8-6	49. 兵9.1	炮6.3
50. 車3-9	車6.3	51. 車9-5	車6-7
52. 仕5/4	車7/3	53. 兵7.1	炮6/5
54. 兵9.1	將5/1	55. 車5-6	車7.5
56. 兵9-8	車7-1	57. 帥5.1	車1.1
58. 帥5.1	車1/2	59. 兵7.1	車1-5
60. 帥5-6	士4.5		
61. 兵7.1			

Tiến Tốt lộ 7 quá gấp. Có thể đi B8.1 P6.1 Tg6/1 T5/7 B7.1 T7.5 B8-7 bên Trắng chiếm ưu thế rõ.

61...也6.1

62. 兵7.1 ♀5/7

64. ④6-8 ⑤5/2

66. ④6.5 ⑤5-4

hỏa cục.

63. ㊦6/1 ㊦6-4

65. ⑤7-6 ⊕5/4

67. ④5.6 ⑤4-2

CỤC 15

1. 炮2-6 炮8-5

2. ④2.3 ④8.7

3. ④1-2 ⑤2.3

4. ④8.7 ⑤9.1

5. ④7.5 ⑤9-4

6. ④2.4 ⑤5.1

7. ④6.5 ②4.5

8. ④2-7 ④5.1

9. ⑧8/1

Cũng có thể đi P8.1
X4/3 P8.1 hình thành
cục diện bình ổn.

9...卒3.1

10. ④7.1 ⑤3.5

11. ㊦7.1 ㊦5.1

13. ④5.6 ⑤5.1

15. 炮6-5 炮2-4

17. ④4.5 ⑤4.5

19. $\textcircled{+}9-6$ $\textcircled{+}6.5$

21. 兵 3.1 車 2.5

23. ④3.2 ⑤5-6

25. ④t-4 ⑤6-5

27. ① $1/3$ ② 1.7

12. ④8-6 ⑤4.1

14. ㉔5-6 ㉕5-4

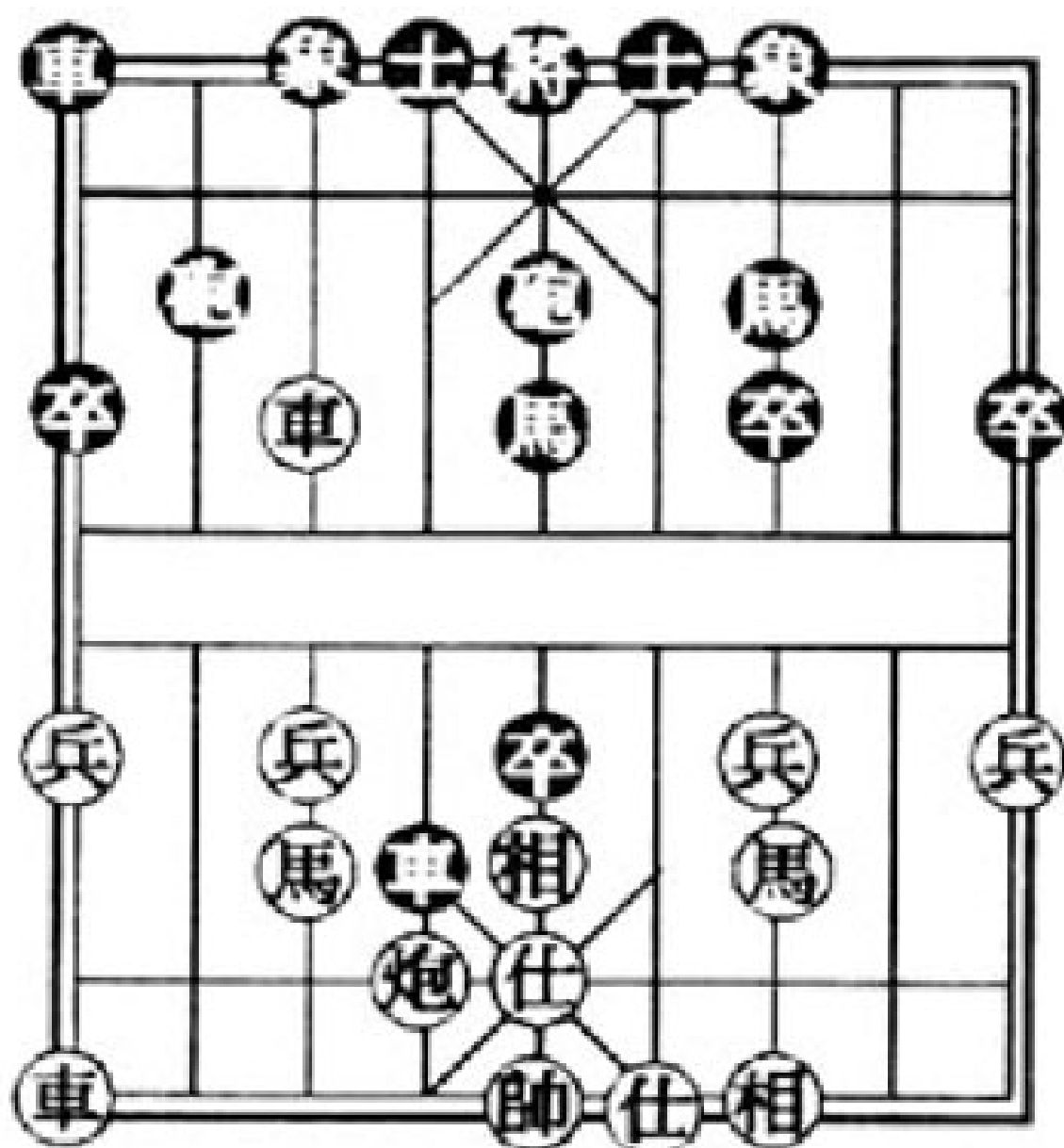
16. $\textcircled{\text{sp}}$ 6-5 $\textcircled{\text{te}}$ 5.6

18. ㊦7-6 ㊦4-3

20. 帥5-4 王1-2

22. ③3.1 ④5.6

24. ④4-5 ⑤6.5

26. $\textcircled{B}5-4$ $\textcircled{D}7.5$ 

28. 車4/5 車2-7
 30. 炮3 1 車7-8
 32. 相1.3 馬6.7
 Đen thắng.

29. 車6.6 馬7/8
 31. 車4.4 馬8/6
 33. 帥4-5 車8.4

CỤC 16

1. 炮2-6 炮8-5
 2. 馬2.3 馬8.7
 3. 車1-2 馬2.3
 4. 馬8.7 車9.1
 5. 仕4.5 車9-4
 6. 炮8.2 車4.4
 7. 兵7.1 車4.1
 8. 車2.4 卒5.1
 9. 馬7.6 卒5.1
 10. 車2-5 卒3.1
 11. 兵7.1 馬3.5

Nếu Đen đi X4/1 thì
 X5/2 nhiều Tốt
 chiếm ưu thế.

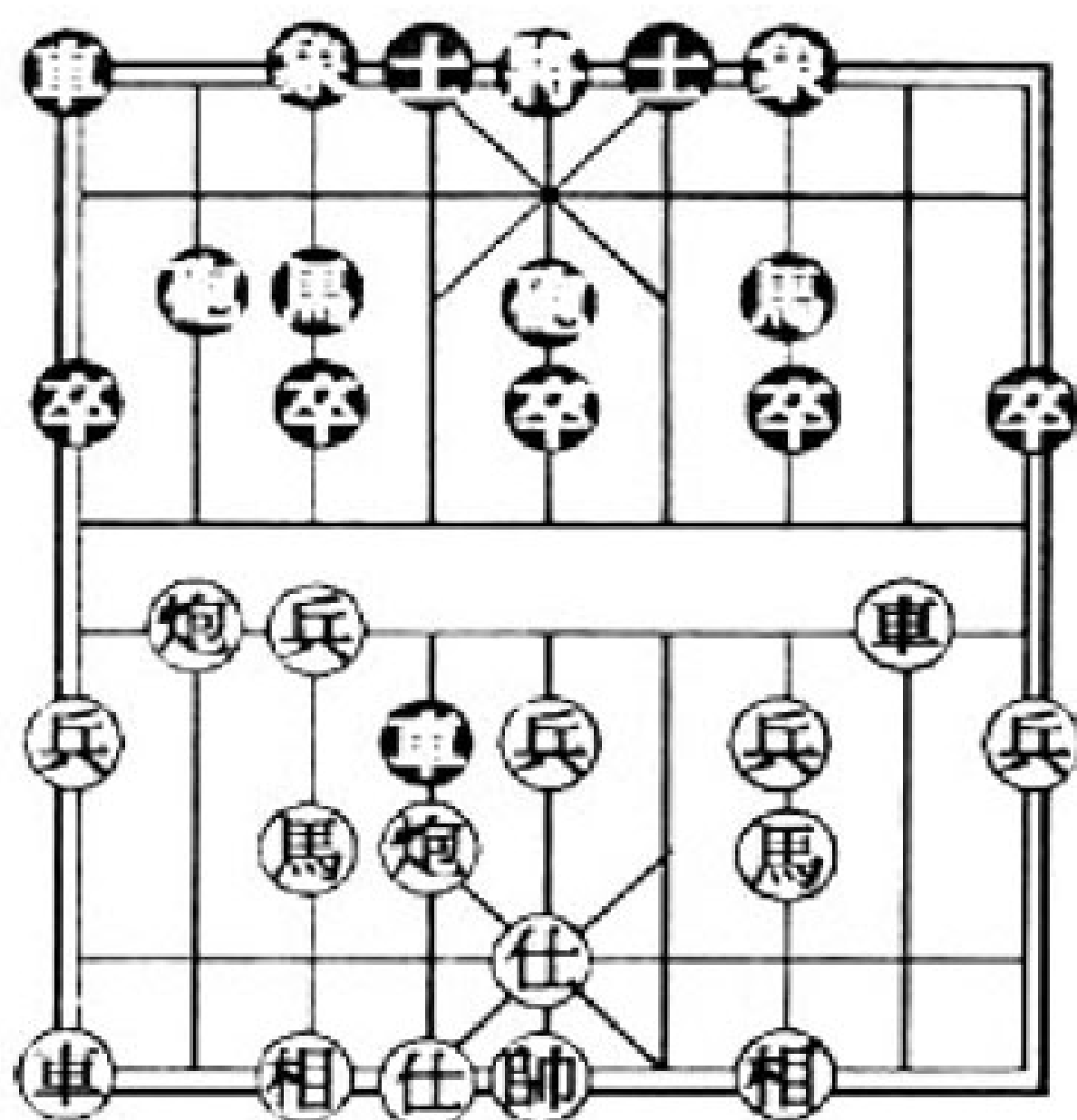
12. 車5.2 馬7.5
 13. 馬6.5 車4/3
 14. 炮6-5 炮2.1
 15. 兵7-6

Thì tốt nhằm tăng cường thế công.

15... 車4.1

16. 炮8-5 車4/1
 18. 車9-8 車1.2
 20. 車8.6 車1-3

17. 馬5/6 士4.5
 19. 炮8-6 車4.2
 21. 相3.5 卒7.1



22. ④8-1 ⑤3.2

Nếu Đen đi B1.1 thì X1-3 T7.9 B1.1 bên Trắng chiếm ưu thế.

23. ④1-9 ⑥5.2

25. ⑤1.1 ⑦3-1

27. ⑧5.3 ⑧5-7

29. ⑨3.2 ⑨1-5

31. ④5/3 ⑦4-8

33. ⑥6.3 ⑦8/2

35. ⑤2-3

Trắng thắng.

24. ④9-5 ⑥3.5

26. ⑤3.1 ⑦7.1

28. ⑧3/5 ⑧1.2

30. ⑥5.3 ⑥7.5

32. ⑤1.1 ⑥5/7

34. ⑤1-2 ⑦8-7

CỤC 17

1. ⑥2-6 ⑦8-5

2. ⑨2.3 ⑨8.7

3. ④1-2 ⑦7.1

4. ⑨8.7 ⑦9.1

5. ④2.4 ⑦9-4

6. ⑤7.1 ⑦4.5

7. ⑥6-4 ⑨2.1

Đen tiến Mã biên.

Nếu đi M2.3 thì sẽ biến hoá hơn.

8. ⑦6.5 ⑥5.4

9. ⑨7.5 ⑦4-5

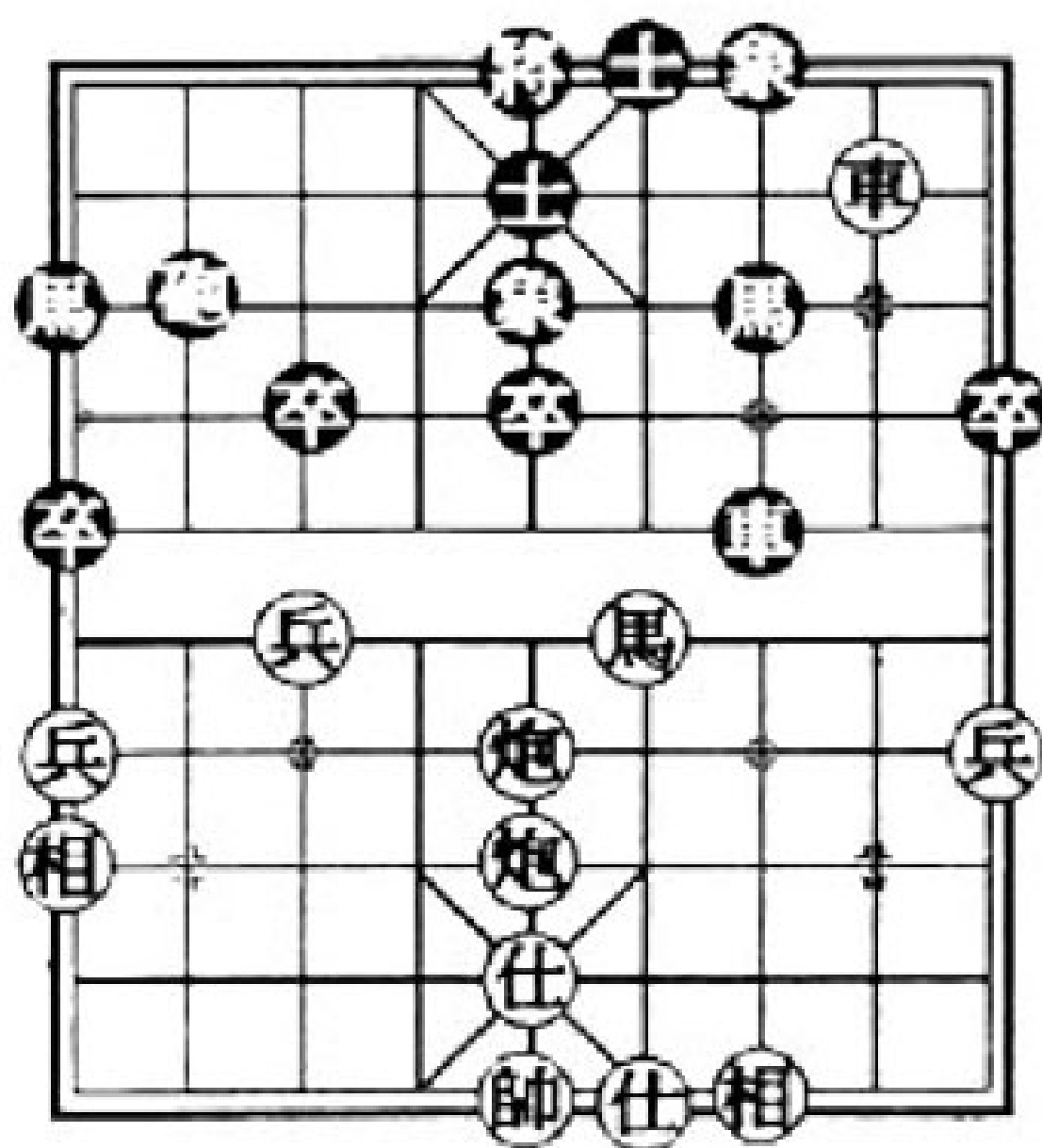
10. ⑥4-5

Cũng có thể đi T7.5 X5-7 P4/1 Trắng chiếm ưu.

10... ⑦5/2

11. ⑥5.1 ⑦4.5

12. ⑥8-5 ⑦5-2



13. ④7.9	③3.5	14. ④9-6	⑤1-4
15. ④6.9	④5/4	16. ③3.1	⑥1.1
17. ③3.4	⑤2-6	18. ③3.1	⑤6-7
19. ④2.4	④4.5	20. ④t.4	③7.5
21. ④5.5	③5-4	22. ④5-9	⑤7-6
23. ③4/5	④2.7	24. ④2/4	⑤6-4
25. ④2-6			

Bên Đen khó phòng thủ.

25...⑤4.1

26. ③5.6	⑥5.1	27. ③6.7	⑥5.1
28. ③7.8	③4-5	29. ④9-5	④5/4
30. ④5/2	③7.6	31. ③7.1	③6.8
32. ③8/6	③5.1	33. ③6/4	③5-4
34. ③4/5	③8.6	35. ④5-6	④2/7
36. ③7.1	④2-5	37. ③5-6	③6/5
38. ③7-6	③4-5	39. ③6-5	④5-4
40. ③6-5	③5/1	41. ③5.7	④6.5
42. ④6-9			

Trắng thắng.

CỤC 18

1. ④2-6	④8-5	2. ③2.3	③8.7
3. ④1-2	③2.3	4. ③7.1	④9.1
5. ③8.7	⑤9-4	6. ④6.5	⑥5.1
7. ④2.4			

Bên Trắng có thể đi P8.2, tạo được khả năng công kích.

7...⑤4.5

8. ④6-4	⑤1.1	9. ④7.5	⑤1-6
---------	------	---------	------

49. 馬7.8 卒2-3

51. 馬9/8 炮2.1

53. 馬4/3 炮4/2

50. 馬8/9 炮6-2

52. 兵5.1 卒8.1

54. 馬8/9 炮2-7

Bên Trắng chắc thắng.

CỤC 19

1. 炮2-6 炮8-5

2. 馬2.3 馬8.7

3. 兵7.1

Tiến Tốt lộ 7 là quá sớm.

3... 車9.1

4. 仕4.5 車9-4

5. 馬8.7 馬2.3

6. 兵3.1 車1.1

7. 炮8.2 車4.5

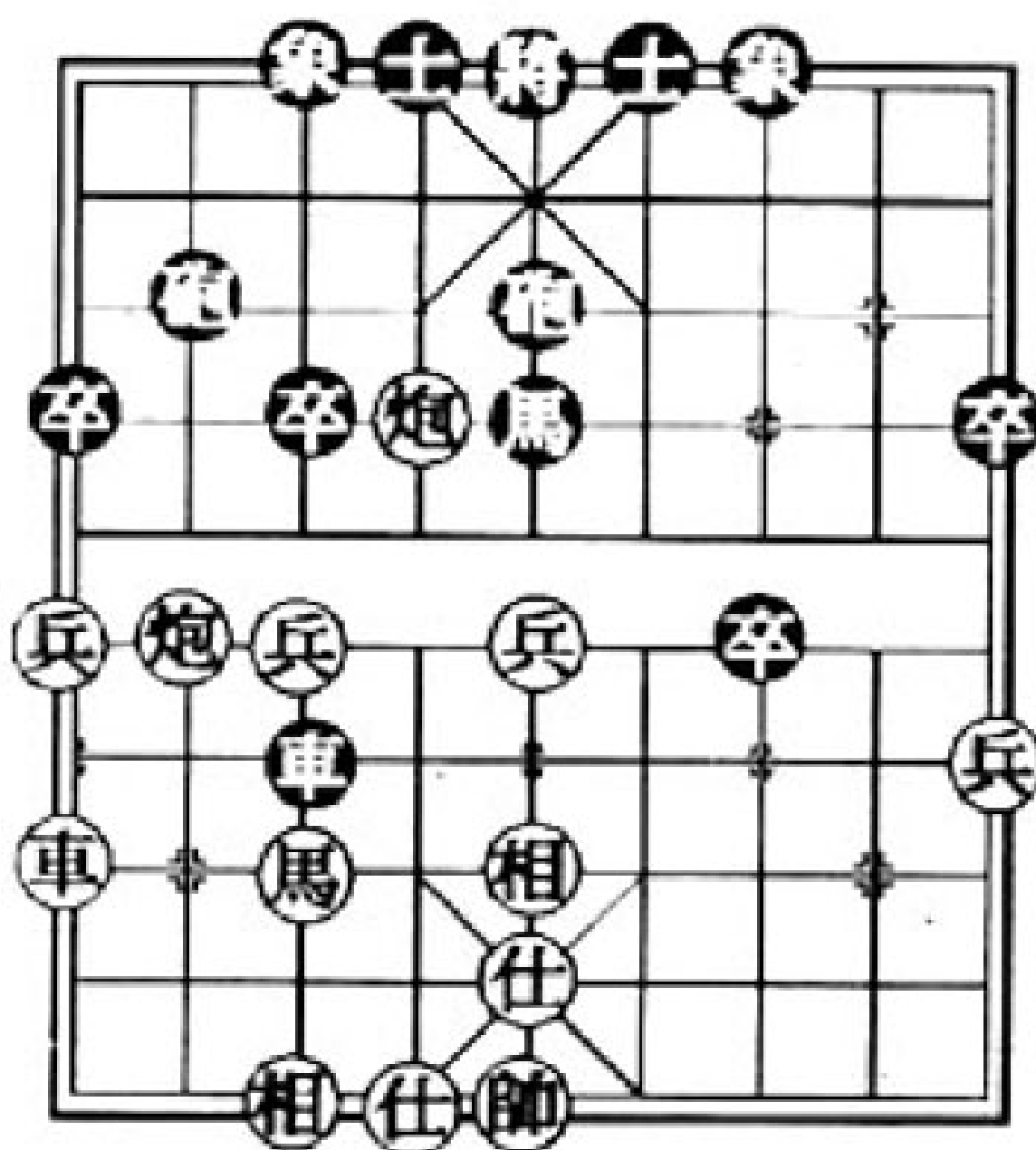
8. 相3.5 車4-3

9. 車9.2 車1-6

10. 車1-4 車6.8

11. 仕5/4 卒5.1

12. 仕4.5



Trắng đi P6/1 Đen M3.5 thì P6-4 cờ ổn định.

12... 馬3.5

13. 炮6.4 卒7.1

15. 馬4.5 馬7.5

17. 兵9.1 卒7-6

19. 炮8-4 馬5.7

21. 車9-5 炮5/3

23. 車5-8 炮2-3

14. 馬3.4 卒5.1

16. 兵5.1 卒7.1

18. 兵5.1 炮5.2

20. 車9.1 車3.1

22. 炮4-3 炮3.5

24. 炮6-9 炮5.6

25. ④7.5 ②3-5
 27. ④3.5 ②6.5
 29. ④9-7 ②3/5
 31. ④7/3 ②8.6
 33. ④4-5 ②5-7
 35. ④5/4 ②8.6
 37. ④5.1 ②7/1
 39. ④5-4 ②7/5

26. ④9.3 ②5/3
 28. ④8.6 ②3.3
 30. ④8-7 ②7.8
 32. ④5-4 ②6.8
 34. ④3/3 ②7.2
 36. ④7/4 ②6/5
 38. ④5/1 ②5.3

Đen thắng.

TIẾT 3

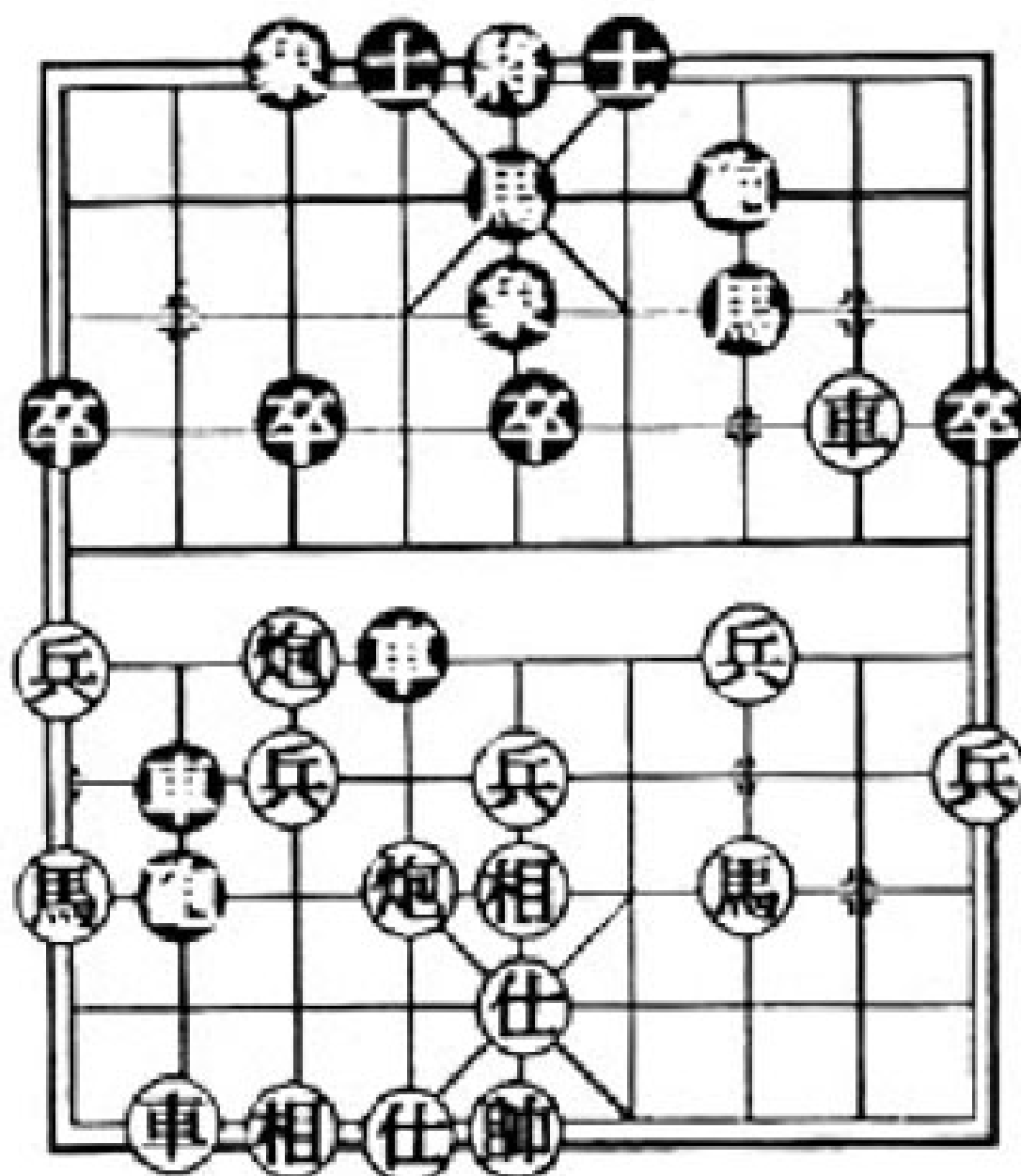
QUÁ CUNG PHÁO ĐỐI PHÁO ĐẦU LỆCH PHÁO ĐÀ XE

CỤC 1

1. ④2-6 ②8-5
 2. ④2.3 ②9.1
 3. ④1-2 ②8.7
 4. ④2.6 ②2.3
 5. ④2-3 ②9-4
 6. ④4.5 ②5/1
 7. ④8.9 ②4.1
 8. ④8.2

Trắng tiến Pháo tuần hà. Nếu Trắng đi P8-7 thì X1-2 X9-8 bên Trắng dễ đi.

8... ②5-7



9. ④3-2 ⑤4.3

Đen tiến Xe tróc Pháo là nước đi kịp thời. Nếu đi B3.1 thì X8-3 Trắng chiếm ưu thế.

10. ④8-7 ⑤2.5

11. ④3.5 ⑤3/5

12. ④9-8 ⑤1-2

13. ⑤9.1 ⑤2.6

14. ⑤3.1 ⑤7.5

Đen lên Tượng là nước đi hơi yếu.. Có thể 9i X3.1 P7-8 P2-5 T7.5 X2.3 M9/8 X4-2 M8.7 X2.1 Đen chiếm ưu thế.

15. ④2-4 ⑤7/1

Nếu Đen đi B3.1 thì P7-8 P2-5 Tg5-4 P7-6 X4.2 X2.3 M9/8 X4-2 T7.5 X2.4 P6.5 T5.7 B3.1 Trắng chắc thắng.

16. ④4/2 ⑤4-6

17. ⑤3.4 ⑤2/2

18. ④6.6 ⑤5.3

19. ⑤4.6 ⑤7.6

20. ⑤3.1 ⑤6/4

21. ④7-8 ⑤2/3

22. ④8.2 ⑤2-4

23. ④8-6 ⑤4.1

24. ⑤3.1 ⑤4-8

25. ④8.4 ⑤5.1

26. ④8-7 ⑤4.6

27. ④7-5 ⑤6.8

28. ④5/1 ⑤8/7

29. ④5.1 ⑤7/6

30. ④5-1 ⑤5.3

31. ⑤6.7 ⑤8-3

32. ④6-5 ⑤5.1

33. ⑤9.8 ⑤6.8

34. ⑤8.9 ⑤3-1

35. ⑤9/7 ⑤8.7

36. ④1-3 ⑤7.5

37. ⑤7/5 ⑤7.2

38. ⑤5.6 ⑤7-4

39. ④3.2

Trắng thắng.

CỤC 2

1. ④2-6 ⑤8-5

2. ⑤2.3 ⑤8.7

3. ④1-2 ⑤9.1

- | | |
|---------|------|
| 4. 車2.6 | 炮9-4 |
| 5. 仕4.5 | 馬2.3 |
| 6. 車2-3 | 炮5/1 |
| 7. 相7.5 | 車1.1 |
| 8. 炮8.2 | 炮5-7 |

Nếu Đen đi B3.1
Trắng sẽ P8-5 X4.1
thế trận hai bên
cân bằng.

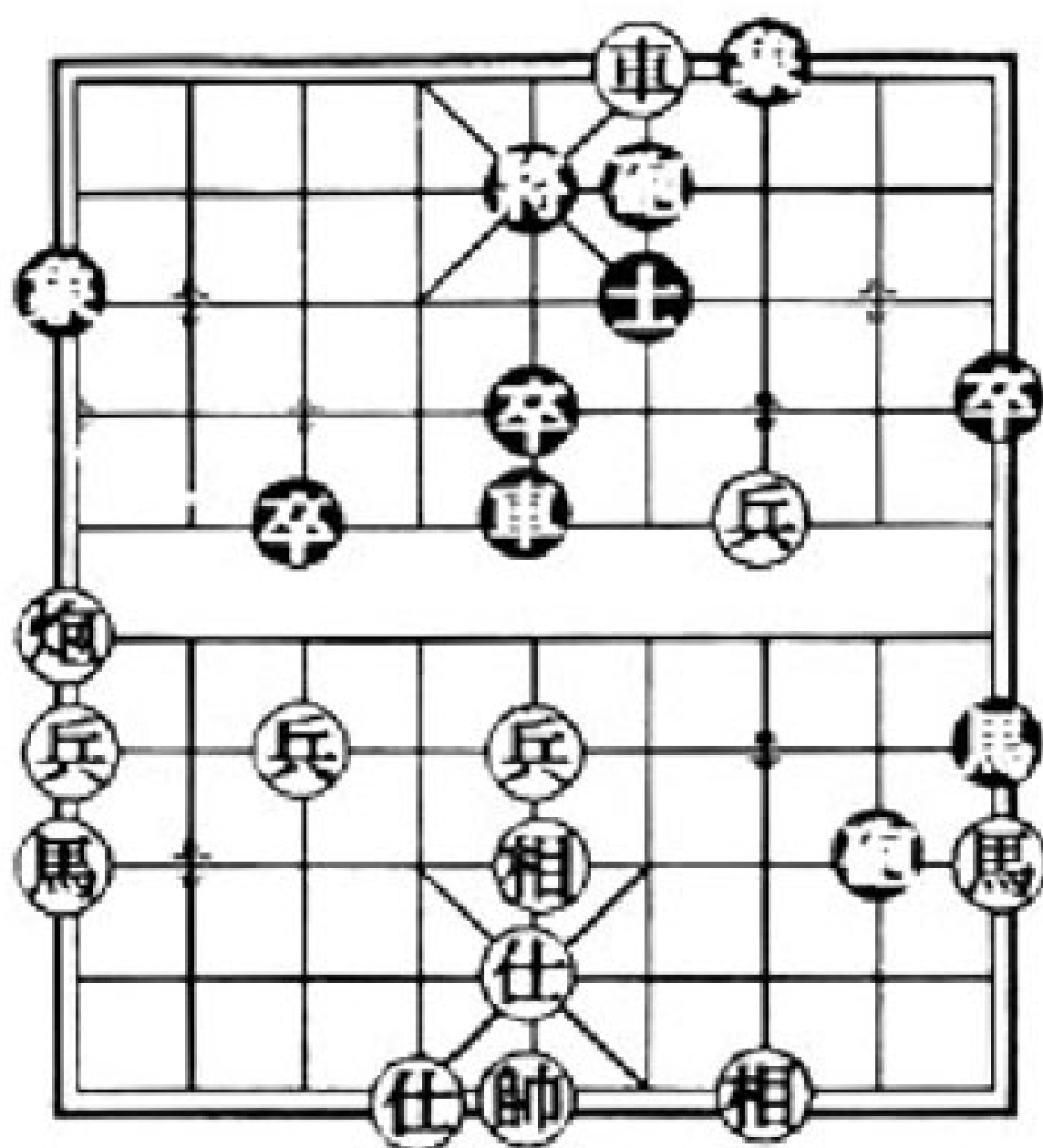
- | | |
|----------|------|
| 9. 炮8-5 | 士4.5 |
| 10. 車3-4 | 車4.3 |
| 11. 炮5-7 | 車1-3 |
| 12. 馬8.9 | 卒3.1 |
| 13. 炮7.3 | 車3.1 |
| 14. 車9-8 | 馬7.8 |

Nếu Đen đi P2/1 phòng thủ, cục diện sẽ bình ổn.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 15. 車4.2 | 車3-7 | 16. 兵3.1 | 炮2-4 |
| 17. 炮6-8 | 炮4/1 | 18. 炮8.7 | 車3.1 |
| 19. 車4/6 | 車7-6 | 20. 車4.5 | 士5.6 |
| 21. 馬3.2 | 炮7-8 | 22. 馬2/1 | 馬8.9 |
| 23. 炮8-9 | 炮4-7 | 24. 車8.9 | 將5.1 |
| 25. 車8-4 | 炮8.6 | 26. 炮9/3 | 炮7-6 |
| 27. 炮9/2 | 車4-5 | | |
| 28. 兵3.1 | | | |

Nếu Đen đi X5-7 P9-5 X7-5 M9/7 bên Trắng thắng thế.

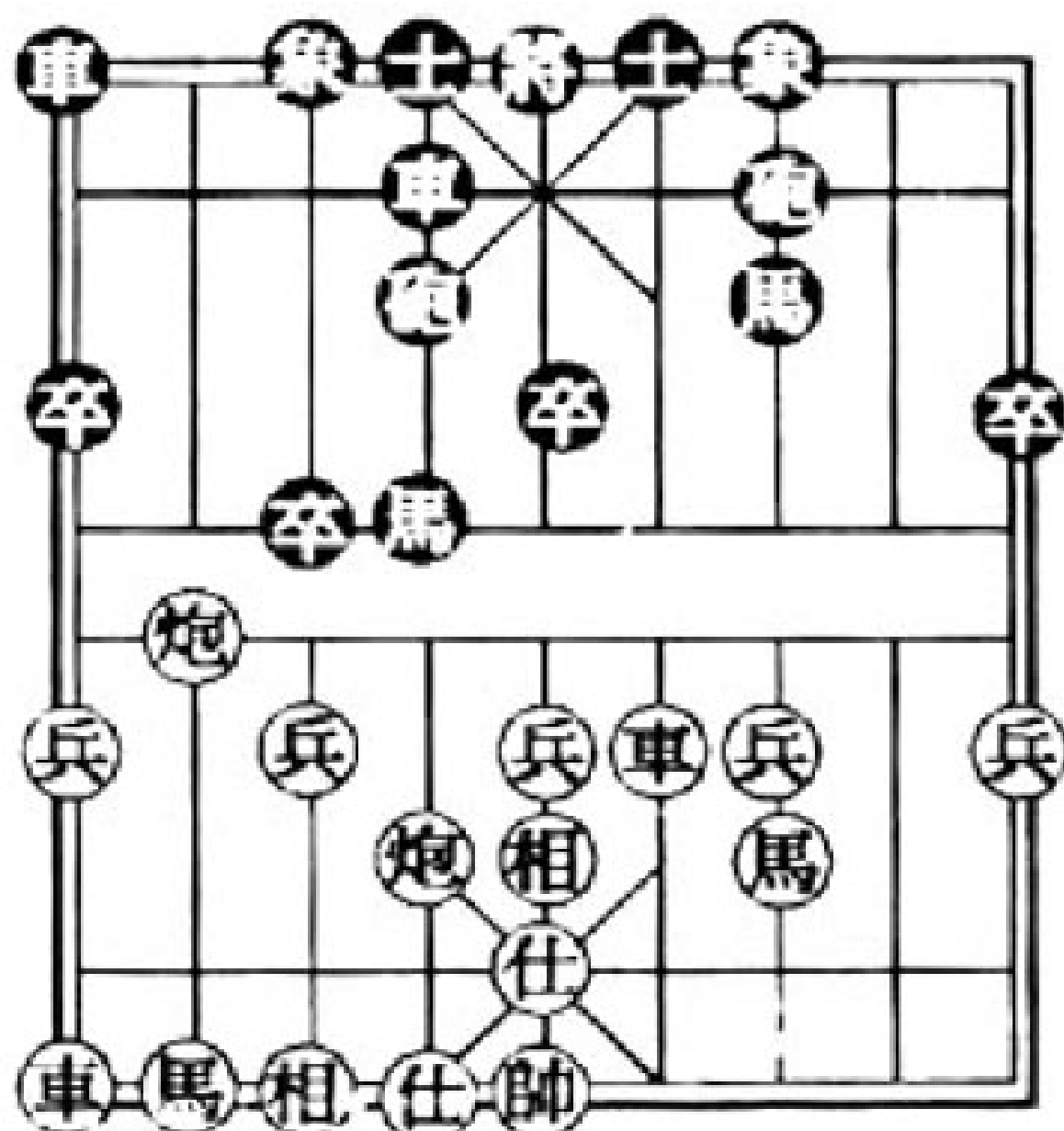
- | | | | |
|------------|------|----------|------|
| 28... 車5.2 | | | |
| 29. 兵3.1 | 炮8/3 | 30. 兵3.1 | 炮8-5 |
| 31. 兵3-4 | 炮6-9 | 32. 車4/1 | 將5/1 |
| 33. 車4-1 | 車5-6 | 34. 車1/2 | 炮5.2 |
| 35. 車1-5 | 車7.5 | | |



36. ⑤1/3 ⑨9.7
 37. ④5.1 ⑧5-4
 38. ⑥9-6
 Trắng thắng.

CỤC 3

1. ⑥2-6 ⑨8-5
 2. ⑤2.3 ⑧8.7
 3. ④1-2 ⑦9.1
 4. ④2.6 ⑦9-4
 5. ③4.5 ⑥2.3
 6. ④2-3 ⑤3.1
 7. ③3.5 ⑥5/1
 8. ⑥8.2 ⑨5-7
 9. ④3-4 ⑧3.4
 10. ④4/3 ⑥2-4



Đen đổi Pháo là nước ứng phó lão luyện. Nếu Đen đi M4.3 thì X4.4 P2.7 X9-8 X1.2 P8.3 M7.8 B3.1 tình hình bên Trắng khá hơn.

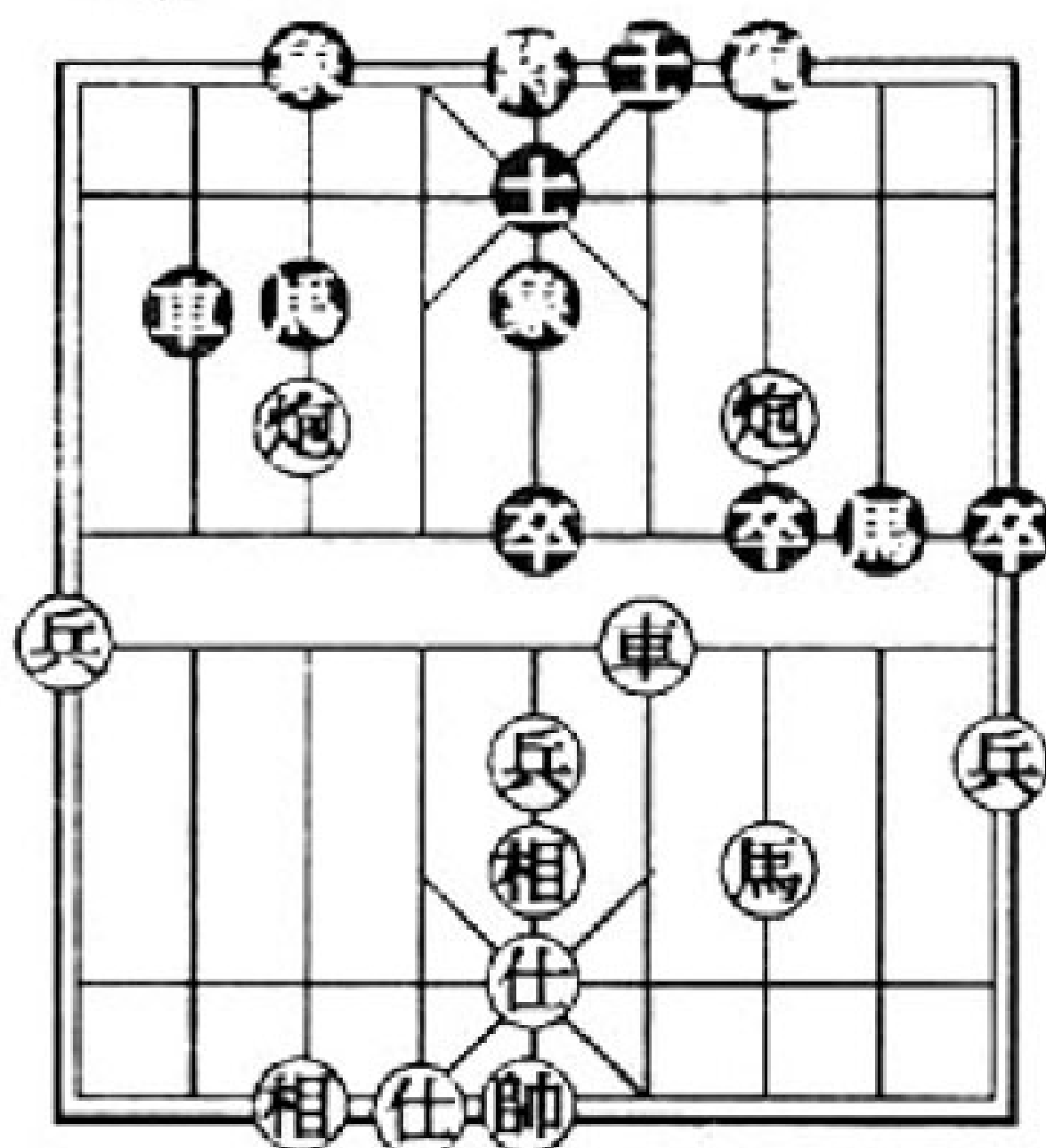
11. ⑥6.5	⑦4.1	12. ⑥8-3	⑦1.1
13. ⑤8.9	⑧7.5	14. ⑥3.4	⑦1-7
15. ④3.1	⑦7-8	16. ④9-8	⑦8.6
17. ⑤3/4	⑦8/3	18. ④8.4	⑦8-6
19. ④4.2	⑧7.6	20. ⑤4.3	⑥4.5
21. ⑤3.5	⑧6.5	22. ④8-5	⑧5.7
23. ④5.2	⑤1.1	24. ④5-1	⑦4.4
25. ④1.1	⑦4-9	26. ③5/4	④4.5

27. 仕6.5	馬7.9	28. 車1-6	馬9/8
29. 帥5-6	馬8.7	30. 車6/1	車9/1
31. 車6/2	車9/2		

hoà cục.

CỤC 4

1. 炮2-6	炮8-5
2. 馬2.3	馬8.7
3. 車1-2	車9.1
4. 車2.6	卒7.1
5. 車2-3	車9-4
6. 仕4.5	馬2.3
7. 馬8.9	炮5/1
8. 炮8-7	炮5-7
9. 車3-4	車7.5
10. 車9-8	車1-2
11. 車8.6	炮2-1
12. 車8-7	車2.2
13. 車4.1	



Nếu Trắng đi T3.5 thì
X4.3 X4.2 Trắng nhỉnh hơn.

Nếu Trắng X4-3 ăn Mã thì P7-3 X7-9 M3/5 Đen thu
hồi lại 1 quân, Trắng không được lợi gì.

13... 車4.3

14. 車4.1

Nếu Đen đi X4-3 X7/1 T5.3 X4-3 Trắng được quân
chiếm ưu.

14... 炮7/1

15. 兵7.1 士4.5

16. 兵7.1 車4.1

17. 相3.5 馬7.8

18. 車7-9 炮5.3

19. 車9/2 車4-1

20. 兵9.1 車3/5

- | | |
|----------|------|
| 21. ④4/4 | ②1.5 |
| 22. ⑥6-9 | ⑧8.7 |
| 23. ⑥7.4 | ④9.1 |
| 24. ⑥9-7 | ④5.i |
| 25. ⑥t-3 | ⑧7/8 |
| 26. ⑥7.4 | |

Nếu Trắng đi X4-7 thì X2.1 X7.3 X2-7 M3.4 X7-8 M4.2 X8.1 P7-8 Trắng dễ đi.

26...④7.1

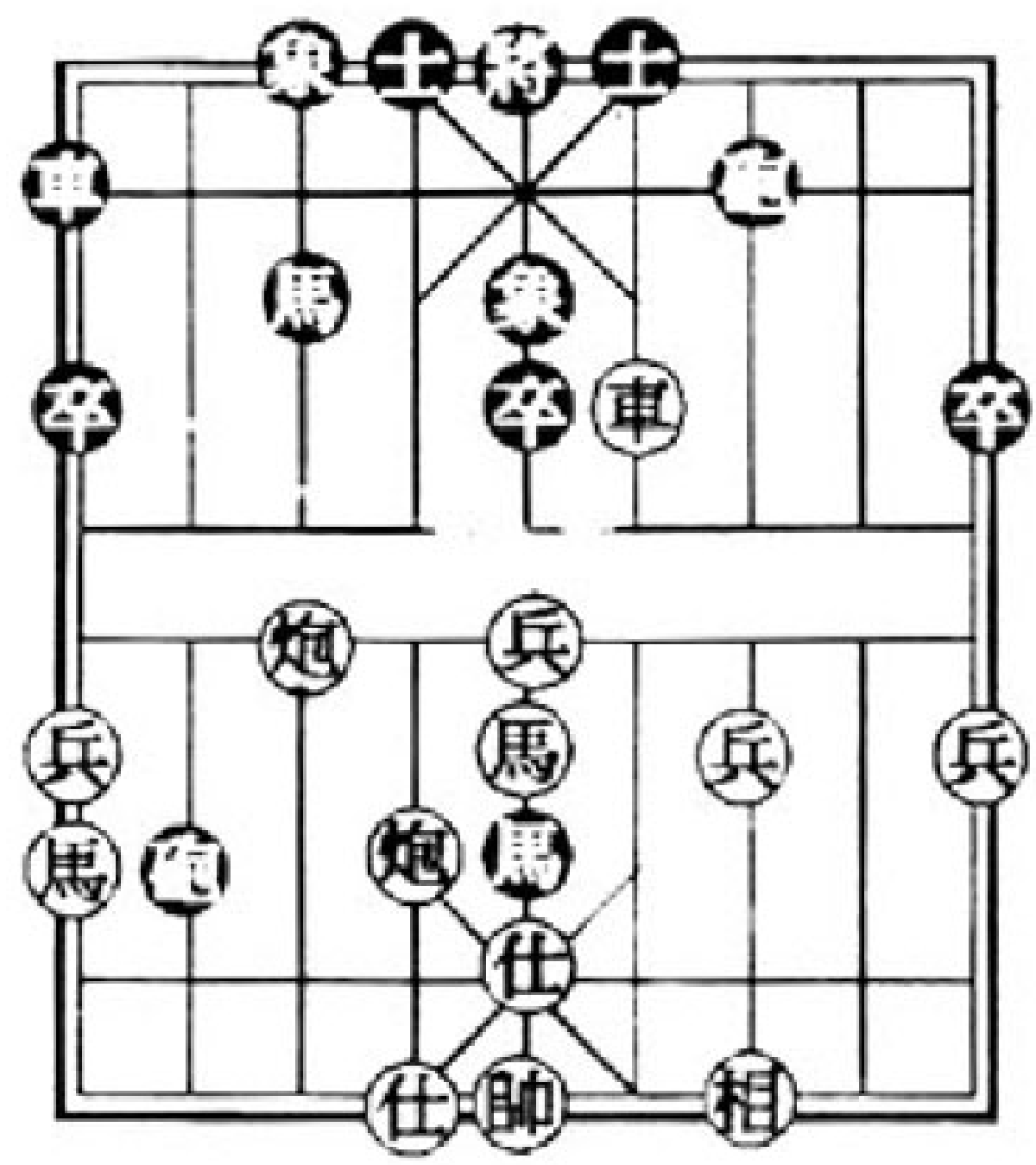
- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 27. ④4.1 | ⑧8/9 | 28. ⑥3.1 | ⑧9/8 |
| 29. ⑥3/1 | ④7.1 | 30. ⑧3/2 | ⑧3.5 |
| 31. ④4-2 | ⑧8.7 | 32. ⑥3.3 | ④5/7 |
| 33. ④2-5 | ②2.3 | 34. ⑥7/2 | ④3.5 |
| 35. ⑧2.4 | ④7-6 | 36. ④9.1 | ⑧5.7 |
| 37. ⑧4.2 | ⑧s.8 | 38. ④1.1 | ⑧8.9 |
| 39. ④1.1 | ②2.1 | 40. ④1-2 | ⑧7/6 |
| 41. ④5/1 | ④6-5 | 42. ⑧2.3 | ⑧9/7 |
| 43. ⑥7-3 | ②2-4 | 44. ④5-8 | ②4/2 |
| 45. ⑥3-5 | ②4-5 | 46. ④9.1 | ④5/4 |
| 47. ④9-8 | ④6.5 | 48. ④5-1 | ②5-8 |
| 49. ④8-5 | ②8.5 | 50. ④5/4 | ⑧6.7 |
| 51. ⑥1.5 | ②8/9 | | |
| 52. ④5/1 | | | |

hoà cục.

CỤC 5

- | | |
|---------|------|
| 1. ⑥2-6 | ②8-5 |
| 2. ⑧2.3 | ②9.1 |
| 3. ④1-2 | ②9-4 |
| 4. ④4.5 | ⑧8.7 |
| 5. ④2.6 | ⑧2.3 |

- | | |
|----------|------|
| 6. 車2-3 | 卒3.1 |
| 7. 相7.5 | 炮5/1 |
| 8. 炮8.2 | 炮5-7 |
| 9. 車3-2 | 馬7.5 |
| 10. 馬8.9 | 車4.4 |
| 11. 兵7.1 | 車4/1 |
| 12. 車9-7 | 馬7.6 |
| 13. 車2-3 | 車1.1 |
| 14. 兵7.1 | 車4-3 |
| 15. 車7.5 | 象5.3 |
| 16. 車3-4 | 馬6.4 |
| 17. 炮8-7 | 馬3/5 |
| 18. 兵5.1 | 炮2.5 |
| 19. 馬3.5 | 馬4.5 |
| 20. 車4/4 | 馬3.4 |
| 21. 炮7-6 | 馬4.2 |
| 23. 帥5-4 | 士4.5 |



22. 馬9/8 炮7.8

Bên Đen thượng Sĩ là cách chơi binh ổn. Nếu đi X1-8 thì Sĩ đối công, Trắng đi X4.7 Tg5.1 M5.7 T5.3 P6-8 P7-9 hai bên đối sát, Đen vẫn có cơ hội hơn trắng.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 24. 兵5.1 | 卒5.1 | 25. 炮t.2 | 卒5.1 |
| 26. 炮t-5 | 將5-4 | 27. 馬5.7 | 馬5/6 |
| 28. 馬7/8 | 馬6/5 | 29. 馬t.6 | 將4-5 |
| 30. 馬6.8 | 車1-4 | | |

Nếu Đen đi X1-3 tay mất 1 quân, nhưng vẫn còn cơ hội hòa.

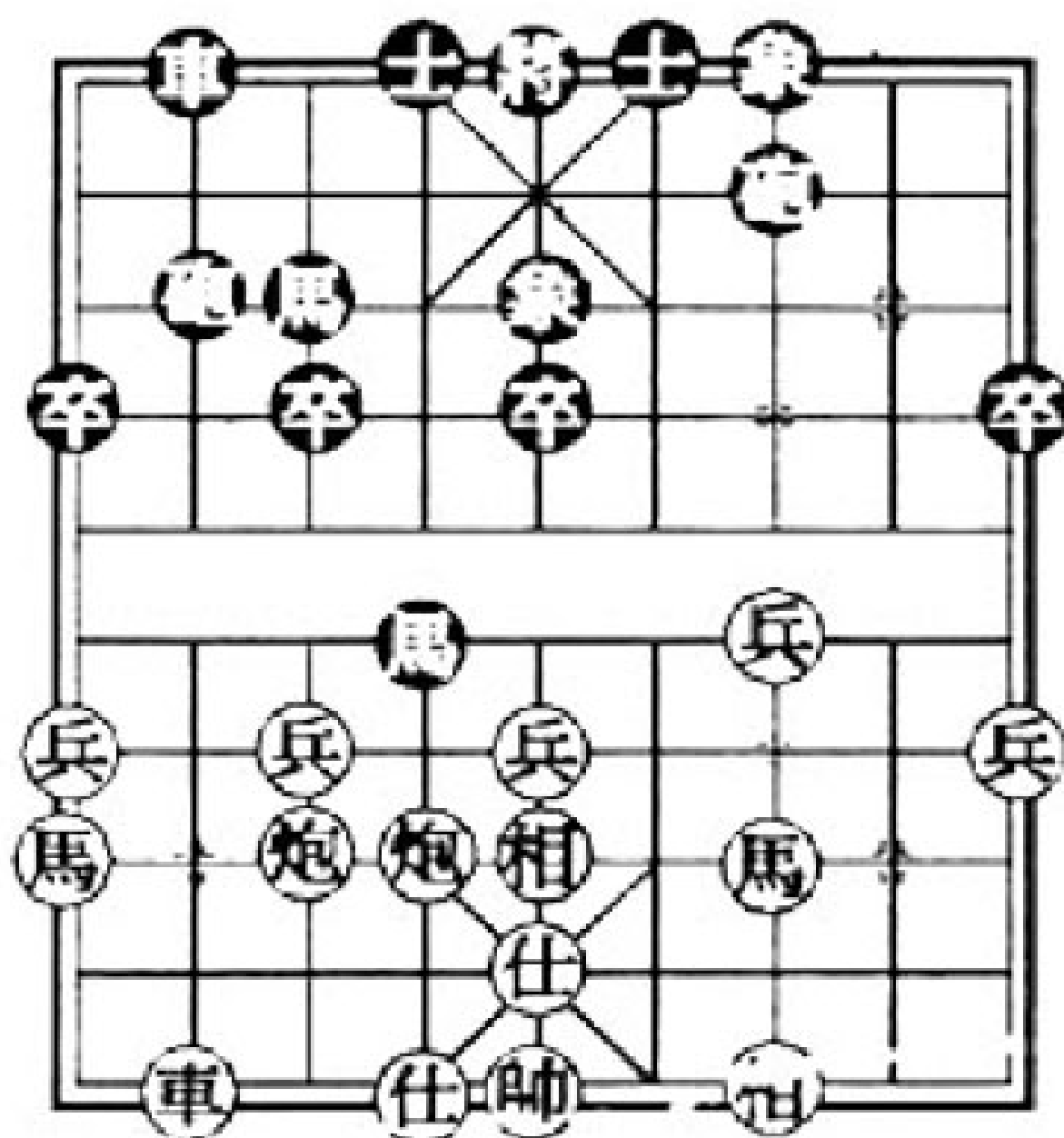
- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 31. 炮6-5 | 馬5.6 | 32. 炮5.5 | 士5/4 |
| 33. 炮5/2 | 炮7-4 | 34. 車4-6 | 車4.6 |
| 35. 仕5.6 | 卒5.1 | 36. 馬s.7 | 炮4/1 |
| 37. 仕6/5 | 卒5.1 | 38. 馬7.5 | 炮4/3 |
| 39. 炮5/1 | 卒5.1 | | |

40. 炮5/3 士4.5
 42. 馬6/4 炮4-5
 43. 炮4/5
 Trắng thắng

41. 馬5.6 馬6.5

CỤC 6

1. 炮2-6 炮8-5
 2. 馬2.3 馬8.7
 3. 車1-2 車9.1
 4. 車2.6 車9-4
 5. 仕4.5 馬2.3
 6. 車2-3 炮5/1
 7. 馬8.9 車4.3
 8. 相7.5 炮5-7
 9. 車3-4 車4-6
 10. 車4/1 馬7.6
 11. 兵3.1 象3.5
 12. 炮8-7 車1-2
 13. 車9-8 馬6.4
 14. 炮6.1 炮2.4
 15. 馬3.4



Trắng tất nhiên lên mã đối quân, có thể đi P6-8 Đen đi X2.6 X8.3 M4.2 M3.4 Trắng dễ đi hơn.

15... 炮7-2

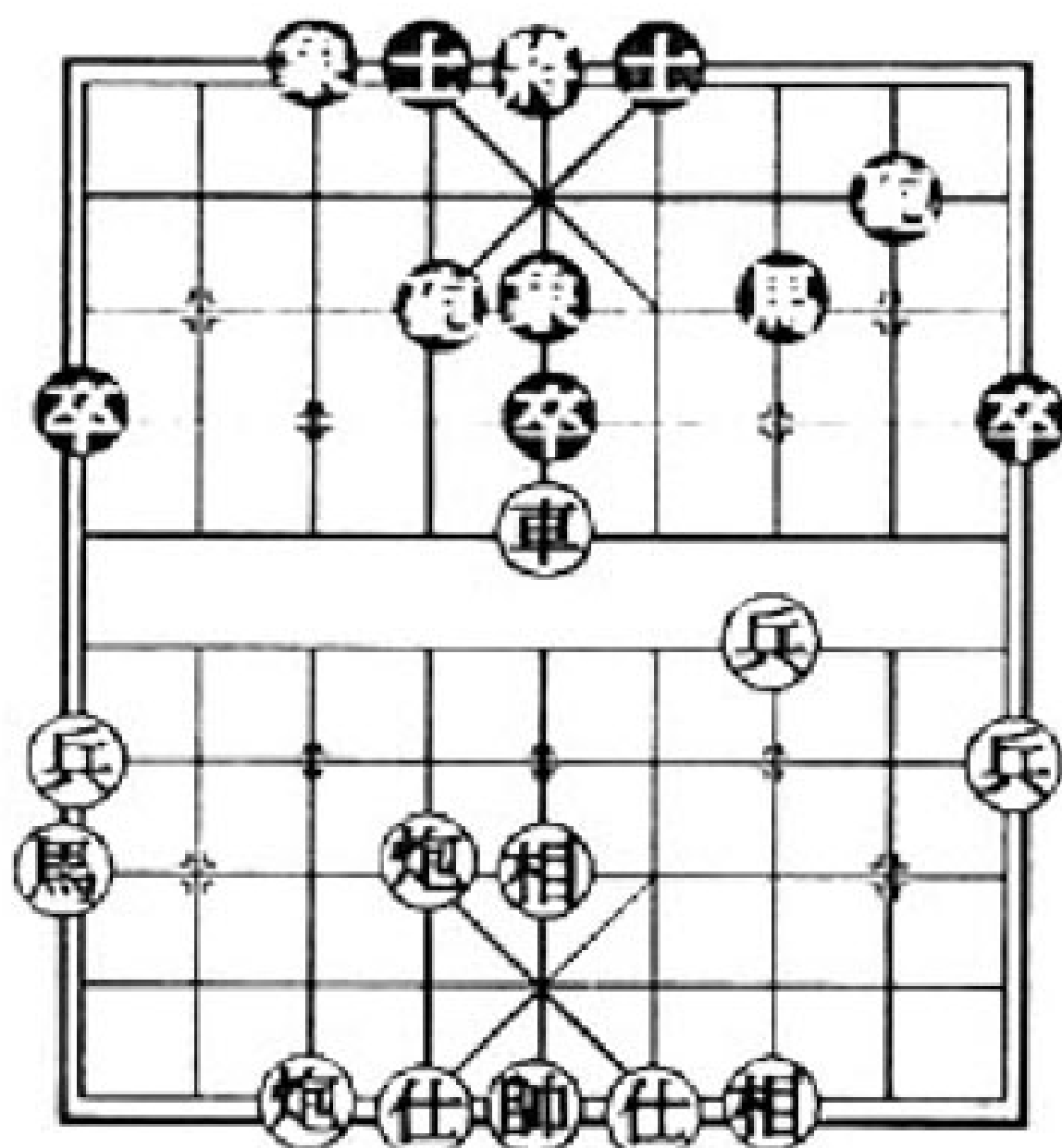
16. 車8-7 炮1-4
 18. 兵7.1 馬4.6
 20. 車8.9 馬3/2
 22. 炮7-4 炮9-4
 24. 兵3.1 卒9.1
 26. 兵9.1 炮4-1

17. 馬4/6 炮2.5
 19. 車7-8 炮2-5
 21. 炮7.1 炮5-9
 23. 炮4.3 馬2.4
 25. 兵3-4 卒9.1
 27. 馬9/7 卒3.1

28. 兵7.1 象5.3
 29. 馬7.6 象3/5
 30. 炮4-3
 hòa cục.

CỤC 7

1. 炮2-6 炮8-5
 2. 馬2.3 馬8.7
 3. 車1-2 車9.1
 4. 車2.6 車9-4
 5. 仕4.5 馬2.3
 6. 車2-3 卒3.1
 7. 相7.5 炮5/1
 8. 炮8.2 炮5-7
 9. 車3-4 象7.5
 10. 兵3.1 車1.1
 11. 馬8.9 車4-6
 12. 車4.2 車1-6
 13. 兵7.1 卒3.1
 14. 車9-7 馬3.4



Bên Đen đi B3-2 ăn Pháo Trắng đi X7.7 P2-1 Đen có được 1 Tốt qua hà nên tình hình khá hơn.

15. 車7.4 馬7.6 16. 馬3.4 馬4.5
 17. 車7/1 馬6/7 18. 車7-5 車6.4
 19. 炮8-7 炮7-8 20. 車5-2 炮8-9
 21. 車2-8 炮2-4 22. 車8-5 車6/1
 23. 炮7/4 炮9-8 24. 仕5/4 車6-5
 25. 車5.2

Bên Trắng đổi Xe là cách chơi dở. Trắng có thể đi X5-2 tróc Pháo Đen đi M7.8 X2-4 cờ thế hai bên bình

ổn.

25...♙5.1

26. ♘9.7 ♘7.8

28. ♖9-6 ♖8.5

30. ♖7.4 ♙5.1

32. ♗5.7 ♖8/2

34. ♘8.6 ♖5/1

36. ♖1.4 ♖7.6

38. ♙9.1 ♙5-4

40. ♖1-4 ♖4-2

42. ♗6.5 ♖6/2

44. ♙5-6 ♖2/6

46. ♙6-5 ♖2-5

48. ♙5-6 ♖s-4

50. ♙5-6 ♙4.1

52. ♙6.1 ♖t-4

54. ♙6-5 ♖s.2

55. ♗7/5 ♖t-5

Đen thắng.

27. ♖6-9 ♘8.6

29. ♘7.8 ♙5.1

31. ♖7-5 ♙6.5

33. ♖6-7 ♖8-5

35. ♖7-1 ♖5-7

37. ♗4.5 ♖7/3

39. ♘6/4 ♖7-6

41. ♗5/4 ♖2.7

43. ♖4/2 ♖6-5

45. ♖5-6 ♖5-4

47. ♗5.4 ♖4-5

49. ♙6-5 ♖4-5

51. ♗4.5 ♙4.1

53. ♗5.6 ♖5-4

CỤC 8

1. ♖2-6 ♖8-5

3. ♙1-2 ♙9.1

5. ♙2-3 ♙9-4

7. ♗3.5 ♖5-7

9. ♘8.9 ♖4.3

11. ♙4/3 ♖7.5

13. ♙9-8 ♖2-1

15. ♖7.3 ♖7-3

2. ♘2.3 ♘8.7

4. ♙2.6 ♘2.3

6. ♗4.5 ♖5/1

8. ♙3-4 ♙1.1

10. ♖8.2 ♘7.8

12. ♖8-7 ♖7.1

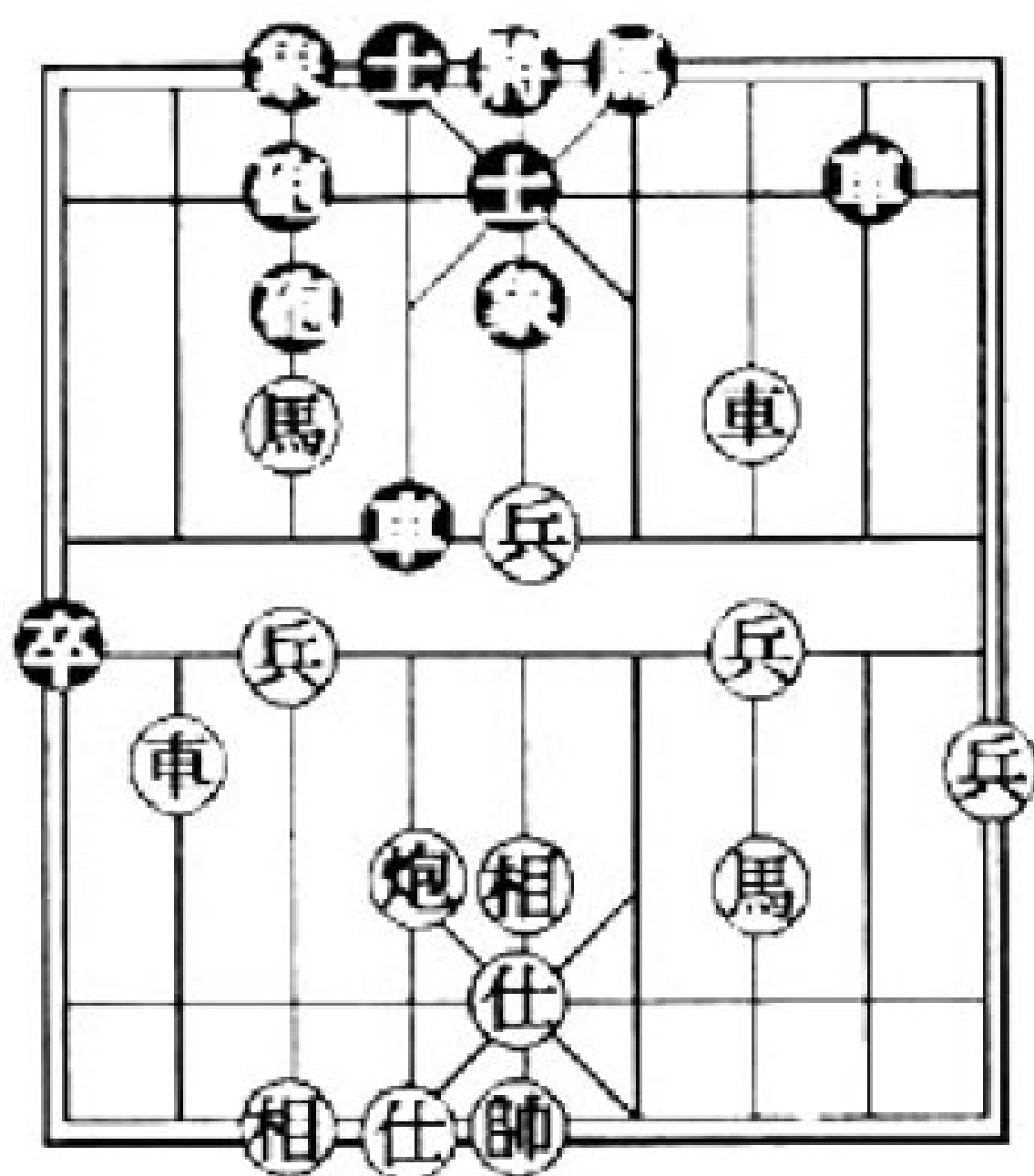
14. ♙8.6 ♙3.1

16. ♙8-5 ♙1-7

17. 兵3.1 炮3/1
 Nếu Đen đi B1.1
 B5.1 bên Trắng
 chiếm ưu.

18. 車5-7 炮3-1
 19. 兵9.1 士6.5
 20. 車7-2 卒1.1
 21. 馬9.8 卒3.1
 22. 兵7.1 卒1.1
 23. 馬8.7 炮1-3
 24. 兵5.1 炮7-8
 25. 車2-1 馬8/7
 26. 車1-3 炮1-3
 27. 車4-8 馬7/6
 28. 兵5.1 炮4-5
 29. 車8.4 炮8.2
 30. 車8-7 炮3-5
 31. 車7/1 馬6.7
 33. 炮6-7 將5-6
 35. 車3.2 將6.1
 37. 車7/1 炮5-3
 39. 兵7-6 卒1-2
 40. 炮7.5

Trắng thắng.



32. 車3.1 炮8.2
 34. 兵3.1 炮5.7
 36. 車3/1 將6.1
 38. 兵7.1 炮3.5

CỤC 9

1. 炮2-6 炮8-5
 2. 馬2.3 馬8.7
 3. 車1-2 炮9.1

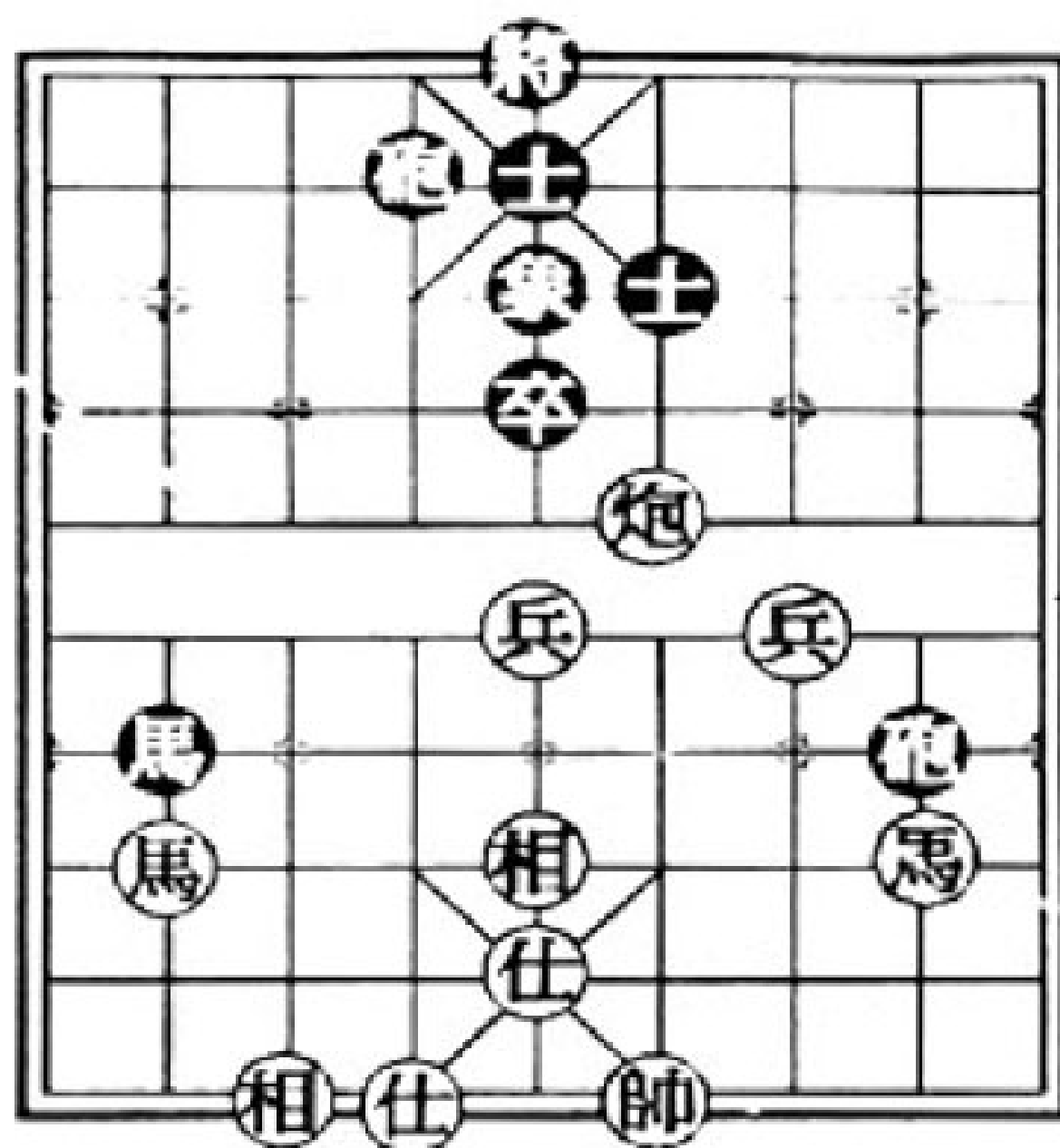
- | | |
|---------|------|
| 4. 仕4.5 | 馬2.3 |
| 5. 馬8.9 | 車9-4 |
| 6. 車2.6 | 卒3.1 |

Nếu Đen đi B5.1
thì Trắng P8.4 B3.1
P6-5 hai bên tranh
nhau cướp tiên.

- | | |
|----------|------|
| 7. 車2-3 | 炮5/1 |
| 8. 相7.5 | 車4.1 |
| 9. 炮8.2 | 炮5-7 |
| 10. 車3-4 | 車4-6 |
| 11. 車4.1 | 炮2-6 |
| 12. 炮8-3 | 馬7.6 |
| 13. 炮3.5 | 士6.5 |
| 14. 車9-8 | 卒3.5 |
| 15. 炮3-2 | 炮6-7 |
| 17. 車8.9 | 馬3/2 |
| 19. 兵5.1 | 馬6.7 |
| 21. 炮6.5 | 馬3.4 |
| 23. 炮6-8 | 炮1-9 |
| 25. 炮8/2 | 炮9.4 |
| 27. 兵7.1 | 卒3.1 |
| 29. 相3.5 | 卒9.1 |

Đen đi M4/2 thì có lợi hơn.

- | | |
|----------|------|
| 31. 炮2-4 | 炮7-4 |
| 33. 馬1.2 | 卒9.1 |
| 35. 炮4-1 | 炮1.4 |
| 37. 相9/7 | 卒1.1 |
| 39. 馬7.6 | 馬2.3 |
| 41. 帥5-4 | 炮1-4 |
| 43. 馬3.2 | 馬3/2 |



- | | |
|----------|------|
| 16. 馬3/1 | 車1-2 |
| 18. 兵3.1 | 馬2.3 |
| 20. 炮2/5 | 士5.6 |
| 22. 兵9.1 | 士4.5 |
| 24. 炮8/2 | 馬4/3 |
| 26. 炮8-3 | 炮7.5 |
| 28. 相5.7 | 馬3.4 |
| 30. 炮2.1 | 馬4/3 |
| 32. 馬9/7 | 炮4/5 |
| 34. 炮4/1 | 炮4-1 |
| 36. 相7/9 | 馬3.2 |
| 38. 馬2/4 | 炮9-6 |
| 40. 炮1/1 | 炮6-5 |
| 42. 馬4/3 | 炮5-8 |
| 44. 炮1.2 | 炮4/4 |

17. 兵3.1 炮3/1

Nếu Đen đi B1.1

B5.1 bên Trắng

chiếm ưu.

18. 車5-7 炮3-1

19. 兵9.1 士6.5

20. 車7-2 卒1.1

21. 馬9.8 卒3.1

22. 兵7.1 卒1.1

23. 馬8.7 炮t-3

24. 兵5.1 車7-8

25. 車2-1 馬8/7

26. 車1-3 炮1-3

27. 車4-8 馬7/6

28. 兵5.1 車4-5

29. 車8.4 炮s.2

30. 車8-7 炮3-5

31. 車7/1 馬6.7

33. 炮6-7 卒5-6

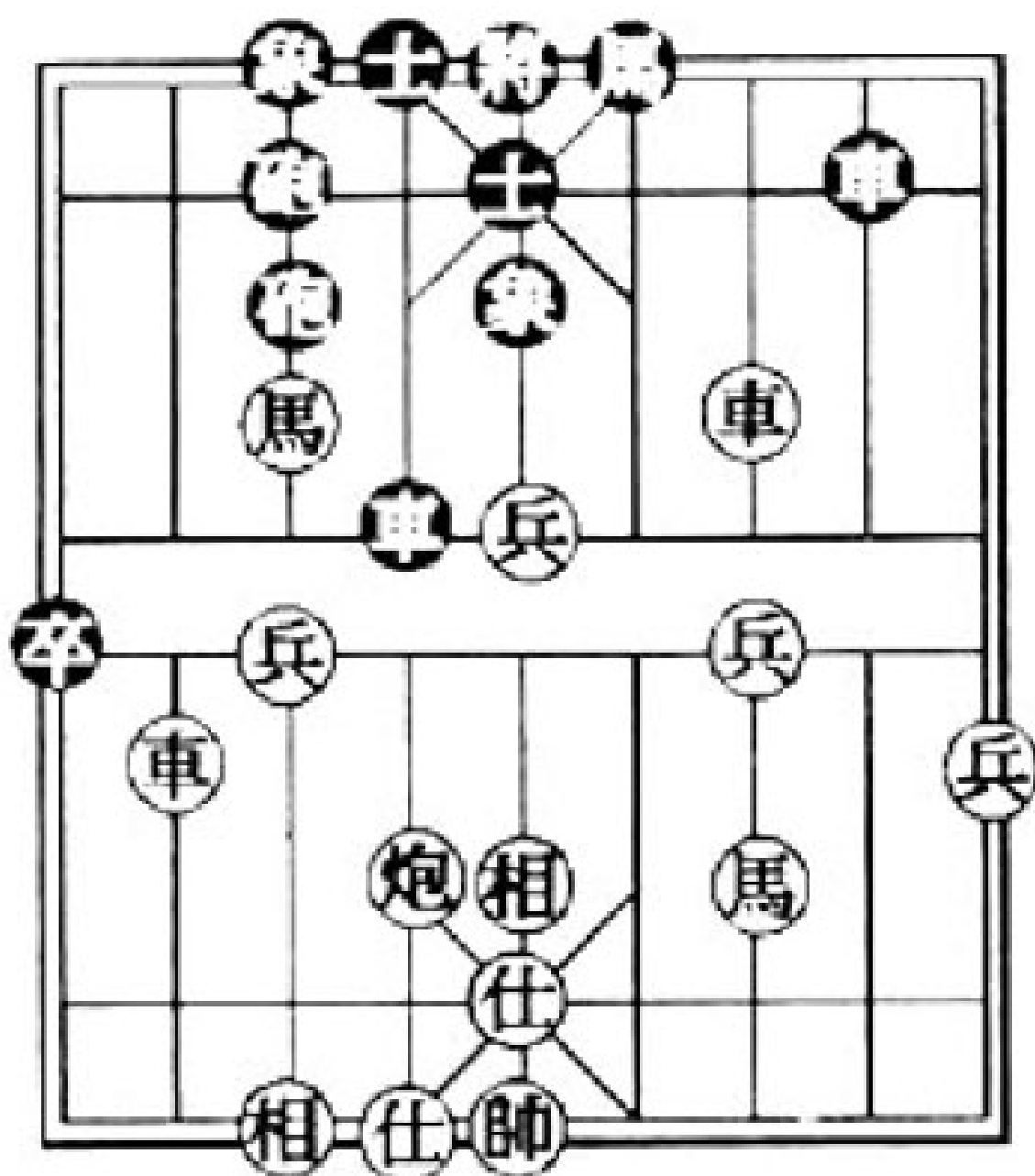
35. 車3.2 卒6.1

37. 車7/1 車5-3

39. 兵7-6 卒1-2

40. 炮7.5

Trắng thắng.



32. 車3.1 車8.2

34. 兵3.1 象5.7

36. 車3/1 將6.1

38. 兵7.1 象3.5

CỤC 9

1. 炮2-6 炮8-5

2. 馬2.3 馬8.7

3. 車1-2 車9.1

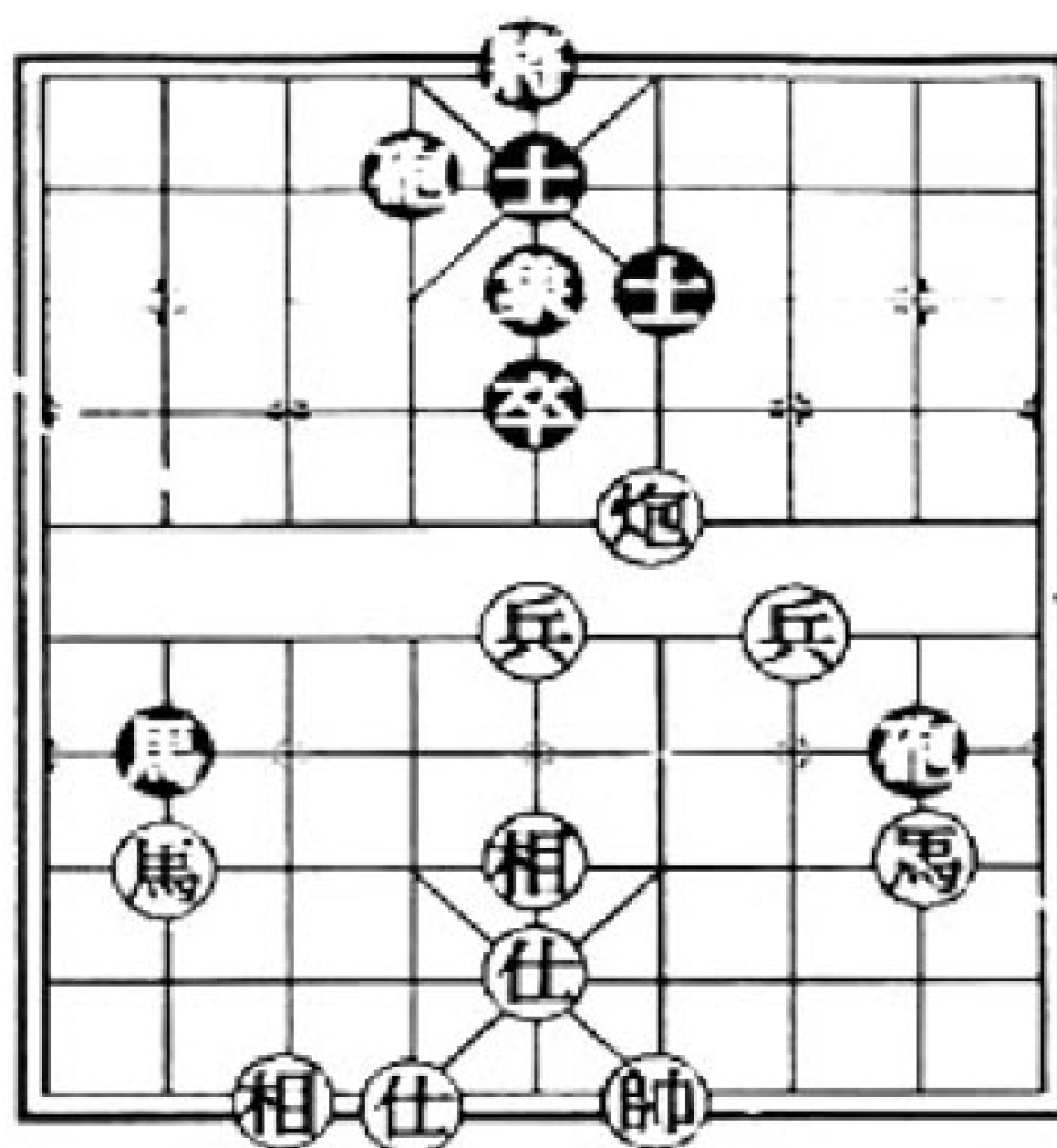
- | | |
|---------|------|
| 4. 仕4.5 | 馬2.3 |
| 5. 馬8.9 | 車9-4 |
| 6. 車2.6 | 卒3.1 |

Nếu Đen đi B5.1
thì Trắng P8.4 B3.1
P6-5 hai bên tranh
nhau cướp tiên.

- | | |
|----------|------|
| 7. 車2-3 | 炮5/1 |
| 8. 相7.5 | 車4.1 |
| 9. 炮8.2 | 炮5-7 |
| 10. 車3-4 | 車4-6 |
| 11. 車4.1 | 炮2-6 |
| 12. 炮8-3 | 馬7.6 |
| 13. 炮3.5 | 士6.5 |
| 14. 車9-8 | 車3.5 |
| 15. 炮3-2 | 炮6-7 |
| 17. 車8.9 | 馬3/2 |
| 19. 兵5.1 | 馬6.7 |
| 21. 炮6.5 | 馬3.4 |
| 23. 炮6-8 | 炮1-9 |
| 25. 炮8/2 | 炮9.4 |
| 27. 兵7.1 | 卒3.1 |
| 29. 相3.5 | 卒9.1 |

Đen đi M4/2 thì có lợi hơn.

- | | |
|----------|------|
| 31. 炮2-4 | 炮7-4 |
| 33. 馬1.2 | 卒9.1 |
| 35. 炮4-1 | 炮1.4 |
| 37. 相9/7 | 卒1.1 |
| 39. 馬7.6 | 馬2.3 |
| 41. 帥5-4 | 炮1-4 |
| 43. 馬3.2 | 馬3/2 |



- | | |
|----------|------|
| 16. 馬3/1 | 車1-2 |
| 18. 兵3.1 | 馬2.3 |
| 20. 炮2/5 | 士5.6 |
| 22. 兵9.1 | 士4.5 |
| 24. 炮8/2 | 馬4/3 |
| 26. 炮8-3 | 炮7.5 |
| 28. 相5.7 | 馬3.4 |
| 30. 炮2.1 | 馬4/3 |
| 32. 馬9/7 | 炮4/5 |
| 34. 炮4/1 | 炮4-1 |
| 36. 相7/9 | 馬3.2 |
| 38. 馬2/4 | 炮9-6 |
| 40. 炮1/1 | 炮6-5 |
| 42. 馬4/3 | 炮5-8 |
| 44. 炮1.2 | 炮4/4 |

45. 炮1-9	馬2.4	46. 馬6/8	馬4.2
47. 炮9-4	士5.4	48. 馬2.4	炮8/5
49. 帥4-5	士6/5	50. 炮4-2	炮8-6
51. 炮2/2	馬2/3	52. 炮2.1	馬3.2
53. 炮2/1	馬2/3	54. 炮2.1	馬3.2
55. 馬4/2	士5.6	56. 馬2.1	炮4-2
57. 馬8.6	炮2.2	58. 炮2/1	馬2/4
59. 炮2-5	炮2.3	60. 馬6.8	炮2.3
61. 馬8.9	炮2-1	62. 馬1.2	士4/5
63. 相5.7	將5-6	64. 仕5.6	將6-5
65. 炮5/2	將5-6	66. 馬9/8	卒5.1
67. 炮5.4	炮1/5	68. 炮5-6	炮1-2
69. 仕6.5	炮2/4	70. 相7.5	炮2-5
71. 馬2.1	炮5-4	72. 馬1/3	將6-5
73. 馬8.7	象5.3	74. 炮6-5	士5.4
75. 馬7.8	炮6-3	76. 兵3.1	炮4.1
77. 馬8/9	馬4/3	78. 炮5.1	象3/1
79. 兵3-4	炮4-6	80. 馬9.7	將5-4
81. 炮5-1	將4-5	82. 炮1.3	炮3/1
83. 炮1/2	炮6-3	84. 馬7/9	炮t-1
85. 馬9.7	炮1-3	86. 馬7/9	馬3/2
87. 馬9/8	炮s-2	88. 馬8/9	士4/5
89. 炮1/4	馬2.3	90. 炮1-7	馬3/5
91. 炮7-3	馬5.3	92. 兵5.1	馬3.4
93. 炮3-5	將5-4	94. 炮5.1	馬4/3
95. 兵5.1	炮2.4	96. 兵4.1	馬3.1
97. 炮5-1	炮3/1	98. 兵5.1	炮2/2
99. 馬3/4	馬1/3	100. 馬4.6	炮2.1
101. 馬9.8	炮2.1	102. 兵4.1	士5.6
103. 炮1.2	馬3.2	104. 馬6/8	象1.3

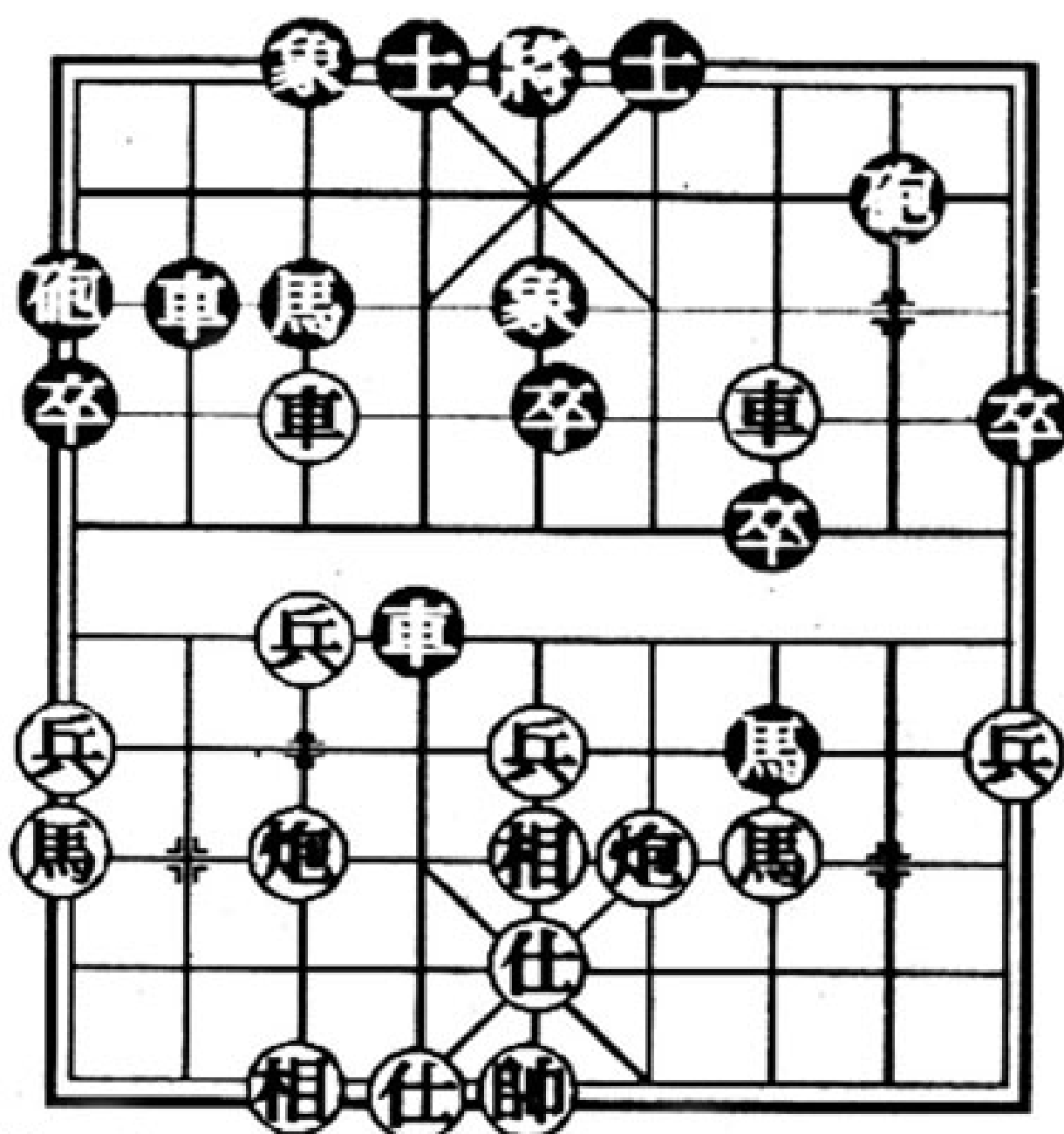
105. 兵5-4 炮3.1
 107. 兵4.1 馬3/5
 109. 炮1.2 馬7.5
 110. 仕5.4

106. 馬8.7 馬2/3
 108. 兵4-5 馬5/7

Trắng thắng.

CỤC 10

1. 炮2-6 炮8-5
 2. 馬2.3 車9.1
 3. 車1-2 馬8.7
 4. 仕4.5 車9-4
 5. 車2.6 馬2.3
 6. 馬8.9 卒7.1
 7. 車2-3 炮5/1
 8. 炮8-7 炮5-7
 9. 車3-4 象7.5
 10. 車9-8 車1-2
 11. 車8.6 馬7.8
 12. 車4-2 馬8.7
 13. 車2-3 炮2-1



Đen đổi Xe là kịp thời

14. 車8-7 車2.2 15. 兵7.1 炮7-8
 16. 炮6-4 車4.4 17. 相3.5 炮8-3
 18. 車7-9 炮3-1 19. 車9-7 炮t.5
 20. 車7.1

Nếu Trắng đi T7.9 thì P1.6 X7.1 P1.2 T5/7 X2:7 Tg5-4 X2-3 bên Đen thắng thế.

20... 車2-3
 21. 炮7.5 炮t.2
 22. 車3-4 馬7.5
 23. 兵7.1 卒7.1

24. ⑤3/4 ⑧5.3

Chậm quá. Nếu Đen đi X4-3 thì M4.5 X3/1 bên Đen giành ưu thế rõ.

25. ④4-5 ⑥3/5

26. ④5-7 ⑥s-5

27. ⑤4.5 ⑥5.5

28. ⑥5-4 ⑥7.1

29. ④7/3 ⑥7-6

30. ⑤5/7 ⑥1/1

31. ⑤7.8 ⑥1-4

Bình Pháo là nước hay. Nếu Đen đi X5-2 thì X7-8 B6.1 bên Trắng có cơ may cầu hòa. Hiện tại Đen thoái Pháo dã Xe và binh Xe hỏi Tướng, bên Trắng rất khó chống đỡ.

32. ⑥4-9 ⑥4/2

33. ④7.3

Nếu Trắng đi P9-6 thì P5-3 P6.2 P4-2 bên Đen giành thế thắng.

33... ⑥5-2

34. ⑥7-8 ⑥4-8

35. ⑥9-5 ⑥6-5

36. ⑥5-8 ⑥8.4

37. ⑥4.1 ⑥4.2

38. ⑥5.6 ⑥5-4

39. ④7-6 ⑥2-3

40. ⑥4-5 ⑥8-4

41. ④6-7 ⑥4-3

42. ④7-4 ⑥4.1

43. ⑥t/1 ⑥4/1

44. ⑥5/1 ⑥t-1

45. ⑥t-5 ⑥4.5

46. ⑥5-4 ⑥1.1

47. ⑥8/2 ⑥5-4

48. ⑥5-9 ⑥1/6

49. ⑥8.9 ⑥3.1

50. ④4-9 ⑥4-5

Đen thắng.

CỤC 11

1. ⑥2-6 ⑥8-5

2. ⑤2.3 ⑥8.7

3. ④1-2 ⑥9.1

4. ④2.6 ⑥9-4

5. ⑥4.5 ⑥3.1

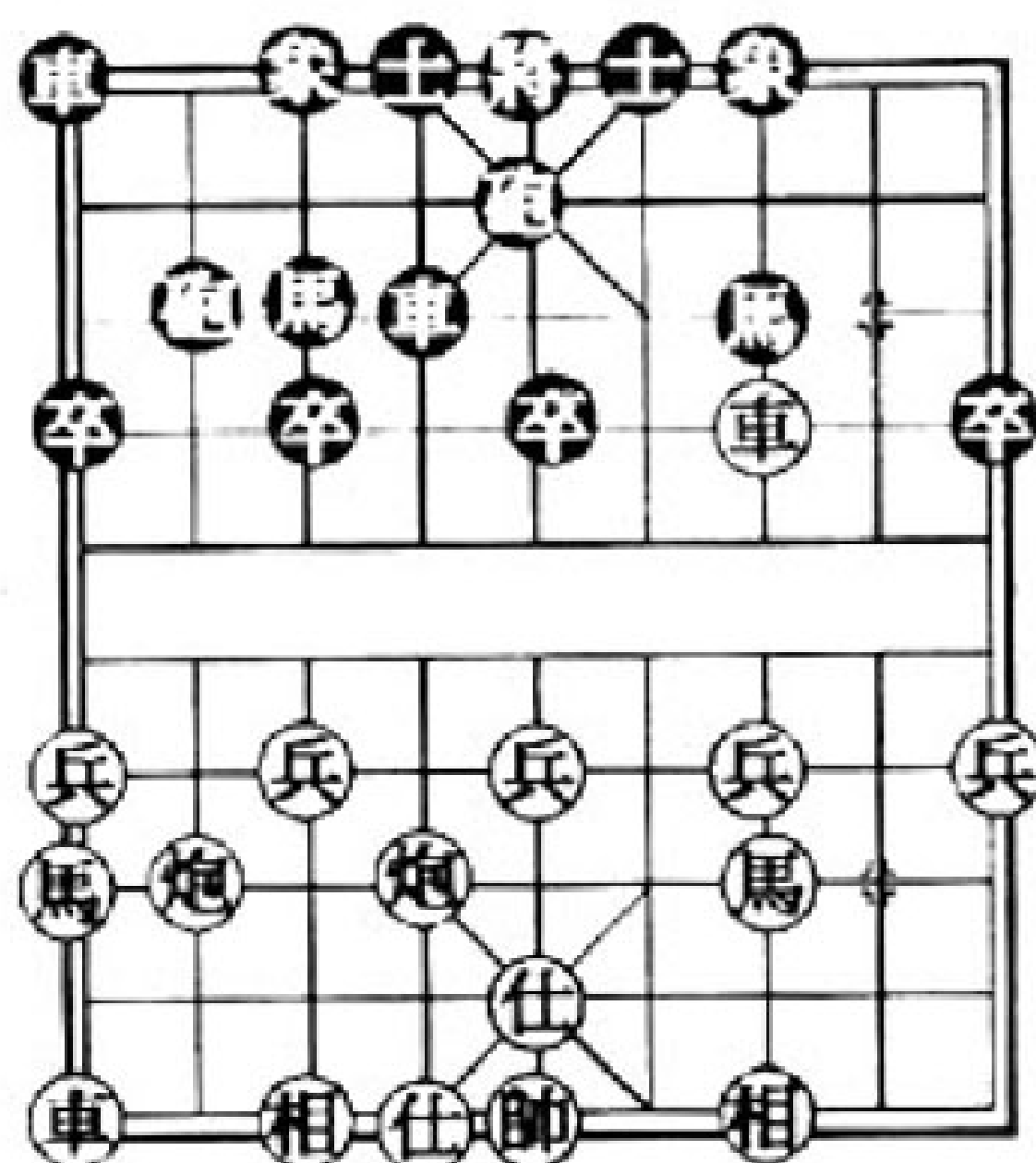
6. ④2-3 ⑥2.3

46. ⑤1/2 ⑧5.3
 48. ⑧5/1 ⑧1/4
 50. ⑧1.1 ⑧1/1
 52. ⑧4.1 ⑧2/4
 54. ⑧5.1 ⑧7/5

Đen thắng

47. ⑧2-5 ⑧3/5
 49. ⑧2/4 ⑧3/2
 51. ⑧4.6 ⑧6.7
 53. ⑧1-2 ⑧4.3
 55. ⑧5.1 ⑧1.4

CỤC 12



1. ⑧2-6 ⑧8-5
 2. ⑧2.3 ⑧8.7
 3. ⑧1-2 ⑧9.1
 4. ⑧2.6 ⑧9-4
 5. ⑧4.5 ⑧2.3
 6. ⑧2-3 ⑧5/1
 7. ⑧8.9 ⑧4.1

Đen cũng có thể đi
 B3.1 Trắng sẽ B3.1
 P5-7 X3-4 X1.1 cả
 hai bên vừa công
 vừa thủ.

8. ⑧3.5 ⑧5-7
 9. ⑧3-2 ⑧3.1
 10. ⑧8.2 ⑧4.3
 11. ⑧9.1 ⑧3.5
 12. ⑧3.1 ⑧1.1
 14. ⑧9-7 ⑧4-8
 16. ⑧7.1 ⑧3.1
 18. ⑧3.1 ⑧8/7

Nếu Đen đi M4.2 đổi quân thì M9.8 T5.7 M3.4 Đen khó
 ứng phó.

19. ⑧8.1 ⑧4/2

13. ⑧9.1 ⑧4/1
 15. ⑧2/1 ⑧7.8
 17. ⑧7.3 ⑧3.4

20. ⑧7.2 ⑧2.2

21. 車7-8	炮2-3	22. 馬3.4	炮7.3
23. 馬4.5	馬7.6		

Nếu Đen đi M7.5 thì X8-5 Đen sẽ khó đi.

24 車8/2	炮1-7	25. 車8-4	馬6/7
26. 馬5/3	炮5.7	27. 車4.2	馬7.8
28. 馬9.7	炮7/9	29. 車4-7	炮7.5
30. 馬7.6	炮9/7	31. 車7-6	士6.5
32. 炮6-8	炮3-2	33. 車6-8	炮2-3
34. 車8-2	炮3-2	35. 馬6.8	馬8.6
36. 馬8.7	炮5-6	37. 相5.3	士5.6
38. 馬7/6	炮2/3	39. 炮8-4	炮6-5
40. 兵5.1	炮2-6	41. 相7.5	士4.5
42. 炮4-1	炮7.2	43. 車2-1	炮7-9
44. 炮1.4	炮6-9	45. 炮1-9	炮7.9
46. 兵9.1	馬6.7	47. 兵5.1	馬7/9
48. 兵9-8	馬9/8	49. 仕5.6	炮9/7
50. 仕6.5	馬8/7	51. 炮9/3	炮5-6
52. 兵8.1	士5.4	53. 馬6.4	將6.1
54. 炮9-4	炮6-5	55. 兵5-6	炮9.2
56. 馬4/5	馬7.8		
57. 炮4-5			

Trắng thắng.

CỤC 13

1. 炮2-6	炮8-5	2. 馬2.3	馬8.7
3. 車1-2	炮9.1	4. 車2.6	炮9-4
5. 仕4.5	炮7.1	6. 車2-3	馬2.3
7. 馬8.9	炮5/1	8. 炮8-7	炮4.1
9. 車9-8	炮1.2	10. 車8.4	炮5-7
11. 車3-2	炮7-2	12. 車8-4	卒3.1

13. ③3.5 ④1.1
 14. ⑤7/1 ⑥4.5
 15. ⑦2-3

Trắng bình xe cản Mã.
 Nếu đi P7-6 thì X4-6
 X4.3 P2-6 X2-3 M7/9
 X3/1 Trắng có ưu thế rõ.

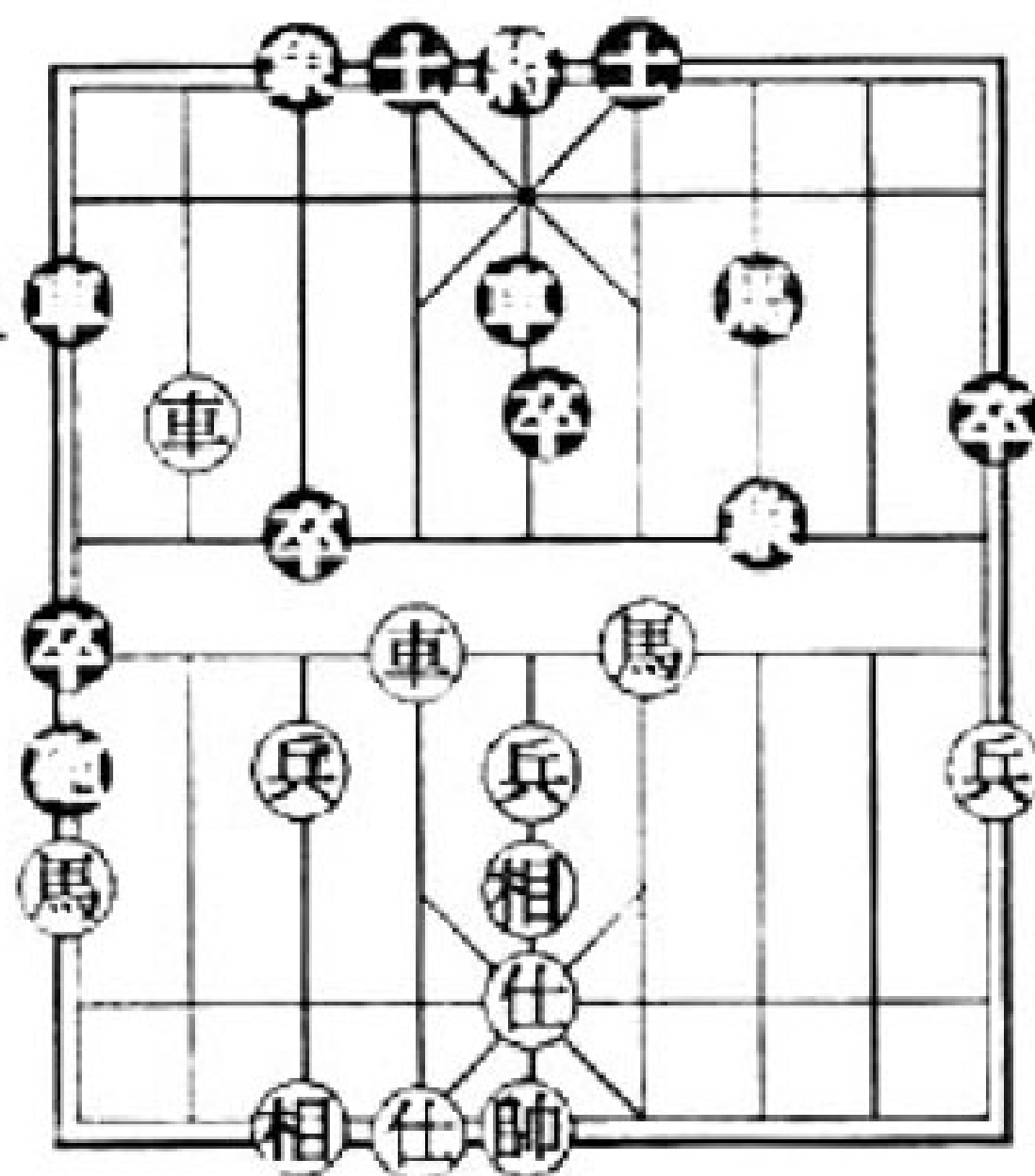
- 15... ⑧3.2
 16. ⑤7-6 ⑨4-3
 17. ⑤s-9 ⑩7.9
 18. ⑦3-2 ⑪t.1
 19. ⑦2/2 ⑫t-1
 20. ⑬3.1

Trắng có thể đi B9.1 Đen P1.2 P9.3 B1.1 X4-9 X1.3
 X2-9 cờ bên Trắng khá hơn.

- 20... ⑭2.1
- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 21. ⑬3.1 | ⑮9.7 | 22. ⑦2-3 | ⑯3.5 |
| 23. ⑤9.2 | ⑫1.3 | 24. ⑦4-8 | ⑫2-3 |
| 25. ⑦8/1 | ④1.1 | 26. ⑦3-6 | ⑫3/1 |
| 27. ⑧3.4 | ⑫3-4 | 28. ⑦8.6 | ⑮5/3 |
| 29. ⑤6.7 | ⑥5/4 | 30. ⑦8/3 | ⑮3-5 |
| 31. ⑬7.1 | ④3.1 | 32. ⑦6-7 | ⑫1-9 |
| 33. ⑦7.5 | ⑮1.2 | 34. ⑧4/3 | ⑫9/2 |
| 35. ⑧9.7 | ④1.1 | 36. ⑧3.2 | ⑫9-8 |
| 37. ⑧7.5 | ⑫8/1 | 38. ⑦8/2 | ⑥6.5 |

hai bên hình thành cục diện phức tạp. Đen hơn Tốt nhưng khuyết Tượng. Trắng có cơ phản kích.

39. ⑧5.7 ⑫8/3
 40. ⑧7.8 ⑮1-4
 41. ⑧8.9 ⑮5-6



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 42. 車7/3 | 車6.1 | 43. 馬9/7 | 將5-6 |
| 44. 炮7/8 | 車4.2 | 45. 車7.1 | 士5.6 |
| 46. 馬2/3 | 車4-2 | | |
| 47. 車8-4 | | | |

Trắng đổi Xe nhằm tranh tiên.

47... 車6.2

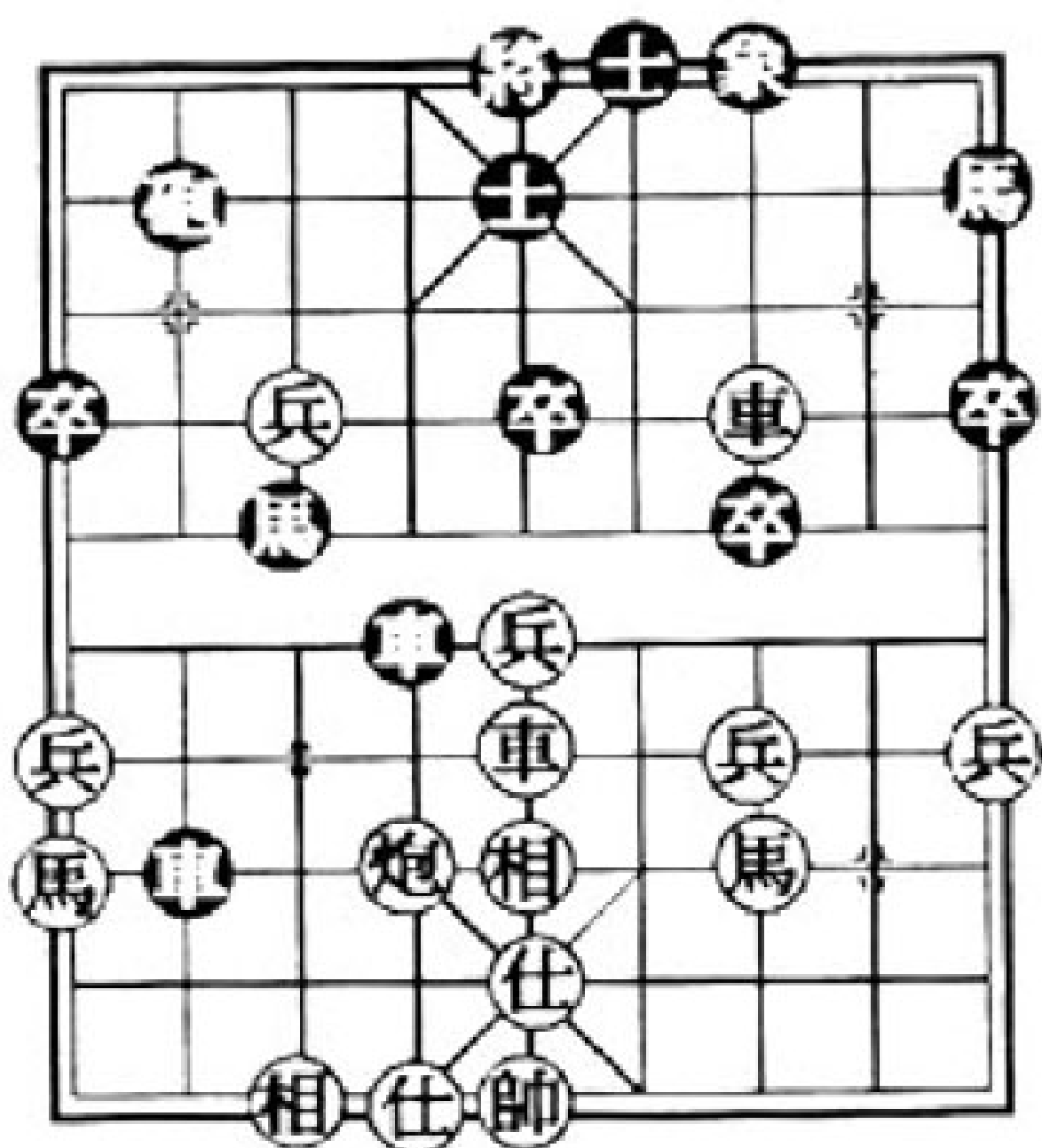
- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 48. 馬3.4 | 士4.5 | 49. 馬4.5 | 馬7.6 |
| 50. 馬8/7 | 車7/5 | 51. 馬5/4 | 車2/2 |
| 52. 車7/1 | 將6-5 | 53. 馬7.8 | 車2-3 |
| 54. 車7-1 | 車8-6 | 55. 馬4.6 | 卒1-2 |
| 56. 兵5.1 | 馬6.8 | 57. 車1-5 | 馬8.6 |
| 58. 仕5.4 | 車5/3 | | |
| 59. 馬8.6 | | | |

Trắng thắng.

CỤC 14

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-6 | 車8-5 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 車1-2 | 車9.1 |
| 4. 車2.6 | 卒7.1 |
| 5. 車2-3 | 車9-4 |
| 6. 仕4.5 | 馬2.3 |
| 7. 馬8.9 | 車5/1 |
| 8. 炮8-7 | 車4.1 |
| 9. 車9-8 | 車1.2 |

Bên Đen cao xe giữ
Mã hình thành kiểu
bố cục thuận pháo,
nhưng bên Đen
không đi M3.4,
Trắng giành tiên thủ.



- | | | | |
|--|------|----------|------|
| 10. ♖8.6 | ♜5-7 | 11. ♖3-4 | ♜7-3 |
| Pháo binh lộ 3 phòng thủ là bố cục linh hoạt | | | |
| 12. ♙7.1 | ♞4.3 | 13. ♖4/4 | ♞3/5 |
| 14. ♖8/3 | ♜3-2 | 15. ♖8-7 | ♜t-3 |
| 16. ♙5.1 | ♞1-2 | 17. ♖7-4 | ♞3.5 |
| 18. ♗3.5 | ♞5/3 | 19. ♖t-5 | ♞4.5 |
| 20. ♘7.1 | | | |

Tiến Pháo không có tác dụng, đi X4.4 cờ sẽ có chiều hướng biến hoá tốt hơn.

20...♞2.5

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 21. ♖4.4 | ♞3.1 | 22. ♙7.1 | ♜3.4 |
| 23. ♖5-7 | ♞3.2 | 24. ♖4-3 | ♞7/9 |
| 25. ♙7.1 | ♞2.3 | | |
| 26. ♘7-5 | | | |

Trắng binh Xe vào giữa khiến cho Đen ó thể công. ếu đi X7.1 đổi Xe, Đen sẽ X4-5 B7-6 X5/1 B9.1 P2-3 X7-8 hai bên còn giằng co lâu dài.

26...♞3.2

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 27. ♖5-7 | ♜2-1 | 28. ♖3-5 | ♜1.5 |
| 29. ♖7.1 | ♞4.2 | 30. ♖7-9 | ♞4/1 |
| 31. ♖5-6 | ♞1.1 | 32. ♖9-8 | ♞4/3 |

Đen thắng.

TIẾT 5

QUÁ CUNG PHÁO ĐỐI PHÁO ĐẦU HOÀNH XE GIỮ MÃ

CỤC 1

- | | |
|---------|------|
| 1. ♘2-6 | ♜8-5 |
| 2. ♞2.3 | ♞8.7 |

3. ④1-2 ⑤9.1
4. ④4.5 ⑤9-4
5. ⑤8.9 ④2.3
6. ④2.6

Bên Trắng có thể đi
P8-7 X1-2 X2.6
giành tiên thủ.

6... ⑤3.1

7. ④2-3 ⑤5/1

Đen có thể đi X4-6
P8-7 M3.4 X9-8
M4.6 X3-2 P2-3
X8.4 X1.1 cục diện
rất gò bó.

8. ④7.5 ⑤4.1

Nếu Đen đi P5-7 X3-4 X1.1 P8-7 M3.4 X4-2 X4-6 hai
bên đối công cờ còn kéo dài.

9. ⑤8.2 ④4-6

10. ⑤8-5 ④3.4

12. ④9-8 ⑤1-2

14. ⑤3.1 ④2-3

16. ④3-2 ⑤4.5

18. ④2/3 ⑤5/2

20. ⑤3.1 ④3-4

22. ④8-5 ⑤5-8

24. ⑤9/7 ④4-7

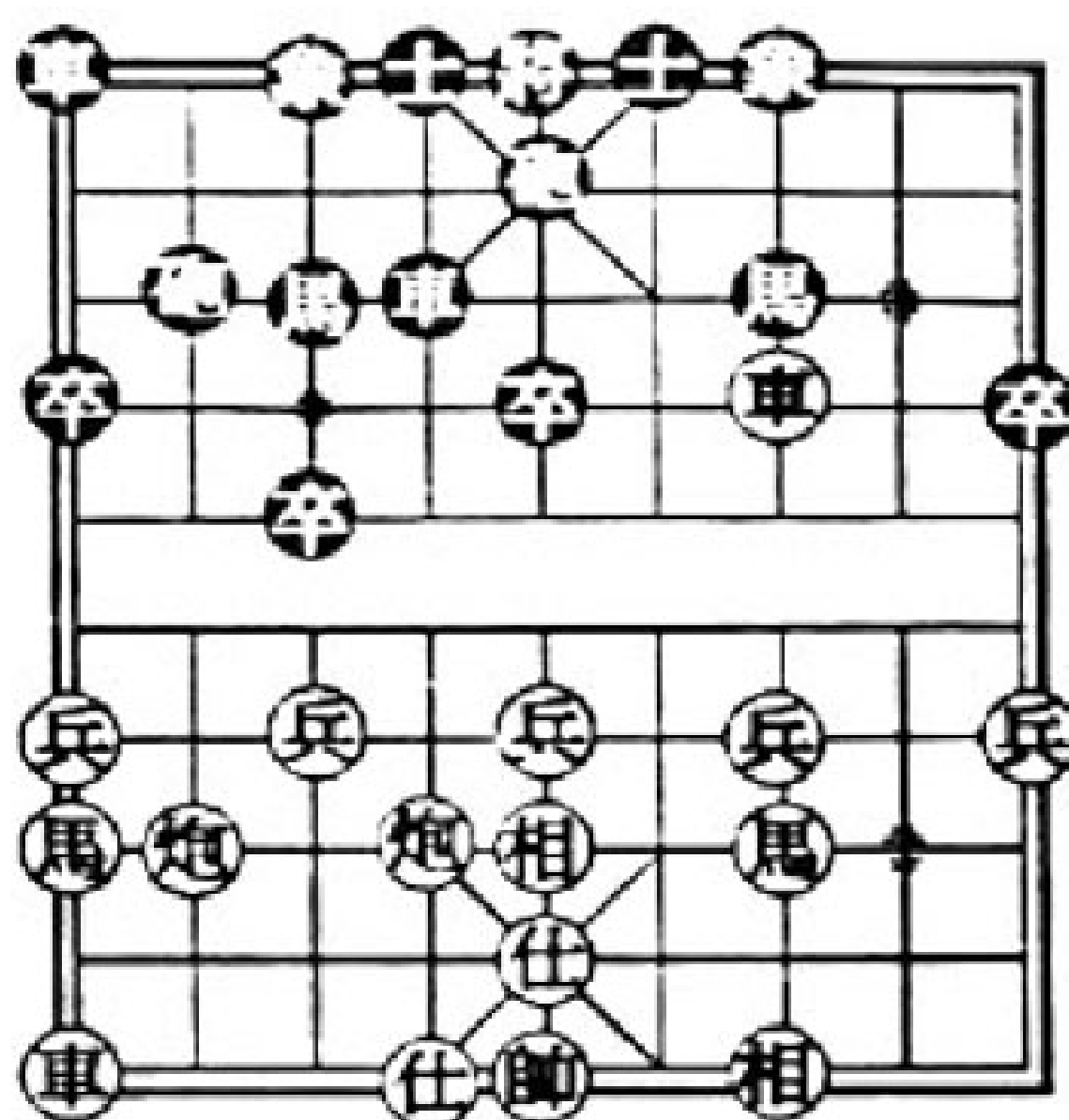
26. ④3.1 ⑤8-9

28. ④1/3 ⑤7.5

30. ④5-9 ⑤5/4

32. ④9.2

Trắng thắng.



11. ⑤5.4 ④4.5

13. ④8.5 ⑤3.1

15. ⑤3.1 ④2-5

17. ⑤3.5 ④5.4

19. ④8.1 ⑤6.3

21. ④2-5 ⑤7/9

23. ④8-2 ⑤4.4

25. ⑤7.6 ④6.3

27. ⑤6/1 ④6/4

29. ④5.1 ⑤7/1

31. ④2-5 ⑤6.5

CỤC 2

- | | |
|----------|------|
| 1. 炮2-6 | ●8-5 |
| 2. 馬2-3 | ●9.1 |
| 3. 車1-2 | ●8.7 |
| 4. 車2-6 | ●9-4 |
| 5. 仕4.5 | ●3.1 |
| 6. 車2-3 | ●2.3 |
| 7. 相7.5 | ●5/1 |
| 8. 馬8.9 | ●4.1 |
| 9. 炮8.2 | ●4-6 |
| 10. 炮8-5 | ●2.5 |

Đen tiến Pháo, áp chế quân Trắng là kiểu chơi tích cực.

Nếu Đen đi T7.5 X9-8 P2-1 X8.7 Trắng chiếm ưu

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 11. 炮5.4 | ●4.5 | 12. 車3/2 | ●1-2 |
| 13. 車9-8 | ●3.5 | 14. 兵9.1 | ●2/3 |
| 15. 兵7.1 | ●7.8 | | |

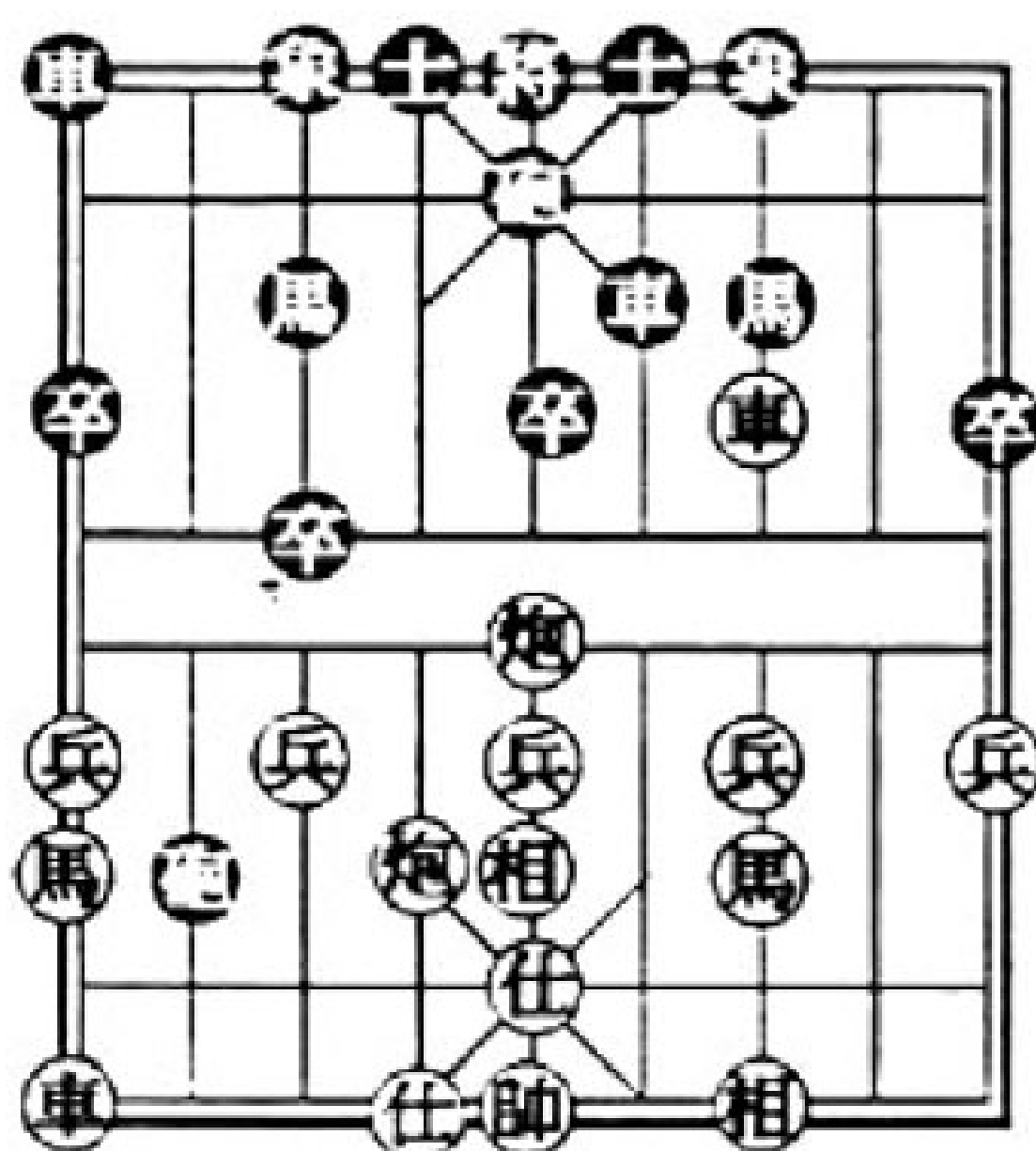
Nếu đi B3.1 thì X3-7 P2-3 có thể ứng phó được.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 16. 兵7.1 | ●5.3 | 17. 車3-7 | ●7.5 |
| 18. 兵3.1 | ●6.2 | 19. 車8.3 | ●2/1 |
| 20. 車7-6 | ●5.1 | | |
| 21. 車6.4 | | | |

Bên Trắng tiến Xe khống chế được quân lực bên cánh phải của Đen, nhằm tranh tiên.

21... ●6/1

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 22. 兵3.1 | ●8/7 | 23. 車6-7 | ●2-3 |
| 24. 車7.1 | ●5/3 | 25. 車8.1 | ●3.5 |
| 26. 馬3.2 | ●3/1 | 27. 兵3-4 | ●6-5 |
| 28. 馬9/7 | ●2-3 | 29. 馬7.6 | ●3/3 |



30. 兵4-5	車5-8
32. 馬2.3	馬7/8
34. 炮9.4	馬9.7
36. 兵5-6	車5/7
38. 車3-6	車3/5
40. 馬5/7	炮3.4
42. 車6.1	車8/3
44. 車6-7	

31. 車8-3	馬1.2
33. 炮6-9	馬8.9
35. 炮9-3	馬2/4
37. 馬6.5	馬4.6
39. 兵6.1	車8.3
41. 兵6-5	馬6/7
43. 炮3/2	車8-5

Trắng thắng

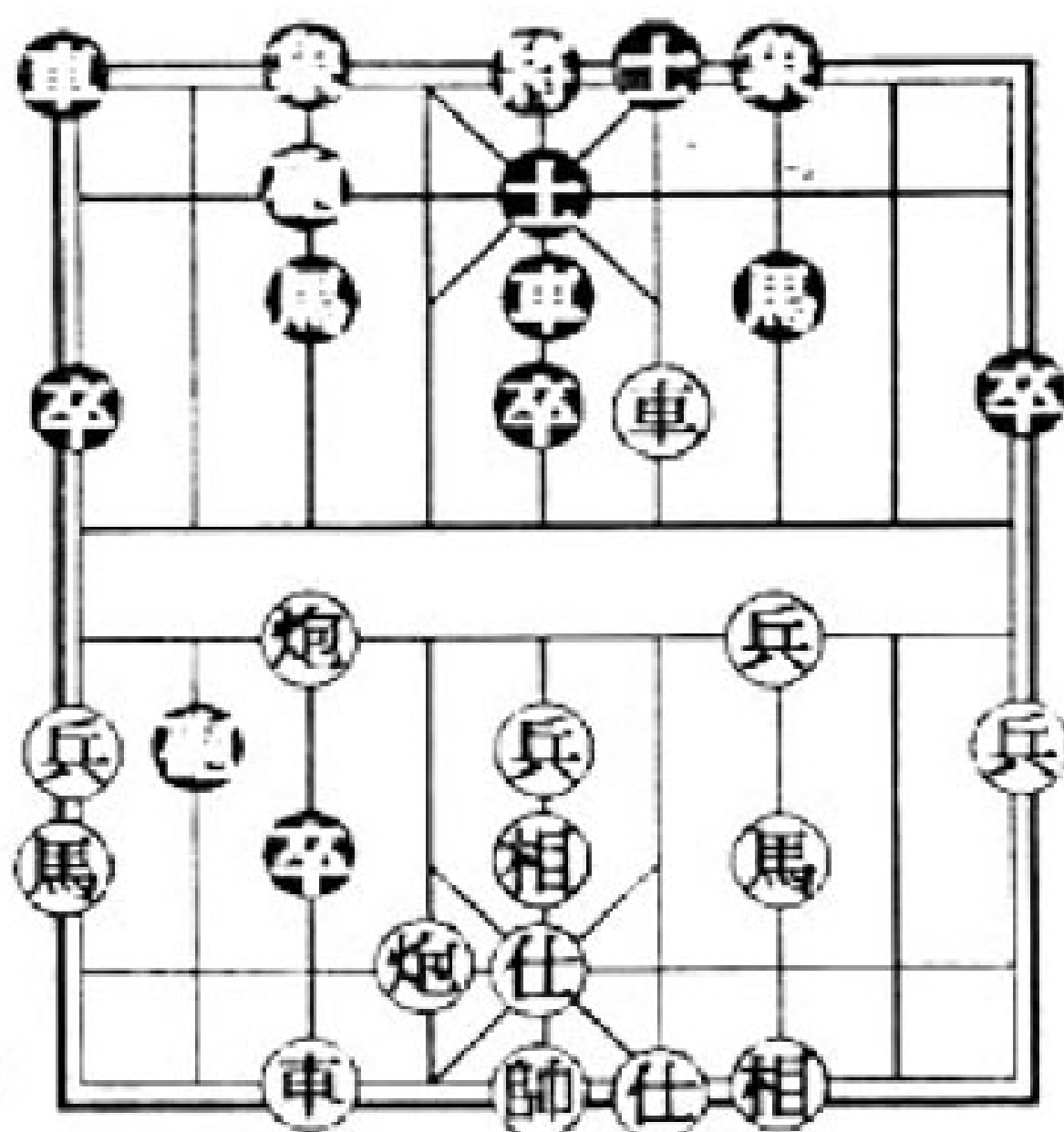
CỤC 3

1. 炮2-6	炮8-5
2. 馬2.3	馬8.7
3. 車1-2	馬2.3
4. 車2.6	卒3.1
5. 兵3.1	車9.1
6. 仕6.5	車9-4
7. 車2-3	炮5/1
8. 馬8.9	車4.1
9. 車3-4	炮2.4
10. 兵7.1	

Bên Trắng đổi Tốt lộ 7 là căn nguyên của sự thất thế. Nếu đi B3.1 thì P2-5

M3.5 P5.5 Tg5-6 X1-2 X9-8 Trắng có 2 Tốt qua sông, chiếm ưu thế hơn.

10... 卒3.1	
11. 相7.5	卒3.1
12. 車9-7	炮5-3
13. 炮8/1	卒3.1



14. 炮8-6 車4-5 15. 炮1.2 士4.5
 16. 炮1-7

Nếu Trắng đi X7-8 tróc Pháo thì X1-2 B3.1 cục thế bên Trắng tuy không hoàn chỉnh nhưng có cơ hội đổi công.

16... 車3.4

17. 車4-3 車7.9

18. 車3-2 炮2.1

Đen tiến Pháo là nước hay nhằm khống chế cục diện.

19. 車7-6 馬4.2

20. 兵3.1 馬2.1

21. 車6-9 車5-4

22. 仕5.6 車4-3

23. 車2/2 炮2-4

24. 馬3.4 炮3.4

25. 馬4.6 車3.2

26. 相5.7 車3-4

27. 炮7/9 車4-7

28. 車9-7 車3-2

29. 車2-8 車4-8

30. 車8/2 炮8.2

31. 車8-2 車7.5

32. 炮6/1 車1.2

33. 車7.2 車1-6

34. 車7.7 士5/4

Đen thắng

CỤC 4

1. 炮2-6 炮8-5

2. 馬2.3 馬8.7

3. 車1-2 馬2.3

4. 馬8.7 車9.1

5. 仕4.5 車9-4

6. 炮8.2 卒7.1

7. 炮8-7 車4-3

8. 車9-8 卒3.1

9. 炮7-4 車1-2

10. 車2.4 馬7.6

Đen tiến Mã, nếu đi P2.4 thì Trắng P4-8 P2-5 M3.5 P5.4 P6-5 P5/2 B3.1 B7.1 X2-3 M3/5 thế cờ hai bên cân bằng.

11. 車8.4 車2.1

12. 炮6-4 炮2.2

13. 炮t.5 馬3.4

14. 炮t/1 卒3.1

15. 車8/3

Nếu Trắng đi X8-7
thì X3.4 B7.1 M6.5
M4.5 Pt/5 P2.5 bên
Đen giành ưu thế rõ

15... 車3-6

16. 炮4.6 馬4.2

17. 車8-6 馬6.4

18. 炮4/4 卒2-4

19. 車2.5 士4.5

20. 車6-8 卒5-2

21. 車8-7 馬4.3

22. 炮4-8 卒3-2

23. 車2-3 士5/6

25. 車3-7 馬3/1

27. 車7.4 士6.5

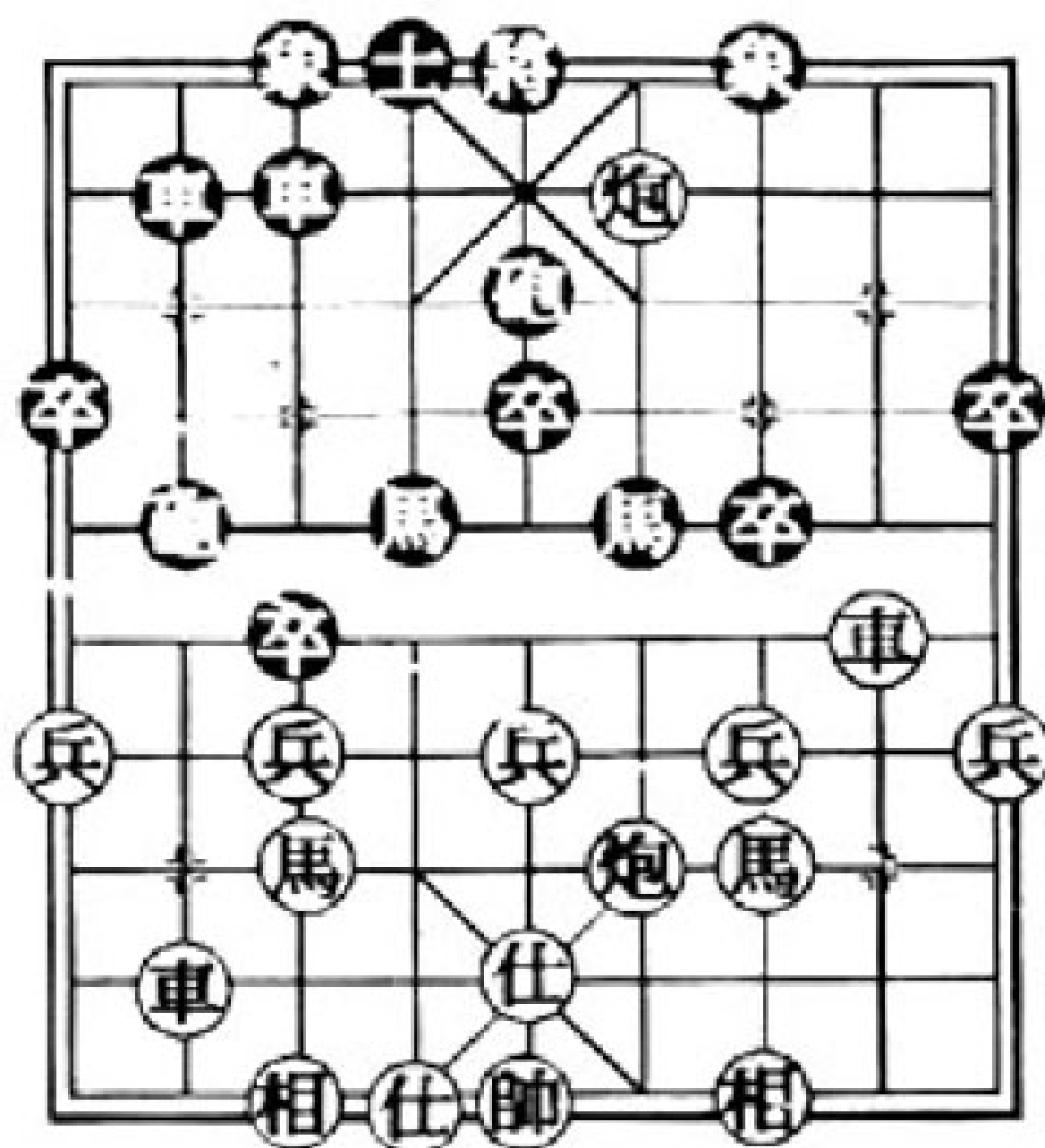
29. 兵3.1 馬1.2

31. 馬3.4 卒7-5

33. 帥5-4 馬3/5

34. 馬5.7

Trắng thắng.



24. 車3/4 卒4/4

26. 車s-6 卒2-7

28. 車6.1 卒2.1

30. 車6-4 馬2/3

32. 馬4.5 卒5.4

HẾT TẬP 1

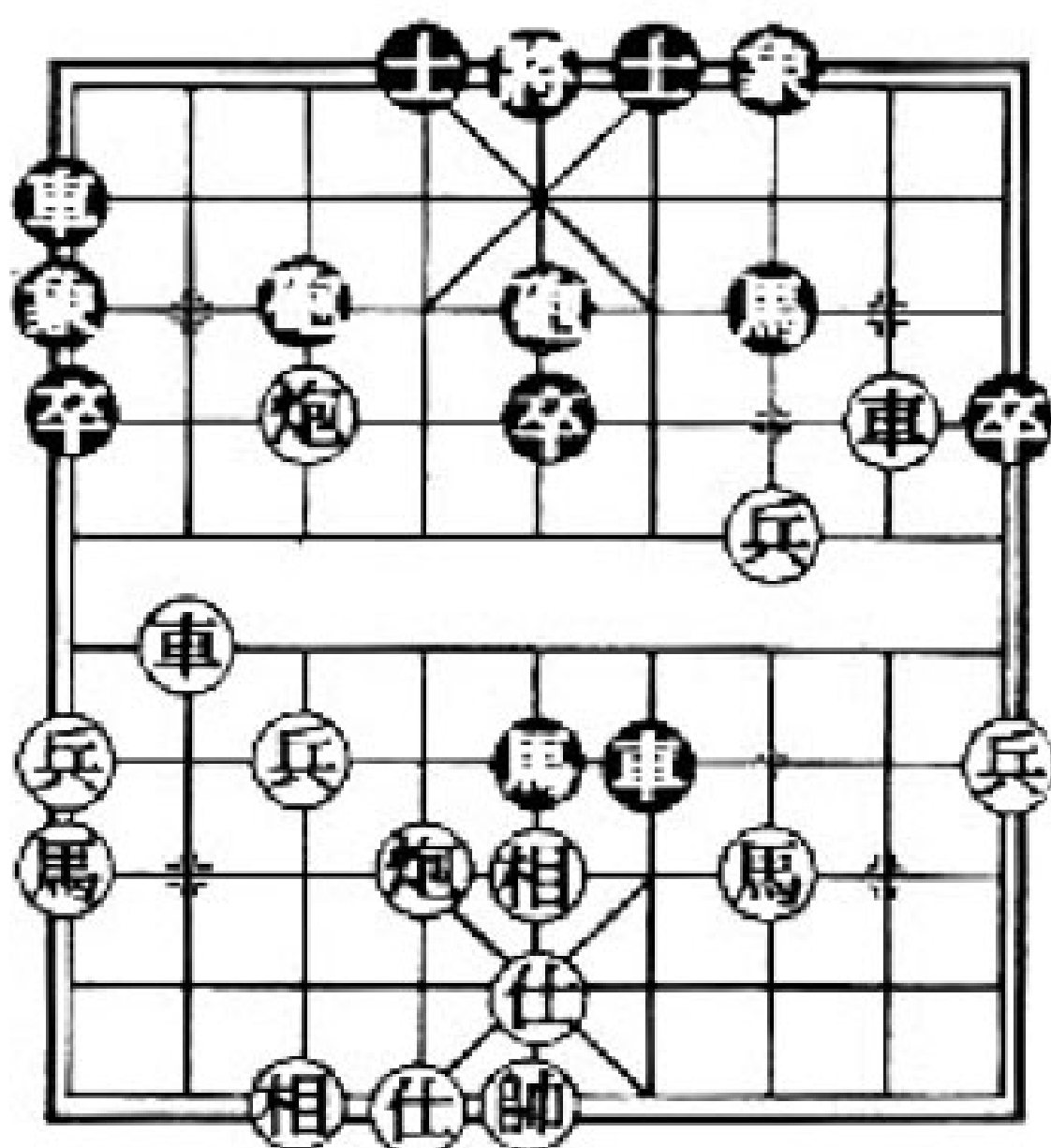
QUÁ CUNG PHÁO ĐỐI BÌNH PHÒNG MÃ

(TIẾP THEO TẬP 1)

TIẾT 5 QUÁ CUNG PHÁO ĐỐI PHÁO ĐẦU SONG HOÀNH XE

CỤC 1

- | | |
|----------|------|
| 1. 炮2-6 | 炮8-5 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 車1-2 | 車9.1 |
| 4. 車2.6 | 車9-4 |
| 5. 仕4.5 | 馬2.3 |
| 6. 車2-3 | 卒3.1 |
| 7. 馬8.9 | 車4-6 |
| 8. 炮8-7 | 馬3.4 |
| 9. 車9-8 | 馬4.6 |
| 10. 車3-2 | 炮2-3 |
| 11. 車8.4 | 車1.1 |
| 12. 兵3.1 | 炮6/4 |



- | | |
|----------|------|
| 13. ③3.5 | ④4.5 |
| 14. ⑤7.3 | ⑥3.1 |
| 15. ⑤7.1 | ⑥6.5 |
| 16. ③3.1 | |

Trắng tiến Tốt đe dọc bắt Mã Đen. Nếu Trắng đi X8-4 thì X6-7 M3/4 lúc này cục diện của Trắng bình ổn.

- | | |
|-----------|---------------|
| 16...⑥6-7 | 17. ③3.1 ④5.7 |
|-----------|---------------|

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 18. ⑤6-3 | ⑥7.1 | 19. ③3.1 | ④1-4 |
| 20. ④2-3 | ⑥7-8 | 21. ④8-4 | ⑥4.2 |

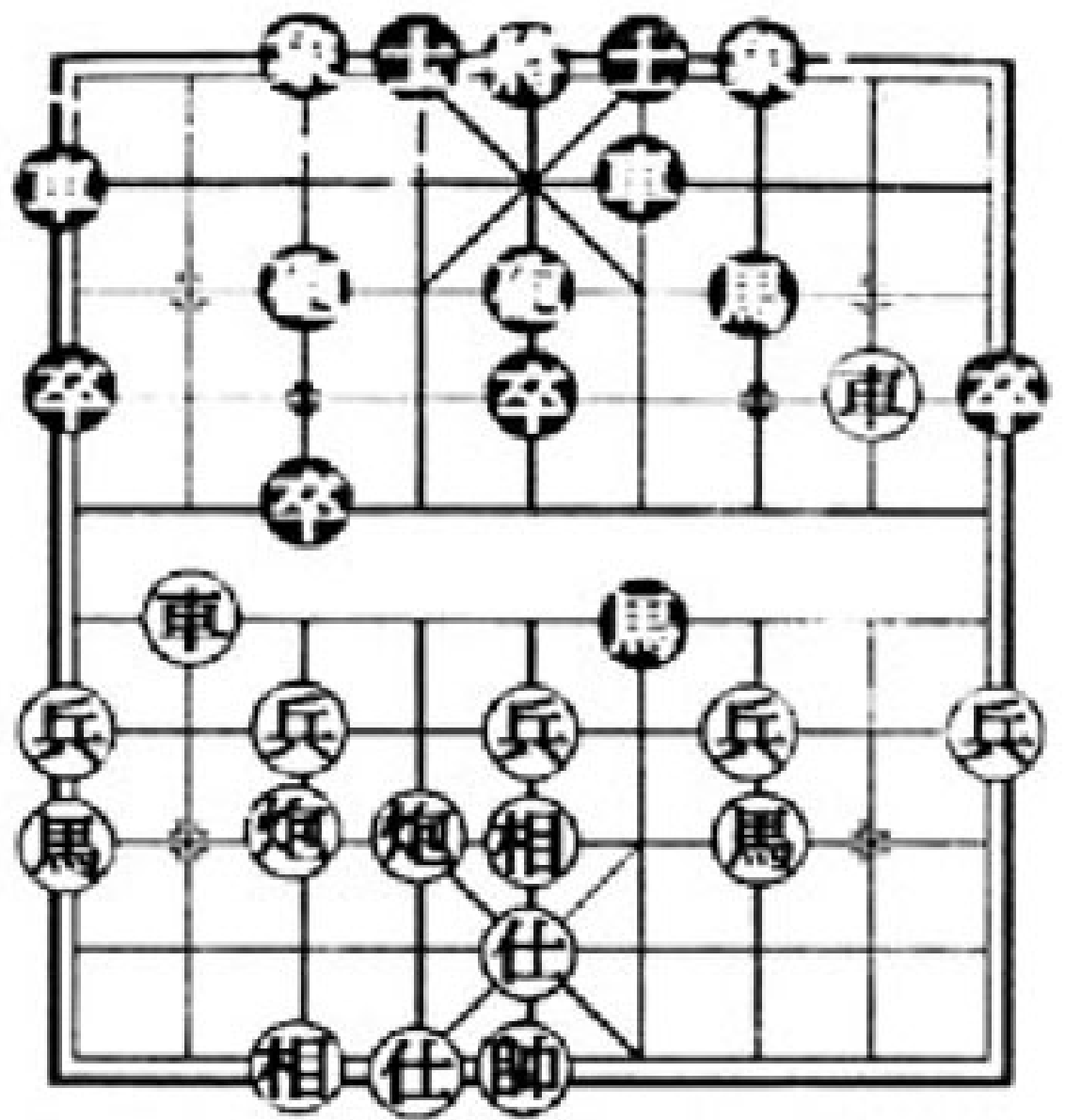
Bên Đen tiến Xe tróc Mã không có tác dụng. Nếu Đen đi S4.5 sau đó X4.7, tạo thế công, có cơ hội hơn.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 22. ③3-4 | ⑥8.2 | 23. ④5/4 | ⑥3-6 |
| 24. ④4.3 | ⑥4.5 | 25. ④4/1 | ⑥4-3 |
| 26. ④6.5 | ⑥8/3 | 27. ④4-5 | ⑥3-5 |
| 28. ④3-5 | ⑥5-9 | 29. ④5-9 | ⑥9.4 |
| 30. ④9.1 | ⑥8-7 | 31. ④9-2 | ⑥9.1 |
| 32. ③9.1 | ⑥9-3 | 33. ④2-7 | ⑥3-1 |
| 34. ④9.7 | ⑥1.3 | 35. ④5/6 | ⑥7-5 |
| 36. ④4.5 | ⑥5/2 | 37. ④7-8 | ⑥7.5 |
| 38. ④8.2 | ⑥5/4 | 39. ④8/9 | ⑥1/1 |
| 40. ④8.1 | ⑥1.1 | 41. ④8.3 | ⑥6.5 |
| 42. ④7.5 | ⑥1/3 | 43. ④5/4 | ⑥1-7 |
| 44. ④4.3 | ⑥5-7 | 45. ④8-5 | ⑥7-6 |
| 46. ④3.5 | ⑥6/4 | 47. ④5/7 | ⑥5.3 |
| 48. ③9.1 | ⑥6-3 | 49. ④7/8 | ⑥3/1 |
| 50. ③9.1 | ⑥7/1 | 51. ④5.3 | ⑥3-4 |
| 52. ③9.1 | ⑥7-1 | 53. ④8.7 | ⑥1/1 |
| 54. ④7.5 | ⑥5-6 | 55. ④5-3 | ⑥1.1 |

hoà cục

CỤC 2

- | | |
|----------|------|
| 1. ②2-6 | ⑧8-5 |
| 2. ④2.3 | ④8.7 |
| 3. ③1-2 | ⑨9.1 |
| 4. ③2.6 | ⑨9-4 |
| 5. ⑤4.5 | ③3.1 |
| 6. ④8.9 | ④2.3 |
| 7. ③2-3 | ⑨4-6 |
| 8. ②8-7 | ④3.4 |
| 9. ③9-8 | ④4.6 |
| 10. ③3-2 | ②2-3 |
| 11. ③8.4 | ⑨1.1 |
| 12. ③3.5 | ④7.6 |
| 13. ③2.3 | |



Trắng lên Tượng củng cố trung lộ. Nếu Trắng đi X2/2 thì Đen sẽ M6.7 P7-3 , hai Xe trắng lên hà khẩu, cục thế tương đối ổn định.

12...④t/4

- | | |
|----------|------|
| 14. ②7/1 | ④6.5 |
| 15. ④3.5 | ②5.4 |

Bên Đen tiến Pháo đánh Tốt đầu, tạo ra sự uy hiếp nhất định bên Trắng. Đen phản tiên.

- | | | |
|----------|------|--------------------|
| 16. ③2/7 | ⑨6.2 | |
| 17. ③2-4 | ⑨1-8 | 18. ③4.4 ④4/6 |
| 19. ③8-4 | ④6.5 | |

Đen tiến Mã giữa là nước đi có trọng lượng.

20. ③5-4

Nếu như bên Trắng đi B3.1 thì X8.8 X4/4 X8/3 , Trắng khó mà chống đỡ cuộc tấn công của Đen

20...⑨8.8

21. ⑤5/3 ②8-7
 23. ④4.5 ③5.1
 25. ④4.3 ③5.7
 27. ②6-8 ③5.1
 29. ③7.1 ③5.1
 30. ⑤7.5
 Đen thắng.

22. ④4.1 ③5.1
 24. ④4/5 ③3-6
 26. ④4.1 ③5-9
 28. ②8.1 ③5.1

CỤC 3

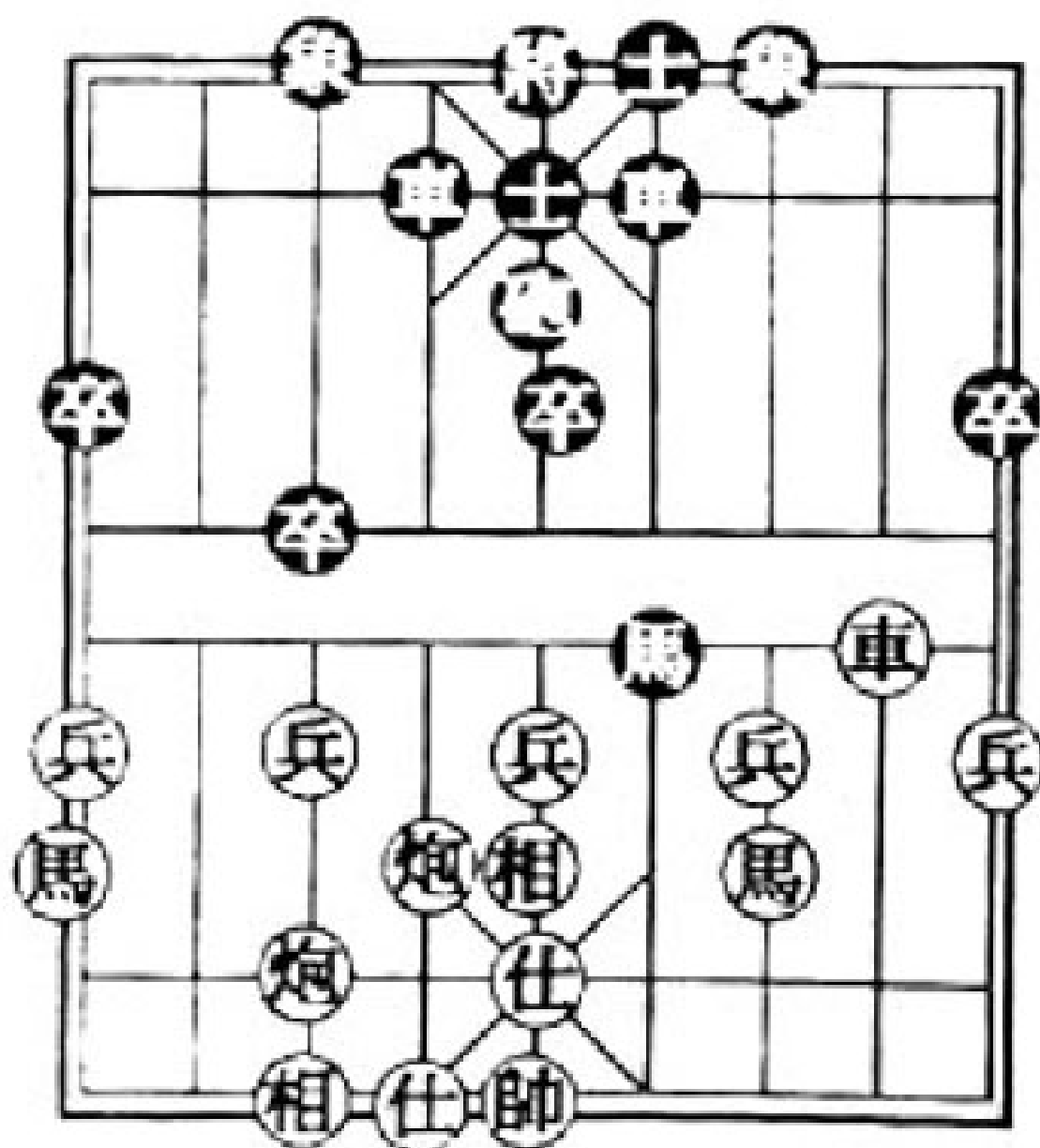
1. ②2-6 ③8-5
 2. ③2.3 ③8.7
 3. ④1-2 ③9.1
 4. ④2.6 ③9-4
 5. ③4.5 ③2.3
 6. ④2-3 ③3.1
 7. ③8.9 ③4-6
 8. ②8-7 ③3.4
 9. ④9-8 ③4.6
 10. ④3/2

Nếu đi X3-2 thì linh hoạt hơn.

10... ③2-4
 11. ④8.4 ③7.8
 12. ⑤3.5 ③1.1
 14. ④8-4 ③8.6
 16. ④2/3

Nếu đi B3.1 là nước có lực

16... ③1-4



13. ④3-2 ③5-8
 15. ④2.3 ③4-5

17. 炮7/1 士4.5

Đen thượng Sĩ là chiến lược chơi bình ổn. Đen cũng có thể đi X4.6 ăn Pháo, bên Trắng S5.6 M6.7 S6.5 P5.4 Tg5-6 X6.5 Đen chiếm ưu.

18. 兵3.1 象7.9

Nếu Đen đi X4.6 M3.4 X4.1 M4/3 thế trận hai bên cân bằng.

19. 車2/1 馬6.7

20. 炮6-3 士4.5

21. 炮7-8 象4-5

22. 車2.4 士6.1

23. 車2/1 炮5-2

24. 炮8.2 士5/2

25. 兵9.1 炮2.1

26. 車2/3 士6-4

27. 炮3-1 象3.5

28. 兵1.1 象9/7

29. 炮8.1 士5-6

30. 炮1-4 士4.1

31. 兵3.1 象5.7

Nếu Đen đi X6-7 thì P4.4 dả Xe, Đen sẽ B5.1 đổi Pháo hình thành thế cờ hòa.

32. 車2.1 象7/5

33. 炮8/2 卒5.1

34. 車2-8 炮2.4

35. 炮4-8 士4-8

36. 仕5/4 象8-6

37. 仕6.5 士t.1

38. 車8.5 士5/4

39. 馬9.8 士t-9

40. 炮8-9 卒9.1

41. 炮9.4 士9-2

42. 車8/5 士6-1

43. 車8-4 士1-9

44. 兵9.1 卒9.1

45. 相5/3 卒9.1

46. 車4/1 卒5.1

47. 兵9-8

Hòa cục.

CỤC 4

1. 炮2-6 象8-5

2. 馬2.3 象8.7

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 3. ①1-2 | ②9.1 | 4. ③4.5 | ④2.3 |
| 5. ⑤8.9 | ⑥9-4 | 6. ①2.6 | ②1.1 |
| 7. ⑧8-7 | | | |

Trắng có thể đi P8.2, Đen B5.1 thì Trắng sẽ P8-3
M3.5 X9-8 P2-3 P3.3 M5/7 X2-3 bên Trắng tiên thủ.
7...②2.4

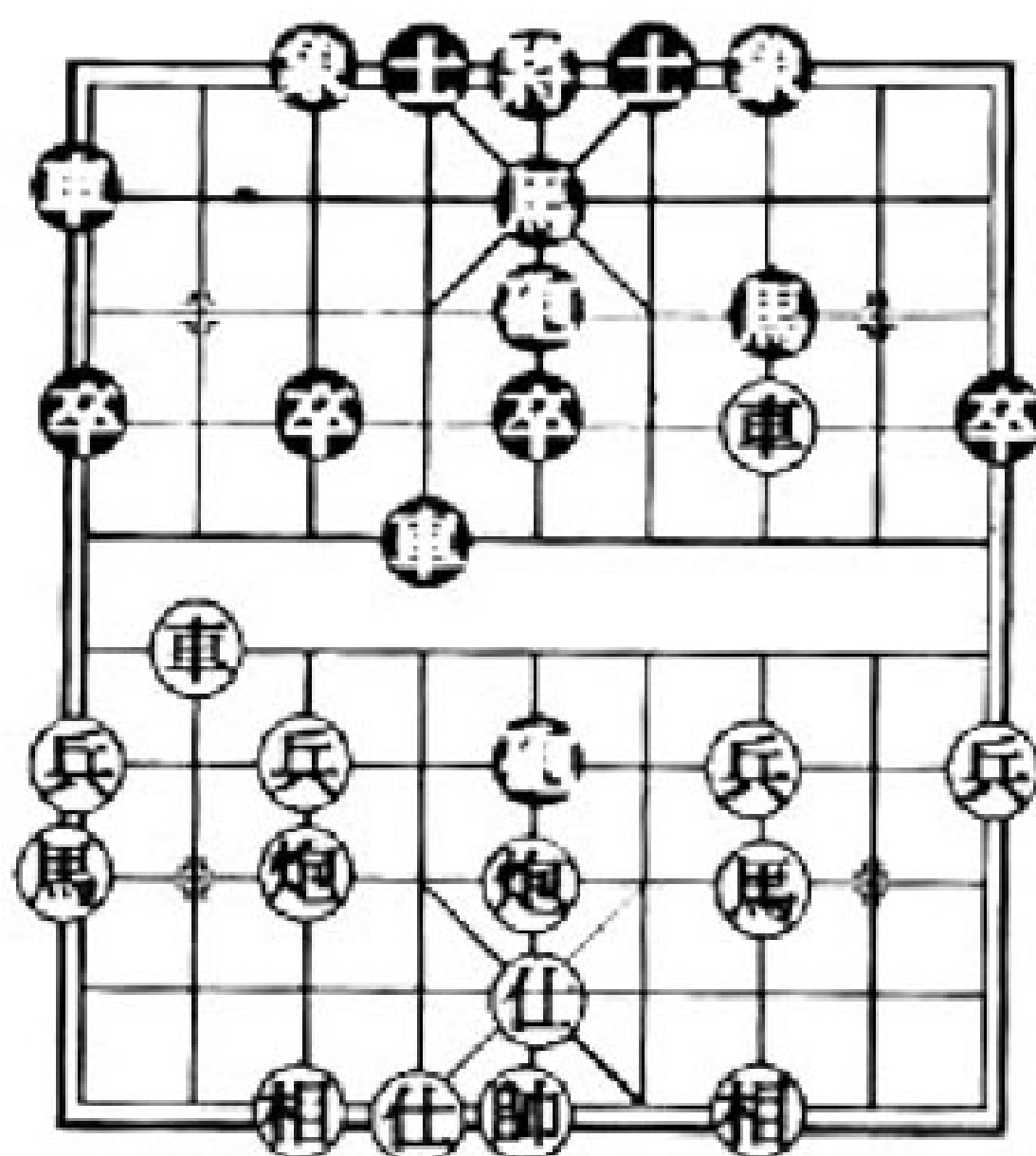
- | | |
|-----------------|------|
| 8. ①2-3 | ③2-5 |
| 9. ⑧6-5 | ④3/5 |
| 10. ①9-8 | ⑤4.3 |
| 11. ①8.4 (hình) | ⑥t/1 |
| 12. ①3-4 | ⑤1-4 |
| 13. ⑦5-4 | ⑤t-6 |

Bên Đen kịp thời đổi
Xe từ đó chiếm thế
thượng phong.

- | | |
|----------|------|
| 14. ①4/1 | ④7.6 |
| 15. ⑧7-8 | ⑤4.8 |

Bên Đen sát Sĩ, bỏ
trước lấy sau

- | | |
|----------|------|
| 16. ③5/6 | ⑥s-6 |
| 17. ⑧5-4 | ④6.4 |
| 19. ⑨9.1 | ⑥2/1 |
| 21. ④3.5 | ⑥6-7 |
| 23. ⑤3.5 | ④6.5 |
| 25. ④7.5 | ⑥5.2 |
| 27. ⑤9.8 | ⑥3.1 |
| 29. ⑧8-1 | ⑥9/2 |
| 31. ⑤6/5 | ④5/7 |
| 33. ⑧4-3 | ⑥7-8 |
| 35. ⑨3.1 | ⑥5.1 |
| 37. ⑧3-5 | ⑥5.1 |



- | | |
|----------|------|
| 18. ⑦4-5 | ⑥5-2 |
| 20. ③6.5 | ⑥2-5 |
| 22. ⑧4/1 | ④5.6 |
| 24. ⑧4.3 | ④4.5 |
| 26. ⑧8.4 | ④6.5 |
| 28. ⑤8.6 | ⑥5-9 |
| 30. ⑧4.2 | ⑥5.1 |
| 32. ⑧1.3 | ④5/6 |
| 34. ⑨3.1 | ⑥5.1 |
| 36. ⑨3-2 | ⑥9/3 |
| 38. ⑧1-2 | ⑥9-1 |

39. 炮2/1	炮1.4	40. 兵2.1	炮8-2
41. 仕5.4	卒5-6	42. 兵2-3	炮1-5
43. 炮2/3	炮5/1	44. 炮2-7	卒1.1
45. 兵3-4	炮2.5	46. 卒5-6	炮2-5
47. 炮7-6	炮t/4	48. 兵4-5	卒1.1
49. 炮6/1	卒1-2	50. 炮6-5	士6.5
51. 炮5/1	卒7.5	52. 帅6.1	卒6-5

Đen thắng.

TIẾT 6 QUÁ CUNG PHÁO ĐỐI PHÁO ĐẦU TRỰC XA TUẦN HÀ

CỤC 1

1. 炮2-6	炮8-5
2. 馬2.3	馬8.7
3. 仕4.5	炮9-8
4. 相3.5	炮8.4
5. 卒1-4	馬2.3
6. 卒4.7	馬7/8

Nếu Đen đi M3/5 thì Trắng đi X4/3 tiên thủ.

7. 卒4/3	卒3.1
8. 卒4-6	炮5-6
9. 馬8.9	卒3.5
10. 炮8.4	卒1.1
11. 炮8-7	

Bình Pháo ép mã, nước đi có lực. Nếu Trắng đi P8-3 Đen có thể đối đáp bằng M3.2 thì Đen có cục diện khá hơn.

11...♙4.5

12. ♖9-8 ♘2/2

13. ♖8.6 (Hình)

Trắng tiến Xe chiếm đường quan trọng là cách chơi ổn định. Nếu Trắng đi P7-3 bắt Tốt thì Đen B3.1 X6-7 M3.2 X8-9 bên Trắng tuy hơn Tốt nhưng quân không thoảng, bên Đen rộng đường đi hơn.

13...♘8.9

14. ♘9/7 ♙9.1

15. ♘6-9 ♘2-3

16. ♘7.3 ♙1-3

17. ♘7.8 ♙8-4

18. ♖6-2

Bên Trắng dụ đổi quân là kiểu chơi bình ổn. Nếu Trắng đi X6.1 M3.4 X8-5 X3-2 M8.9 X2.4 hai bên hình thành thế đối công.

18...♙4.2

19. ♘9.3 ♙4-3

20. ♙9.1 ♙s-4

21. ♘9-1 ♙3.1

23. ♖8-7 ♙3-1

25. ♘9.7 ♘3.1

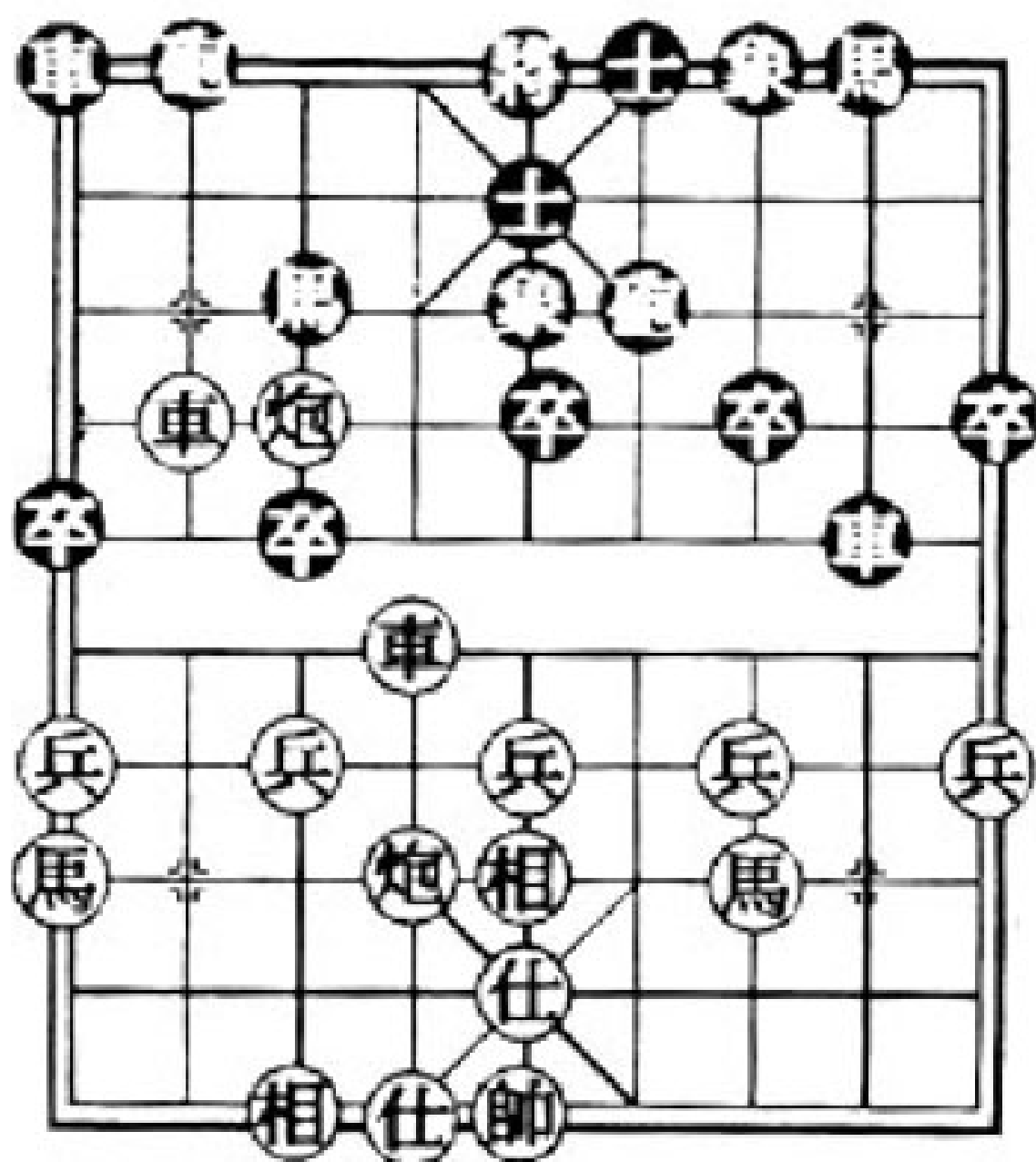
27. ♖2-6 ♙1-4

29. ♘6/7 ♙7.1

31. ♘1.1 ♘9.8

33. ♘1-7 ♘5.3

35. ♘3/5 ♙5.1



22. ♘8.9 ♙3-4

24. ♖7/4 ♙1/1

26. ♘1/1 ♙4-3

28. ♘7/6 ♙3.7

30. ♘7.6 ♘1.3

32. ♙3.1 ♙7.1

34. ♘5.3 ♘6-7

36. ♘6.7 ♘8.7

37. ⑤5.3 ⑥5.1
Hòa cục.

CỤC 2

1. ②2-6 ③8-5
2. ④2.3 ⑤8.7
3. ⑥4.5 ⑦9-8
4. ⑧3.5 ⑨8.4
5. ⑩1-4 ⑪2.3
6. ⑫4.7 ⑬7/8

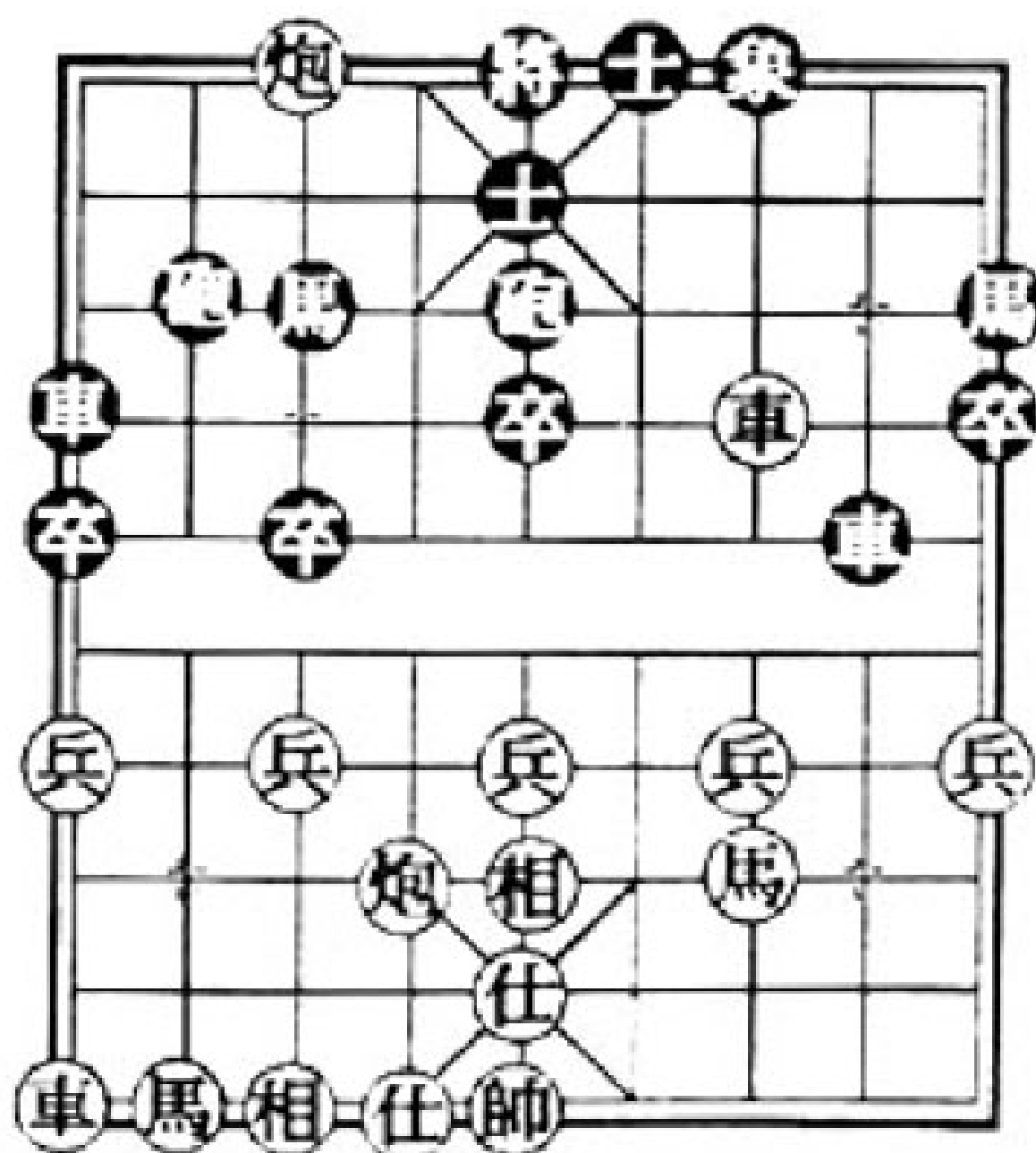
Bên Đen thường đi M3/5 X4/3 B3.1 X4-6 Trắng kịp thời giành tiên thủ.

7. ⑭4/1 ⑮3.1 8. ⑯8.4 ⑰1.1
9. ⑱8-7 ⑲4.5

Nếu Đen X8-4 X4-3 P5-7 P7-8 X1.3 P8/2 T7.5 quân lực bên trái của Trắng không linh hoạt, bên Đen chủ động hơn.

10. ⑳4-3 ㉑1.3
11. ㉒7.3 ㉓8.9
(hình)
12. ㉔3.3 ㉕5.1
13. ㉖3.1 ㉗9.7
14. ㉘3.1 ㉙8-7
15. ㉚8.7 ㉛1-2
16. ㉜9.1 ㉝5.1
17. ㉞5.1 ㉟3.5
18. ㊱9.1 ㊲7/6

Bên Đen thoái Mã đổi Xe, hình thành cơ hội tấn công



- | | |
|----------|------|
| 19. 兵9-8 | 炮2-3 |
| 20. 車3/4 | 馬5.7 |
| 21. 車9.9 | 馬6.7 |
| 22. 兵8-7 | 炮3.1 |
| 23. 兵7.1 | 炮3/2 |
| 24. 馬7.6 | 馬t.6 |
| 25. 炮7-4 | 士5/4 |
| 26. 車9-6 | 卒5.1 |
| 27. 炮6-7 | 炮5.5 |
| 28. 相7.5 | 士3-5 |
| 29. 車6/3 | |

Trắng thắng.

CỤC 3

- | | | | |
|----------------|------|---------|------|
| 1. 炮2-6 | 炮8-5 | 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 仕4.5 | 炮9-8 | 4. 相3.5 | 馬2.3 |
| 5. 車1-4 | 炮8.4 | 6. 車4.7 | 馬3/5 |
| 7. 車4/3 | 卒3.1 | 8. 車4-6 | 馬5.3 |
| 9. 馬8.7 (hình) | | | |

Trắng lên mã, đây là cách chơi biến hóa. Nếu Trắng đi M8.9 thì Đen có thể trả lời bằng nước B5.1 X6.2 B5.1 B5.1 M3.5 P8.4 M5.6 (nếu Đen đi M5.7 thì P8/1 M7.5 P8-2 M5/4 X9-8 Trắng đi thoải mái hơn) M9/7 M6.8 X6-4 như vậy bên Trắng nhiều Tốt hơn còn bên Đen tạo được cục diện tấn công.

9... 士4.5

- | | |
|----------|------|
| 10. 車6.2 | 炮5-6 |
| 11. 兵7.1 | 卒3.5 |
| 12. 兵7.1 | 炮8-3 |

- | | |
|----------|------|
| 13. ⑤7.6 | ②6.1 |
| 14. ④6.2 | ③1-4 |
| 15. ④6.1 | ①5/4 |
| 16. ③3.1 | ②2-1 |

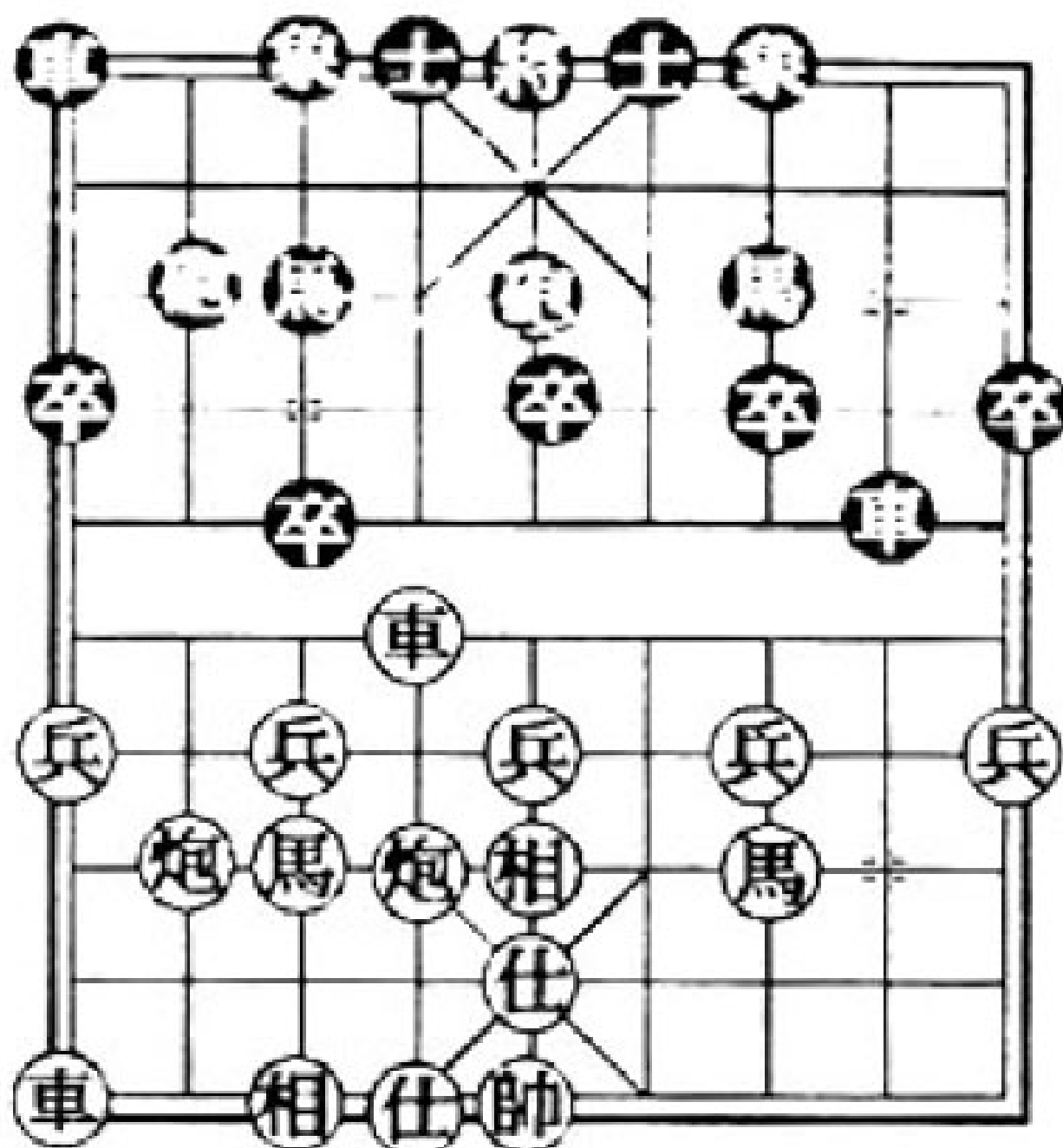
Nếu Đen đi B7.1
M6/8 X3.2 P8.5
X3-2 B3.1 X2/4
B3.1 bên Trắng
có một Tốt qua
sông lợi được hơn
một chút.

- | | |
|----------|------|
| 17. ④9-8 | ③7.1 |
| 18. ③3.1 | ②3-7 |
| 19. ②8-9 | ①7.6 |
| 20. ①6.8 | ②3.2 |
| 21. ④8.5 | ③6-8 |
| 22. ③9.1 | ②1.3 |
| 23. ②9.1 | ①6/7 |
| 25. ①3.4 | ②6.5 |
| 27. ④8/1 | ③1-3 |
| 29. ③5.1 | ②8.6 |

- | | |
|----------|------|
| 24. ④8/1 | ③1/1 |
| 26. ①4/2 | ②7-5 |
| 28. ①2/4 | ③5-7 |
| 30. ①4.3 | ②3.1 |

Tiến Pháo đuổi Mã, cục thế bình ổn. Nếu Đen đi X7-8 thì X8-4 hai bên hình thành thế đối công, hậu quả khó đoán.

- | | | | |
|----------|----------|----------|------|
| 31. ④8-2 | ③3-7 | 32. ④2/3 | ③7-6 |
| 33. ④2.3 | ③1.1 | 34. ②9-5 | ③1.1 |
| 35. ④2.3 | ③6.1 | 36. ②5.3 | ③7.5 |
| 37. ④2-5 | ③6-5 | 38. ④5-4 | ③7.5 |
| 39. ④4/6 | ③7/3 | 40. ②6.1 | ③5.2 |
| 41. ③6.5 | ③7-4 | | |
| 42. ④4-1 | hòa cục. | | |



CỤC 4

- | | |
|----------|------|
| 1. 炮2-6 | ●8-5 |
| 2. 馬2.3 | ●8.7 |
| 3. 仕4.5 | ●9-8 |
| 4. 相3.5 | ●2.3 |
| 5. 車1-4 | ●8.4 |
| 6. 車4.7 | ●3/5 |
| 7. 車4/3 | ●3.1 |
| 8. 馬8.9 | ●5.3 |
| 9. 車4-6 | ●4.5 |
| 10. 車6.4 | |

Bên Trắng tiến Xe khống chế Tượng là quá gấp. Nếu Trắng đi X6.2 hoặc P8.4 thì thế trận sẽ khá hơn.

10...●2.4

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 11. 車6-8 | ●2-5 | 12. 車9-8 | ●8-4 |
| 13. 帥5-4 | | | |

Nếu Trắng đi M3.5 đổi pháo Đen đi P5.5 P8.1 P5-9 P8.4 hai bên sẽ phải chơi đối công

13...●t-6

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 14. 帥4-5 | ●6/5 | 15. 車t/2 | ●3.1 |
| 16. 兵9.1 | ●7.1 | 17. 車t/2 | ●7.6 |
| 18. 兵3.1 | ●6.7 | | |

Bên Đen tiến mã rất hay, nếu đi B7.1 X8-3, Đen chẳng được lợi gì hết.

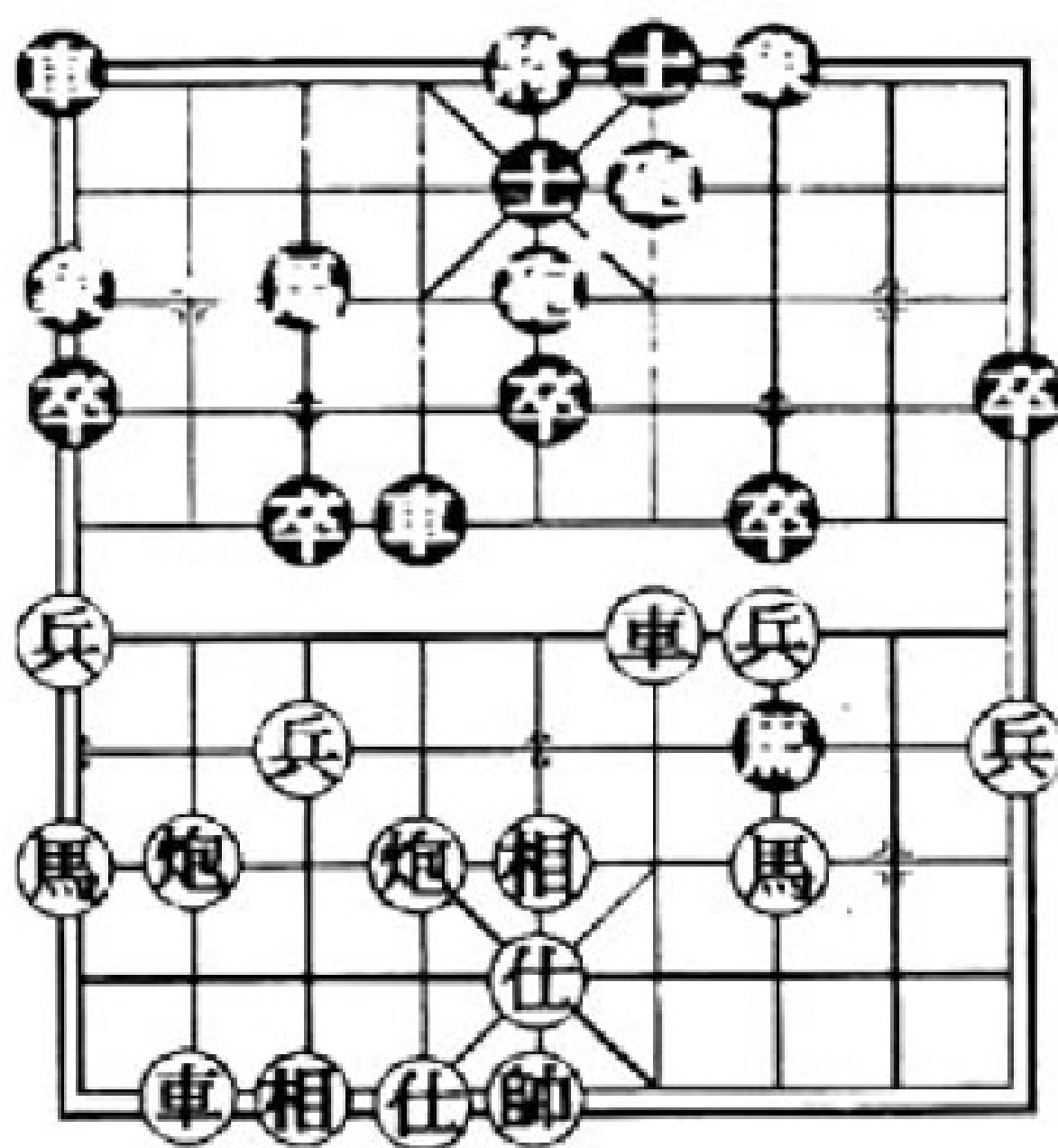
- | | |
|-----------------|------|
| 19. 車t-4 (hình) | ●5-6 |
| 20. 車4-8 | ●4-5 |
| 21. 炮8.1 | ●7/5 |
| 22. 炮6.1 | ●t-5 |
| 23. 炮6-5 | ●5-4 |
| 24. 炮8-9 | ●1-4 |

- | | |
|----------|------|
| 25. 兵9.1 | 卒7.1 |
| 26. 相5.3 | 炮6-7 |
| 27. 相3/5 | 炮t-7 |
| 28. 馬3.4 | 炮7-8 |
| 29. 馬4/2 | 炮7.2 |
| 30. 炮5.3 | 馬5.6 |
| 31. 帥5-4 | 馬3.5 |

Đen tiến mã thì Xe
nhằm mở đường
tấn công mãnh liệt.

- | | |
|----------|------|
| 32. 炮9-3 | 炮8-6 |
| 33. 炮3-4 | 馬6/8 |
| 34. 帥4-5 | 馬5.4 |
| 35. 炮4/2 | 炮4.4 |
| 36. 車t.5 | 士5/4 |
| 37. 車t/2 | 炮6.1 |

Đen thắng



CỤC 5

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-6 | 炮8-5 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 仕4.5 | 炮9-8 |
| 4. 相3.5 | 馬2.3 |
| 5. 車1-4 | 卒3.1 |

Đen tiến binh là cách đi ổn định cục diện.

- | | |
|---------|------|
| 6. 馬8.9 | 炮8.4 |
| 7. 炮8.4 | 馬3.2 |

Đen cũng có thể đi B7.1 P8-7 X1-2 X9-8 P2.5 hai
bên tranh đoạt thế công, Đen không có gì khó đi.

8. 炮8-3 卒7.9

9. 兵3.1 卒1.1

10. 卒4.4

Đen tiến Xe giữ thế binh ổn. Nếu như Trắng đi P6.5 thì Đen P5.1 P6.1 P5.1 P6-8

10...卒1.1

11. 卒9.1 卒1-8

12. 兵9.1 卒1.1

13. 卒4-9 卒s-6

14. 卒t.1 (hình)

trắng tiến Xe đuổi Mã là nước đi rất kịp thời. Nếu như Trắng đi X9.2 chuẩn bị binh Xe tróc pháo Mã thì Đen sẽ B3.1 X9-8 P2-3 bên Đen thì Tốt tạo lực công kích, bên Trắng gặp bất lợi.

14...馬2/3

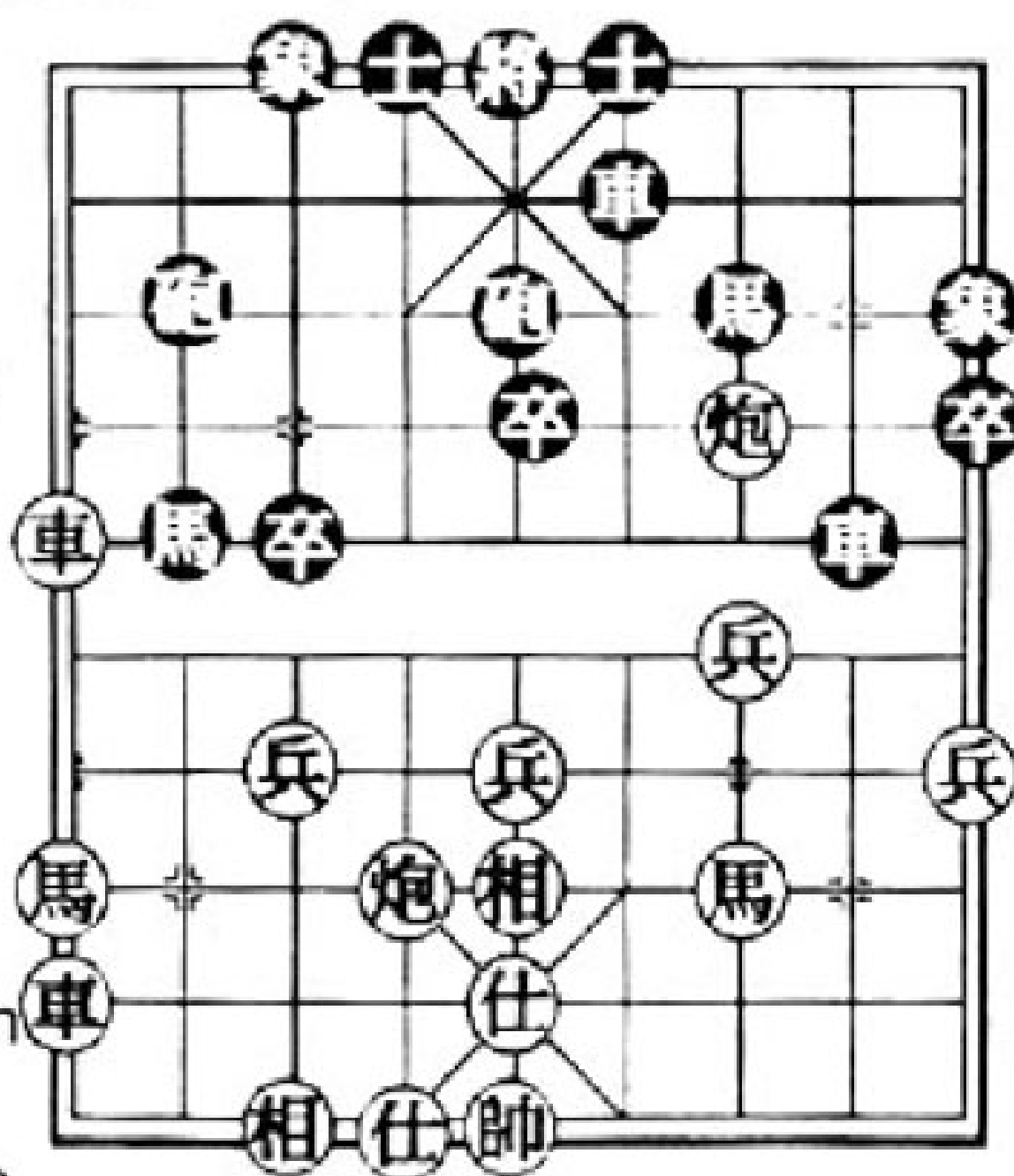
15. 馬9.8 卒6.2

16. 兵7.1 馬3.4

Đen nhảy Mã xuất kích là cách chơi tích cực. Nếu X6-7 ăn Pháo, Trắng sẽ đáp trả Xt-7 X8-3 B7.1 Đen tuy hơn một quân nhưng cục thế lại bất lợi.

17. 兵7.1

Nếu Trắng đi X9-7 ăn Tốt, Đen có thể đáp trả T3.1 đuổi Xe. Bên Trắng tất nhiên chạy Xe Đen sẽ đi X6-7 ăn Pháo như vậy Đen hơn quân chiếm ưu.



17... 炮 4.5

18. 兵 7.1 卒 5.1

19. 車 s.2 馬 5.7

20. 炮 3/4 車 8.5

21. 炮 3/2 卒 5.1

22. 馬 8.6 炮 5.2

23. 馬 6.8

Là một nước đi chính xác. Nếu Trắng đi M6.5 P5.3 thì bên Đen sẽ được quân, thắng thế.

23... 炮 5/3

24. 炮 6-7 象 3.1

Nếu Đen đi X6-3 Xt-7 X3.1 M8.6 P5-4 M6/7 Trắng chiếm ưu thế.

25. 兵 7-6 車 6-4

26. 車 t.2 炮 5.6

27. 相 7.5 卒 4-2

28. 炮 7.7 士 4.5

29. 車 s-7 馬 7.5

30. 炮 7-9 炮 2-3

31. 車 9.1 士 5.6

32. 炮 3-4 車 8/5

33. 車 9-7 車 2-1

34. 車 t.1 將 5.1

35. 車 s-8 車 1/2

36. 車 8.3 車 8-5

37. 炮 4-2 炮 3/1

38. 炮 2.9 將 5-6

39. 炮 2/3 卒 5.1

40. 相 5.7 卒 5-6

41. 炮 9-8 將 6-5

Đen bình Tướng vào trung lộ, công thủ chặt chẽ

42. 炮 8/1 炮 3.1

43. 車 7/1 將 5/1

44. 炮 2.3 車 9/7

45. 車 7-3 馬 5/6

46. 帥 5-4 車 1.8

47. 車 8/5 炮 3.1

48. 車 3/2 卒 6.1

49. 炮 2/9 車 5-8

Đen thắng.

CỤC 6

1. 炮 2-6 車 8-5

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 2. ②2.3 | ⑧8.7 | 3. ①1-2 | ⑨2.3 |
| 4. ②8.7 | ③3.1 | | |
| 5. ①2.4 | | | |

Nếu Trắng đi S6.5 B7.1 T7.5 P2-1 X9-8 X1-2 P8.4 hai bên hình thành cục diện đối công.

5...⑤9-8

- | | |
|---------|------|
| 6. ①2-6 | ⑥5-6 |
|---------|------|

Đen bình Sĩ giác Pháo tạo thế bình ổn. Nếu đi X8.4 M7.1 X3-7 M3.4 thì thế trận hai bên cân bằng.

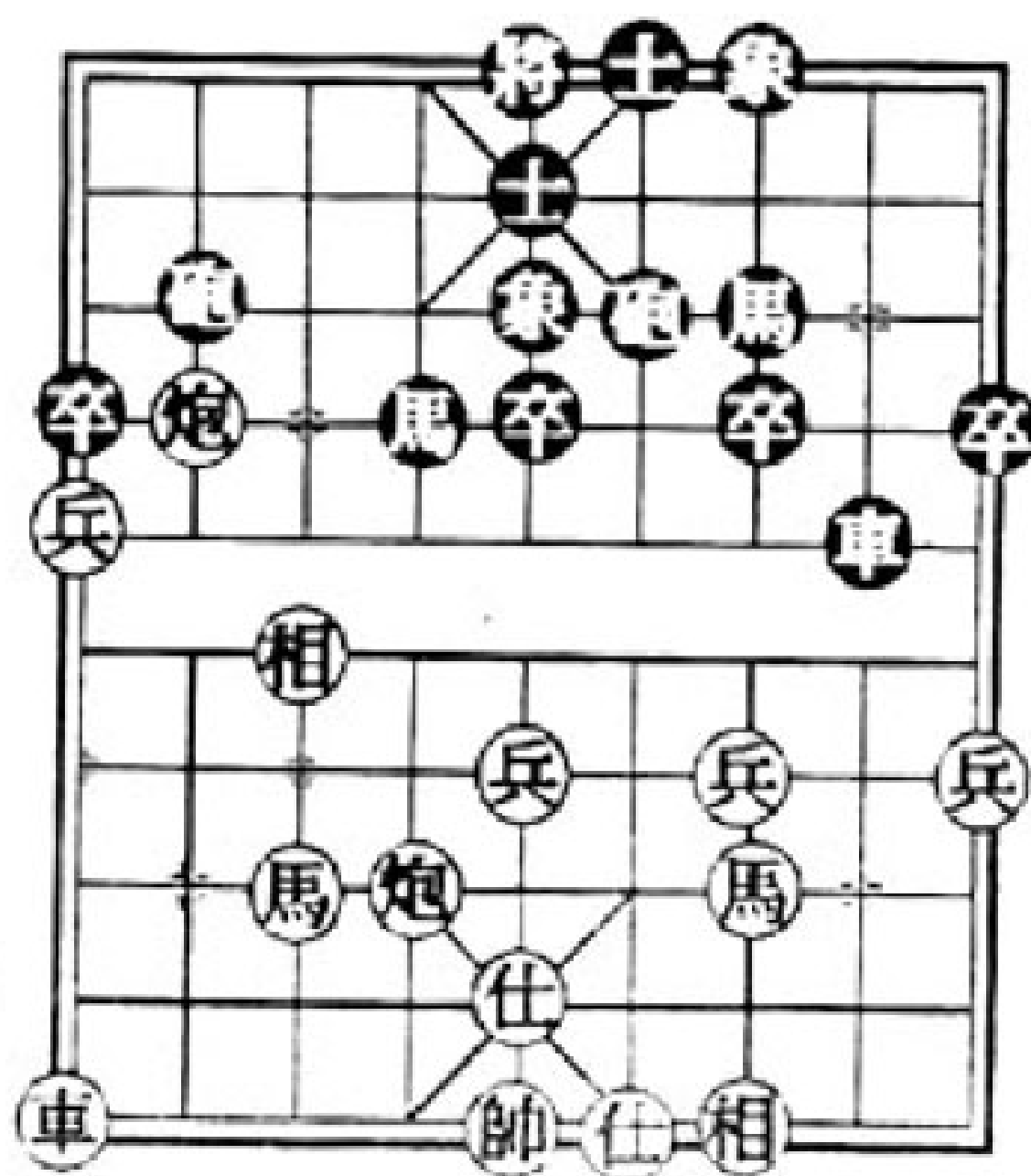
- | | | | |
|----------|-------------|----------|------|
| 7. ⑦7.1 | ⑤8.4 | 8. ④7.5 | ⑧3.5 |
| 9. ⑥6.5 | ④4.5 | 10. ③8.4 | ⑨3.2 |
| 11. ⑦9.1 | ⑤1-3 | 12. ⑦9.1 | ③3.1 |
| 13. ①6-7 | ⑤3.5 | | |
| 14. ④5.7 | ⑨2/4 (hình) | | |

Đen thoát Mã đuổi Tượng nhằm tạo thế bình ổn. Nếu Đen đi P2-1 thì X9-8 B1.1 P8.3 hình thành cục diện hai bên đối công.

- | | |
|----------|------|
| 15. ④7/5 | ⑤8-1 |
|----------|------|

Đen dùng Xe ăn Tốt là cách chơi đúng. Nếu Đen đi B1.1 ăn Tốt Trắng dễ đi M7.6, M4/3 P8-9 bên Trắng sẽ tạo được thế khá hơn.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 16. ①9.5 | ③1.1 | 17. ⑨7.6 | ⑧4.2 |
| 18. ⑨6.4 | ⑨7/8 | 19. ③8-3 | ⑨8.9 |
| 20. ③3.1 | ③5.1 | 21. ⑨4.2 | ⑨2/4 |



22. 炮6.3 炮2.1

Các quân bên Trắng đang chèn ép bên Đen, nên Đen đi tiến Pháo dả mã là không hợp. Đen có thể đi P6.4 đổi Pháo thì hay hơn.

23. 馬2.4 馬4/6

Đen thoái Mã đổi quân, không bằng đi S5.6, giữ được tác dụng khống chế của Mã đen.

24. 兵3.1 卒1.1

25. 炮3-2 炮2-8

26. 炮6.1 炮8-7

27. 馬3.4 炮7-8

28. 炮6-4

Trắng bình Pháo ép Mã hạn chế sự cơ động của Đen, giành ưu thế.

28...卒5.1

29. 兵5.1 炮8.2

31. 兵3.1 卒5/3

33. 炮2/5 炮5-2

35. 炮4-5 卒3.5

37. 炮5/3 馬7.6

39. 兵2-1 炮2-9

41. 炮4-3 馬6/7

43. 馬3.4 馬5.7

45. 馬2.3 卒3-4

47. 馬4/5

Trắng thắng cờ.

30. 兵3.1 炮8-5

32. 兵3.1 馬6.4

34. 兵3-2 馬4.5

36. 馬4.3 馬5/7

38. 炮2-4 炮2/3

40. 帥5-6 卒1-2

42. 相5.3 馬7.5

44. 馬4/2 卒2-3

46. 馬3/4 將5-4

CỤC 7

1. 炮2-6 炮8-5

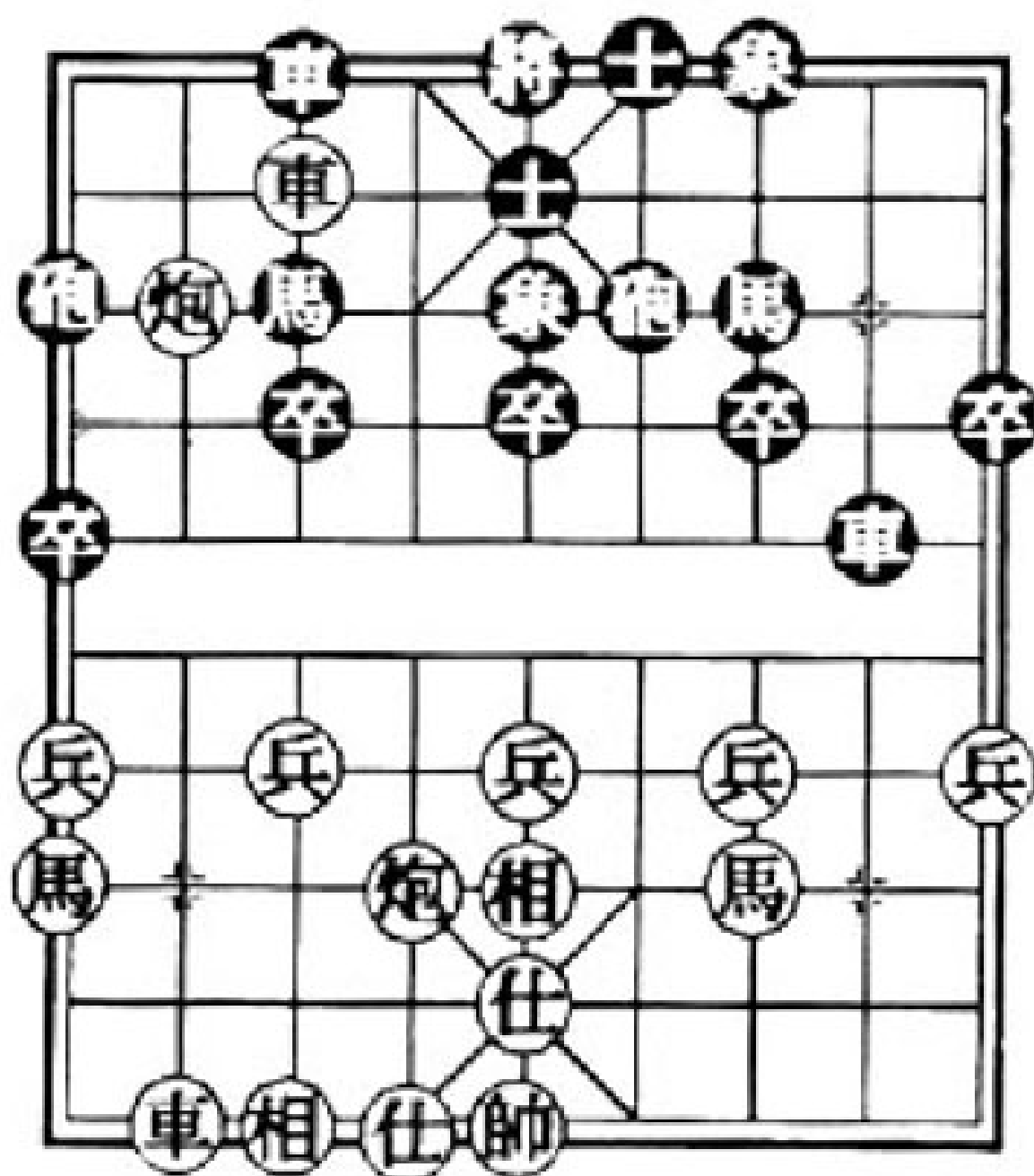
- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 2. ②2.3 | ⑧8.7 | 3. ③4.5 | ⑨9-8 |
| 4. ④3.5 | ⑧2.3 | 5. ⑤1-4 | ⑨8.4 |
| 6. ⑥4.7 | ⑧3/5 | 7. ⑥4/3 | ⑨2-1 |

Đen binh Pháo không đem lại tác dụng gì, không bằng đi B3.1 M8.9 M5.3 X4-6 thế cờ giăng co, hai bên còn tranh chấp lâu dài.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 8. ⑧8.9 | ⑨1-2 | | |
| 9. ⑥9-8 | ⑨1.1 | 10. ⑧8.4 | ⑧5.3 |
| 11. ⑥4-6 | ⑨4.5 | 12. ⑧8/2 | ⑨5-6 |

Đen binh Pháo tại Sĩ là nước đi rất kịp thời. Nếu Đen đi X2.4 P8-7 X2-3 P6-7 Trắng tạo thế tốt hơn.

- | | |
|----------|------|
| 13. ⑧6-8 | ⑨2-1 |
| 14. ⑥6.4 | ⑨3.1 |
| 15. ⑧s-6 | ⑨1-2 |
| 16. ⑥6-7 | ⑨3.5 |
| 17. ⑧8.3 | ⑨2-3 |
| 18. ⑥7-9 | ⑨3-2 |
| 19. ⑥9/1 | ⑨5/3 |
| 20. ⑥9/2 | ⑨6-2 |
| 21. ⑥8.6 | ⑨7.5 |
| 22. ⑥8-7 | ⑧3/4 |
| 23. ⑥9-8 | ⑨7.1 |
| 24. ⑨9.1 | ⑧7.6 |
| 25. ⑥8/1 | ⑧6.7 |
| 26. ④5/3 | ⑨8.4 |
| 27. ④7.5 | ⑨8-6 |
| 28. ⑧6/1 | ⑨6/4 |
| 29. ⑧6-8 | |



Binh Pháo dả Pháo được quân, Trắng chiếm ưu thế. Nếu trắng đi X7-5 Đen sẽ P2-1 đổi Xe
29... ⑨2.6

30. ④8.5	②2-1		
31. ⑤9/7	③6.4	32. ④8/7	③6-7
33. ④8-9	②1-2	34. ④7-8	③7/1
35. ④8/5	⑤7/6	36. ④9-6	③7/1
37. ④6.1	③7-9	38. ④8.3	③9-6
39. ③9.1	④5.1	40. ③5.1	③6/1
41. ④6.1	④5.1	42. ④6-5	③6.1
43. ⑤7.9	⑤6.7	44. ④5.2	④9.1
45. ③9-8	⑤7.6	46. ④8-6	③6-7
47. ③5/4	④3.1	48. ③5.7	③7.3
49. ③6.5	③7/3	50. ④6.4	④5.6
51. ④5-6	④6.5	52. ④5-1	④5-6
53. ④1.3	④6.1		
54. ④1-6			
Trắng thắng			

CỤC 8

1. ②2-6	③8-5
2. ⑤2.3	⑤8.7
3. ③4.5	③9-8
4. ③3.5	⑤2.3
5. ④1-4	③8.4
6. ④4.7	⑤3/5
7. ④4.1	

Trắng có thể đi X4/3, Đen sẽ B3.1 M8.9 M5.3 X4-6 hai bên công thủ đều vững.

7...④5.1

8. ⑤8.7	④5.1
9. ③5.1	⑤5.3

10. 炮8.4 卒3.1 (hình)

Đen tiến Tốt là cách chơi ổn định. Nếu Đen đi M3.5 thì P8-5 M7.5 X9-8 Trắng được tiên thủ.

11. 炮6.4 卒8-4

12. 炮6-7 卒7.1

13. 卒4/2 卒7.8

14. 馬7.5 卒9.1

Nếu Đen đi P5.4 M3.5 B7.1 thì tuy chậm một chút nhưng vẫn có cơ hội đối công.

15. 卒9.2 卒4.5

16. 卒9-6 卒4.3

17. 仕5.6 卒7.1

Trắng thông qua đối Xe đã tạo được ưu thế

18. 卒4-2 卒8.7

19. 兵5.1 卒2-1

20. 炮8/5 卒5.4

22. 馬5.3 卒5.4

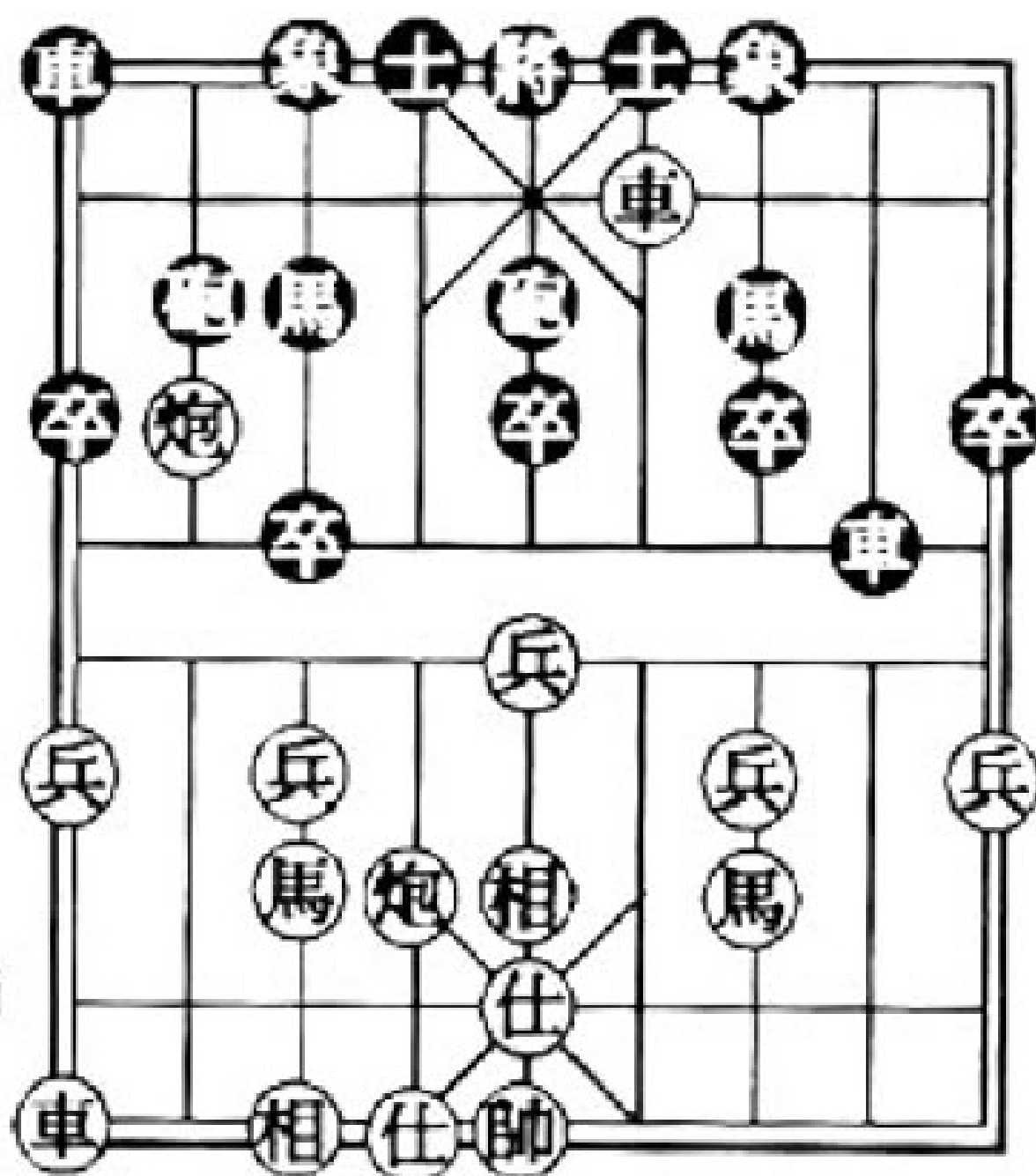
24. 卒2-4 卒1-2

26. 仕6.5 卒4/2

28. 卒6.2 卒2-6

29. 兵5-4

Trắng thắng.



21. 馬3.5 卒7/5

23. 炮8-6 卒3.5

25. 馬3.2 卒1/1

27. 卒4-6 卒2.5

CỤC 9

1. 炮2-6 卒8-5

- | | | | |
|----------|-------------|---------|------|
| 2. ⑤2.3 | ⑤8.7 | | |
| 3. ③4.5 | ⑤9-8 | 4. ③3.5 | ⑤2.3 |
| 5. ④1-4 | ⑤5.1 | 6. ⑤8.9 | ⑤8.4 |
| 7. ⑥8.4 | ⑤3.2 | 8. ⑥8-3 | ⑤7.9 |
| 9. ④3.1 | ⑤1.1 | | |
| 10. ④4.4 | ⑤4.5 (hình) | | |

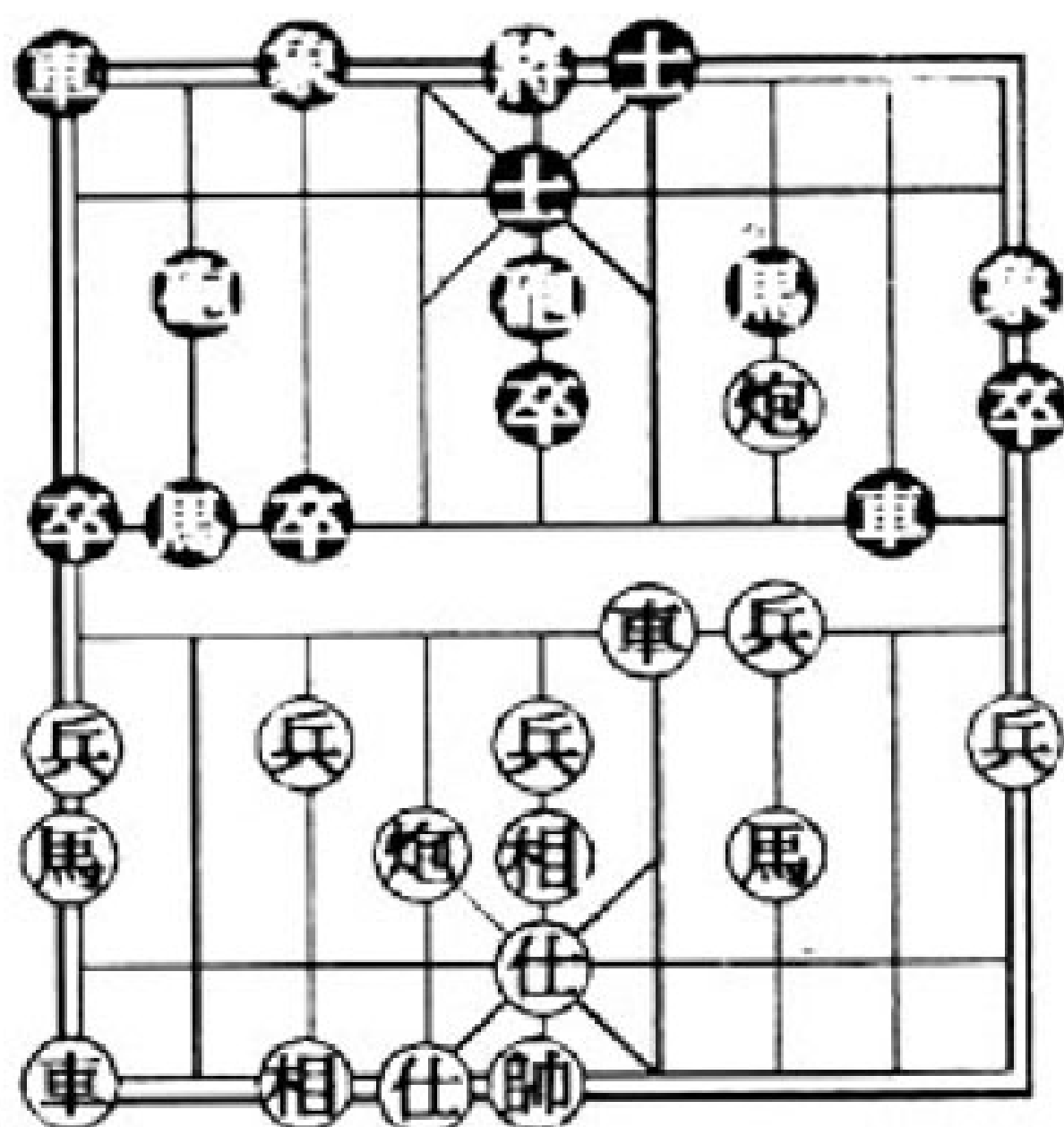
Đen lên Sĩ tăng cường phòng thủ là cách chơi bình ổn.. Nếu Đen đi X1.1 X9.1 X1-8 B9.1 Trắng có thể khá hơn.

- | | |
|----------|------|
| 11. ④9.1 | ⑤5-3 |
| 12. ④4.2 | ⑤3.5 |
| 13. ⑥3-5 | ⑤1.3 |
| 14. ⑥5-8 | ⑤3.1 |
| 15. ③5.7 | ⑤2.4 |
| 16. ④5.1 | ⑤8-2 |
| 17. ⑥8-6 | ⑤1-3 |
| 18. ③5/4 | ⑤7.8 |
| 19. ④4/3 | ⑤2.3 |
| 20. ⑤3.2 | ⑤4/5 |
| 21. ④4-6 | ⑤5.6 |
| 22. ⑥1.2 | ⑤2.3 |

Tiến Pháo đánh Tốt đầu nhờ đó giành được ưu thế

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 23. ④9-5 | ⑤3.2 | 24. ⑥1-7 | ⑤2-5 |
| 25. ④5-6 | ⑤5-7 | 26. ④5-3 | ⑤3-5 |

Đen thắng



CỤC 10

- | | |
|---------|------|
| 1. ⑥2-6 | ⑤8-5 |
|---------|------|

2. ②2.3 ⑧8.7
3. ③1-2 ⑧2.3
4. ⑧8.7

Nếu Trắng đi B7.1 thì X9.1 M8.7 X9-4 X2.4 X4.5 hai bên đều quyết giành tiên thủ

- 4... ④3.1
5. ③2.4 ⑤9-8
6. ③2-6 ⑥4.5
7. ⑦6.5 ⑥5-6

Nếu Đen đi X8.4 P8.4 Trắng giành được tiên thủ

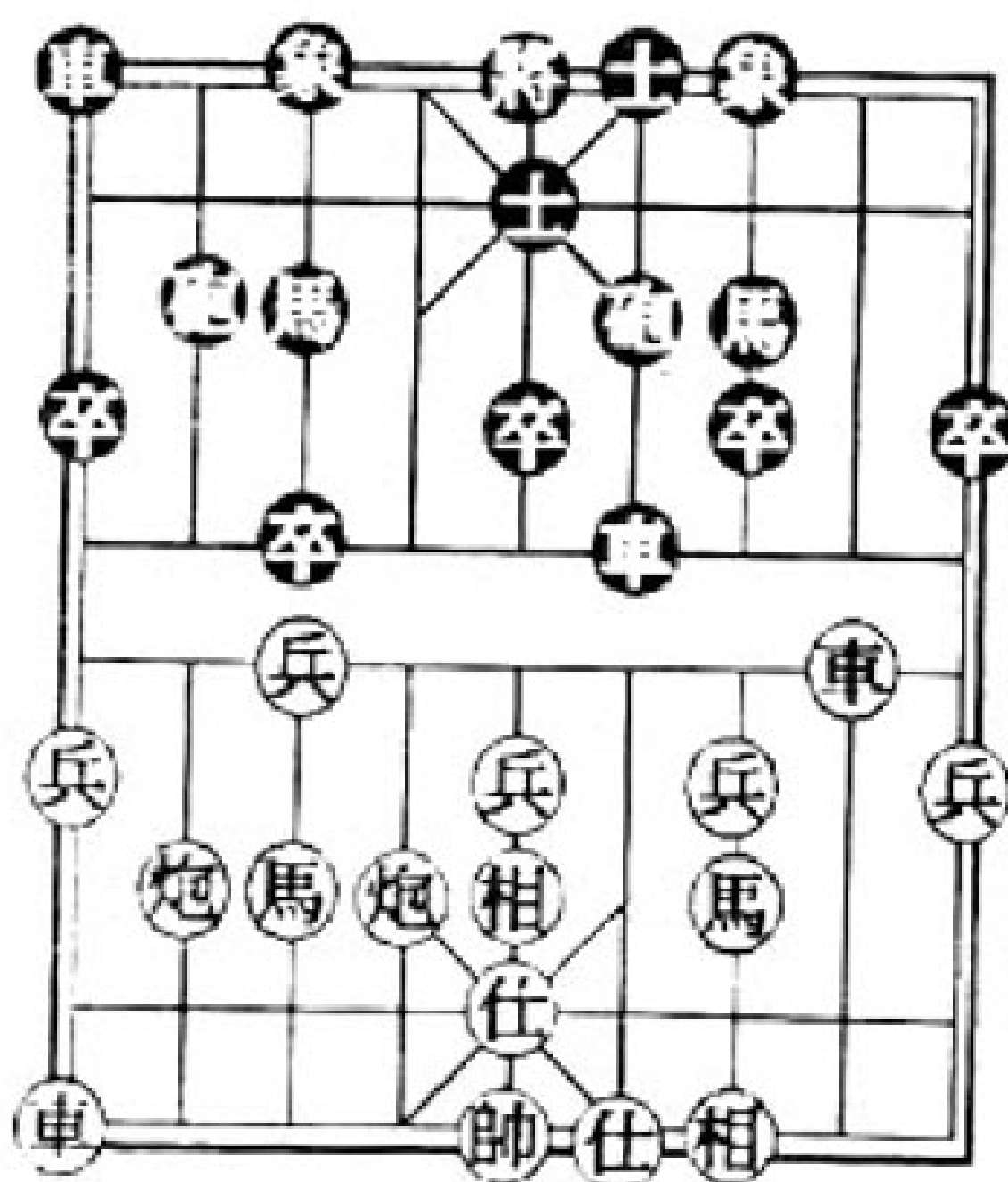
8. ⑨7.1 ⑤8.4
9. ⑧7.5 ⑤8-6
10. ③6-2 (hình)

Trắng bình Xe lộ 2 chuẩn bị tiến Mã đuổi Xe tranh tiên. Nếu đi P8.4 B7.1 thì Trắng sẽ P8-7 rồi X9-8 cướp tiên tróc Pháo, tạo được cục diện tốt hơn.

- 10... ④3.5
11. ③9-7 ④3.1
12. ③2-7 ⑧3.2
13. ⑥8.5 ⑥6-2
14. ⑨3.1 ④7.1
15. ⑧7.6 ⑧2.4
16. ③t-6 ⑤1-3
17. ③7.9 ④5/3
18. ⑥6-9 ④1.1
19. ⑧3.4

nước đi tạo cục diện bình ổn

- 19... ④7.1
20. ⑧4.6 ④3.5
21. ⑧5.3 ④9.1



22. ④6/2

Nếu Trắng đi P9.3 thì P2-4 P9-4 P4.3 hình thành hòa cục

22... ⑤2-4

23. ⑥6.8

④4-2

24. ⑥8/7

⑤6-3

25. ④3/5

⑥7.6

26. ④6-8

④2-3

27. ④8.7

⑤5/4

28. ④9-7

④3.1

29. ④5.7

④3.5

30. ④8/6

④3-7

31. ④7/5

④7/5

32. ④8.2

⑥6.5

33. ④8-9

④7.2

hòa cục.

CỤC 11

1. ④2-6

④8-5

2. ⑥2.3

⑥8.7

3. ⑤4.5

⑤9-8

4. ④3.5

⑥2.3

5. ④1-4

⑤8.4

6. ⑥8.9

④3.1

Nếu Đen đi B1.1 thì Trắng cũng có thể X4.6 P5-4
Đen cũng không được gì.

7. ④8.4

⑥3.2

8. ④8-3

⑤7.9

9. ⑤3.1

④1.1

10. ④4.4

⑤4.5

11. ④4-6

④3.1

12. ④6-7

⑥2.1

13. ④7.3

④2.5

14. ④7-8

④1/2

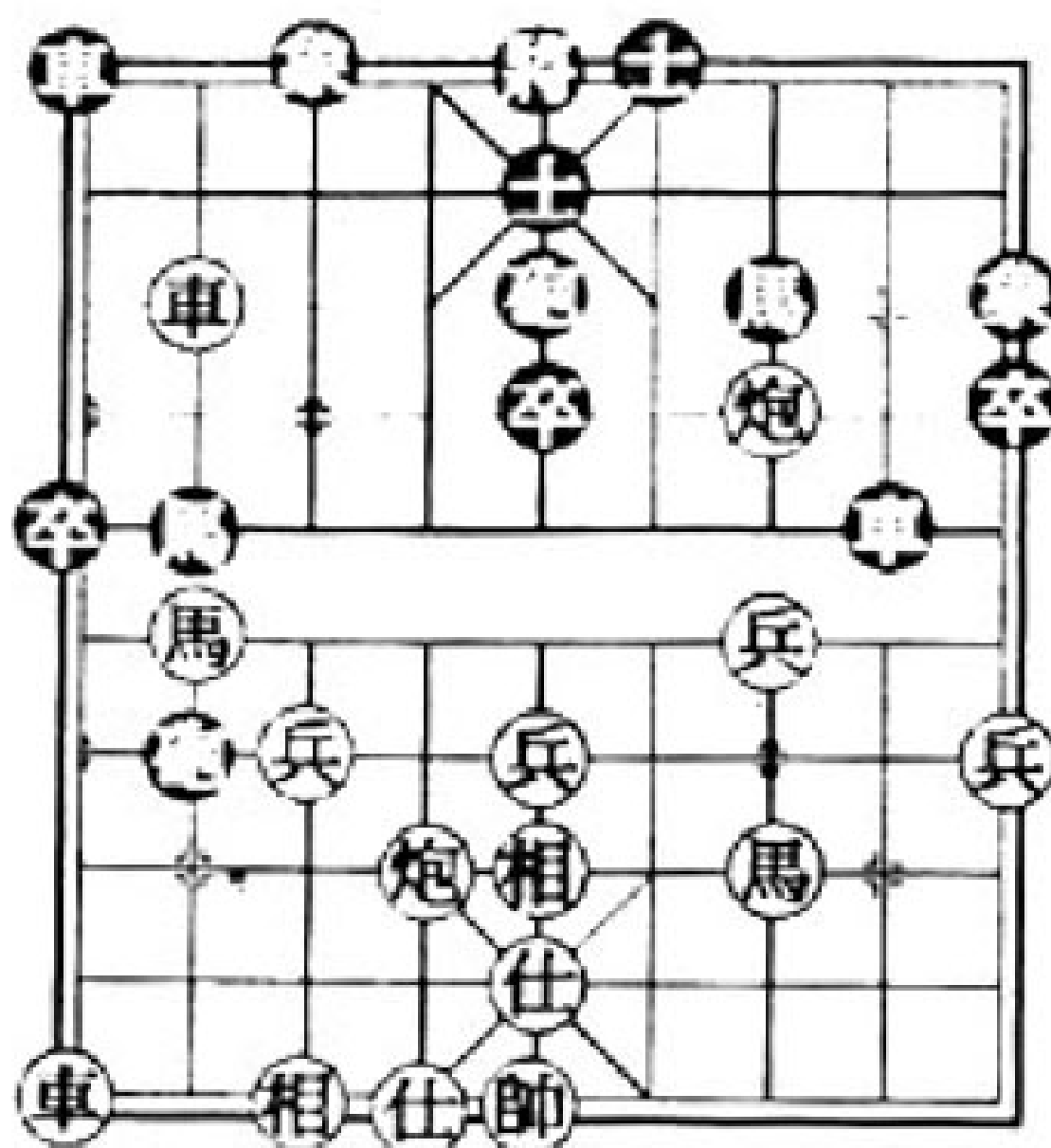
15. ⑥9.8

④2/1 (hình)

Nếu Đen đi M2.4 M8.6 sau đó Đen đi M4.5 M6.5
M5.7 Tg5-4 T3.5 X8/5 X8-6 P6-4 X1-4 M3.4 X6.1 P3/
5 X6-7 P4- X7-6 Tg4-5 M7.6 X9.5 bên Trắng chiếm
ưu.

- | | |
|----------|------|
| 16. ♖9-8 | ♘2.4 |
| 17. ♘8.6 | ♙5-6 |
| 18. ♙5.1 | ♚1.1 |
| 19. ♙7.1 | ♚1.1 |
| 20. ♖t/2 | ♙1.1 |
| 21. ♖t.4 | |

Tiến Xe tróc Tượng, khó thực hiện, không bằng đi M6.7 Đen sẽ X8-2 M7/8 M4.3 X8.2 M3/2 M8.7 X1.3 M7/5 bên Trắng nhiều Tốt, có phần ưu thế hơn.



21...♙1-3

- | | |
|----------|------|
| 22. ♘6.8 | ♙3.1 |
| 23. ♘8.9 | ♙3/1 |
| 25. ♘9/8 | ♙3.1 |
| 27. ♘7.9 | ♙3.1 |
| 29. ♖7.3 | ♙3.2 |
| 31. ♖8/5 | ♙6-4 |
| 32. ♘3.4 | |

- | | |
|----------|------|
| 24. ♙6.1 | ♙8-1 |
| 26. ♘8/6 | ♙3.3 |
| 28. ♖s-7 | ♙1-3 |
| 30. ♙6-8 | ♚1-2 |

Thực ra nên đi T9/7 trước tiên phải củng cố trận địa vững chắc.

32...♚5.1

- | | |
|----------|------|
| 33. ♙5.1 | ♙3-6 |
| 35. ♖8-7 | ♚2-3 |
| 37. ♘6/4 | ♙7.5 |
| 39. ♘6.5 | ♙5.6 |
| 41. ♖7.5 | ♙5/4 |
| 43. ♖7/3 | ♙6-5 |
| 45. ♘3/1 | ♚3-4 |

- | | |
|----------|------|
| 34. ♙5.1 | ♙4.5 |
| 36. ♘5.6 | ♙5/6 |
| 38. ♘4.6 | ♙4-5 |
| 40. ♙3-5 | ♙6/5 |
| 42. ♘6.5 | ♙6.5 |
| 44. ♘5.3 | ♙5-6 |
| 46. ♙5-6 | ♙5.6 |

47. ♖7-6 ♙4.5

48. ♙3.1 ♘5.6

49. ♖6-8 ♙4.1

Đen thi Tốt đối Sĩ, chơi công sát

50. ♖8.3 ♙5/4

51. ♖8-6 ♘6.1

52. ♖6/7 ♙5.2

53. ♙3-4

Nếu Trắng đi B3.1 thì Đen X5/5 B3.1 M6.5 Tg6.1

M5.6 Tg6/1 B9.1 X6.6 S6/5 M1.2 g6/1 B3.1 Trắng
thắng chắc.

53...♙5/5

54. ♖9.7 ♘6/8

56. ♘1.3 ♙6/5

58. ♙4-3 ♙7/2

60. ♙6.1 ♙7/1

62. ♙2-3 ♙8-5

64. ♙4-5 ♙6-5

66. ♖7/9 ♙9.1

68. ♖6.2 ♘6-5

70. ♙7-6 ♙5-9

72. ♙6-5 ♙9-6

74. ♙5-4 ♘6-5

76. ♖4.1 ♙5/4

78. ♖4.1 ♙5.6

80. ♙5.1 ♙5/6

82. ♖9.7 ♙5/4

hòa cục.

55. ♖6.6 ♘6/1

57. ♖6/5 ♙5-7

59. ♙3-2 ♙7.8

61. ♙6/1 ♙7-8

63. ♙3-4 ♙5-6

65. ♙5-6 ♙5/3

67. ♙6-7 ♙5.6

69. ♙7.1 ♙5.1

71. ♖6-5 ♘5-6

73. ♖5-1 ♙6-5

75. ♖1-4 ♙6/5

77. ♙6-5 ♙5-6

79. ♙4-5 ♙6/5

81. ♙5-6 ♙6.5

CỤC 12

1. 炮2-6 炮8-5
2. 馬2.3 馬8.7
3. 仕4.5 炮9-8
4. 相3.5 馬2.3
5. 車1-4 炮8.4
6. 馬8.9

Nếu Trắng đi X4.7 thì M3/5 X4/3 B3.1 X4-6 M5.3 M8.9 Trắng giành được tiên thủ

6...卒3.1

7. 炮8.4 卒7.1
8. 炮8-7 炮1-2
9. 車9-8 炮2.5

Tiến Pháo phong toả Xe là cách chơi có uy lực.

10. 車4.7 炮8/2

11. 兵7.1

Nếu Trắng đi P7.3 thì S4.5 X4/3 B5.1 bên Đen tạo được thế công ở trung lộ.

11...卒3.1

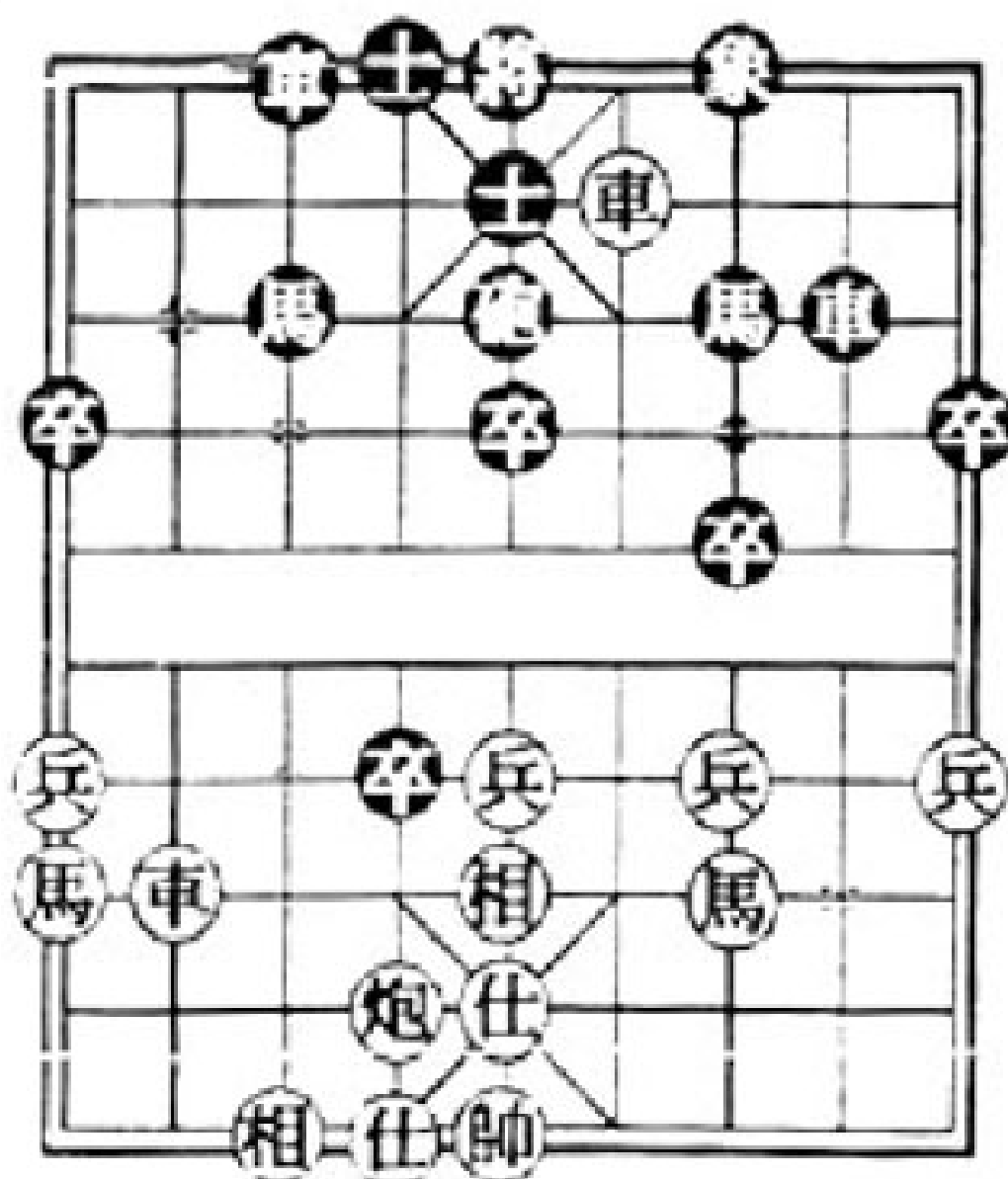
12. 炮7.3 炮2-3
13. 車8.2 士6.5
14. 車4.1 卒3.1

Tiến binh là nước yếu, không bằng
M3.4 X8.3 M4.5 X8-3
B3.1 Đen có thể khá hơn.

15. 炮6/1 卒3-4

(hình)

Nên đi M3.4 B5.1 P5-6



P6-7 R3-4 X8.1 M4.6 M3/1 thế trận hai bên cân bằng.

16. ♖8.1 ♜8.5

17. ♙6-7 ♞3/1

18. ♞3/4 ♚4-5

19. ♞9.7 ♞1.3

20. ♖8.2

Tiến Xe không chế 2 Mã là nước đi hay

20...♚5-4

21. ♖8-3 ♞7/6

22. ♞7.9 ♞3.4

23. ♙7-8 ♞4.2

24. ♞9.8 ♚3.3

25. ♖3.4 ♜5-2

Nếu Đen đi M2.1 Trắng sẽ M8.7 X3/2 X3-4 S5/6 X4-7 Đen sẽ khó ứng phó.

26. ♙8.1 ♞2.1

27. ♞8/7 ♚3.2

28. ♞7.9 ♚3.2

29. ♙8.2 ♚8/5

30. ♙8-4 ♜2-6

31. ♙4-3 ♚4-5

32. ♖3/3 ♚t.1

33. ♖3-5 ♞6.8

34. ♙3-5 ♚5.1

35. ♚6.5 ♜6-5

36. ♖5-3

Trắng thắng.

CỤC 13

1. ♙2-6 ♜8-5

2. ♞2.3 ♞8.7

3. ♚4.5 ♞2.3

4. ♞3.5 ♚9-8

5. ♖1-4 ♚8.4

6. ♖4.7 ♞7/8

Trước đây người ta hay chơi M3/5 dả Xe tranh tiên

7. ④4/3 ②3.1
8. ④4-6 ②4.5
9. ⑤8.9 ②1.1

Không chế lộ Mã của đối phương là cách chơi binh ổn.

10. ⑧8.4 ③1.3
11. ⑧8-3 ③5.1
12. ⑧3/2 ③1-2
13. ⑥9.1 ③5.1 (hình)

Đen tiến Tốt đầu, từ trung lộ xâm nhập phòng tuyến bên Trắng tạo lợi thế chi việc phát triển quân. Nếu Đen đi M3.5 Trắng sẽ X6.1 B-1.1 M9/7 Trắng có thể tốt hơn.

14. ⑥5.1 ⑤3.5
15. ④6/1 ⑤5.3
16. ⑥9.1 ⑤2-9
17. ⑥9-8 ⑤2-1
18. ④6-4

Trắng cũng có thể đi X6-5 P9-5 X5-4 phòng thủ của Trắng vững vàng.

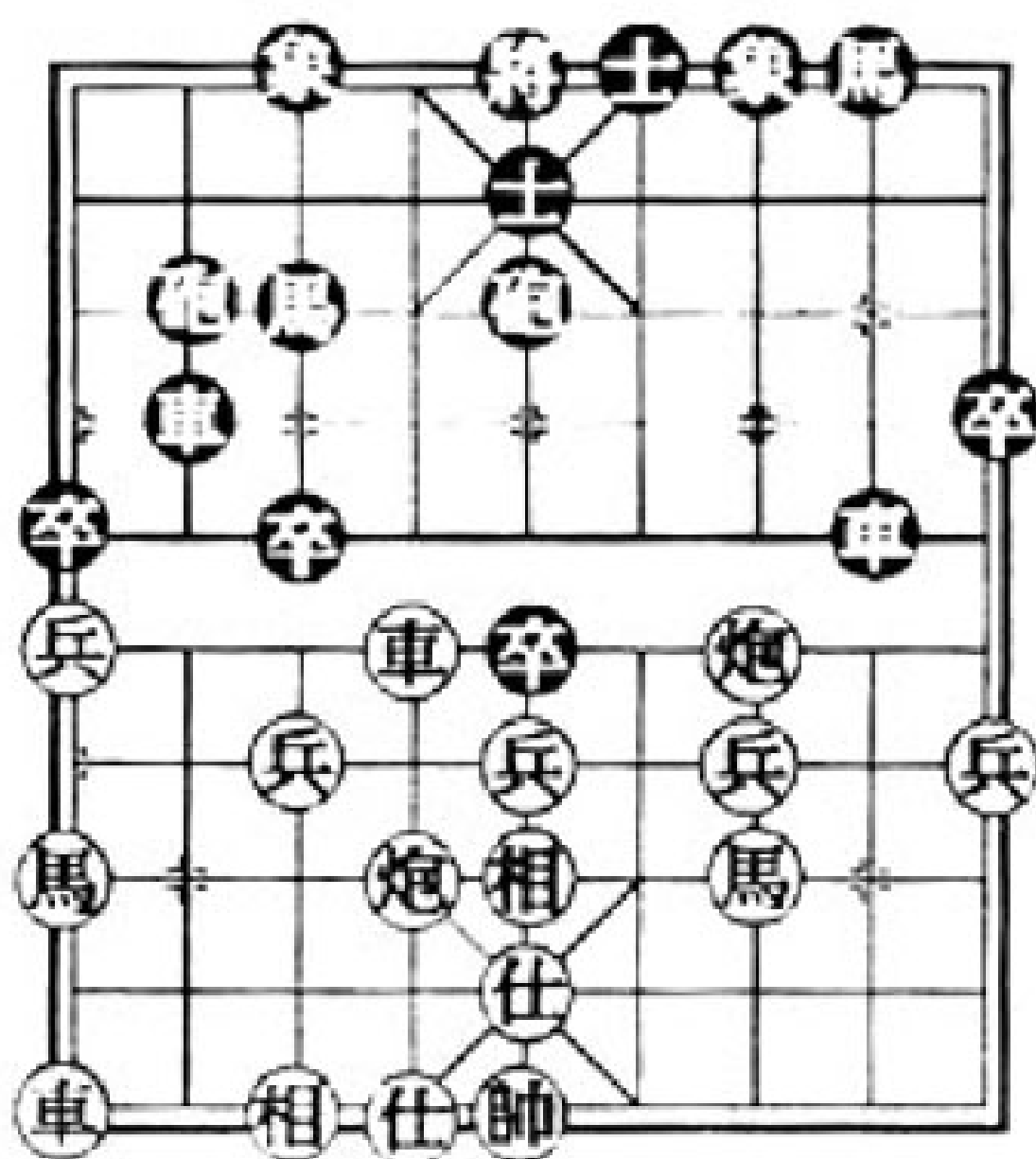
- 18... ④1-4
19. ⑧6.1 ⑧9.4

Đánh Tốt biên để tranh tiên.

20. ⑤3.1 ⑧8.5
21. ④4/3 ⑧8-6
23. ⑤1/2 ⑧7.5
25. ⑤2.4 ⑧8.7

22. ③5-4 ③4.3
24. ④9-8 ③4-6
26. ④8.4 ③5/1

Đen có thể đi P5-6 Tg4-5 P6.2 S5.4 X6.1 sau đó



xuất kích 2 Mã tạo thế công.

27. 炮3.2 車6-7 28. 馬4.3 炮5-7

29. 帥4-5 車7-6 30. 兵8.1 馬5.6

31. 炮3-6 馬6.4 32. 兵8.1 車6/1

Khi bên Trắng tấn công, bên Đen thoái Xe đổi Xe là rất có lợi cho việc phòng thủ

33. 車8-4 馬4/6 34. 馬9.8 馬7.6

35. 炮6-9 馬8.4 36. 炮9/2 馬4/5

37. 馬8.7 士5/4 38. 炮9-5 士6.5

39. 馬7/5 炮7/2 40. 兵8.1 炮7/1

41. 兵8.1 馬5.7 42. 炮5-9 馬6/4

43. 兵7.1 車3.1

44. 相5.7

Hoà cục.

TIẾT 7

QUÁ CUNG PHÁO ĐỐI PHÁO ĐẦU SONG TRỰC XA

CỤC 1

1. 炮2-6 車8-5

2. 馬2.3 馬8.7

3. 相3.5 馬2.3

4. 仕4.5 車9-8

5. 兵7.1

Trắng có thể đi X1-4 B3.1 M8.9 X8.4 P8.4 bên Trắng giành tiên thủ

5... 車5.1

6. 車1-4

Bên Trắng xuất Xe không bằng đi M8.7 phòng Đen

đi P2.4 tấn công.

6... 炮2.4

7. 馬8.7 炮2-3

8. 炮8.4 卒7.1

9. 車9-8 車1-2

10. 車8.3 炮3-7

11. 兵5.1 卒5.1

12. 炮8/2 卒7.1

13. 相5.3 卒5.1

14. 車8-5 士4.5

15. 炮6-5 炮7-8

16. 車4.6 炮8.1

17. 炮5.5 象3.5

18. 相7.5 車2.4

19. 車4-7 馬7.5

20. 兵7.1 車2-3

21. 車7/1 馬5.3

22. 馬7.6 炮8.4

23. 馬6.7 車8-4 (hình)

Tình thế cả hai bên đều ổn định, chưa xuất hiện tình thế đối công, đến đây đã thấy được khả năng hòa cờ

24. 馬7/5 炮8/5

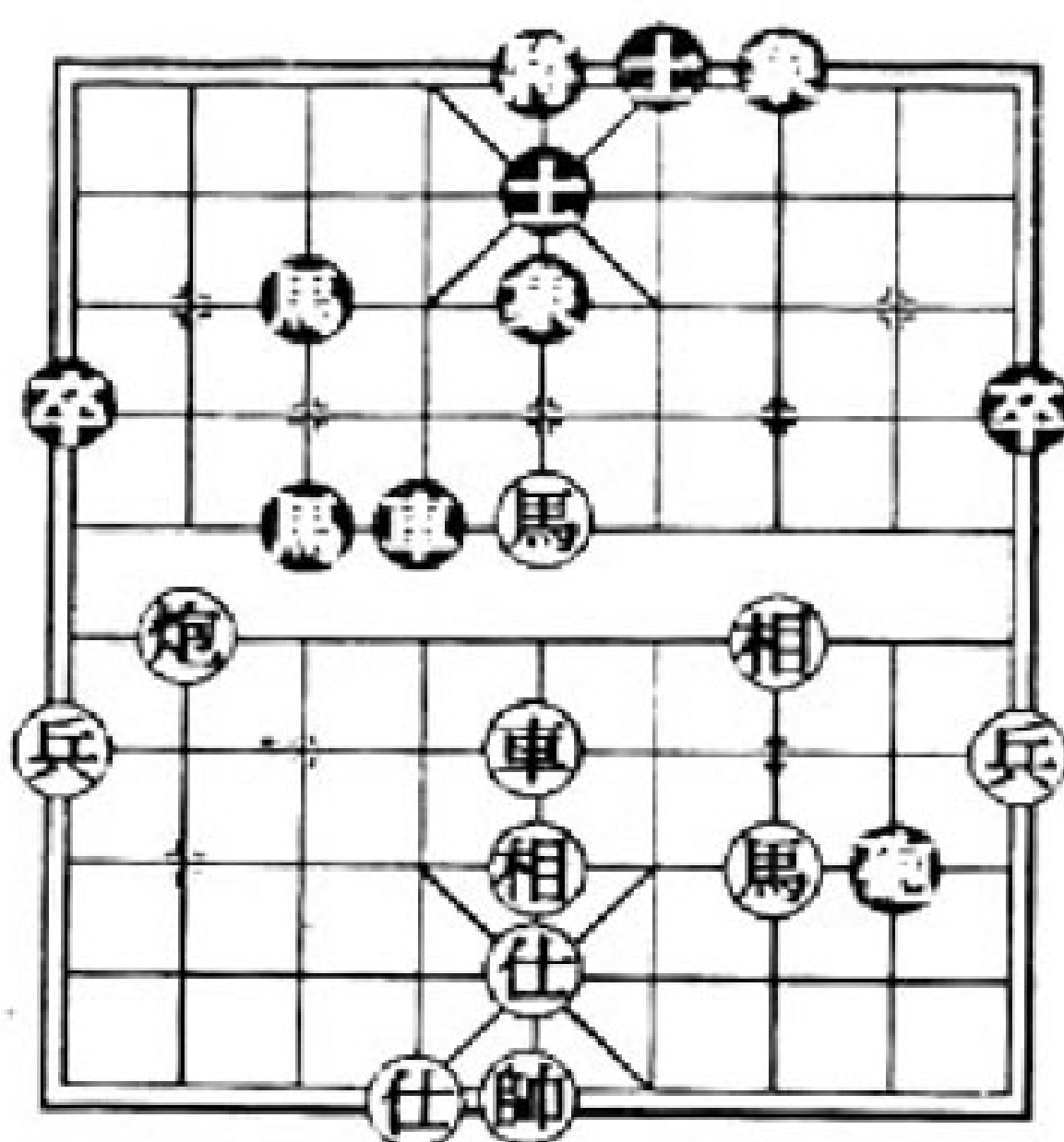
25. 炮8-7 車4/1

27. 馬3.4 車4-6

29. 馬3.1 馬4.5

31. 馬3/2 馬5.3

Hòa cục.



26. 車5-2 炮8-9

28. 馬4.3 馬1/4

30. 馬1.3 車6/2

CỤC 2

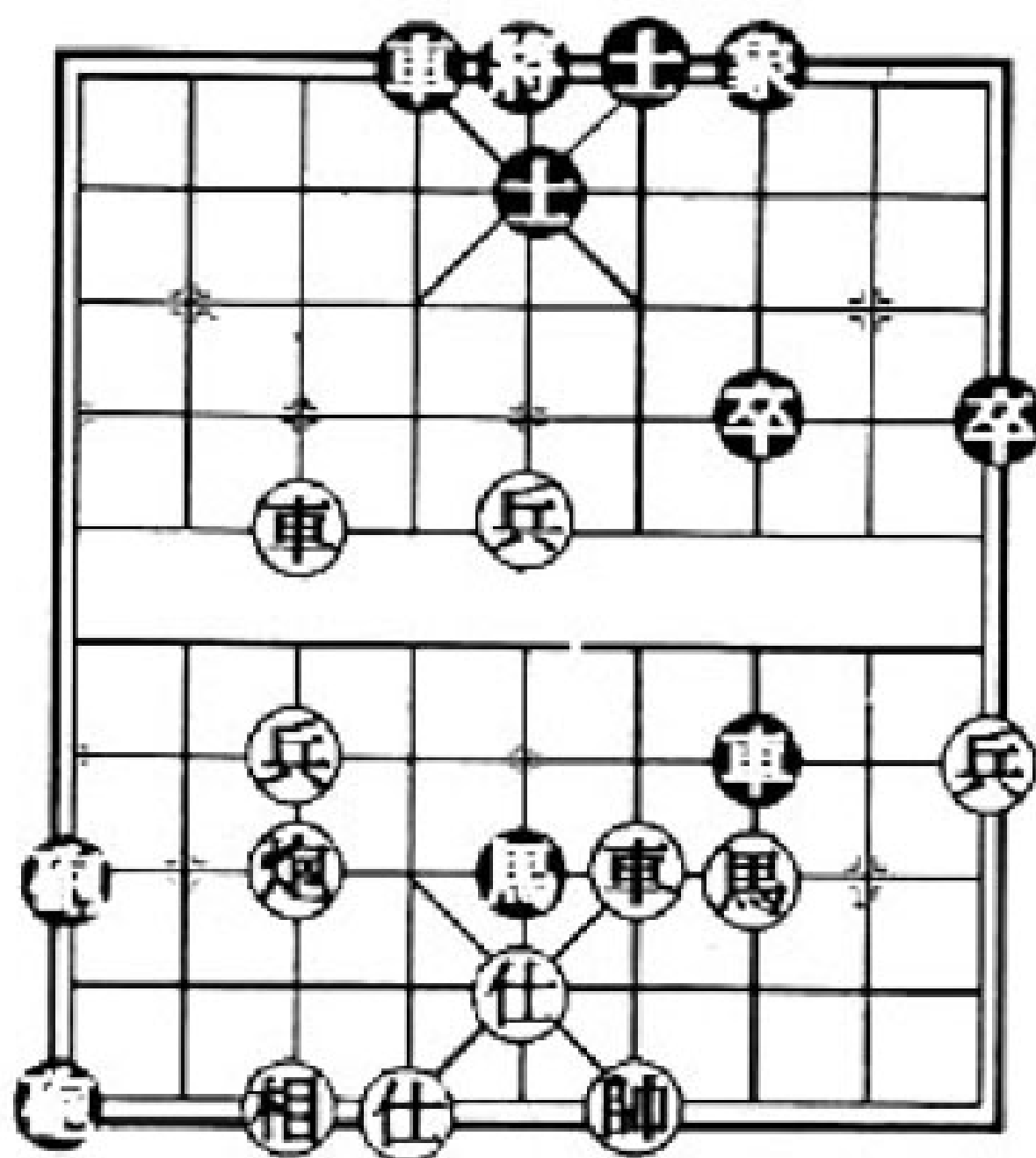
- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-6 | ●8-5 |
| 2. 馬2.3 | ●8.7 |
| 3. 車1-2 | ●2.3 |
| 4. 馬8.7 | ●3.1 |
| 5. 車2.5 | ●3.1 |
| 6. 兵9.1 | ●9-8 |
| 7. 車2-4 | ●4.5 |
| 8. 兵9.1 | ●1.1 |
| 9. 車9.5 | ●1-4 |

Nên đi P2/1 thì xem ra có lực hơn.

10. 炮8-9 ●2/1

Nếu Trắng đi S6.5 Đen P2/1 thì P8.5 Đen khó có cơ phản kích.

- | | |
|----------|-------|
| 11. 車9/2 | ●8.6 |
| 12. 車9-8 | ●2.3 |
| 13. 車4.3 | ●8-7 |
| 14. 相3.5 | ●5.1 |
| 15. 仕4.5 | ●7.5 |
| 16. 車4/2 | ●5.1 |
| 17. 馬7.9 | ●2/4 |
| 18. 兵5.1 | ●2-1 |
| 19. 炮9.5 | ●5-1 |
| 20. 兵5.1 | ●t.1 |
| 21. 車4/2 | ●5.7 |
| 22. 車8.4 | ●s.6 |
| 23. 車8-7 | ●7.6 |
| 24. 炮6-7 | ●t.3 |
| 25. 車7/2 | ●6.7. |
| 26. 車5-4 | ●7/5 |



27. ④4/2 ⑤s.4 (hình)

Đen tiến Pháo thực hiện công kích là cách chơi lão luyện, khống chế toàn cục. Nếu Đen đi T7.5 thì X7-8 X4.9 Tg4.1 sau đó bên Trắng X8.4 nhằm tấn công Tượng. Đen phòng vệ không thể nhanh chóng hình thành sát thế.

28. ③5-6 ⑥5/4

29. ②7/1 ⑤s-7

30. ②7-6 ⑥7-5

31. ④7/1 ⑥5.2

32. ④7-6 ⑥4.2

33. ④4/1 ⑥4-6

34. ④4.6 ⑤5.6

35. ②6.1 ⑥5-4

Có thể tiến Pháo lộ 7 đánh Sĩ đây, nước có lực hơn.

36. ④6-5 ⑤6.5

37. ②6-5 ⑥5-4

38. ④5-9 ⑥4.1

39. ④4.1 ⑥4/1

40. ④4.1 ⑥7-5

41. ④4-5 ⑥4/4

42. ④9.5 ⑥4.1

43. ④9/9 ⑥4-5

44. ④5-4 ⑥7.9

Có thể đi B7.1 uy hiếp đối phương.

45. ④9.4 ⑥5.2

46. ③7.1 ⑥5-3

47. ③7.9 ⑥7.1

48. ③7.1 ⑥3/2

49. ④9-6 ⑤5.4

50. ③9.7 ⑥3-6

51. ④4-5 ⑥6-5

52. ④5-6 ⑥4-5

Đen thắng.

CỤC 3

1. ②2-6 ⑥8-5

2. ③2.3 ⑥8.7

3. ③3.5 ⑥9-8

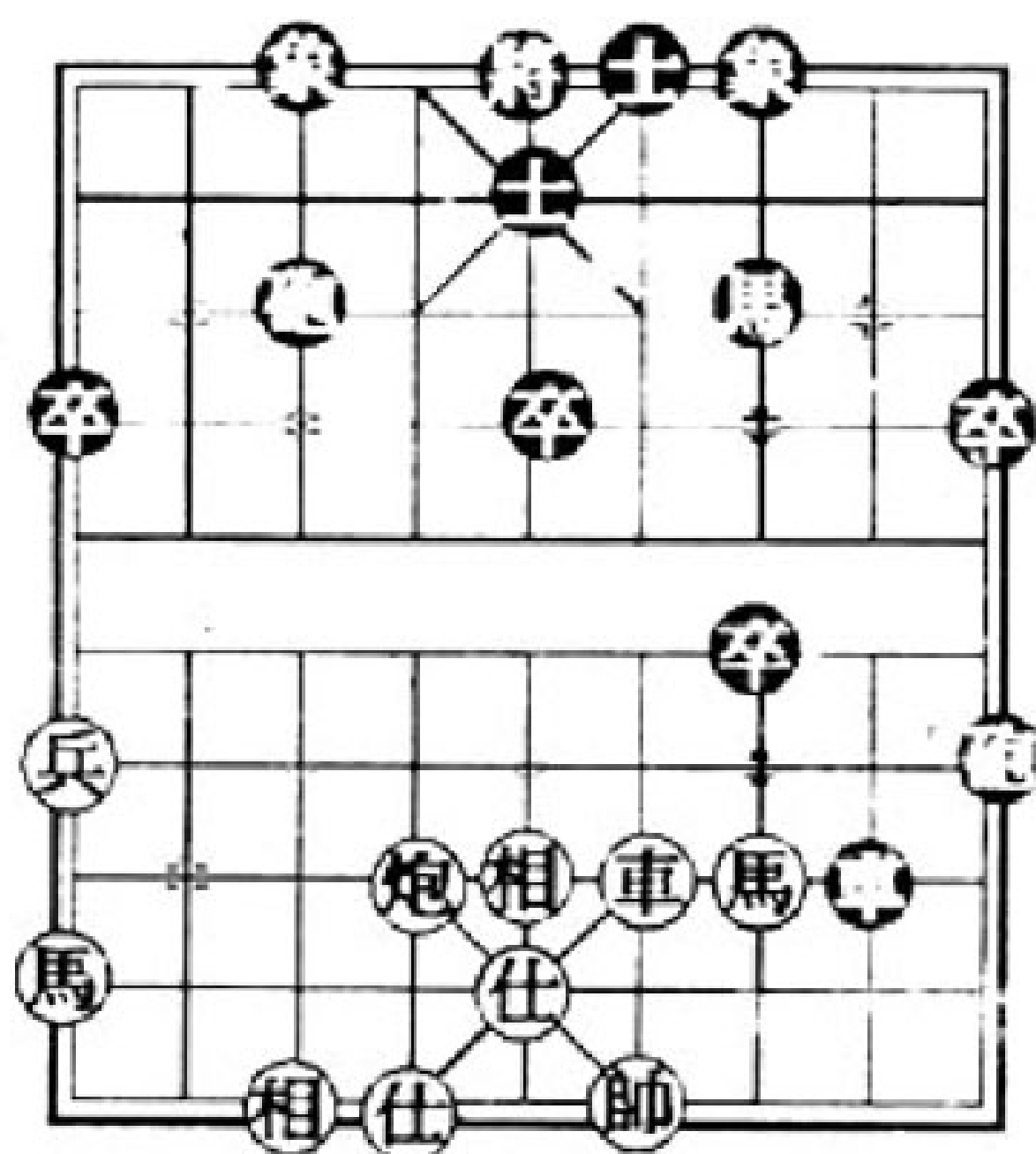
4. ④4.5 ⑥2.3

5. ③8.7

Nếu Trắng đi X1-4 thì hoàn toàn có lợi vì khống chế được cục diện.

5...♙3.1

- | | |
|----------|-------------|
| 6. ♖1-4 | ♘3.4 |
| 7. ♙7.1 | ♙3.1 |
| 8. ♘5.7 | ♘2-3 |
| 9. ♘7/5 | ♙1-2 |
| 10. ♘7.6 | ♙2.7 |
| 11. ♘6.3 | ♙8.7 |
| 12. ♖4.2 | ♙7.1 |
| 13. ♖9.2 | ♙2/2 |
| 14. ♘6/7 | ♙2.1 |
| 15. ♘7.6 | ♙2/1 |
| 16. ♘6/7 | ♙2.3 |
| 17. ♘6/3 | ♘5.4 |
| 18. ♘7.6 | ♙2-3 |
| 19. ♙5-4 | ♙4.5 |
| 20. ♖9-7 | ♙3/1 |
| 21. ♘6/7 | ♘5-3 |
| 22. ♘7/9 | ♘t-9 |
| 23. ♙3.1 | ♙7.1 (hình) |



Đen tiến Tốt lộ 7 đổi Tốt là nước yếu tạo cơ hội cho Trắng sát Sĩ đổi Xe. Nếu Đen đi P9.3 sau đó tiến Xe chiếu Tướng P3-6 Trắng sẽ khó đỡ.

- | | |
|----------|------|
| 24. ♘5.3 | ♙9.3 |
| 25. ♖4.7 | ♙5/6 |
| 26. ♘6-2 | ♘7.6 |

Sau đó đổi Xe. Bên Trắng xem ra tình hình có vẻ khó khăn.

- | | |
|----------|------|
| 27. ♘9.8 | ♙9/3 |
| 28. ♘8/6 | ♙3-6 |

29. ④4-5	⑨9-4	30. ③3/5	⑤5.1
31. ②2/1	⑤5.1	32. ②2-3	⑧7.9
33. ⑧9.1	⑥6-1	34. ⑦6.8	③3.5
35. ⑦8/7	④4-7	36. ②3-1	⑦6.8
37. ⑦3.1	①1.3	38. ⑦1.2	⑧9.7
39. ②1.3	①1/1	40. ②1-5	④6.5
41. ③5.3	⑦7-5	42. ⑥5.4	⑦8.7
43. ⑦2.3	⑤9.1	44. ⑦3.5	①1-5
45. ⑦5/7	⑦7/9	46. ③3/1	⑦9/8
47. ⑦s.6	⑦8.7	48. ⑦6.5	②5/2
49. ②5-7	⑤1.1		

Đen thắng.

TIẾT 8 QUÁ CUNG PHÁO ĐỐI HOÀNH XA

CỤC 1

1. ②2-6	⑤9.1
2. ⑦2.3	⑤9-4
3. ⑥4.5	⑧8-5
4. ③3.5	⑦8.7
5. ④1-4	⑦2.3
6. ②8.2	⑤5.1

Đen tiến Tốt đầu chưa phải là nước hay. Đen có thể đi B7.1 Trắng sẽ P8-7 M3/5 X4.4 X4.3 Hai bên đều vững thế công thủ.

7. ②8-3	⑦7/9
---------	------

Đen thoái Mã là chính xác. Nếu Đen đi M3.5 thì X4.6 bên Đen khó chống đỡ.

8. ④4.6	⑤1-2
9. ④4-7	⑤4.1

- | | |
|----------|------|
| 10. 馬8.7 | ●2.5 |
| 11. 炮6.4 | ●5.1 |
| 12. 炮6-5 | ●4.5 |
| 13. 兵5.1 | ●7.1 |
| 14. 炮3-4 | ●9.7 |
| 15. 炮5/1 | |

Thoái Pháo là nước hay. Nếu Trắng đi P4.3 Đen đi X4.6 có thể công.

15...●5-4

16. 炮5-7

Trắng bình Pháo dả Mã, nước này không hya lắm, có thể đi M3.5 X2.4 X7/2 Trắng nhiều Tốt chiếm ưu.

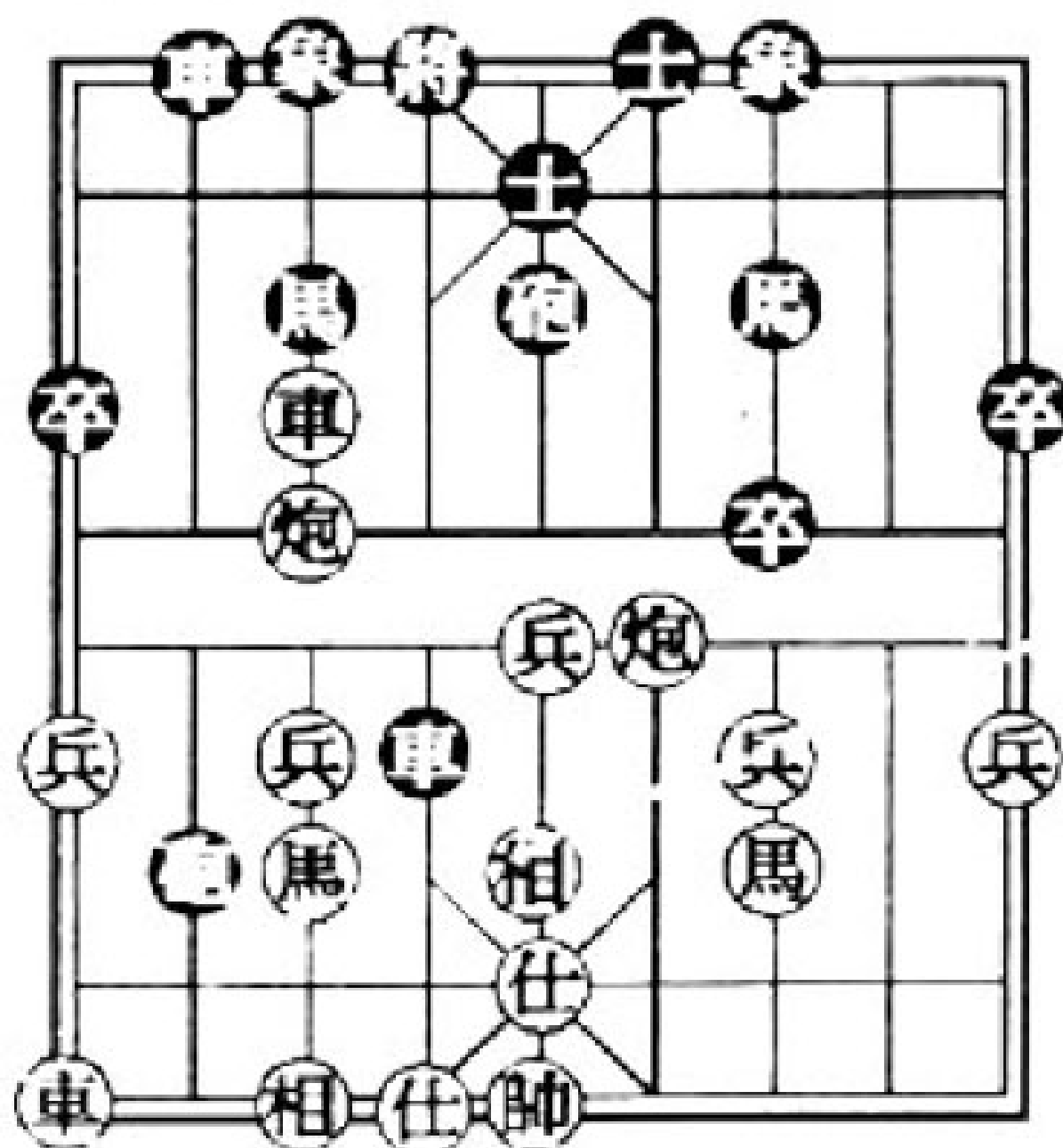
16...●4.4

17. 馬7.5 (hình)

Trắng tiến Mã lộ giữa, chưa phải là nước hay. Có thể đi P7.2 dả Mã Đen đi P5.5 đánh Tượng giữa thì Trắng T7.5 P2-5 S5/4 Đen nhất thời không có sát cục, Trắng nhiều Tốt hơn, có lợi.

17...●5.4

- | | |
|----------|------|
| 18. 馬3.5 | ●7.5 |
| 19. 炮7-5 | ●2-3 |
| 20. 炮4/1 | ●3/4 |
| 21. 炮4-6 | ●2.5 |
| 22. 炮6/1 | ●2-5 |
| 23. 馬5.7 | ●5.3 |
| 24. 炮5-6 | ●4-5 |
| 25. 車9-8 | ●3.2 |
| 26. 兵7.1 | ●s.4 |
| 27. 兵7.1 | ●4.6 |
| 28. 車8.3 | ●5/2 |
| 29. 炮6-9 | ●6.8 |



Đen tiến Mã gấp quá không bằng đi T7.5 Trắng đi X8-4 M6/8 Đen có cơ hội hòa cờ.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 30. 炮9/1 | 象7.5 | | |
| 31. 兵3.1 | 馬8/6 | 32. 兵3.1 | 象5.7 |
| 33. 車8-4 | 馬6/7 | 34. 仕5/4 | 象7/5 |
| 35. 兵7-6 | 象5-2 | 36. 炮9-1 | 馬7/8 |
| 37. 車4-6 | 馬8.6 | 38. 相5.3 | 馬6.7 |
| 39. 相7.5 | 象2.5 | 40. 炮1.1 | 象2/5 |
| 41. 炮1-4 | 馬7/6 | 42. 車6-7 | 馬6.7 |
| 43. 相5/3 | 卒9.1 | 44. 炮4-2 | 象2-5 |
| 45. 仕4.5 | 象5-8 | 46. 炮2-5 | 象8-5 |
| 47. 兵6.1 | 象5-4 | 48. 車7.6 | 象4/3 |
| 49. 車7/4 | 馬7/6 | | |
| 50. 車7-1 | | | |
- Trắng thắng.

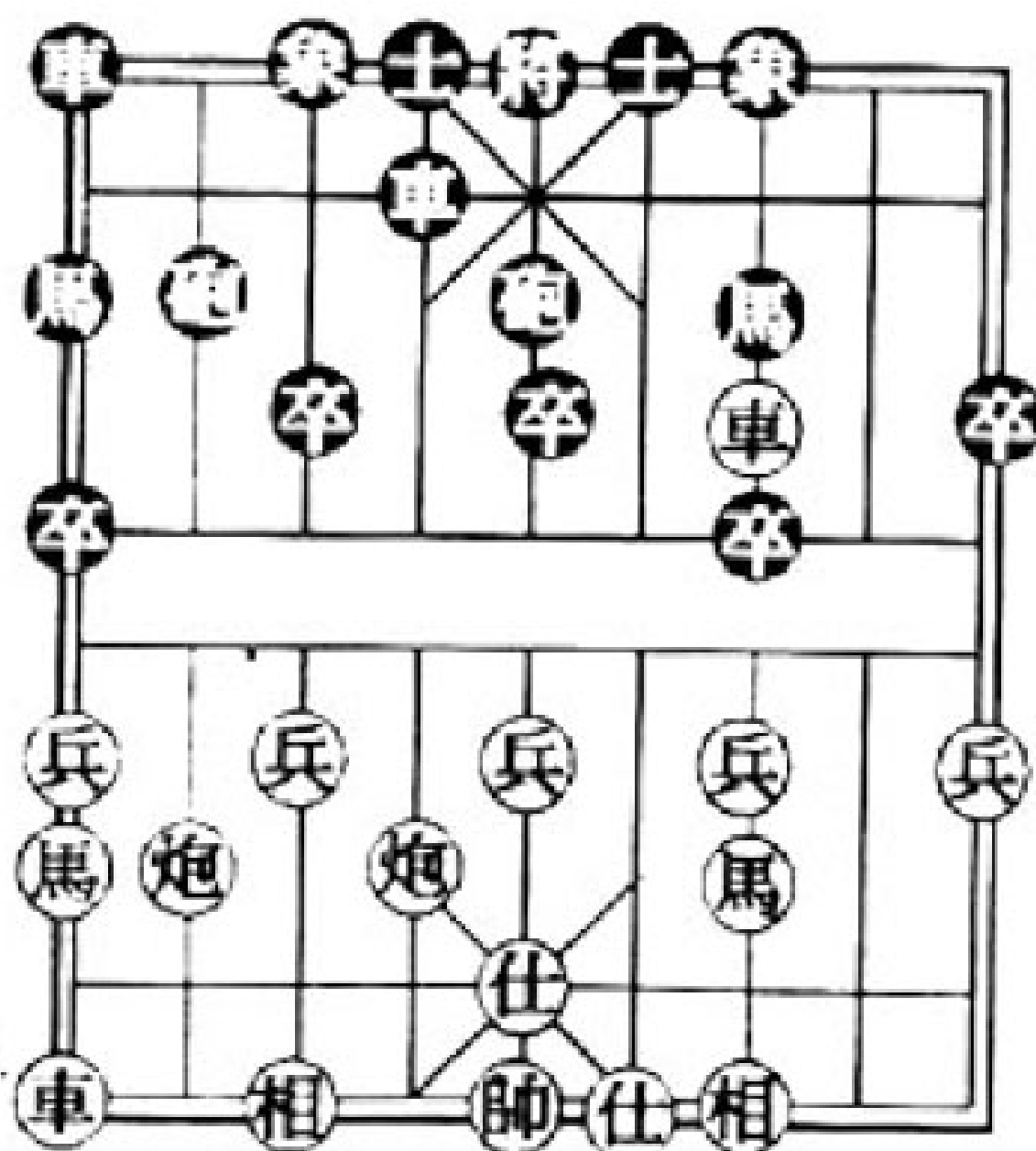
CỤC 2

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-6 | 象9.1 |
| 2. 馬2.3 | 象9-4 |
| 3. 仕6.5 | 炮8-5 |
| 4. 車1-2 | 馬8.7 |
| 5. 馬8.9 | 卒7.1 |
| 6. 車2.6 | 卒1.1 |
| 7. 車2-3 | 馬2.1 |

(hình)

Đen lên mã biên,
không bằng đi T7.9
Trắng B3.1 B7.1
X3/2 M7.6 hai bên
còn giằng co lâu dài.

- | | |
|---------|------|
| 8. 車3/1 | 象7.9 |
|---------|------|



9. ④3-9 ②2.4

10. ②6/2 ②4.7

Trắng thoái Pháo, thực ra thì nên đi T7.5 P2-5 M3.5
P5.4 Tg5-6 X1-2 X9-8 Trắng không khó đi.

11. ③7.1 ②5/1

12. ②8-6 ②2.1

13. ③3/2 ②5.5

14. ②t-5 ②4.5

15. ④s-8 ②1-2

Đen có thể đi M3.5 rồi X1-4 đánh tiêu diệt, khiến
cho Trắng khó đối phó

16. ③3.1 ②5/2

Với T3.5 thì Đen chiếm ưu thế lớn.

17. ④9/1 ③7.8

19. ④9-5 ③8.7

21. ③3.5 ②3.1

23. ④5-7 ②2.1

25. ③9/7 ③1.3

27. ④5.6 ②4-3

29. ④8.3 ③3.2

31. ③7.8 ②3.5

33. ④4.5 ②3/2

35. ③5-4 ②3-2

37. ④6.1 ②5.1

39. ④6-8 ②1.6

41. ③7.6 ②8/7

43. ③4.3 ②1.6

45. ③4.1 ②4-5

47. ③s.5 ②5/4

49. ③3.2 ②6/1

18. ③7.1 ②3.1

20. ④5/1 ③7.5

22. ③2.4 ②3-4

24. ④7/2 ②4-3

26. ③4.5 ②5.1

28. ②6.1 ②2/4

30. ④8-6 ②2-3

32. ②6-8 ②2-1

34. ②8.3 ②3-5

36. ③8/7 ②t-8

38. ③5/4 ②8.1

40. ④8/1 ②1/3

42. ③6.5 ②8-6

44. ④5/6 ②1-4

46. ③5.3 ②6.2

48. ④8.3 ②6/1

50. ④6/5 ②5.6

Đen thắng.

CỤC 3

1. 炮2-6 車9.1
2. 馬2.3 炮8-5
3. 車1-2 車9-4
4. 仕6.5 馬8.7
5. 馬8.9

Có thể đi M8.7 biến hóa hơn

5...卒1.1

6. 車2.4 車4.3

7. 相3.5 (hình)

Như hình vẽ Trắng lên Tượng là chính xác. Nếu Trắng đi B9.1 thì B1.1 M9.8 B1-2 X9.9 P2.5 X2-8 P2-7 X9-8 P5.4

Tg5-6 T7.5 Đen nhiều Tốt có phần ưu hơn một chút.

7...卒7.1

8. 炮8.7

Trắng tiến Pháo đã

Mã không phải là nước hay nhất. không bằng đi B3.1 đổi Tốt, cục thế bình ổn.

8...車1-2

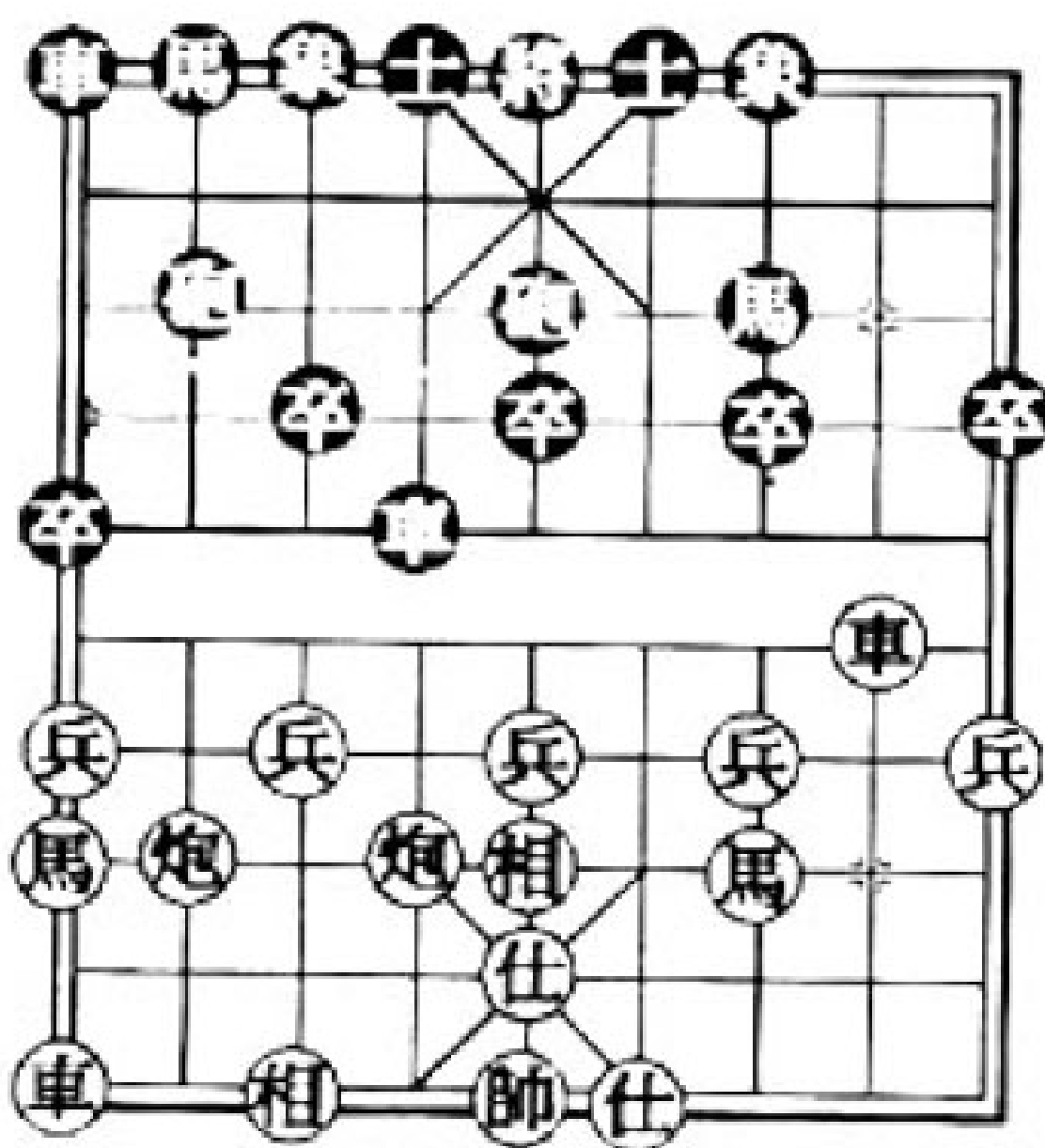
9. 車9-8 車2.5

10. 兵9.1 卒1.1

11. 車2-9 車4-2

12. 兵3.1

Nếu Trắng đi X8-9 Đen sẽ M7.6 Đen giữ tiên thủ.



12...♙2-5

13. ♖7.5 ♙t.5

15. ♗5/6 ♙7.1

17. ♘3-4 ♙2/5

19. ♙6-7 ♙5-6

21. ♙7-6 ♙6-1

23. ♖5/7 ♙2-3

25. ♙5.4 ♙6.5

27. ♘4.3 ♙9.1

14. ♘9/8 ♙2.9

16. ♘9-3 ♙7.6

18. ♗4.5 ♙4.5

20. ♘4-3 ♙2.3

22. ♘3-9 ♙2/1

24. ♙6-5 ♙7.5

26. ♘3.4 ♙3.3

28. ♘3/1 ♙3/4

Trắng thoái Mã đuổi Tốt, nếu Trắng đi M3.5 thì Đen
T3.5 X9.3 T5-4 X9.2 Tg4.1 X9/6 cục thế dễ ứng phó

29. ♘9/2 ♙5/4

30. ♘1.3 ♙3-5

31. ♘3.4 ♙4.2

32. ♙5-2 ♙5.6

33. ♘4/6 ♙5.1

34. ♘9-8 ♙1.7

35. ♘8/2 ♙2.1

Đen thắng.

CỤC 4

1. ♙2-6 ♙9.1

2. ♘2.3 ♙9-4

3. ♗4.5 ♙8-5

4. ♘1-2 ♙8.7

5. ♘2.6 ♙2.3

6. ♘8.9

Trắng lên Mã biên không bằng binh Xe lộ 3 khổng
chế mã, Đen sẽ P5/1 M8.9 B3.1 T7.5 cục thế binh
ổn bên Trắng có phần ưu thế.

6...♙5.1

7. ♙6-5

Trắng lại vào Pháo đầu, tăng cường phòng thủ

trung lộ, là cách chơi chính xác.. Nếu Trắng đi T7.5 P2.1 sau đó B3.1 bên Đen có phần lợi thế hơn.

7...⊕4.5

8. ④ 2-3 ⑤ 3.5

9. 炮8-7 卒5.1

10. ④9-8 ⑤1.2

11. 兵5.1 炮5.3

12. ④3.5 ⑤2-5

13. ④5.2 ⑤5.3

14. 炮7-5 炮5.2

15. ④7.5 ⑤5.6

16. $\odot 3/2$ (hình)

Trắng thoắt Xe tróc Mã là cách chơi ổn định. Nếu Trắng đi X3-4 M6.8 X8.9 X4.5 M5.3 T7.5 sau đó Đen có thể đi M7.8 tranh tiên, bên Trắng không giành được ưu thế nào hết.

16... 4.5

17. ④3-4 ⑤4-5

18. ④4-3

Bình Xe kịp thời, nếu đi B3.1 thì M7.5 X4.2 M5.4 bên đẹn có thể tiến công.

18... ♖1.1

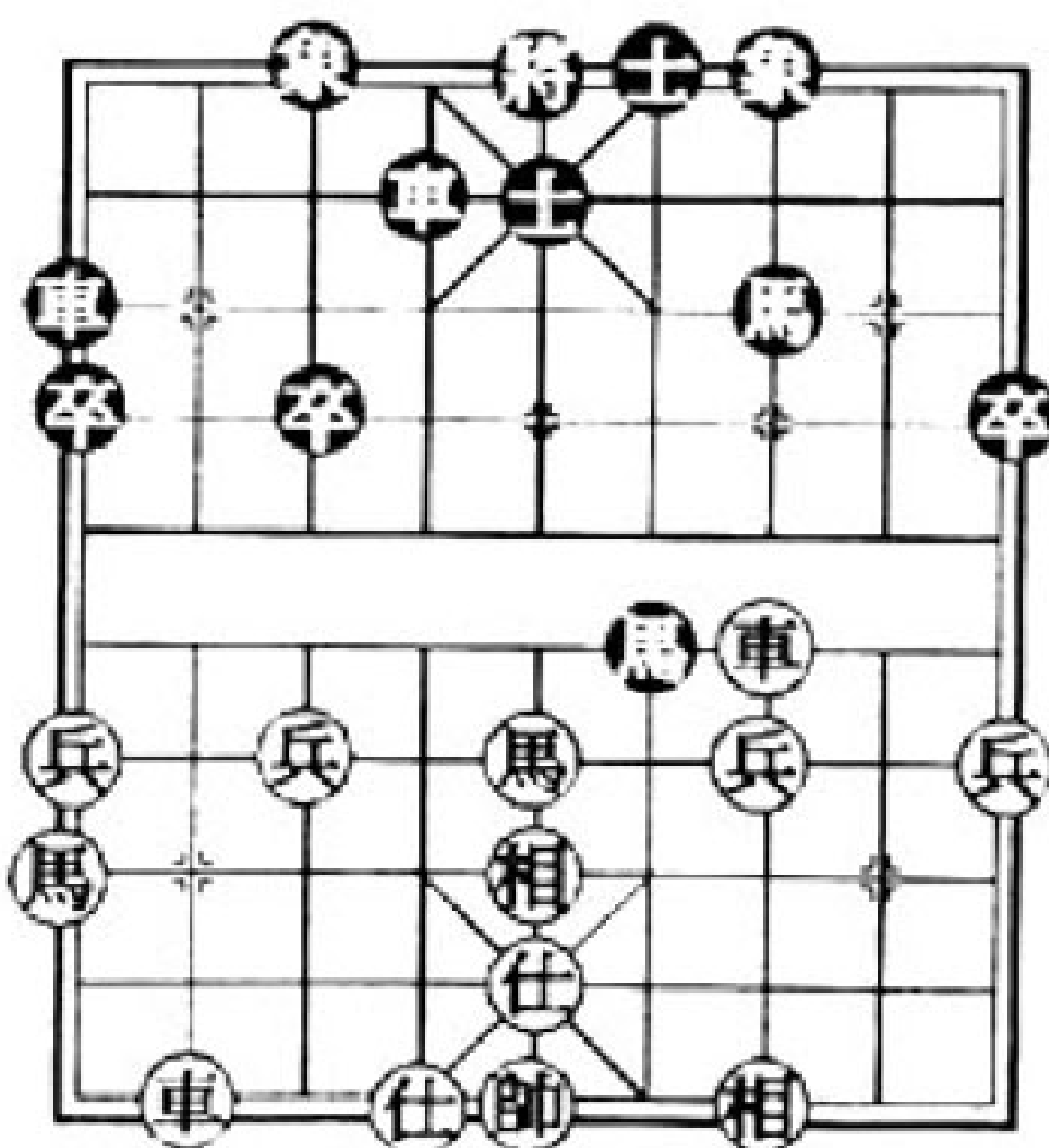
19.  8.6  5/3

20. ⑤7.1 ⑥3.1

21. $\odot 8-5$

Đổi Xe khiến thể cò
quá bình ổn, không
bằng đi X8.3 X5-3 B7.1

X3.1 Trắng được hơn 1 Tốt cục diện khá hơn.



21... 炮7.5

22. 兵7.1

24. 車3/5

26. 車7.1

28. 車7/3

Hoà cục.

馬5.3

車2.4

車1.1

車1/1

23. 車3.5

25. 車3-7

27. 車7.4

29 車7-3

車1-2

車2-1

士5/4

卒9.1

CỤC 5

1. 炮2-6

2. 馬2.3

3. 車1-2

4. 仕4.5

5. 車2.6

車9.1

炮8-5

車9-4

馬8.7

卒7.1

Đen có thể đi B3.1 Trắng đi X2-3, M2.3 T3.5 cục thế cả hai bên bình ổn.

6. 車2-3

7. 馬8.9

馬2.1

Nếu Trắng đi B3.1 thì B7.1 X3/2 bên Trắng quân linh hoạt hơn, có phần ưu thế.

7... 炮5-3

8. 炮8-7

9. 車9-8

10. 車8.4

11. 車3-2

12. 相3.5

13. 車8-4

14. 炮6.2

車7.5

車1-2

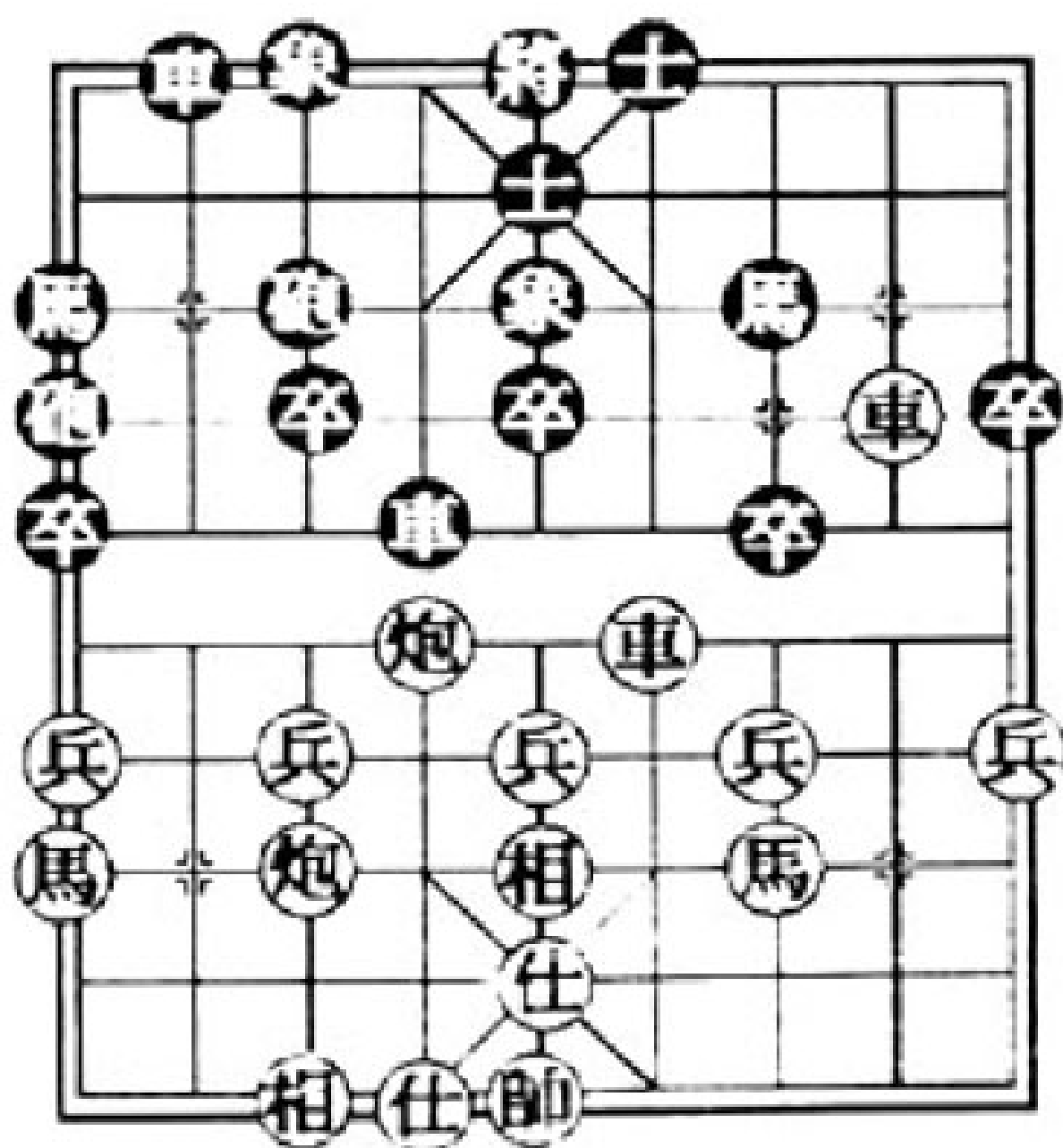
炮2.1

卒1.1

車4.3

炮2-1

士4.5 (hình)



Bên Đen lên Sĩ không bằng đi X2.4 Trắng sẽ P7-6
đả Xe thì Đen đi X4-6 X4.1 X2-6 lúc này Mã lộ 9
của Trắng thiếu linh hoạt, Đen phản tiên.

15. 炮7-6 馬4-6

16. 車4.1 馬7.6

17. 炮t/1 馬6/7

18. 車2/2 士2.8

Đen có thể đi X2.7 B3.1 B3.1 B7.1 T5.7 Đen đi thoải
mái hơn.

19. 兵3.1 卒1.1

20. 兵3.1 卒1.1

21. 車2-9 卒1.1

22. 車9.2 象5.7

23. 車9/4 象2/3

24. 車9.3 象7/5

25. 兵7.1 士2/1

Đổi Xe tạo cục diện binh ổn. Nếu Đen đi X2-3,
Trắng P6.4 thì Đen X3/1 X9-7 B3.1 Đen hơn một Tốt
nên có phần nhỉnh hơn.

26. 車9-8 馬1.2

27. 炮t.2 馬2.4

28. 兵5.1 卒3.1

29. 兵7.1 象5.3

30. 炮s-8 馬4.2

31. 馬3.2 象3/5

32. 兵1.1 炮3.2

33. 炮6.1 炮3/1

34. 炮6/1 炮3-1

35. 炮6-8 馬2/3

36. 兵5.1 卒5.1

37. 炮t-5 馬3.4

38. 炮8.7 象3.1

39. 炮5-6 馬4.3

40. 炮6/4 炮1-3

41. 仕5.6 炮3.6

42. 仕6.5 炮3-1

43. 馬2.3 象5.7

44. 炮8/5 炮1/6

45. 炮8-5 炮1-5

46. 帥5-4 象1.3

47. 炮5/1 象3/5

48. 相5/3 馬3/2

49. 炮5-1 炮5-6

50. 兵1.1 卒9.1

51. 馬3/1 馬7.6

52. 帥4-5 炮6-5

53. 帥5-4 炮5-6

54. 帥4-5 炮6-5

55. 帥5-4 車5/7
 57. 帥4-5 車6-5
 59. 炮1.2 車7/5
 61. 相3.5 車3/5
 62. 馬2/3

56. 馬1/2 炮5-6
 58. 帥5-4 馬2/3
 60. 炮1-7 車5.3

Hòa cục.

CỤC 6

1. 炮2-6 車9.1
 2. 馬2.3 車9-4
 3. 仕6.5

Trắng có thể đi S4.5, phòng thủ vững chắc.

3... 車8-5

4. 車1-2 車8.7
 5. 車2.4 馬2.3
 6. 車2-7

Trắng binh Xe đuổi Tốt là quá gấp, không bằng đi T7.5 sẽ biến hóa tốt hơn.

6... 車5.1

7. 車7.2 車1.2
 8. 炮8-7 (hình)

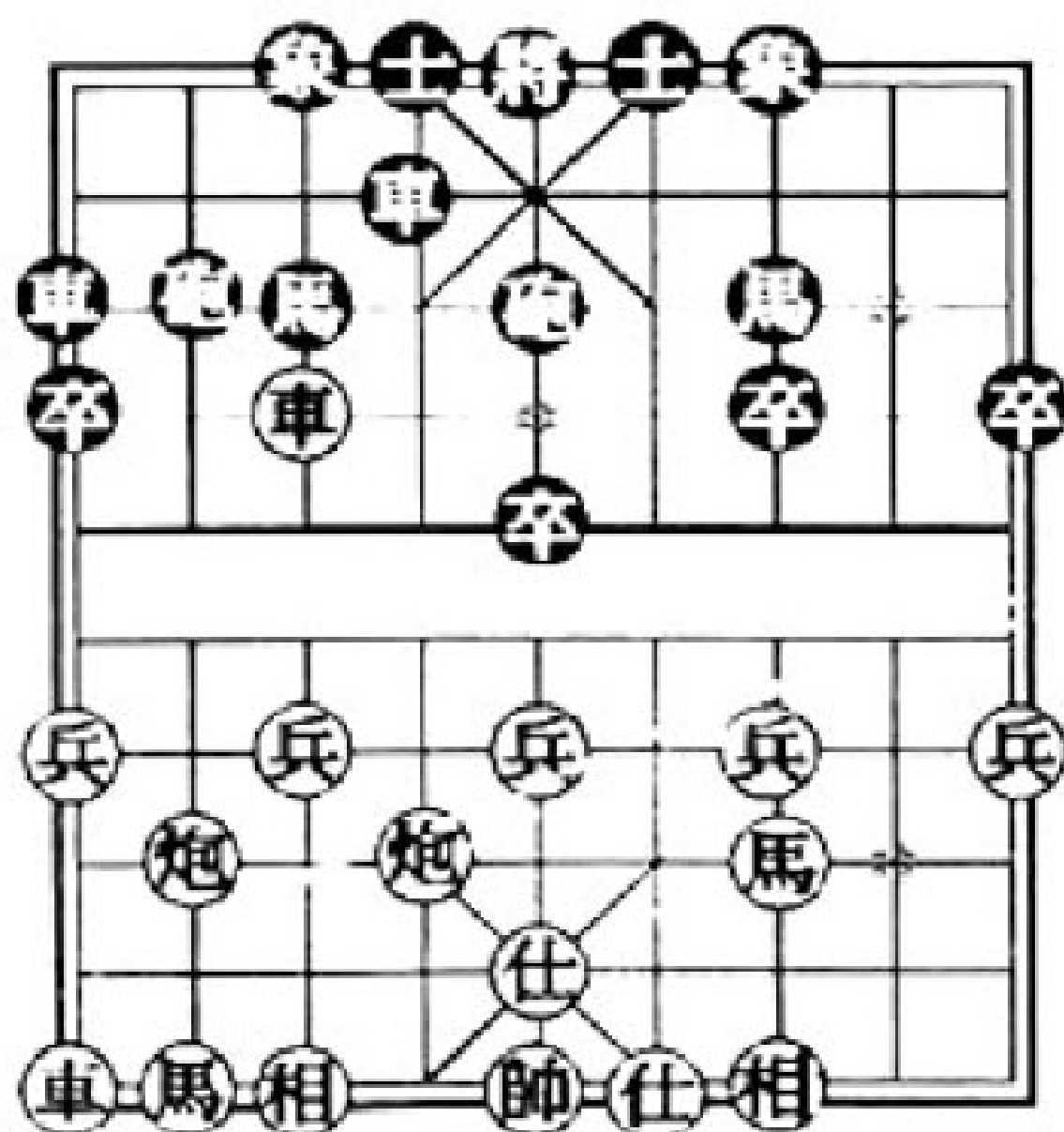
Đến đây hình thành cục thế cổ điển.

Nếu Trắng đi P8-7 chưa chắc hay, mà có thể nên đi T7.5

P2/1 M8.9 P2-3

X7-8 Trắng hoàn toàn có khả năng ứng phó.

8... 車3.5



9. ④7.5 ⑤5.1

10. ③5.1 ⑥5.3

11. ⑦6.4 ⑦5.4

12. ⑧7-8 ⑧5/2

Thoái Pháo dả Xe cùng Mã lộ 4 tạo thế tiến công.
Trắng khó đỡ

13. ⑨6-3 ⑨2-5

14. ⑨3.3 ⑩5.1

15. ⑨3/1 ⑩4.5

Thí quân đuổi Tượng, Đen chuyển thành thế thắng.

16. ⑪8.6 ⑪4.7

17. ⑪8.2 ⑪4/7

18. ⑪3-6 ⑫5.3

19. ⑫5-6 ⑫1-4

Đen thắng.

CỤC 7

1. ①2-6 ②9.1

2. ②2.3 ②9-4

3. ③4.5 ③8-5

4. ④3.5 ④1.1

5. ⑤1-2 ⑤8.7

6. ⑥7.1 ⑥4.5

7. ⑦8.9 ⑦2.1

8. ⑧2.5 ⑧5.4

Đen nên đi X4-1 ăn Tốt, Trắng sẽ P8-7 lúc đó Đen sẽ X1-2 X9-8 P2.6 B3.1 P5-4 Đen có phần nhỉnh hơn.

9. ⑨3.5 ⑨4-5

10. 炮8-7 士5-7
 11. 車9-8 車1-2 (hình)

Đen xuất Xe giữ Pháo, còn như B7.1 đuổi Xe thì
 X2.1 X1-2 X2-3 T7.5 P6.5 bên Đen hơi bị thất thế.

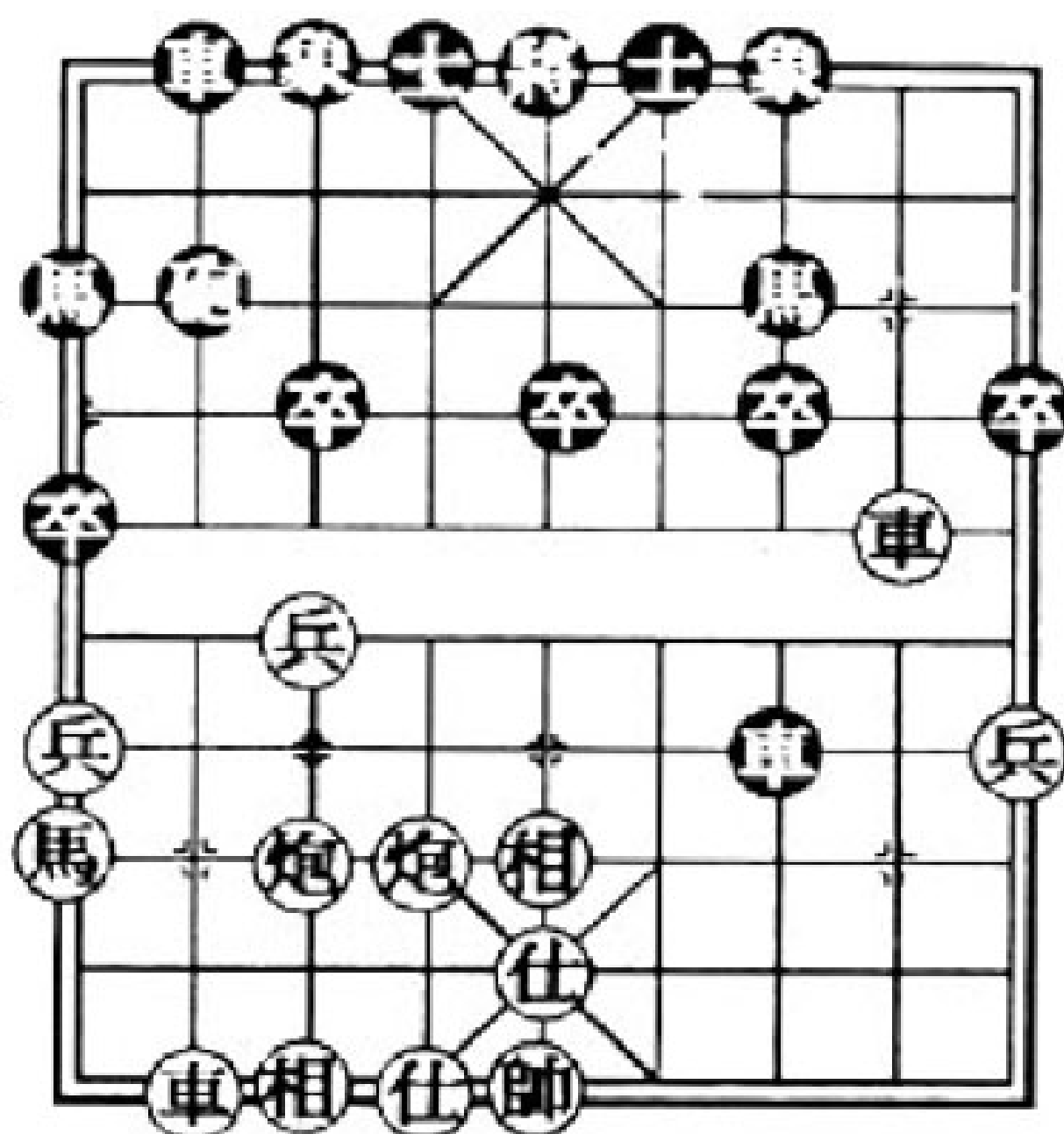
12. 車2-6 士4.5
 13. 車8.6 炮2-6
 14. 車8.3 馬1/2
 15. 炮7.4 馬2.1

Đen nên đi T3.5
 rồi M2.1 thì hay hơn.

16. 炮7.1 炮6.4
 17. 炮6.1 炮6/1
 18. 車6/1 炮6/1
 19. 炮6/1 炮6-5
 20. 車6-5 炮7-9
 21. 兵7.1 炮5-8
 22. 車5-3 炮8-5
 23. 帥5-4 炮5-7
 24. 車3-4 炮7-9
 25. 車4-3 炮9-7
 26. 車3-4 卒5.1

Đen đi P7-9 tốt hơn.

27. 車4.2 馬7/8
 29. 炮6.3 卒5.1
 31. 帥4.1 士9/4
 33. 車3-4 炮7.2
 35. 車4-2 炮8.6
 37. 帥4-5 炮9-7
 39. 車2-3 炮6.7
 41. 炮6.2 士5/4
 43. 兵7.1 馬2/4



28. 車4-3 炮7.5
 30. 炮6.1 炮9.3
 32. 帥4/1 卒5-6
 34. 馬9.7 炮7-6
 36. 馬7.6 炮9.1
 38. 炮7-8 炮7/2
 40. 兵7.1 馬1.2
 42. 炮8.2 士6.5

Nước khá hơn là B6-5 sau đó M2.4

44. 兵7-6 馬4/2

45. 炮6-8 馬2.4

46. 兵6.1 馬5-6

47. 炮s-5 馬6-7

Đen bình Tốt, còn nếu Đen đi M4/5 thì B6-5 M7.5 M6.7 P6-5 M7.6 M5.7 Tg5-4 M7.9 hai bên đưa vào thế đối công, hậu quả khó lường.

48. 炮5-3 馬7.6

49. 馬6/8 馬6-5

51. 相5.3 馬4.3

53. 帥4-5 馬3/5

55. 相7.5 馬6/1

57. 仕6.5 馬6-8

59. 帥5-6 馬s.3

61. 相1/3 馬5.3

63. 炮6-4 馬s/4

65. 炮t-2 馬6-3

67. 馬7.6 炮6/2

69. 炮2/4 馬4.5

71. 炮2-4 馬4/6

72. 馬6.4

Trắng thắng.

50. 帥5-4 馬5/2

52. 炮8-6 馬5-6

54. 仕5.4 馬6.3

56. 相3/1 馬5.7

58. 兵6-5 馬6.5

60. 炮6/6 馬8-5

62. 馬8/7 馬5/2

64. 炮3-4 馬5-6

66. 炮2-4 馬3-6

68. 炮t-2 馬6-4

70. 仕5.6 馬5.4

CỤC 8

1. 炮2-6 馬9.1

2. 馬2.3 馬8-5

3. 車1-2 馬8.7

4. 車2.6 馬2.3

5. 車2-3 馬9-4

6. 仕4.5 卒3.1
 7. 相7.5 炮5/1
 8. 炮8.2 炮5-7
 9. 炮8-5 (hình)

Nếu Trắng đi X3-4 thì Đen X1.1 M8.9 B3.1 (nếu X4-6 thì X4.2 X1-6 P8-5 T3.5 X9-8 Trắng chiếm ưu)
 B7.1 M3.4 P6.6 M4/6 P6/6 Trắng giành ưu thế.

9... 卒4.5

10. 車3-4 炮4.3
 11. 馬8.9 馬7.8
 12. 炮5-3 卒3.5
 13. 車4-3

Trắng bình Xe đối
 Pháo là nước không
 hay, nên đi X4.2
 P7.5 X9-8 X1-2
 X8.6 hình thành
 thế đối công, bên
 Trắng tiên thủ.

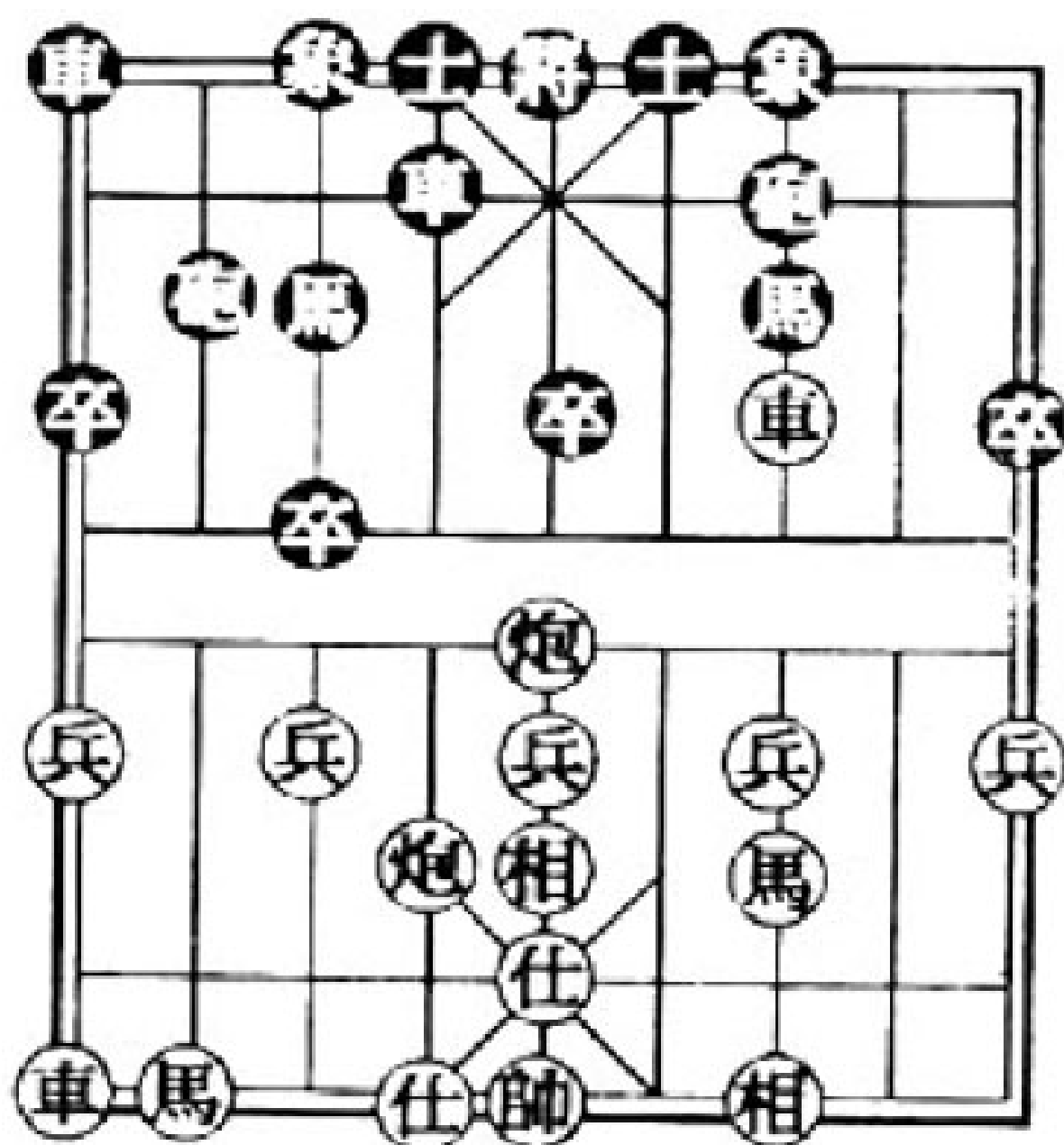
13... 卒7.4

14. 車3/2

Thoái Xe ăn Pháo
 là cách chơi ổn định. Nếu đi B3.1 thì P2.1 X3.2 M3.2
 Đen giành tiên thủ.

14... 卒3.2

15. 兵9.1 卒4-6
 16. 車3.2 卒6-5
 17. 車3/2 卒5-6
 18. 車3-5 卒5.1
 19. 車5-1 馬8.6
 20. 兵3.1 馬6.7



- | | |
|----------|------|
| 21. 炮6-3 | 卒9.1 |
| 22. 卒1-2 | 炮2-3 |
| 23. 卒2.2 | 马2.3 |
| 24. 卒2-7 | 马3.1 |
| 25. 卒9.2 | 炮3-4 |
| 26. 卒7/1 | |

Trắng nên đi X9-6 X6.2 X6.4 X6-5 X7/1 cục thế hai bên bình ổn.

26... 炮4.4

- | | |
|----------|------|
| 27. 兵5.1 | 炮4-8 |
| 28. 卒7-5 | 炮8.3 |
| 29. 相3.1 | 炮6.4 |
| 30. 相5/7 | |

Nên đi X5-1 X6-8 X1-4 P8-9 B5.1 Trắng có khả năng ứng phó

30... 炮1-3

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 31. 卒9-8 | 炮8-9 | 32. 兵3.1 | 炮6-8 |
| 33. 帅5-4 | 炮8.1 | 34. 帅4.1 | 炮9-4 |
| 35. 仕5/6 | 炮3.8 | 36. 仕6.5 | 炮8/1 |
| 37. 帅4.1 | 炮8/1 | 38. 帅4/1 | 炮8.1 |
| 39. 帅4.1 | 士5/4 | 40. 卒5-4 | 士6.5 |
| 41. 卒8-5 | 士3/2 | 42. 卒5-7 | 炮3-7 |
| 43. 帅4-5 | 炮7-5 | 44. 帅5-6 | 炮8-5 |
| 45. 卒4-6 | 炮s-7 | | |
| 46. 炮3-4 | 炮7-6 | | |

Đen thắng.

CỤC 9

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-6 | 炮9.1 |
| 2. 马2.3 | 炮9-4 |

- | | |
|---------|------|
| 3. 仕4.5 | ●8-5 |
| 4. 相3.5 | ●8.7 |
| 5. 車1-4 | ●2.3 |
| 6. 馬8.9 | |

Lên Mã biên là chính xác. Nếu đi X4.6 thì B3.1 X4-3 P5/1 Trắng hoàn toàn không có lợi gì.

6...●3.1

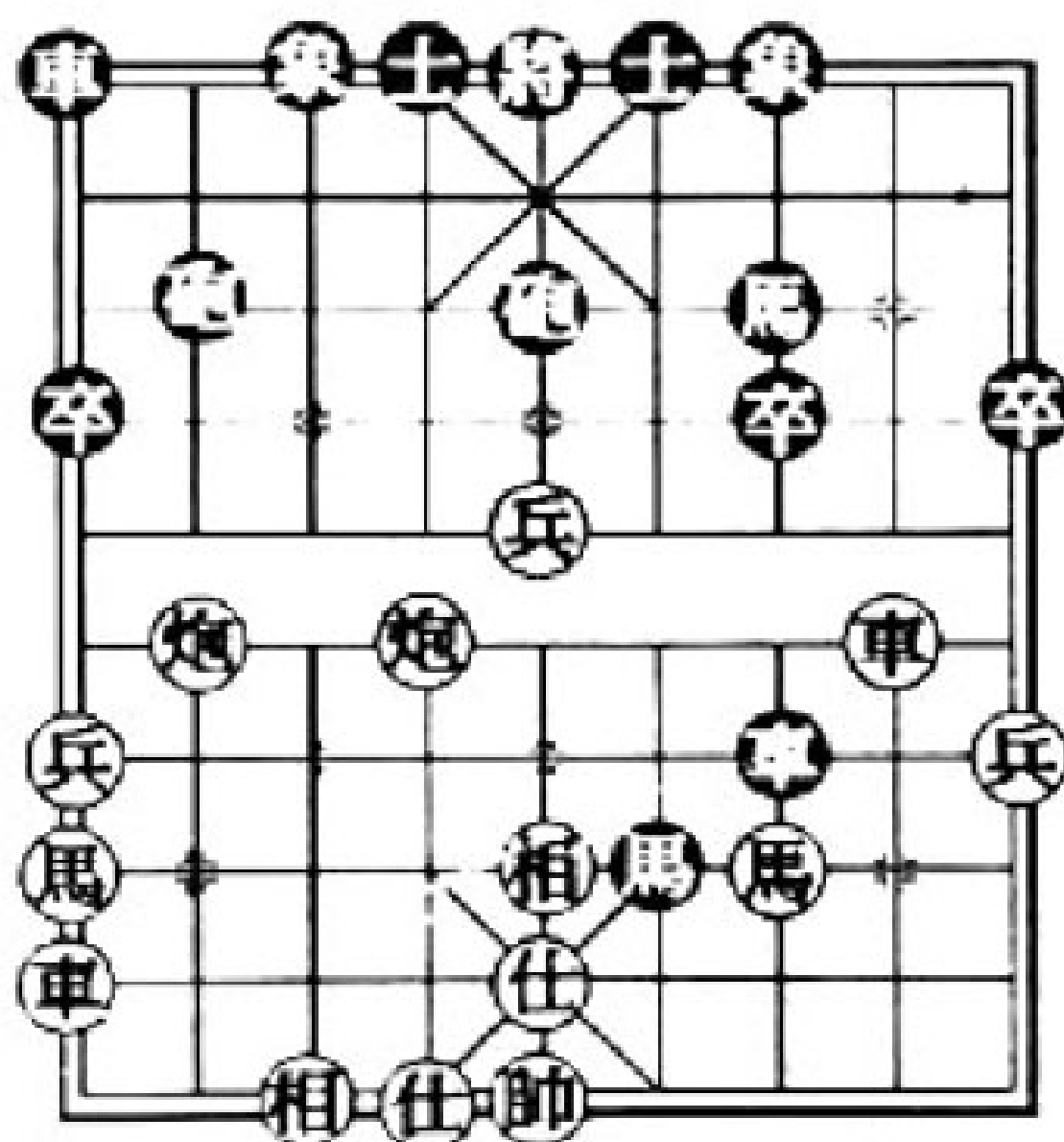
- | | |
|----------|------|
| 7. 車4.4 | ●5.1 |
| 8. 炮8.2 | ●3.5 |
| 9. 車4-2 | ●5.1 |
| 10. 兵5.1 | ●4.4 |
| 11. 兵7.1 | ●4.1 |
| 12. 兵7.1 | ●5.3 |
| 13. 兵5.1 | ●3.5 |
| 14. 車9.1 | ●4-7 |

Đền binh Xe cản mã, chưa phải là nước hay. Nên đi M5.4 S5.6 X4-7 Đen được tiên thủ.

15. 炮6.2 ●5.6 (hình)

Trắng tiến Pháo lộ 6 đã Mã là kiểu chơi tấn công. Nếu Đen đi M5/7 thì X2-3 đổi Xe Trắng chiếm ưu thế.

- | | |
|----------|------|
| 16. 仕5.4 | ●7.1 |
| 17. 仕4/5 | ●7/3 |
| 18. 炮6-3 | ●7-5 |
| 19. 炮3.3 | ●2-7 |
| 20. 車9-7 | ●1-2 |
| 21. 車7.5 | ●5.1 |
| 22. 兵9.1 | ●7-1 |



- | | |
|----------|------|
| 23. 車7-9 | 車2.2 |
| 24. 馬9.7 | 車2-4 |
| 25. 車9/1 | 車5.2 |
| 26. 炮8-5 | 士4.5 |
| 27. 車9-6 | 車4-6 |
| 28. 車6.1 | |

Trắng nên đi M7.8 X5-9 S5/4 Đen không thể tấn công được

28... 車5-3

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 29. 車6-5 | 車7.5 | 30. 車2-1 | 車6.4 |
| 31. 車1.2 | 車6-9 | 32. 車1-3 | 車9.3 |
| 33. 仕5/4 | 車9/5 | 34. 車3-4 | 車9-4 |
| 35. 仕4.5 | 車3/2 | 36. 車4.2 | 炮1/1 |
| 37. 炮5-3 | 車4-7 | 38. 車4/4 | 車3/2 |
| 39. 車4-6 | 車7.1 | 40. 相5.3 | 車3.1 |
| 41. 車6-5 | 炮1.4 | 42. 車t.1 | 車3-5 |
| 43. 車5.3 | 炮1-4 | 44. 仕5.4 | 車5-4 |
| 45. 車5-9 | 炮4/3 | 46. 帥5.1 | 車4.1 |
| 47. 帥5-6 | 車4/1 | 48. 車9.1 | 炮4.1 |

Hoà cục.

CỤC 10

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-6 | 車9.1 |
| 2. 馬2.3 | 車9-4 |
| 3. 仕4.5 | 馬2.3 |
| 4. 馬8.9 | |

Nếu Trắng đi X1-2 thì B9.1 M8.9 T3.5 X4.3 bên Đen có bố cục khá hơn.

4... 炮8-5

Nếu Đen đi M8.9 thì T3.5 X4.3 B9.1 bên Trắng tiên

thủ

5. ♖1-2

Nếu Trắng đi T3.5 M8.7 X1-4 B5.1 X4.6 M3.5 P8-7
hai bên vào thế đối công.

5...♘8.7

6. ♖2.6 ♘5.1

7. ♙6-5 ♘7.5

8. ♙8.4 ♖5.1 (hình)

Nếu Đen đi B3.1 thì P8-3 S4.5 X9-8 Trắng chiếm
ưu.

9. ♙8-5 ♘3.5

10. ♖9-8 ♘1.2

11. ♙3.1

Bên Trắng có thể đi
B5.1 M5.6 P5.5 T7.5
M3/4 sau đó Trắng
X2/2 tróc Mã Trắng
giành tiên thủ

11...♘4-7

12. ♙5.1 ♘5.3

13. ♙5.5 ♘3.5

14. ♖8.4 ♙2/1

15. ♙5.1 ♘1-4

16. ♘3.4 ♘3.4

17. ♖2-3 ♘7.2

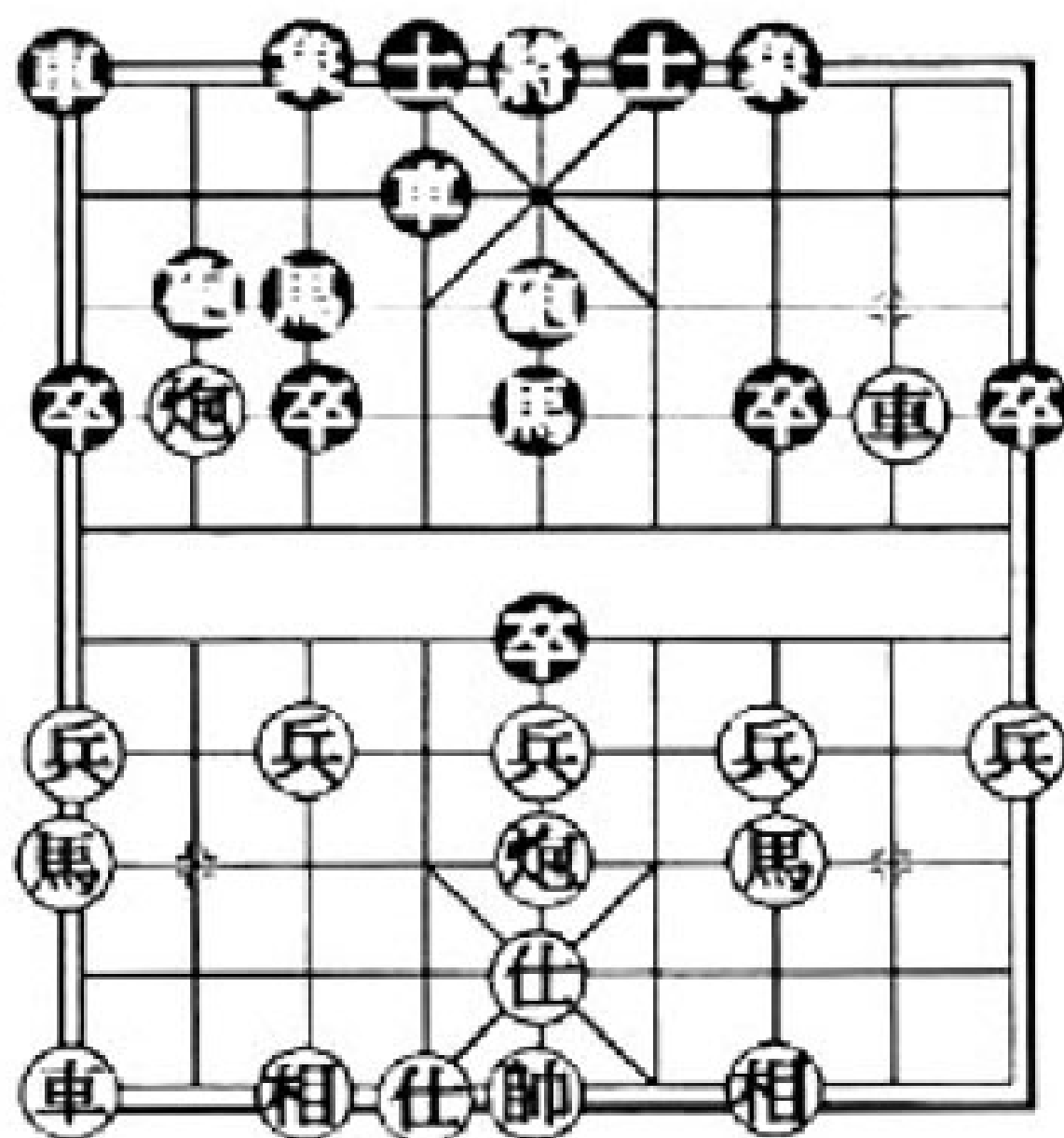
18. ♘4.3 ♙2-5

19. ♙7.5 ♘4/5

20. ♘3/5 ♙5.3

21. ♙9.1

Hoà cục.



TIẾT 9 CÁC LOẠI TRẬN PHÁO ĐẦU ĐỐI PHẢN CUNG MÃ

CỤC 1

- | | | | |
|----------|-----|----------|-----|
| 1. 炮2-6 | 8-5 | 2. 馬2.3 | 9.1 |
| 3. 車1-2 | 8.7 | 4. 仕4.5 | 9-4 |
| 5. 車2.6 | 7.1 | 6. 車2-3 | 2.1 |
| 7. 兵9.1 | 5-3 | 8. 馬8.9 | 7.5 |
| 9. 炮8-7 | 1-2 | 10. 炮7-8 | 2-1 |
| 11. 炮6-4 | 3.4 | 12. 兵3.1 | 4.4 |
| 13. 兵3.1 | 4-7 | 14. 炮8-6 | 3-4 |

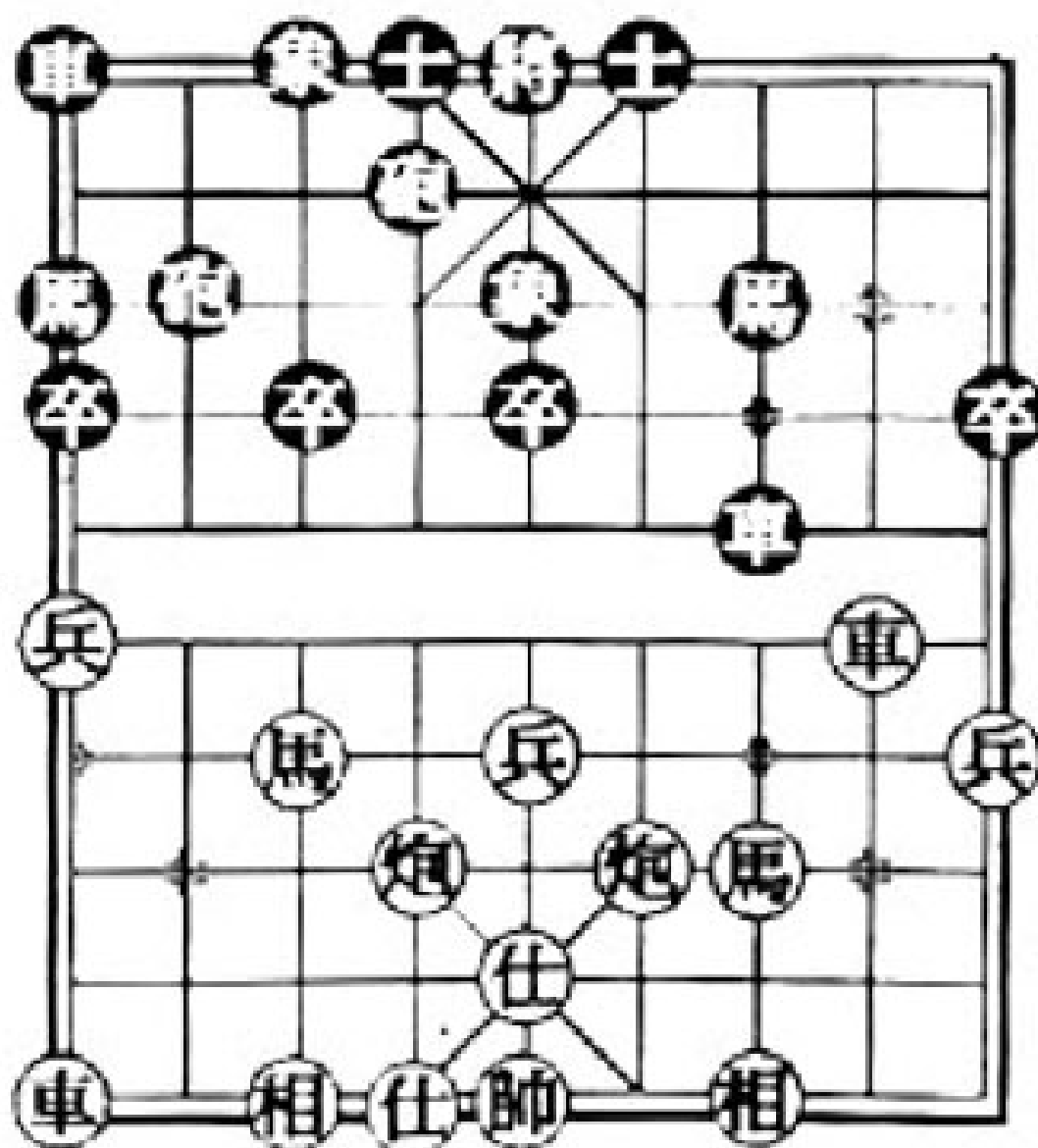
Bên Đen bình Pháo chuẩn bị thoái về dĩa Xe, từ đó phản tiên.

15. 車3-2 7/1
16. 車2/2 4/5
17. 馬9.7 (hình)

Trắng tiến Mã uy hiếp trung lộ đuổi Xe tranh tiên

- 17... 2-3
18. 馬7.5 7/1
19. 相3.5 5.1
20. 馬3.4 7-4
21. 炮6.6 5.1
22. 兵5.1 4/2
23. 兵9.1

Trắng tiên Tốt biên không hay bằng đi
B5.1 X4.4 M4.3



X4-8 M3/2 X1-2

X9.3 Trắng hất một

quân nhưng Mã Đen lại bị gò bó nên Trắng vẫn ứng phó được.

23...♙1.1

24. ♖9.5 ♜1-2

25. ♘4.3 ♞4.7

26. ♗5.7 ♞2.4

27. ♖9.2 ♜2-7

28. ♘3.5 ♞3.5

29. ♖9.4 ♞3-4

30. ♗7/5 ♞5/3

31. ♖9/4 ♞4-3

32. ♗5.7 ♞3.1

33. ♗7/9 ♞3-5

34. ♖2.2 ♞7.5

35. ♘4/2 ♞7/4

36. ♙5.1 ♞7-5

37. ♘4.1 ♞5/1

Đen thắng.

CỤC 2

1. ♘2-6 ♞8-5

2. ♘2.3 ♞8.7

3. ♙4.5 ♞9-8

4. ♗3.5 ♞3.1

5. ♖1-4 ♞2.3

6. ♘8.9 ♞1.1

7. ♘8.4 ♞1.3

Đen không đuổi Pháo mà đi B7.1 thì P8-7 P2-1 X9-8
Trắng giành tiên thủ.

8. ♘8-3 ♞5.1

9. ♘3/2 ♞1-2

10. ♘9/7 ♞5/1

Nếu Đen đi X8.3 bỏ Tượng thì P3.5 S6.5 B9.1 M7.5
B9.1 B5.1 hai bên bắt đầu bước vào thế đối công.

cục thế trở nên phức tạp.

11. 兵9.1 象7.5

12. 兵9.1 炮2.5

13. 兵9.1 (hình) 馬3.2

Nếu Đen đi X2-3 B9-8 P2/2 B8.1 M3.5 B8.1 Trắng có ưu thế.

14. 馬7.6 馬2.3

15. 兵9.1 炮2.4

16. 車9.6 炮5-3

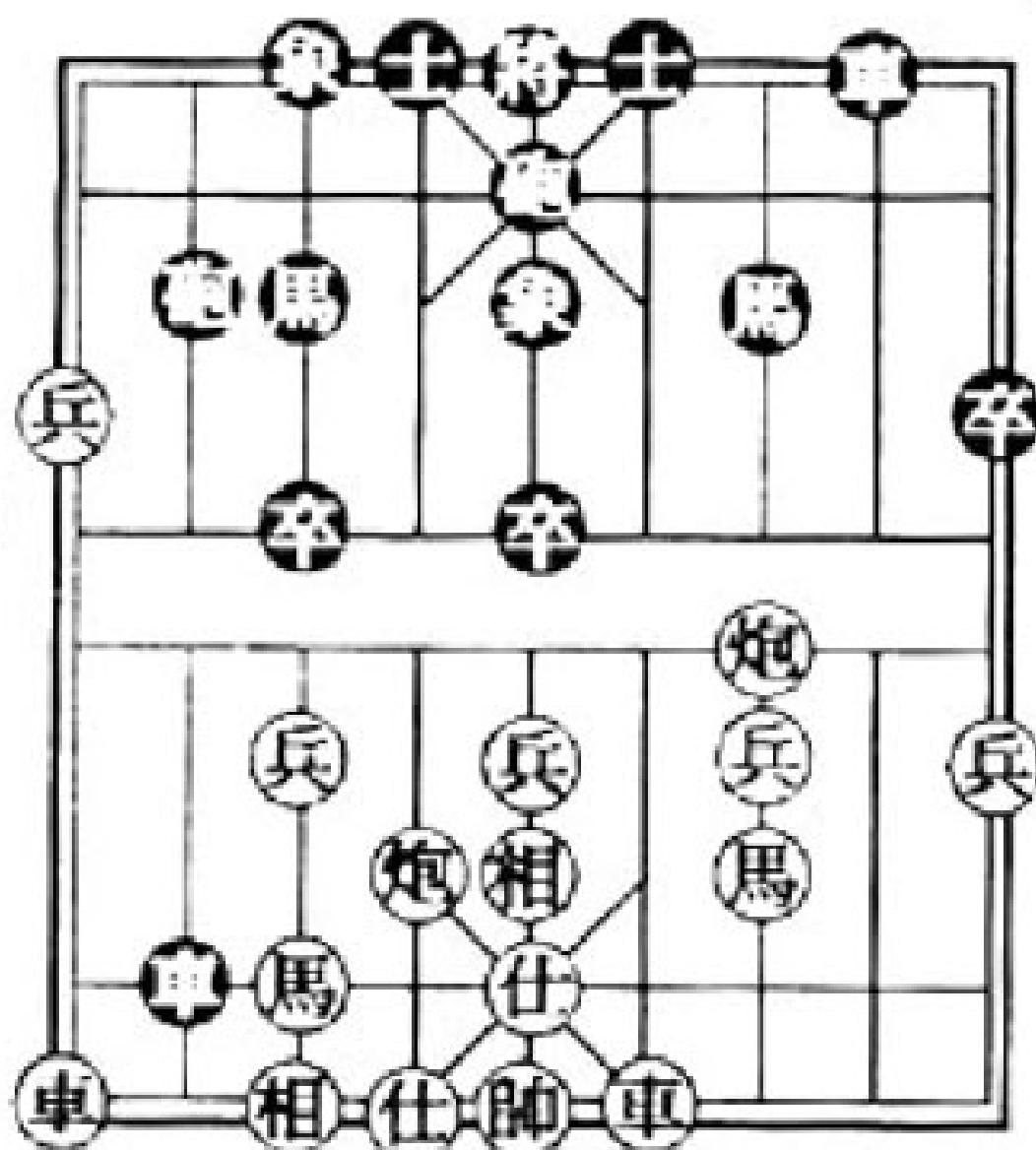
Nước binh Pháo là chính xác.. Nếu Đen đi P2-4, X9-6 P4.3 P3-6 Trắng chiếm ưu thế.

17. 馬6.5 士4.5

18. 兵9-8 炮8.4

19. 兵8-7 炮8-5

Đen đổi quân, cục thế khó phòng thủ, không bằng đi P3-4 còn có cơ hội.



20. 兵7.1 炮2.1

21. 車4.8 炮5-4

23. 車3.3 馬8.9

25. 炮5-4 馬9/7

27. 車3/2 炮2/6

29. 車6.2 炮2/5

31. 兵3.1 炮2.1

33. 炮6.1 炮8/1

35. 炮6-5 炮2-7

37. 帥5-4 炮8/5

39. 車4-6

22. 車9-3 馬7/8

24. 兵7-6 炮4/3

26. 車3/1 炮4.3

28. 車3-6 炮4-7

30. 炮3-2 炮7-8

32. 兵5.1 炮2-5

34. 帥4-5 炮2.5

36. 炮5.3 炮8.2

38. 車4/5 馬3/5

Trắng thắng.

CỤC 3

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-6 | 炮8-5 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 仕4.5 | 車9-8 |
| 4. 相3.5 | 馬2.1 |
| 5. 馬8.7 | 車1.1 |
| 6. 車1-4 | 卒7.1 |
| 7. 炮8.2 | 炮2-3 |

Nếu Đen đi B3.1 phòng thủ ổn định hơn.

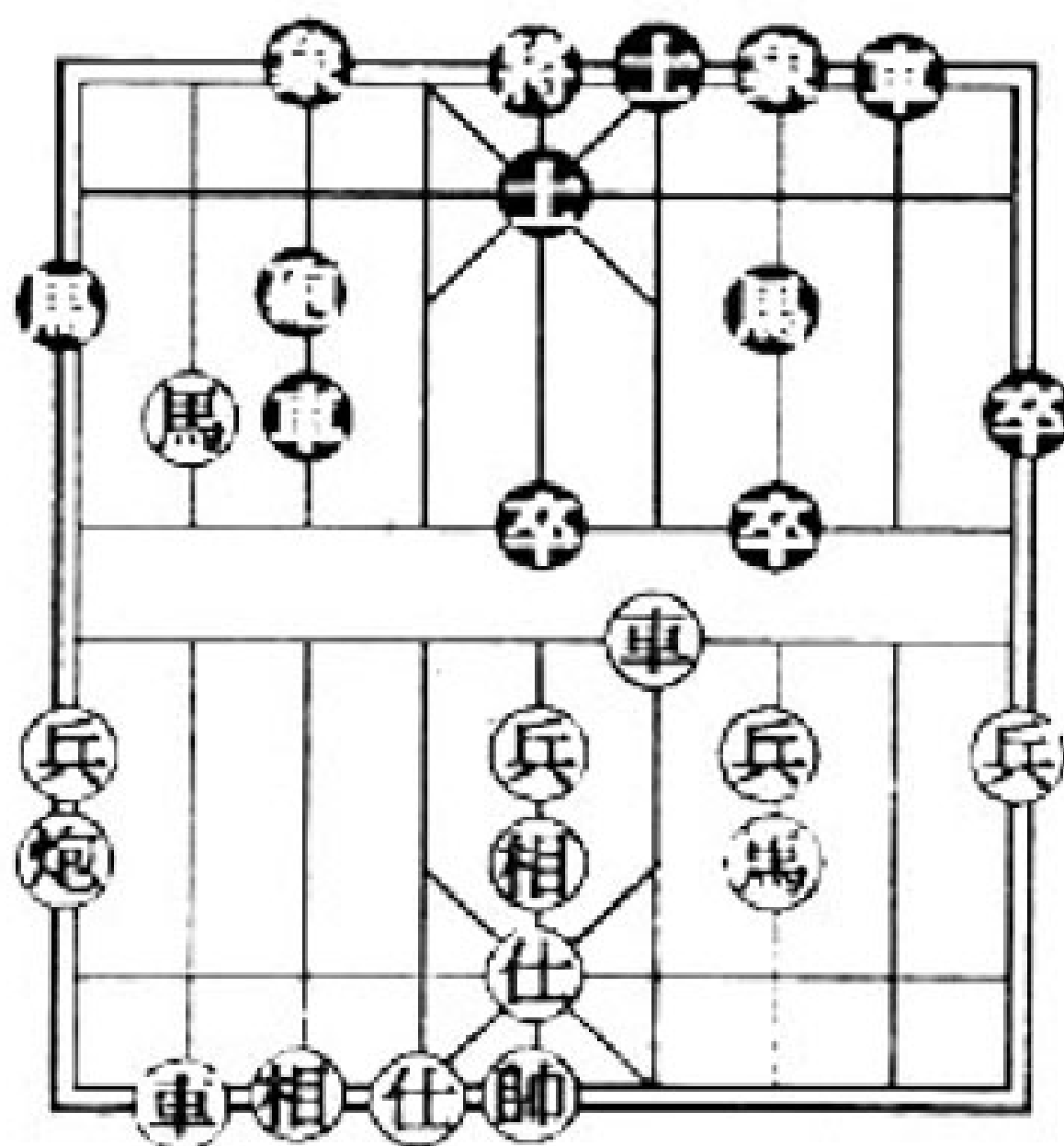
- | | |
|---------|------|
| 8. 炮8-7 | 炮3.3 |
|---------|------|

Đỏ Pháo đối quân, nếu Đen đi X1-3 cục diện tuy không hòa toàn như ý nhưng có thể ứng phó được.

- | | |
|----------|------|
| 9. 兵7.1 | 車1-4 |
| 10. 車4.4 | 車4.5 |
| 11. 馬7.8 | 車4-2 |
| 12. 兵7.1 | 卒3.1 |
| 13. 馬8.9 | 士4.5 |
| 14. 馬9/7 | 車2-3 |
| 15. 馬7/9 | 車3/3 |
| 16. 車9-8 | 卒5.1 |
| 17. 馬9.8 | 炮5-3 |
| 18. 炮6-9 | 炮3-4 |

(hình)

- | | |
|----------|------|
| 19. 馬8/7 | 車3-5 |
| 20. 車8.7 | 車7.5 |
| 21. 兵9.1 | 車8.3 |
| 22. 兵9.1 | 車5.3 |



23. 兵9-8	炮4-6	24. 兵8-7	炮3-5
25. 車8.1	炮5.3	26. 車8-9	炮6-4
27. 馬7.9	馬1.3	28. 馬9/8	馬3/5
29. 車9-8	炮3/1	30. 馬8.9	炮1.3
31. 車4-7	炮4-3	32. 車7.1	馬5.3
33. 車7.1	炮5-3	34. 馬9.7	炮8-3
35. 車8/3	炮3-5	36. 車8-7	炮3-4
37. 炮9.3			

Trắng tiến Pháo đánh vào Tốt Đen, dẫn tới thắng thế.

37... 馬7.8

38. 車7.4	士5/4	39. 兵3.1	馬8.7
40. 炮9-3	馬7.9	41. 馬3.2	炮9.8
42. 車7/4	士6.5	43. 炮5/3	炮4-7
44. 相7.5	炮5-8	45. 馬2/1	馬8/9
46. 相3.1	炮8-5	47. 炮3-2	炮7-9
48. 兵3.1	卒5.1	49. 車7-5	炮5-8
50. 車5/1	炮9.4	51. 車5-1	炮9-6
52. 車1-4	炮6-9	53. 兵5.1	炮9/2
54. 車4-3	士5.4	55. 兵5.1	士4.5
56. 兵5-4	將5-4		
57. 車3-9			

Trắng thắng.

CỤC 4

1. 炮2-6	炮8-5
2. 馬2.3	馬8.7
3. 馬8.9	馬2.3
4. 相3.5	卒3.1
5. 仕4.5	馬3.4

6. ♖1-4 (hình)

Trắng xuất Xe lộ 4, không tạo ra chuyển biến gì lớn, không bằng đi P6.2, Đen sẽ đi M4.6 B3.1 M6.7 P8-3 sau đó X9-8 tróc Pháo. Bên Trắng có phần nhỉnh hơn.

6... ♜4.5

7. ♙8.1 ♘5.7

8. ♙6-3 ♜1.1

9. ♘9/7 ♜1-4

10. ♖9.2 ♜9.1

Đen hoành Xe, tác dụng ít, nên đi X9-8 khá hơn.

11. ♖9-6 ♜5.1

12. ♖4.4 ♜4.6

13. ♙3-6 ♜9-8

14. ♘7.6 ♜5.1

15. ♖4-5 ♜2.1

16. ♖5-4 ♜7.5

17. ♖4/4 ♜3.1

Đổi Tốt quá sớm, nên đi X8.3, khống chế cục diện tốt hơn.

18. ♙7.1 ♜2-3

19. ♘6.5

Trắng phé Mã, giải tỏa sự uy hiếp của Đen, là cách chơi lão luyện

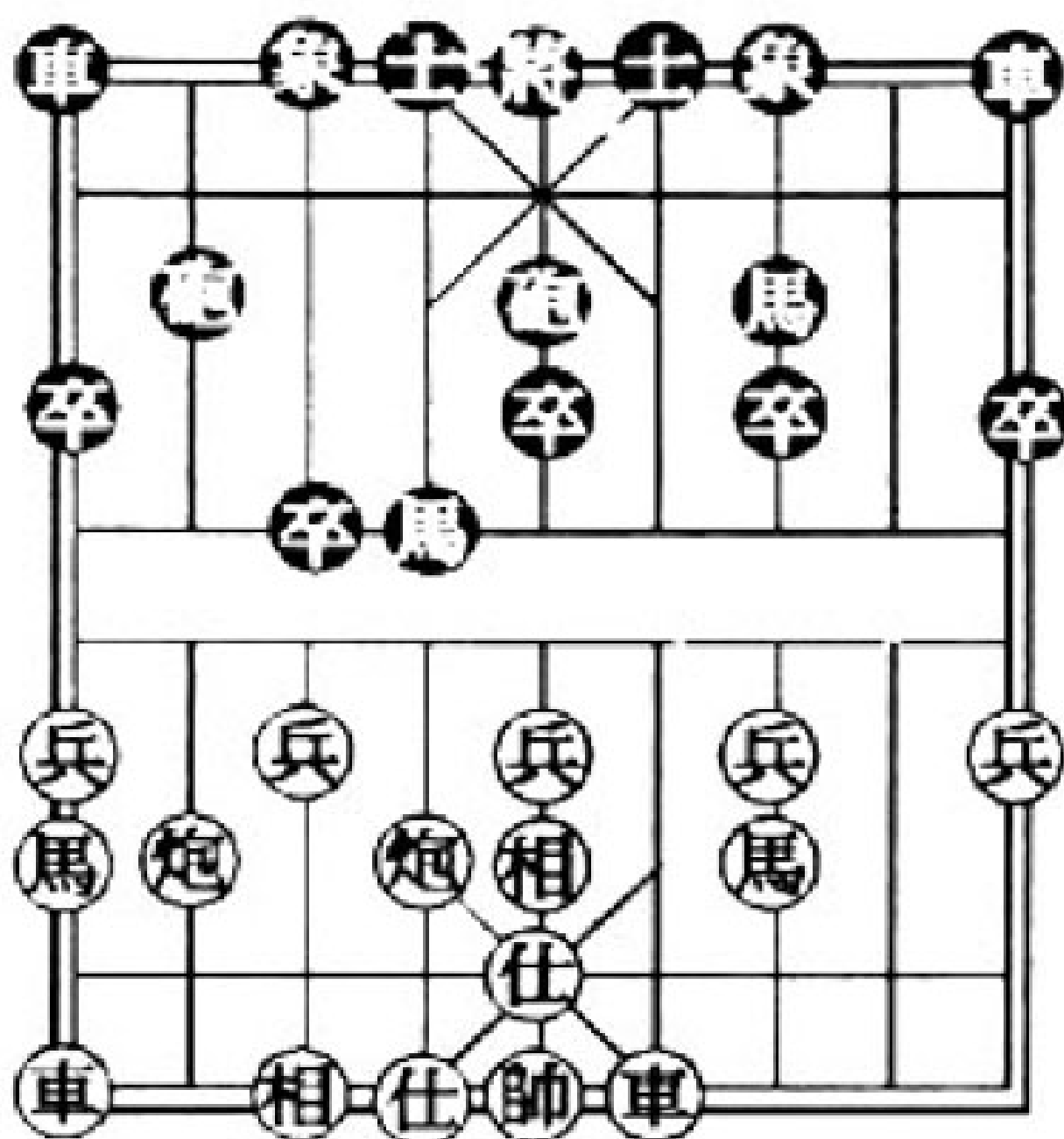
19... ♜5.2

20. ♙8-5 ♜4.5

21. ♙5.3 ♜3.5

22. ♘7.9 ♜3-2

23. ♙6-8 ♜7.1



24. 兵7.1	車8.2	25. 兵7-6	炮5.2
26. 兵6-5	炮5-9	27. 兵3.1	炮9/2
28. 兵3.1	炮9-5	29. 兵3-4	炮5-1
30. 兵4.1	車8.3	31. 相9/7	炮1-5
32. 兵9.1	卒9.1	33. 車4.5	車8.3
34. 車4/5	車8/4	35. 車4.5	車8.4
36. 車4/5	車8/5	37. 炮8.1	車8.2
38. 車4.5	炮5.1	39. 炮8.2	車8.3
40. 車4/5	車8/5	41. 車4.4	炮5.1
42. 炮8/1	車8.5	43. 車4/4	車8/4
44. 車4.3	炮5.2	45. 仕6.5	車8-2
46. 車4-7	炮2-4	47. 車7.3	炮4/3
48. 車7-9	卒9.1	49. 兵9.1	車2-1
50. 兵4.1	車1-6	51. 兵4-3	車6/1
52. 兵3.1	卒9.1	53. 兵3.1	車6-5
54. 炮5-8	車5/7	55. 炮8.3	炮4.8
56. 車9-7	士5.6	57. 車7.3	將5.1
58. 車7/8	炮4/6	59. 車7.2	卒9.1
60. 炮8/7	卒9.1		
61. 炮8/1			

Hòa cục.

CỤC 5

1. 炮2-6	炮8-5
2. 馬2.3	車9.1
3. 車1-2	馬8.7
4. 仕4.5	車9-4
5. 馬8.9	炮2.4
6. 炮6-5	馬2.3
7. 車2.4	士4.5

8. 車2-5

Bên Trắng binh Xe tróc Pháo, hầu như không có tác dụng gì, nếu đi B9.1 thì giữ tiên thủ tốt hơn.

8... 炮2-5

9. 馬3.5 炮5.4

10. 車8-5 炮5-1

11. 車9-8 炮4.3

12. 炮8.5 炮3.5

13. 車8.6 卒3.1

14. 車8-7 卒1-3

15. 兵7.1 卒4.2

(hình)

16. 兵7.1 卒4-2

17. 炮8/3 卒3-2

18. 炮8-7 馬3/4

19. 車7-9 卒t-7

20. 相3.1 卒5.3

21. 炮7/1 卒2.6

22. 炮5.1 卒2-3

23. 馬9.7 炮1-5

25. 馬7.9 卒3/5

26. 馬9.8

Trắng tiến Mã nhằm vào Tượng quá gấp, tốt hơn là đi X9-7, trước tiên giữ vững các đường trọng yếu, sau đó mới tiến mã thì cơ hội sẽ lớn hơn và chắc hơn.

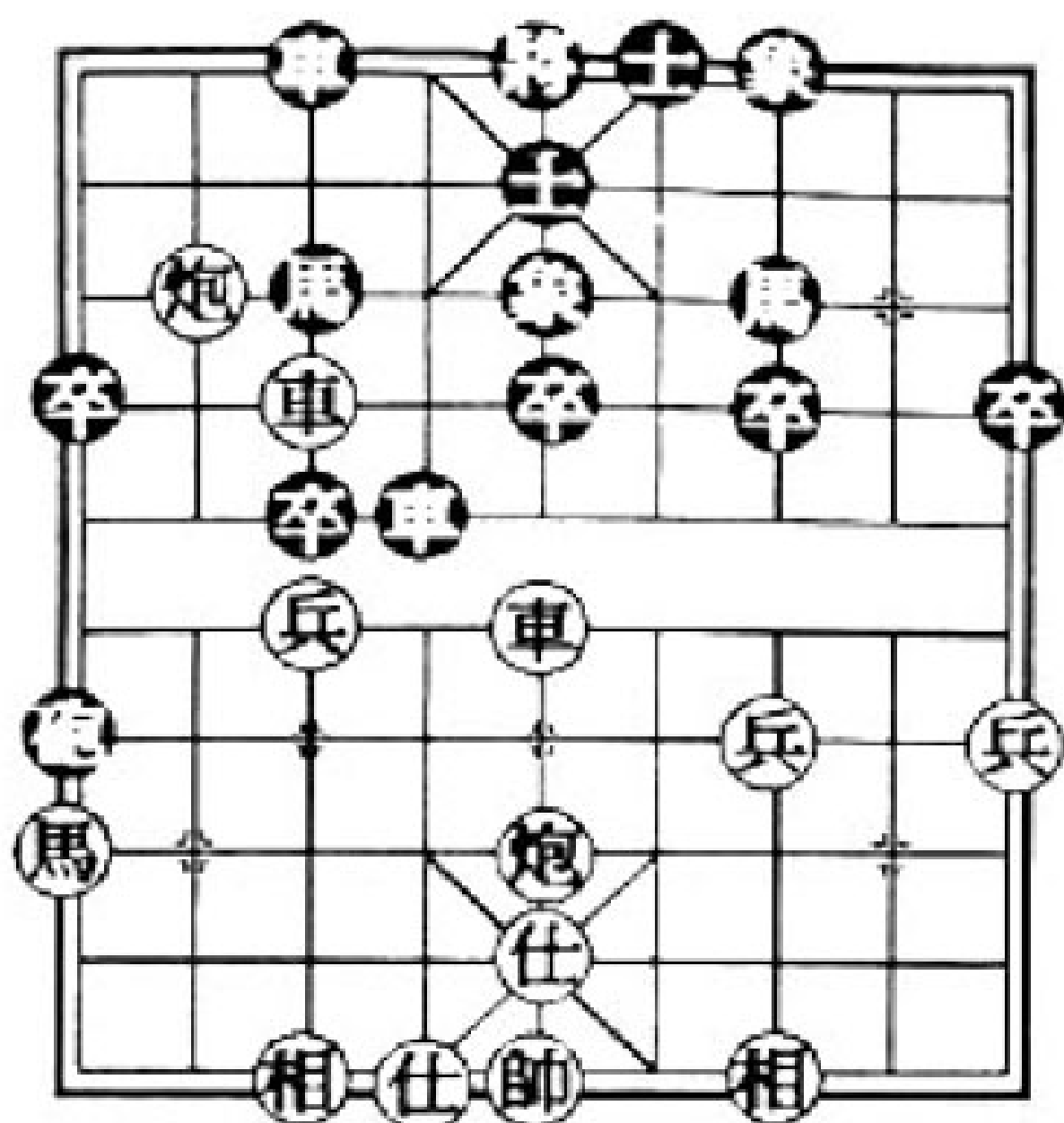
26... 卒7-3

27. 車5-7 卒3/1

29. 馬7/8 卒4.2

31. 車9/1 卒2.4

33. 相1.3 卒7/5



24. 仕5/4 炮5-9

28. 馬8/7 卒5.3

30. 車9.3 士5/4

32. 車9-3 炮9-7

34. 車3-2 炮7-5

35. 馬8.7	炮5/1	36. 車2/3	馬7.5
37. 馬7/6	炮5-2	38. 相3/5	馬4.5
39. 馬6.5	馬5.3	40. 仕4.5	卒7.1
41. 車2.1	炮2/2	42. 車2/3	士4.5
43. 車2-6	炮2/3	44. 車6.3	炮2-3
45. 馬5/7	士5.6	46. 馬7.9	士6.5
47. 馬9.8	炮5-6	48. 車6.2	卒9.1
49. 帥5-4	馬5.6	50. 車6-7	馬3.2
51. 車7/2	卒5.1	52. 車7-4	馬6/8
53. 車4-6	卒5.1	54. 馬8.7	炮5/7
55. 車6/1	馬8.6	56. 車6-4	卒5.1
57. 馬7/6	馬2/3	58. 馬6/7	馬3.4
59. 車4-6	炮3.5		

Hòa cục.

CỤC 6

1. 炮2-6	炮8-5
2. 馬2.3	馬8.7
3. 車1-2	炮9.1
4. 仕4.5	炮9-4
5. 車2.6	馬2.1
6. 車2-3	炮4.3
7. 馬8.9	

Bên Trắng có thể đi M8.7, tạo được lực công kích hơn.

7... 炮2-3	
8. 兵9.1	炮1-2
9. 炮8.2	炮2.4
10. 兵3.1	炮4.1
11. 車9-8	士4.5

12. ③3.5 ⑤5-4
 13. ④6.5 ⑥4/3
 14. ⑦3.1 ⑧7.9
 15. ⑦3-4 (hình)

Trắng bình Tốt là nước chính xác, Đen không dám ăn Tốt, Trắng có thể đi P8.3 dả Xe được quân, sau đó Trắng Tốt lộ 4 có thể tấn công, khiến cho Đen phải phòng thủ khó khăn.

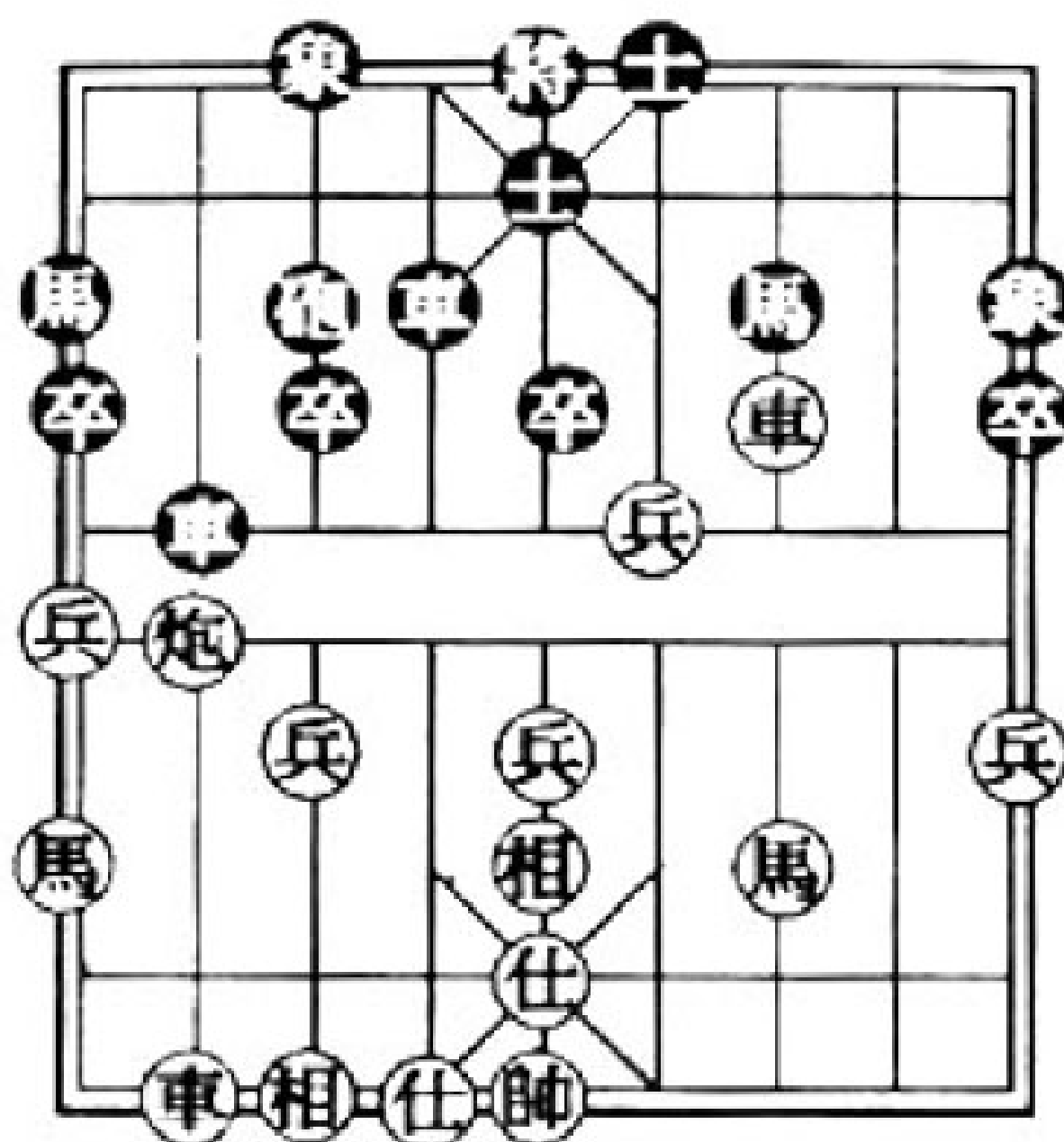
15...⑤3.1

16. ④8-3 ⑥2.5
 17. ⑦9/8 ⑤3.1
 18. ⑦4.1 ⑥7/9
 19. ⑦8.9 ⑥4.3
 20. ⑥3-1 ⑤9/7
 21. ⑥1.1 ⑤3-6
 22. ⑥1-7 ⑥4/5

Đen thoái Xe giữ Tượng; cục diện càng bị động.

23. ⑥7-3 ⑤7.6
 24. ⑥3/1 ⑤6.3
 25. ④3-1 ⑤3.5
 26. ⑥3-5 ⑤1/3
 27. ⑥5-4 ⑤6-7
 28. ④1-5 ⑤6/8
 29. ⑥4.2 ⑤8.7
 31. ⑥4.2 ⑤3.4
 33. ⑥3.1

Trắng thắng.



30. ⑥4/5 ⑤7/2
 32. ⑥4-3 ⑤4.5

CỤC 7

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-6 | 炮8-5 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.7 |
| 4. 車2.6 | 車9-4 |
| 5. 仕4.5 | 卒7.1 |
| 6. 車2-3 | 馬2.3 |
| 7. 馬8.9 | 馬3/5 |

Đen thoái Mã về giữa cung Tướng, tính dùng P2.4 đánh Pháo đầu, tranh thủ tấn công.

8. 炮8.4

Trắng đưa Pháo 8 quá hà nhằm khống chế các hoạt động ở lộ 2 của Đen, như thế là trong công có thủ.

8...卒1.1

9. 相7.5 (hình)

Nếu Trắng đi P6-5 thì Đen sẽ B3.1 X3/1 X1.3 P8/3 thế của Trắng có vẻ nhỉnh hơn.

9...車1.3

10. 炮8/5 卒1.1

11. 炮8-6 車4-2

12. 車9-8

Xuất Xe khoá Xe Pháo đối phương là cách chơi lão luyện.

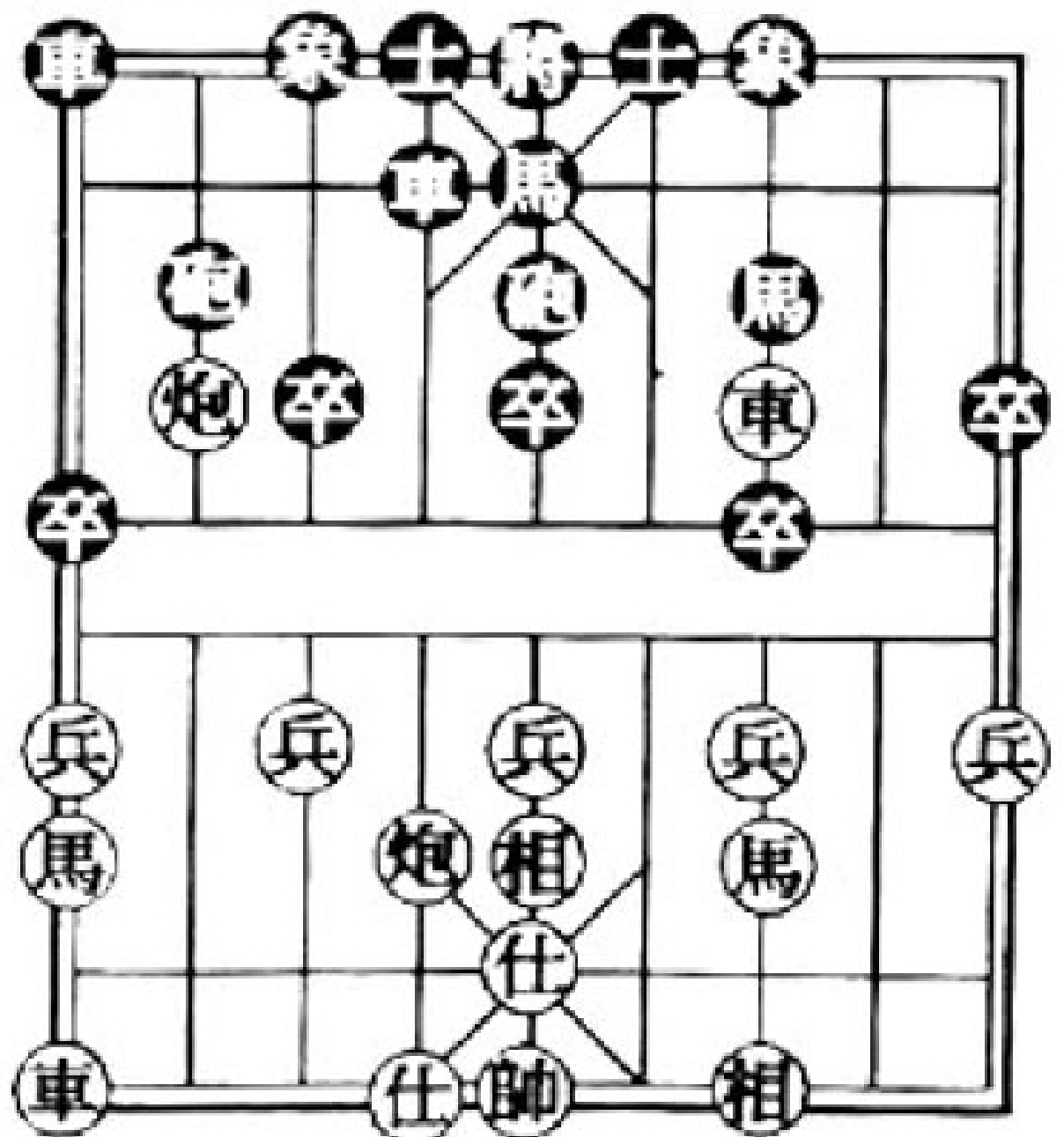
12...卒1.1

13. 馬9/7 炮2.5

14. 炮1.5 卒1-2

15. 炮1-3 馬5.7

16. 車3.1 炮2-7



17. 車6.3 炮2-4

Đen nên đi X2.5 đổi Xe M7.8 P5.4 B7.1 P5-3 M8/7
T3.5 bên Đen không chế cục diện

18. 炮6.8 将5-4

19. 車3.2 車4-6

20. 兵7.1 炮1/2

21. 車3/3 炮7.1

22. 馬7.6 炮5.4

23. 車8.6 炮5-9

24. 車8-7 将4.1

25. 車3-1 炮9-4

26. 車7/3 炮4/4

27. 兵7.1 炮7-8

28. 車1-2 炮8-9

29. 兵7-6 士6.5

30. 兵6.1 炮4-2

31. 兵6-5 車6.1

32. 車7-6 車6-4

33. 車6.1 士5.4

34. 車2.2 士4/5

35. 兵5.1 炮2/1

36. 車2/2 士5.4

37. 相5/7 車1.1

Đen lên Xe giữ Sĩ là nước đi chính xác. Nếu Đen đi
P9/7 thì B5-6 Tg4.1 S5/4 bên Trắng chắc thắng

38. 車2-7 炮2.4

39. 車7.2 将4/1

40. 車7/4 炮2/2

41. 車7.2 炮2.3

42. 車7-6 将4.1

43. 車6/1 炮9/3

44. 車6/2 炮2/3

45. 相3.5 炮2-7

46. 車6.2 炮7.3

47. 車6-3 炮7-1

48. 車3.3 将4/1

49. 車3/4 炮9/2

50. 車3-6 将4.1

51. 相7.9 車1-2

52. 兵5-6 車2-4

53. 車6.3 将4.1

54. 帥5-4

Hòa cục.

CỤC 8

1. 炮2-6 炮8-5

2. 馬2.3 馬8.7

- | | |
|---------|------|
| 3. ②1-2 | ④2.3 |
| 4. ③8.7 | ⑤3.1 |
| 5. ⑥6.5 | ⑥7.1 |
| 6. ⑦7.5 | ⑧9-8 |

Cặp Mã bên trắng không linh hoạt. Đen nên đi P5-6, nếu Trắng đi B7.1 thì Đen B3.1 T5.7 T3.5 Đen sẽ có thế tốt hơn.

- | | |
|----------|------|
| 7. ②2.9 | ④7/8 |
| 8. ③7.1 | ⑤3.1 |
| 9. ⑦5.7 | ⑧2-1 |
| 10. ③7.6 | ④8.7 |
| 11. ⑦7/5 | ⑧1-2 |
| 12. ②9-7 | |

Bình Xe đối quân không bằng đi P8-7 X2.5 P7.2 Trắng sẽ chiếm ưu thế.

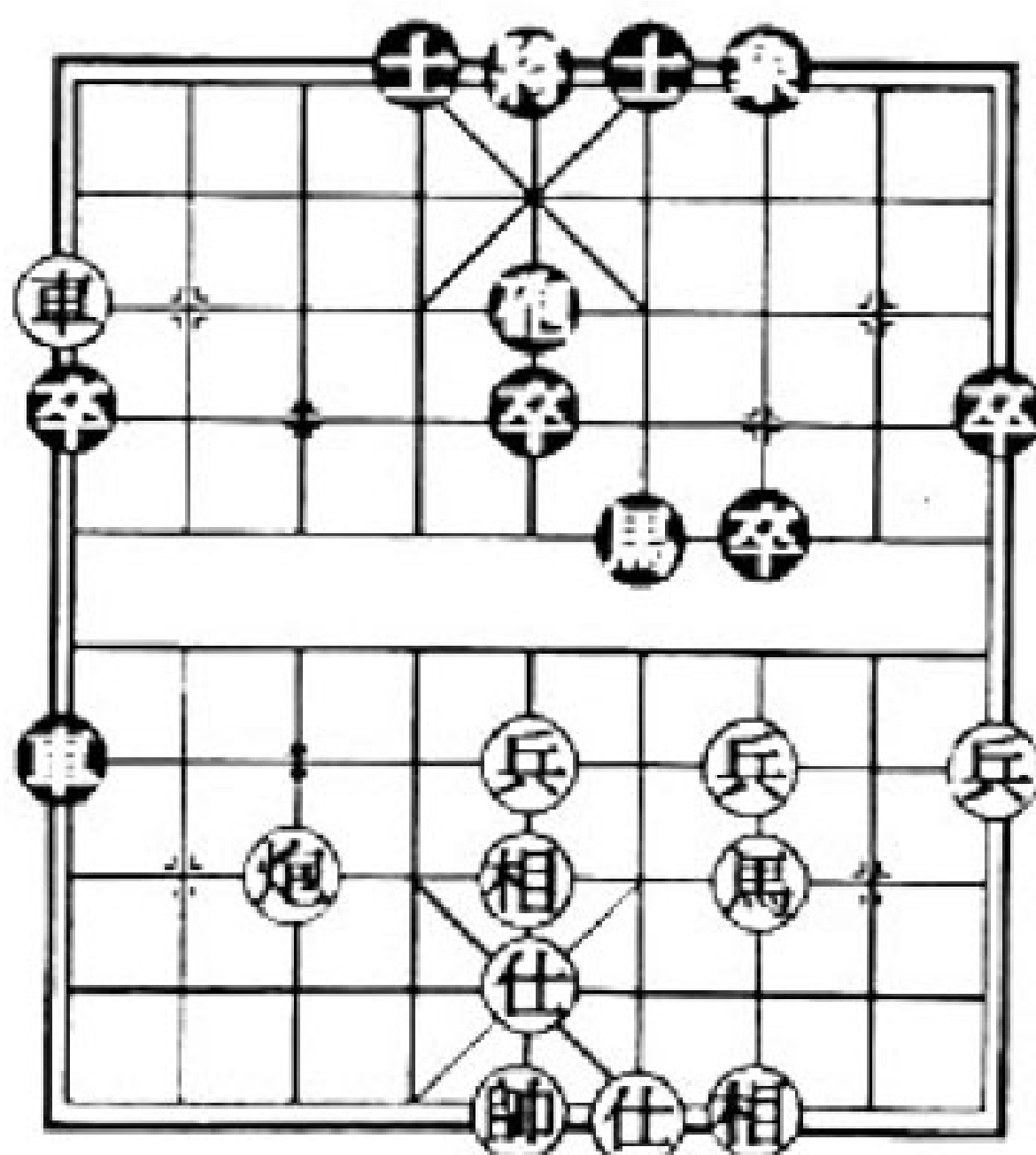
12...④2.7

- | | |
|----------|------|
| 13. ②7.7 | ④1.4 |
| 14. ③6/7 | ⑧2/1 |
| 15. ③7.9 | ⑧2-1 |
| 16. ⑥6-7 | ⑤3.1 |
| 17. ②7-9 | ④7.6 |

(hình)

Đen tiến Mã quá gấp, nên đi X1-3 P7-8 sau đó mới tiến Mã.

- | | |
|----------|------|
| 18. ⑥7.7 | ⑤4.5 |
| 19. ②9.2 | ④6.4 |
| 20. ⑥7-4 | ⑤5/4 |
| 21. ⑥4-6 | ⑤5.1 |



22. ②9-7 ④5-2

Nếu Đen đi T5.1 X7/5 bên Đen khó khống chế.

23. 炮7-8 車1-2

Nếu Đen đi X1 3 S5/6 P2.4 P6-3 Tg5.1 S4.5 Trắng chắc thắng.

24. 炮6-3 車5.1

26. 車6-4 馬6.7

28. 仕5/6 車2/1

30. 炮3-7 車2-3

32. 車3-1 車3/8

34. 帥5.1 車3/6

36. 帥5/1 車2/7

38. 車1-8 車8-7

40. 車8.1 將4.1

42. 車8/2 車7-5

44. 兵1.1 車5-4

46. 車1-9 車4-1

48. 仕4.5 卒1.1

50. 兵2-3 卒1-2

25. 車8-6 馬4.6

27. 車4/8 車2.3

29. 仕6.5 將5-4

31. 車4-3 炮2.7

33. 仕5.6 車3.9

35. 車1.1 車3-8

37. 車1/1 車8.4

39. 車8.6 車7/1

41. 兵1.1 卒7.1

43. 車8-1 卒7-6

45. 仕6/5 卒1.1

47. 仕5/6 卒5.1

49. 兵1-2 車1-8

Đen mất cả Sĩ Tượng, tuy còn Xe Tốt nhưng thật ra rất khó chống đỡ những đòn tấn công của đối phương.

51. 兵3.1 卒2.1

53. 車9-6 將4-5

55. 兵3-4 車8/4

57. 車7/3

52. 兵3.1 卒2-3

54. 車6-7 將5-4

56. 兵4.1 車8/1

Trắng thắng.

CỤC 9

1. 炮2-6 車8-5

2. 馬2.3 卒7.1

3. 車1-2 馬8.7

4. 馬8.7 炮3.1

5. ④2.4

Nên đi S6.5 M2.3 T7.5 Trắng được tiên thủ.

5...②9-8

6. ④2-6 ②2.3

7. ⑤7.1 ③5.1

8. ⑤7.1 ③5.1

9. ④6.2 ②7.6

10. ④6-4 ②6.5

11. ③3.5 ③5.1

12. ④6.5 ③8.5

13. ④6-1 ③8-5

14. ④1.4 ③5-4

15. ③7.5 ③5-3

16. ③7/6 ③3/1

17. ④1.3 ③4.1

Đen tiến Tốt bỏ Sĩ là cách chơi lão luyện. Nếu S4.5 X4-3 P5-7 P8.2 X3.1 X9-7 Đen sẽ gặp khó khăn.

18. ④4.3 ③5.1

19. ④8.2 ③4.1

20. ④8-5 ③3-5

21. ④9-7 ③1.2

22. ④5-9 ③5-4

23. ④9.3 ③3.1

(hình)

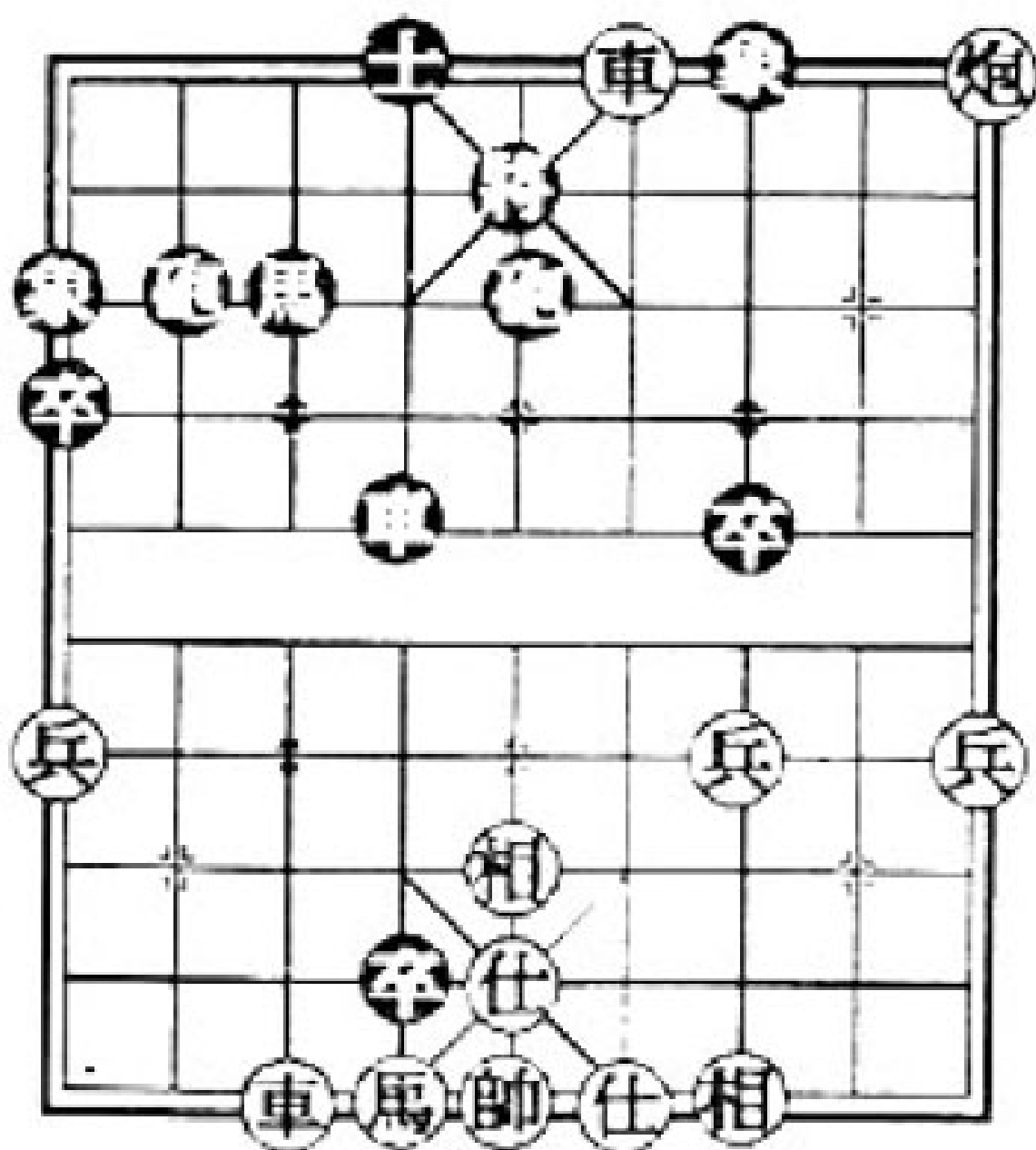
Đen tiến Tượng ăn
Tốt là chính xác. Còn
nếu vội vàng đi

Tg5-4 thì X4-8 Tg4-5

X6/4 B4.1 X6/5

Trắng thắng.

24. ④4/6 ④2.1



25. 炮1/4 車4.1
 26. 車7-8 炮5-4
 27. 車4-5 車4/2
 28. 炮1.1

Nếu đi X8.3 thì còn có cơ may hòa cờ.

28... 車2-9

29. 車8.8 車4.1
 30. 車8/4 車4.1
 31. 仕5/6 車9-5

Đen thắng.

CỤC 10

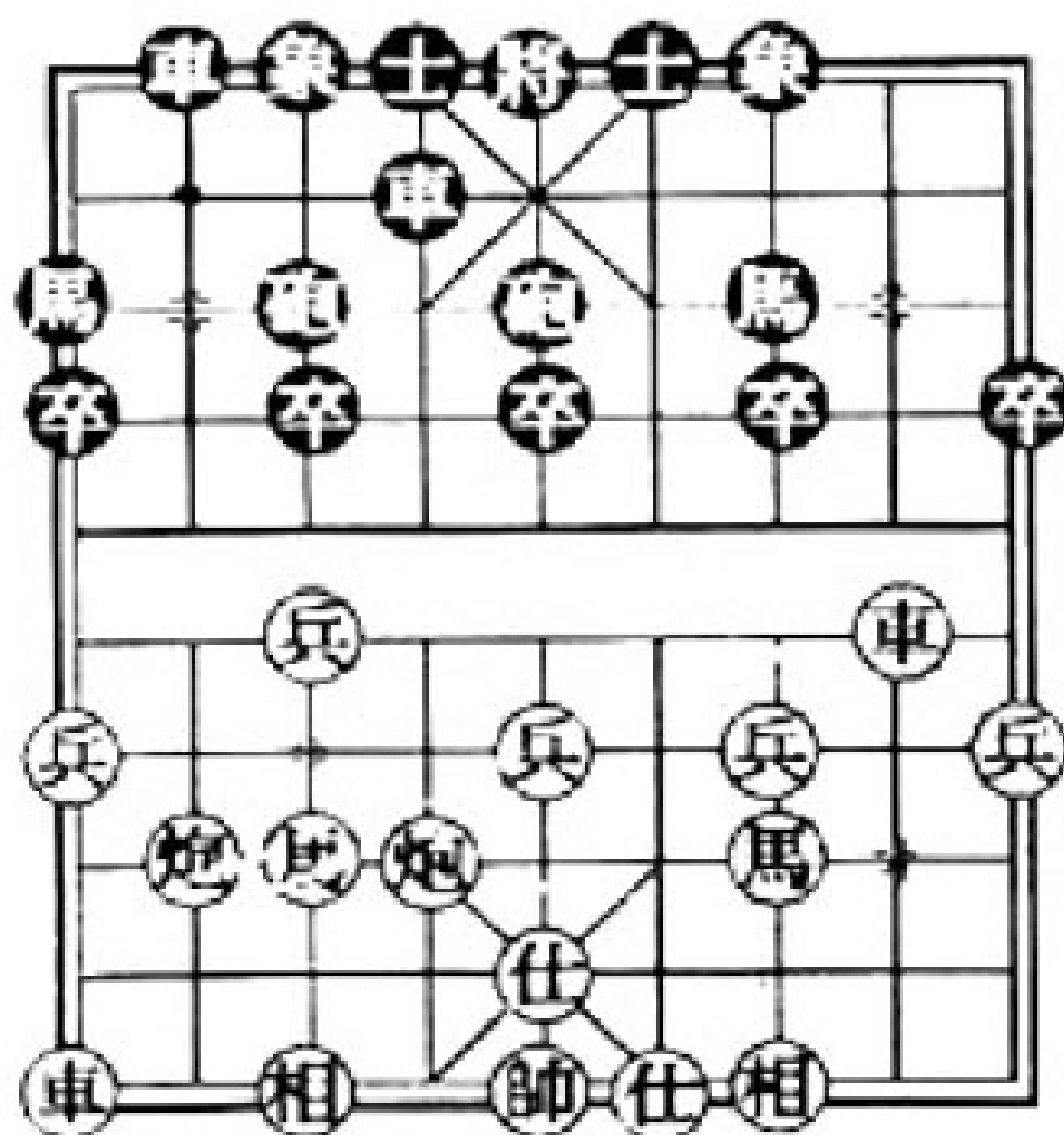
1. 炮2-6 車8-5
 2. 馬2.3 車9.1
 3. 車1-2 馬8.7
 4. 馬8.7 車9-4
 5. 仕6.5 馬2.1

Đen thượng Mã biên, nhưng tốt hơn là nên đi M2.3 sau đó hoàn toàn có thể tiến công từ trung lộ.

6. 車2.4 車2-3
 7. 兵7.1 車1-2

(hình)

Đen mau chóng xuất Xe, tuy nhiên cũng có thể đi X4.5 P6-4 X1-2 X9-8 X2.4 hai bên đều có thể vừa công vừa thủ.



8. ⑧7.6 ④4-6

9. ⑨8-7 ③3.3

Nếu Đen đi X2.6 thì T7.5 X2-4 P6/2 Trắng sẽ giành được ưu thế.

10. ①2.1

Trắng tiến Xe cũng được bởi nếu đi M6.7 M1.3 X2-7 M3.5 thì ưu thế của Trắng sẽ bị Đen hóa giải.

10...⑤5-3

11. ③7.5 ⑥t/1

12. ⑦9.1 ④6-2

13. ①2.1 ④t.8

14. ①9-8 ④2.9

15. ②5/6 ⑦7.1

16. ①2-3 ③3.5

17. ⑧6.4 ⑨7/5

18. ⑨6.5 ⑦5.1

Trắng tiến Pháo nhằm vào Mã biên là cách tranh tiên hợp lý, còn nếu đi X3-5 Pt-4 Trắng gặp bất lợi.

19. ⑨6-9 ⑥t-6

20. ⑨7.5 ③6.4

21. ⑨7-6 ③6-1

22. ①3-7 ⑨5/3

23. ⑨6/1 ⑨3.2

24. ⑨6-9

Trắng thắng

CỤC 11

1. ⑨2-6 ③8-5

2. ⑧2.3 ⑨8.7

- | | |
|---------|------|
| 3. 車1-2 | 馬2.3 |
| 4. 車2.4 | 象9-8 |
| 5. 車2-7 | 炮5-6 |

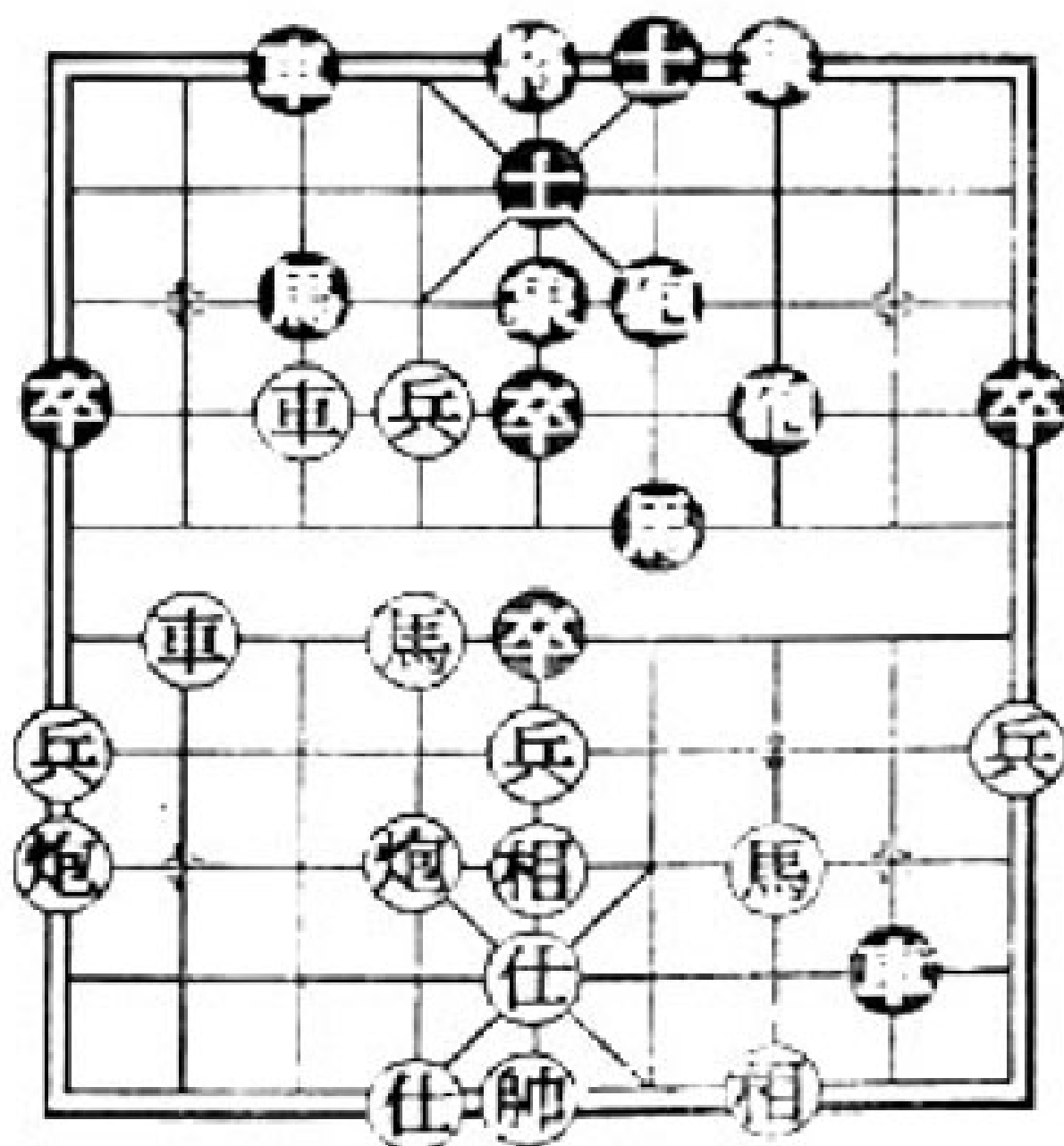
Chơi như thế này là ổn định

- | | |
|---------|------|
| 6. 馬8.7 | 象3.5 |
| 7. 車7.2 | 卒7.1 |
| 8. 兵7.1 | 士4.5 |

Với nước P2/1 thì cơ động và linh hoạt hơn.

- | | | | |
|----------|-------------|----------|------|
| 9. 相7.5 | 車1-3 | 10. 炮8-9 | 炮2.4 |
| 11. 兵7.1 | 車8.8 | 12. 車9-8 | 炮2-7 |
| 13. 仕4.5 | 馬7.6 | 14. 兵7-6 | 卒7.1 |
| 15. 車8.4 | 卒7-6 | 16. 兵6.1 | 炮7/3 |
| 17. 馬7.6 | 卒6-5 | | |
| 18. 兵5.1 | 馬6.7 (hình) | | |

- | | |
|----------|------|
| 19. 馬6.8 | 車8/4 |
| 20. 炮9-7 | 炮7.4 |
| 21. 炮6-3 | 車3-2 |
| 22. 炮7.5 | 炮6-3 |
| 23. 車7.1 | 車2.4 |
| 24. 車8.1 | 車8-2 |
| 25. 兵6-5 | 馬7/5 |
| 26. 兵5.1 | 車2-7 |
| 27. 炮3-2 | 車7.2 |
| 28. 兵5.1 | 炮5.1 |
| 29. 車7/1 | 車7-8 |
| 30. 炮2-1 | 象7.5 |
| 31. 車7-9 | 車8-9 |
| 32. 兵9.1 | 馬5/3 |
| 33. 車9.2 | 炮5/1 |
| 35. 炮1-5 | 炮5-4 |



- | | |
|----------|------|
| 34. 相5.7 | 車9-7 |
| 36. 車9.1 | 炮4.1 |

37. ④9-4	♙3.1	38. ④4/1	♙4/1
39. ④4/2	♙7-4	40. ④5-6	♙4-5
41. ④4-5	♙4/4	42. ④5-1	♙1/3
43. ④6-5	♙5-4	44. ④1/1	♙3.5
45. ④1-5	♙5/7		
46. ④5-6			

Nếu tiến Pháo ăn Tượng thì Đen đi M7.8 Tg5-4 X4.3 cơ may thắng của Trắng sẽ không dễ dàng.

46...♙4-5

47. ④5/2	♙5.1	48. ④6-5	♙5-4
49. ④5-7	♙4/1	50. ④3.5	♙5/7
51. ④7-6	♙4-5	52. ④5-8	♙5-7
53. ④6/1	♙4-5	54. ④5.4	♙7-4
55. ④6-7	♙7.5	56. ④8-5	♙5.1
57. ④6.5	♙4.3	58. ④7/1	♙4-5
59. ④5-8	♙5-6	60. ④8.5	♙5/1
61. ④8-6	♙6.1	62. ④6/4	♙5.1
63. ④6-3	♙5/1	64. ④5-4	♙5.1
65. ④7-5	♙6/4	66. ④4.1	♙5-6
67. ④3/2	♙6.4	68. ④4/1	♙6/1
69. ④5/3	♙6/4	70. ④3.1	♙6.1
71. ④1.3	♙6/1	72. ④3.1	♙6.1
73. ④3-5	♙6/1	74. ④7/5	♙6.1
75. ④5/3	♙6/1	76. ④3.1	♙6.1
77. ④5-7	♙6/1	78. ④4-5	♙6.1
79. ④5-6	♙5/3	80. ④6.1	♙6-4
81. ④5.6	♙3.5	82. ④7-5	♙6-5
83. ④5.2	♙4-3	84. ④5-6	♙7.5
85. ④6/1	♙3.6		
86. ④6/1			

Trắng thắng.

CỤC 12

1. 炮2-6 炮8-5
2. 馬2.3 馬8.7
3. 車1-2 馬2.1
4. 兵9.1 炮2.4
5. 馬8.9 炮1.1

Nếu Đen đi P2-5 thì M3.5 P5.4 X2.4 P5/2 M9.8 sau đó chuẩn bị M8/6 tróc Pháo, rõ ràng Đen chẳng được lợi gì

6. 仕6.5 炮2-5
7. 相7.5 炮1-4
8. 車9-6 炮4.4
9. 車2.6 炮9.1
10. 車2-3 炮9-2
11. 炮8.2 炮t/1
12. 兵7.1 炮4.1 (hình)

Nếu Đen đi X4/3

X3.1 P5-2 P6-8

X4.7 S5/6 X2-4 M9.8

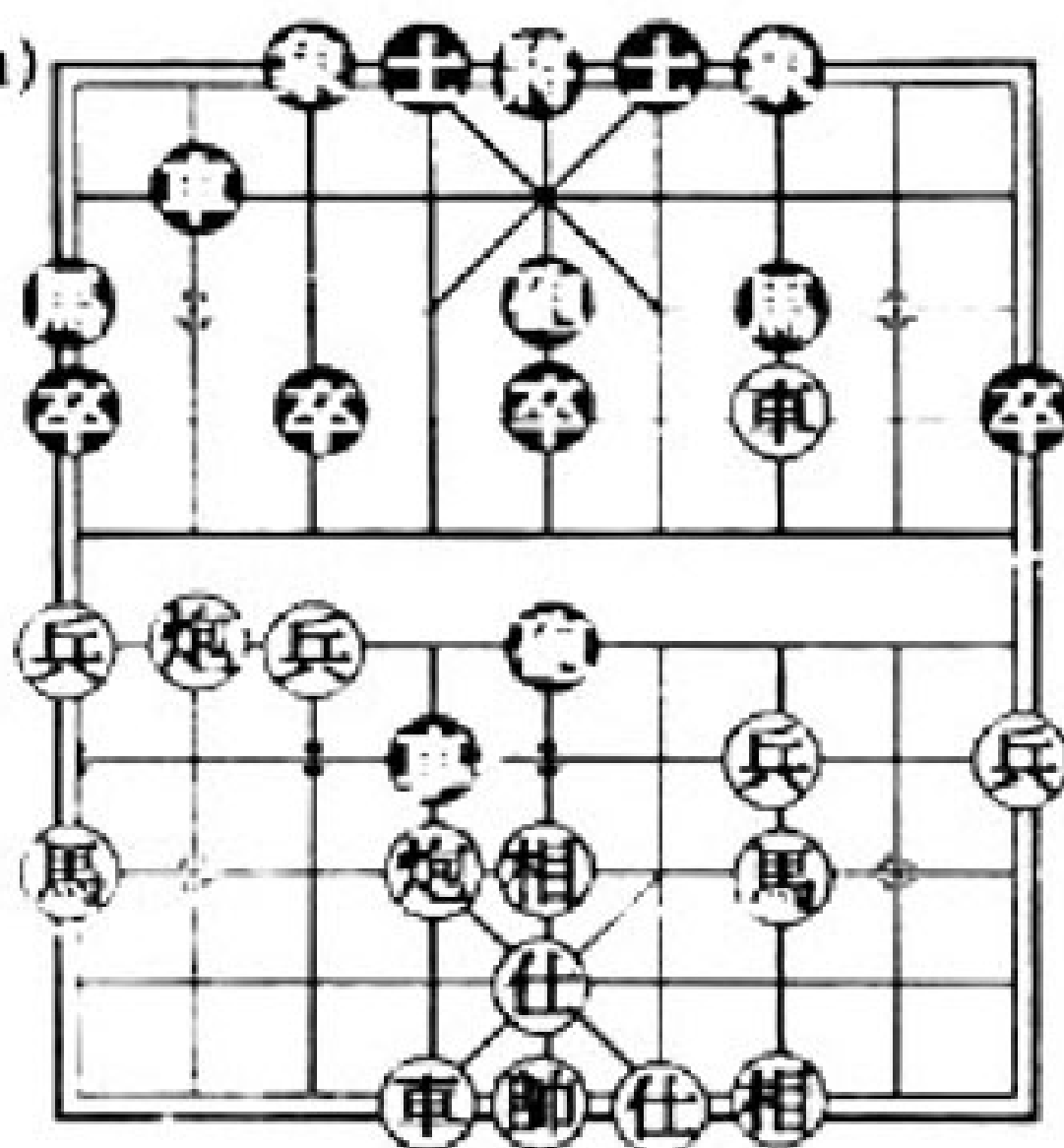
Trắng nhiều quân hơn, chiếm ưu thế.

13. 馬9/7 炮4-3
14. 炮8-5 炮5.3
15. 車3.1 炮3.5

Nếu Đen đi X2.7

X3/1 bên Trắng

giành được tiên thủ.



- | | |
|----------|------|
| 16. 馬7/9 | 車3-2 |
| 17. 馬9.7 | 車t-3 |
| 18. 馬7/9 | 車3-2 |
| 19. 馬9.7 | 車t-3 |
| 20. 車3/1 | 車3.2 |
| 21. 車3-5 | 炮5-1 |
| 22. 炮6.3 | 車3/2 |
| 23. 炮6-5 | 士6.5 |
| 24. 馬3.5 | 車3-5 |

Nếu Đen đi P1-2 thì X5-3 P2.4 X6.6 T7.9 X3-2 X3.3
S5/6 X3/4 T5/7 Trắng thắng.

- | | |
|----------|------|
| 25. 炮5.2 | 象7.5 |
| 26. 車5/3 | 象5/3 |
| 27. 車6.6 | 車2.8 |
| 28. 仕5/6 | 炮1.4 |
| 29. 相5/7 | 馬1/3 |
| 30. 車6.2 | 車2-3 |
| 31. 帥5.1 | 車3/1 |
| 32. 帥5.1 | |

Trắng thắng.

CỤC 13

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-6 | 炮8-5 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 車1-2 | 炮2.3 |
| 4. 車2.4 | 炮9-8 |
| 5. 車2.5 | 馬7/8 |
| 6. 兵7.1 | 卒7.1 |
| 7. 馬8.7 | 炮2.4 |
| 8. 相3.5 | 炮2-3 |

- | | |
|----------|------|
| 9. 兵9.1 | 車1-2 |
| 10. 兵3.1 | 車2.6 |
| 11. 兵3.1 | 馬7.9 |
| 12. 兵3.1 | 馬8.6 |
| 13. 兵3.1 | 士4.5 |
| 14. 兵3.1 | 馬6.7 |
| 15. 車9-8 | 炮5-7 |

Nếu Đen đi P5-4 thì P8-9 X2.3 M7/8 P4/1 P6.4 hai bên còn giằng co kéo dài.

- | | |
|----------|------|
| 16. 炮8-9 | 炮2.3 |
| 17. 馬7/8 | 炮7.5 |
| 18. 炮6-3 | 炮3-9 |
| 19. 炮9-7 | 炮3.5 |
| 20. 馬8.9 | 馬7.6 |
| 21. 炮3.2 | 馬6/4 |
| 22. 炮7.4 | 馬4.5 |
| 23. 炮3.3 | |

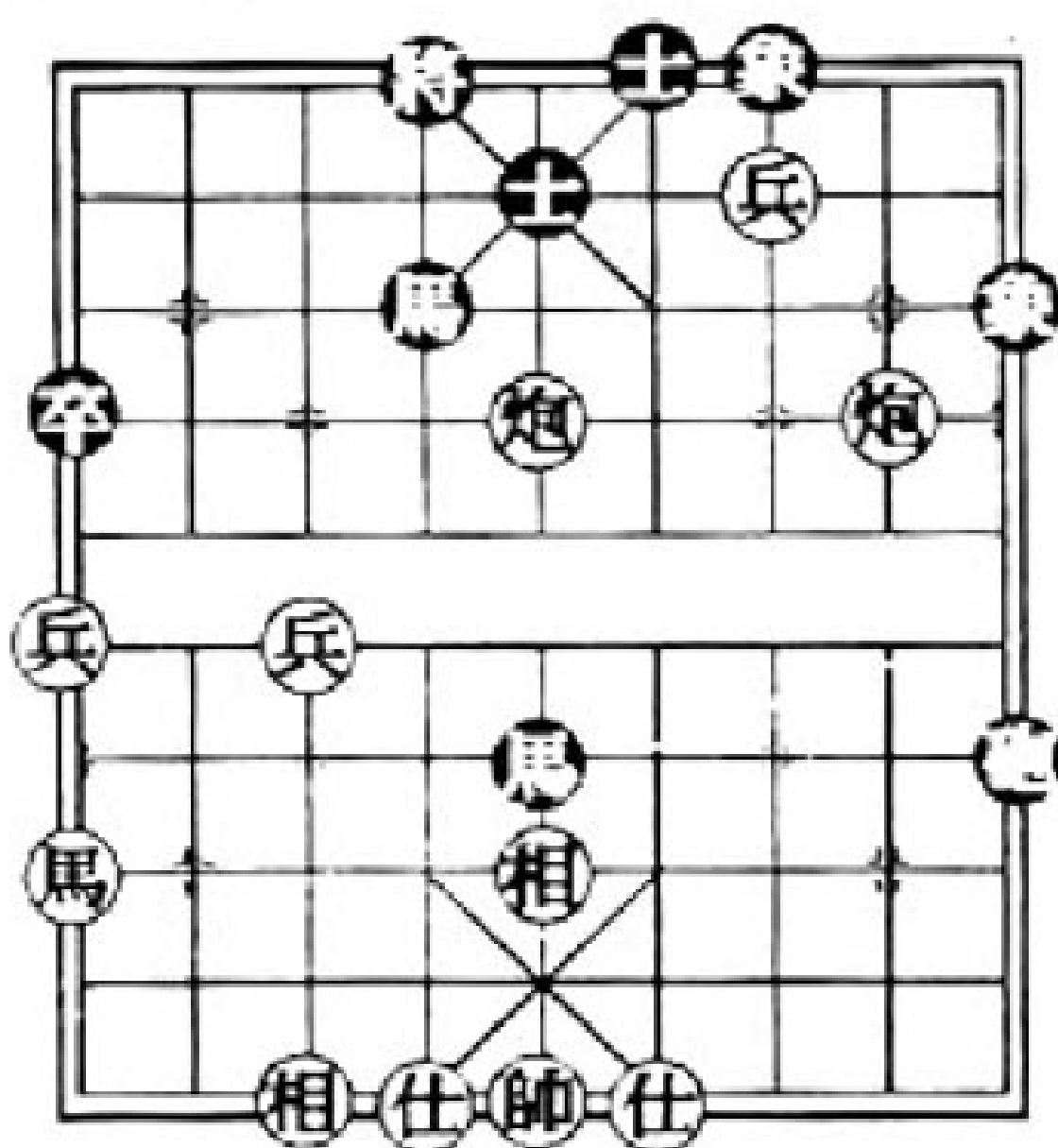
Trắng tiến Pháo dã Mã là cách đi nhằm khống chế cục diện.

- | | |
|------------|------|
| 23... 馬3/4 | |
| 24. 炮7-1 | 馬4.2 |
| 25. 炮3-2 | 馬2.4 |
| 26. 炮2.2 | 馬5/7 |
| 27. 炮2/3 | 馬5-4 |
| 28. 炮1-5 | 馬4.6 |

(hình)

Đen cũng có thể đi P9.3 phát động đối công.

- | | |
|----------|------|
| 29. M9.8 | M6/7 |
| 30. 馬8.9 | 馬5/4 |



31. ⑨9.8 ④4.1
 32. ⑧2.2 ⑤4/3
 33. ⑧5/3
 Trắng thắng

CỤC 14

1. ⑧2-6 ④8-5
 2. ⑨2.3 ⑤9.1
 3. ④1-2

Nếu Trắng đi S4.5 thì X9-4 T3.5 M2.3 X1-2 M8.7 Cờ Đen có phần nhỉnh hơn

- 3... ⑤9-4
 4. ④4.5 ⑧8.7
 5. ④2.6 ⑤7.1

Tiến Tốt không bằng đi M2.3 X2-3 P5/1 T3.5 B3.1 hai bên đều cố tranh tiên thủ

6. ④2-3 ⑤2.1
 7. ④9.1

Tiến Tốt lộ 9 không có tác dụng gì, trước tiên nên đi M8.9 B1.1 thì X3/1 Trắng nhiều Tốt chiếm ưu thế.

- 7... ⑤4.4
 8. ⑨8.9 ④5-3
 9. ⑧8-7 ⑤3.5

Có thể đi T7.5 phòng thủ tốt hơn.

10. ④9-8 ⑤1-2
 11. ④8.6 ⑤3.1
 12. ④3.5 ⑧2/1
 13. ④3-4 ⑤2-4
 14. ④8-9 ⑤4.6
 15. ④9.1 ⑤4-1

Nếu Đen đi P4-7 P7-3 P3-4 X4-3 Trắng chiếm ưu thế.

16. ♖9-7 ♜1.2

17. ♖4.2 ♜4.5

18. ♖7-5 ♜2.7

Nếu Đen đi X4/3 X5-6 S5.4 P7.2 Trắng chiếm ưu thế.

19. ♖7-6 ♜7.6

20. ♖5/1 ♜4.2

21. ♖5.6 ♜6.4

22. ♖5-6 ♜2-4 (hình)

23. ♖6-8 ♜4.2

24. ♖5.1 ♜4.3

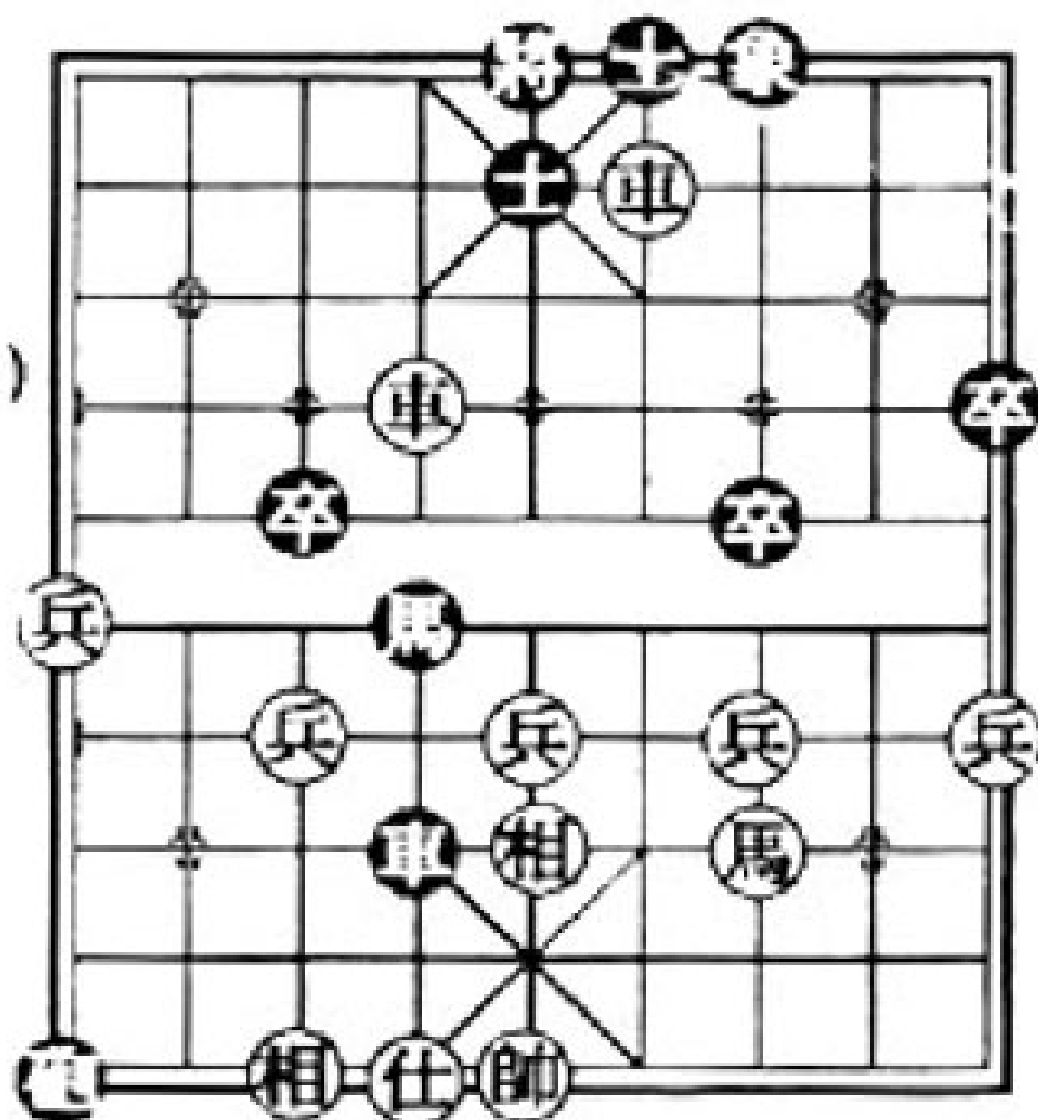
25. ♖5-4 ♜4/1

26. ♖4.1

Nếu Đen đi Tg5-4
thì X4/2 X4-7 X4-6

S5.4 X6.1 Tg4-5

X6.1 Trắng thắng
thế.



CỤC 15

1. ♖2-6 ♜8-5

2. ♖2.3 ♜8.7

3. ♖1-2 ♜2.3

4. ♖8.9 ♜9.1

5. ♖2.6 ♜3.1

6. ♖7.5 ♜3.4

Đen có thể đi X9-4, S6.5 P2.1 sau đó B5.1 từ trung lộ phát động tấn công.

7. ♖6.5 ♜1.1 (hình)

Đen tiến Tốt biên thực ra chưa có tác dụng gì, tốt hơn là nên đi M4.5 M3.5 P5.4 X2-3 T3.5 P6.5 X9.1 hai bên đều có thể vừa công vừa thủ.

8. ⑨9-6 ⑩4.3
 Nước này ít tác dụng,
 nên đi X1.1 tốt hơn.

9. ⑧8-7 ⑩3.1

10. ⑧6-9 ⑩1-2

11. ⑨2-3 ⑩2.7

12. ⑨6.2 ⑩2-1

13. ⑨3.1 ⑩9-2

14. ⑧9.3

Trắng thí thêm một
 quân, duy trì được ưu
 thế, còn nếu Trắng đi
 X3.2 X2.2 S5/6 P5-4 Đen sẽ có thể công.

14... ⑩1/5

15. ⑨9.1 ⑩1/3

17. ⑨5/6 ⑩t/4

19. ⑨3/2 ⑩1/3

21. ⑨3-7 ⑩2.8

23. ⑧7.7 ⑩4.5

25. ⑨5.6 ⑩1/5

27. ⑨6-7 ⑩3-8

29. ⑨s/3 ⑩5.6

31. ⑨t-5 ⑩6/5

32. ⑧7-4

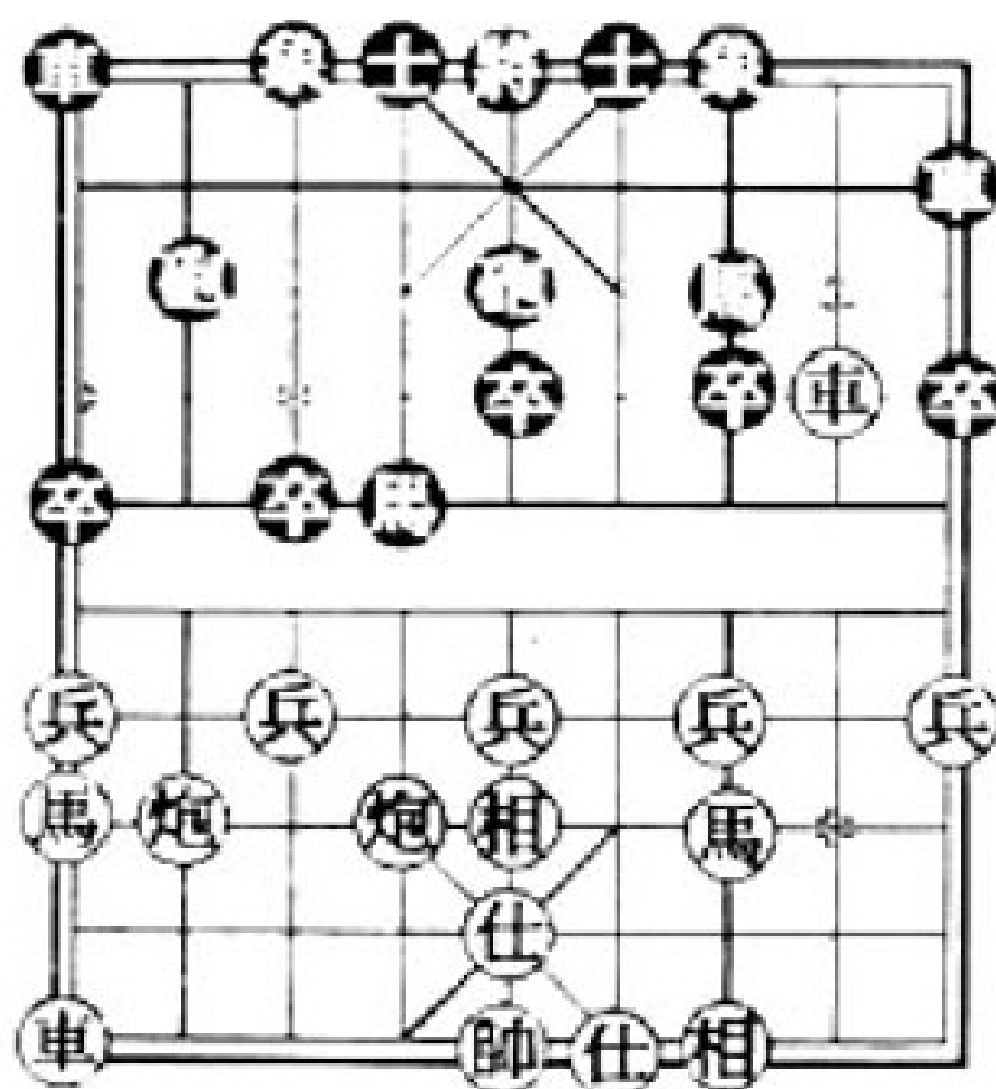
Trắng thí Pháo dã Sĩ là nước rất hay để thắng cờ.

32... ⑩5-6

33. ⑨5.2 ⑩1/3

34. ⑨7.6

Trắng thắng.



16. ⑨3.2 ⑩t.8

18. ⑨6.6 ⑩t-1

20. ⑨3/2 ⑩1-2

22. ⑨5/7 ⑩1.4

24. ⑨4.5 ⑩1.1

26. ⑨3.1 ⑩5-3

28. ⑨t/1 ⑩1.5

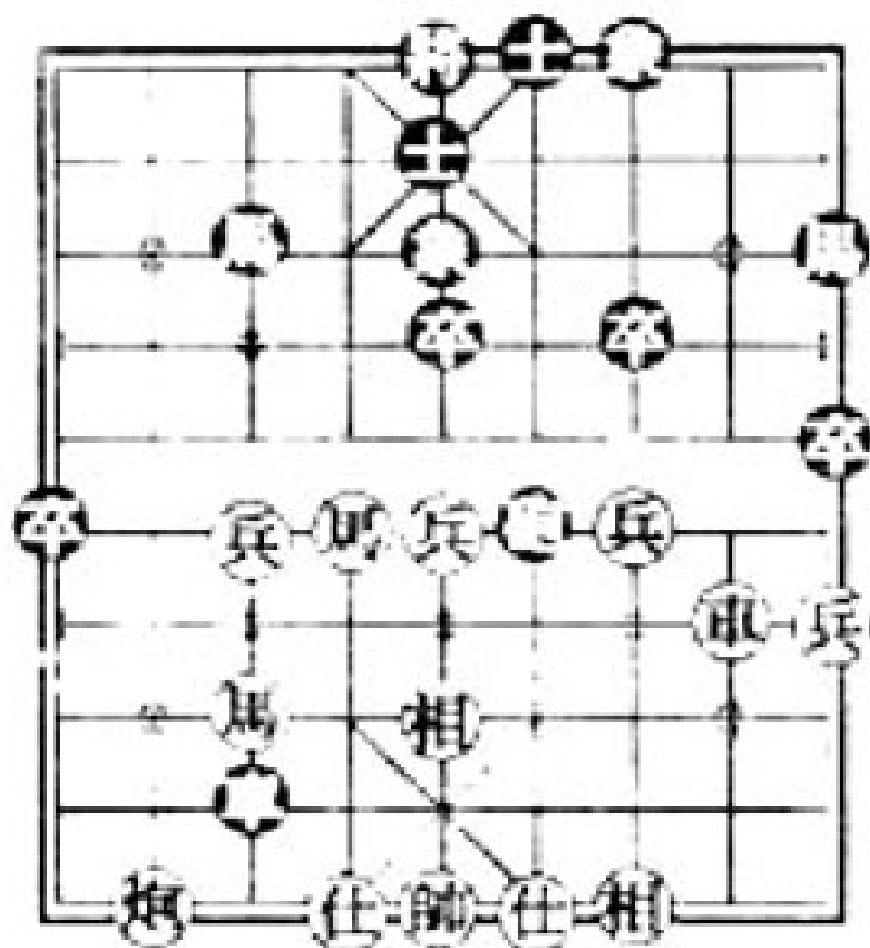
30. ⑨t/1 ⑩1/2

HẾT

MỘT SỐ VÁN ĐẤU THỰC TẾ VỚI KHAI CỤC THUẬN PHÁO

Tổng Quốc Cường (tiên thắng) - Trần Hán Hoa
14 - 5 - 1992

1. 炮2-6	象3.5	2. 馬2.3	車9.1
3. 車1-2	車9-4	4. 馬8.7	馬8.9
5. 車2.4	卒9.1	6. 兵7.1	車4.5
7. 仕6.5	車4-3	8. 車9.2	炮8-6
9. 相7.5	馬2.3	10. 炮8/2	士4.5
11. 炮8-7	車3-2	12. 兵3.1	車2.2
13. 馬3.4	車1-2	14. 馬4.6	卒1.1
15. 車2/1	炮2-1	16. 炮7-8	車t-3
17. 馬6/8	車2-3	18. 馬8.7	車s-2
19. 炮8-7	車2.3	20. 馬t/6	卒1.1
21. 兵5.1	炮6.3	22. 車9-8	車2.4
23. 炮6-8	炮1.4	24. 炮7-6	炮1.3
25. 炮8/2	炮1-4	26. 仕5/6	卒1-2 (hình)
27. 車2-4	馬3.4		
28. 兵7.1	象5.3		
29. 馬7.8	炮6-4		
30. 馬8.6	車3-2		
31. 炮8-9	車2/5		
32. 車4-7	象7.5		
33. 炮9.9	車2/1		
34. 車7-6	炮4-1		
35. 車6-9	車2.3		
36. 仕4.5	炮1-5		



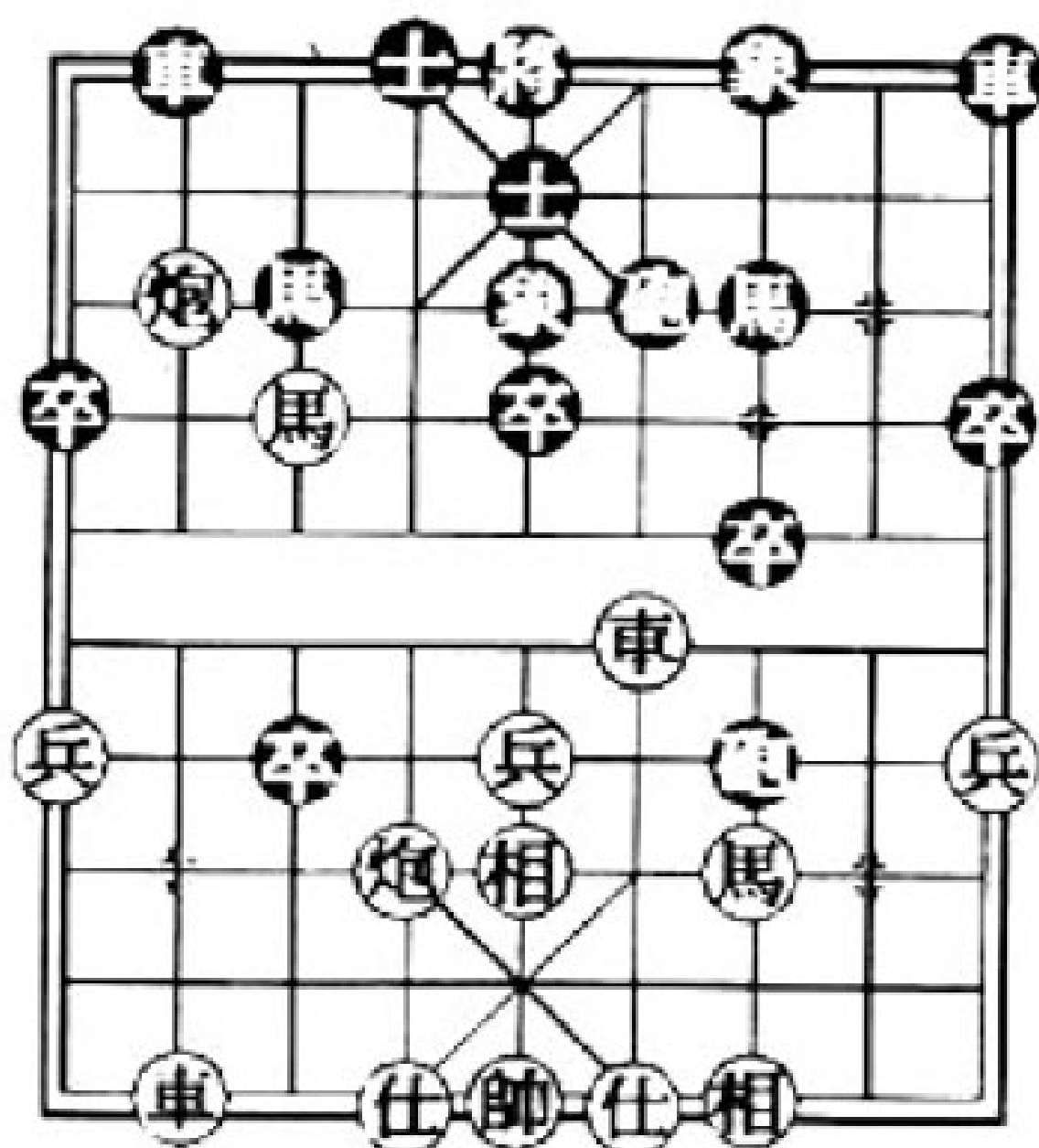
37. ④9.3 ⑤5.1
 39. ④7.3 ⑤5.1
 41. ⑤6.7 ⑤8.9
 43. ④5-4 ⑤7.9
 45. ④2-6 ⑤2-1
 47. ④4.1 ⑤1-2
 49. ④6.1 ⑤5-6
 51. ⑤7.8 ⑤5.1
 53. ④5-2 thắng

38. ④9-7 ⑤5.4
 40. ④7-4 ⑤9.8
 42. ④4-2 ⑤9/7
 44. ④2/1 ⑤5/1
 46. ④9-8 ⑤9.8
 48. ④6/1 ⑤2/5
 50. ④6-5 ⑤5-6
 52. ⑤8/6 ⑤6/1

Triệu Quốc Vinh (tiên thắng) - Bốc Phụng Ba

1. ④2-6 ⑤7.1
 3. ④1-2 ⑤8.7
 5. ⑤7.1 ⑤3.5
 7. ⑤7.6 ⑤2-7
 9. ④8.5 ⑤3.1
 11. ⑤6.7 ⑤3.1
 12. ④2-4 ⑤6.5
 13. ⑤7.5 ⑤7.5
 14. ④8-5 ⑤5-6
 15. ④8.9 ⑤3/2
 16. ④6/1 ⑤7.1
 17. ④4-3 ⑤7.6
 18. ④5-8 ⑤3.1
 19. ④8.1 ⑤7-1
 20. ④6-8 ⑤1.3
 21. ④5/7 ⑤1-2
 22. ④t-7 ⑤6/8
 23. ④7.1 ⑤6.1
 24. ④8-4

2. ⑤2.3 ⑤8-6
 4. ⑤8.7 ⑤2.3
 6. ④7.5 ⑤2.4
 8. ④9-8 ⑤1-2
 10. ④2.4 ⑤3.1

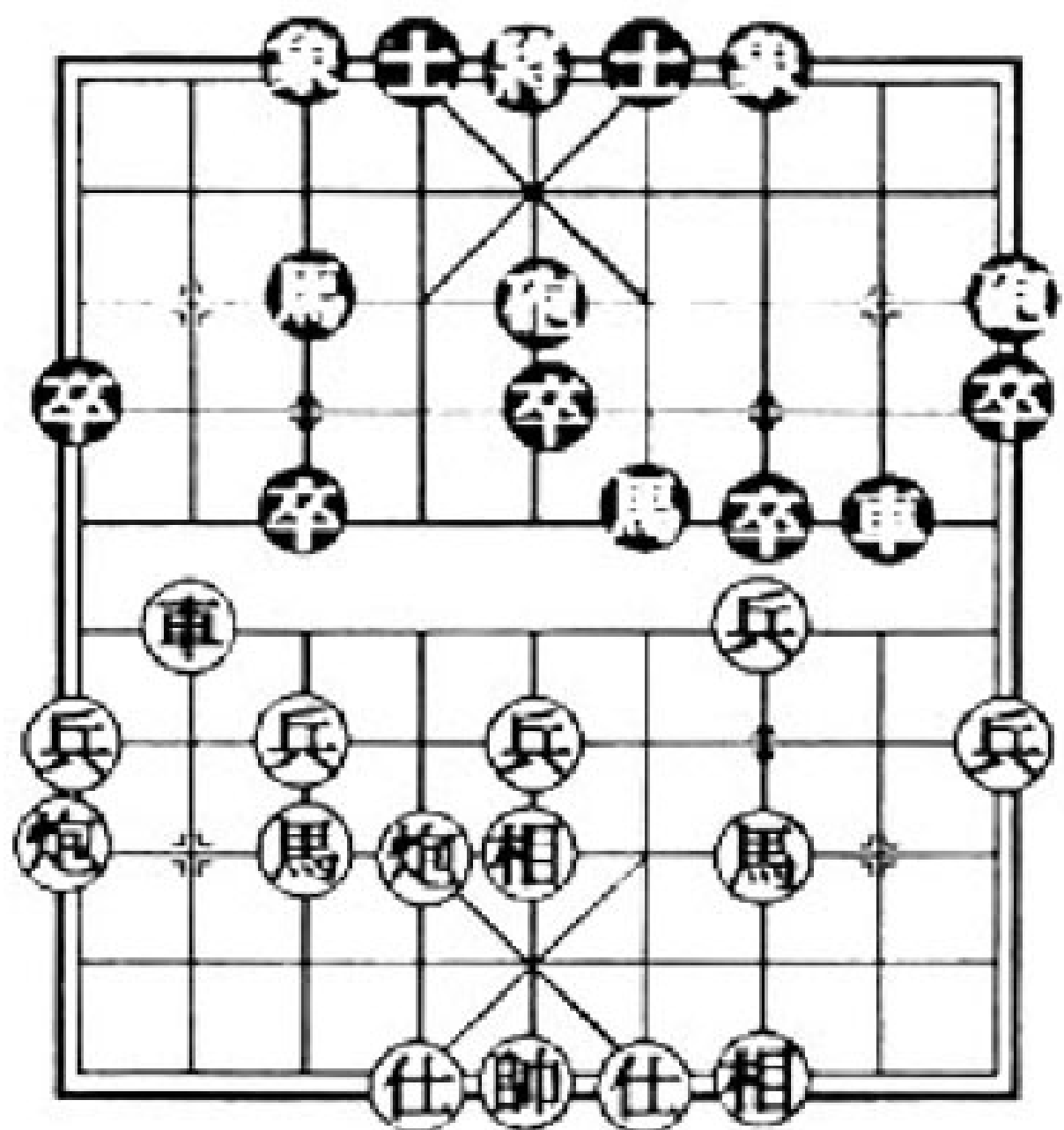


Lý Lai Quần (tien hoa) - Tang Như Ý

1. 炮2-6	馬8.7	2. 馬2.3	車9-8
3. 兵3.1	炮8-9	4. 相7.5	炮2-5
5. 馬8.7	馬2.3	6. 車9-8	卒3.1
7. 炮8-9	車8.4	8. 車8.4	車1-2
9. 車8.5	馬3/2	10. 車1.1	馬2.3
11. 車1-8	卒7.1	12. 車8.5	馬7.6

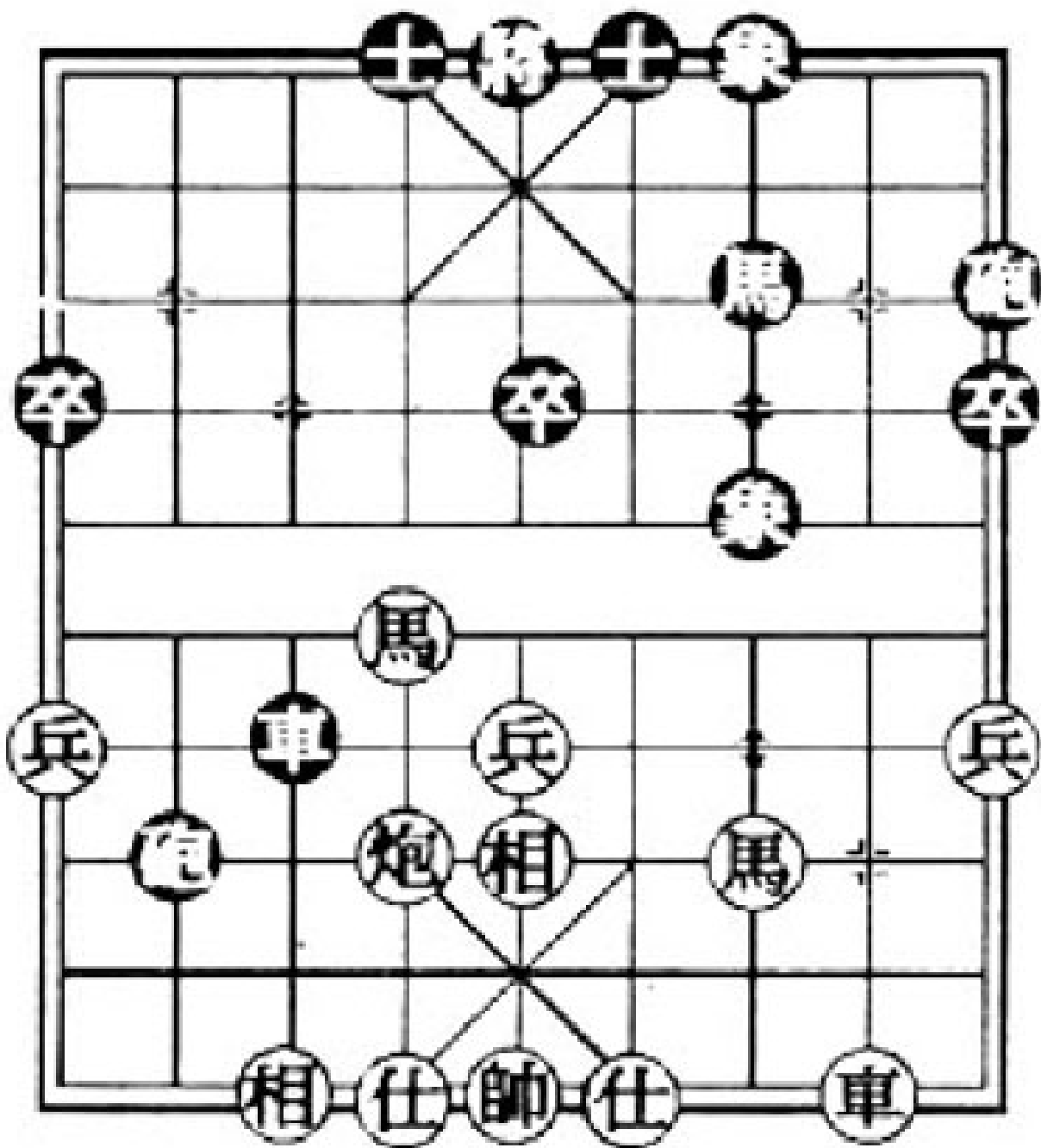
13. 仕6.5 炮5-7 (hình)

14. 兵7.1	卒3.1
15. 車8-7	車7.5
16. 兵3.1	車8-7
17. 馬3.2	馬6.5
18. 炮6.1	車7.1
19. 車7-3	馬5/7
20. 馬2.1	炮7/1
21. 馬1.3	馬7/5
22. 炮6/2	馬5.4
23. 馬7.6	卒5.1
24. 炮9-6	馬4/6
25. 馬6.7	卒5.1
26. 炮8-7	馬3.5
27. 炮6.6	車5.3
28. 馬3/5	馬6/5
29. 炮6/2	馬5.4
30. 馬7.8	車3.5
31. 馬8/9	馬4.2
32. 炮7-6	炮7-9
33. 馬9/8	炮8.5
34. 炮t-8	炮8.3



Hồ Vinh Hoa (tiên hoa) - Lưu Điện Trung

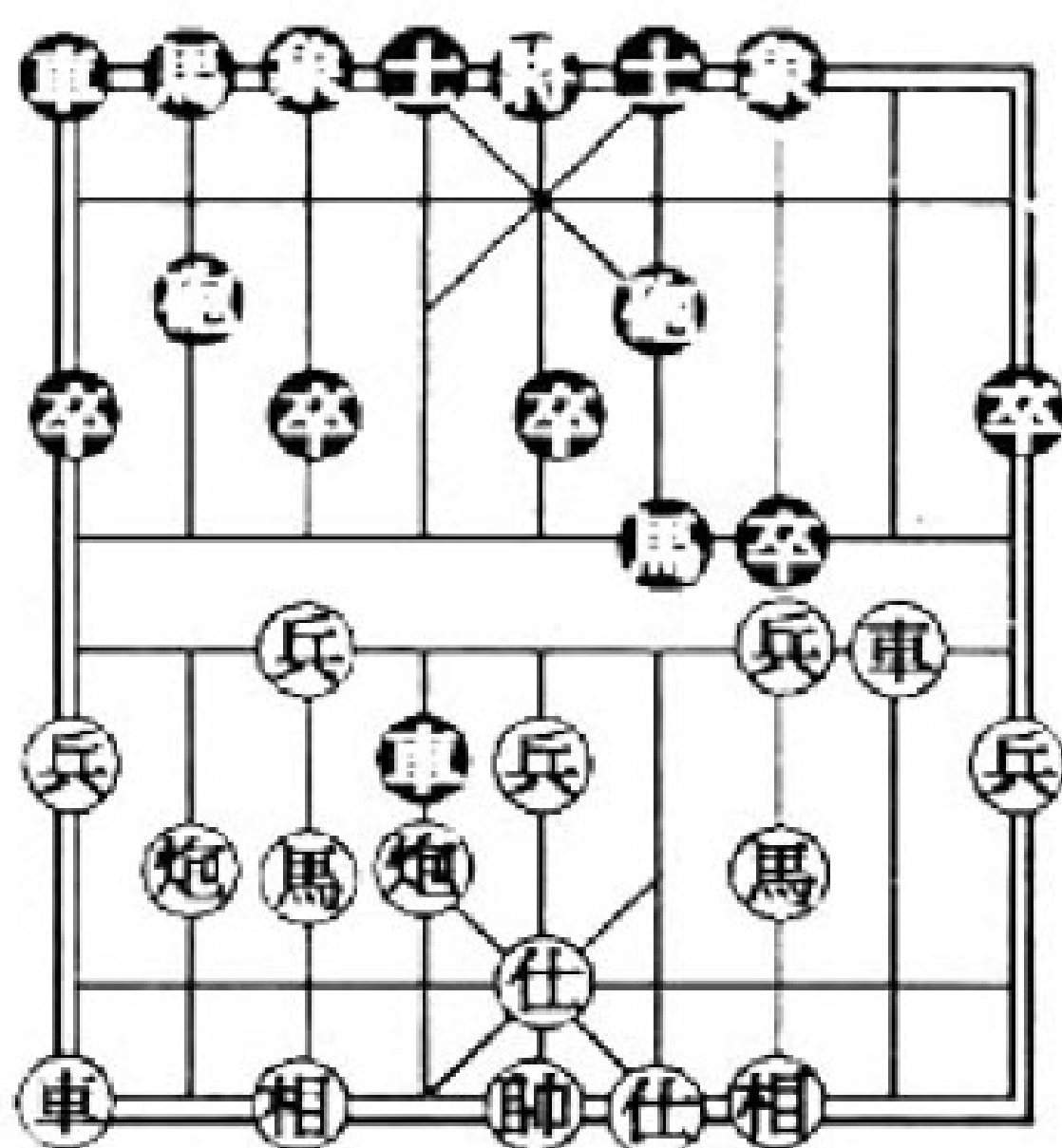
1. 炮2-6	馬8.7	2. 馬2.3	車9-8
3. 兵3.1	炮8-9	4. 相7.5	象3.5
5. 兵7.1	卒3.1	6. 兵7.1	車8.4
7. 馬8.7	車8-3	8. 馬7.6	卒7.1
9. 兵3.1	象5.7	10. 車9-7	車3.5
11. 相5/7	馬2.3	12. 車1-2	馬3.2
13. 馬6.8	炮2.5	14. 相7.5	車1-3
15. 馬8/6	車3.6 (hình)		
16. 仕4.5	車3-4		
17. 車2.7	車4/1		
18. 車2-3	象7.5		
19. 車3/1	卒5.1		
20. 車3-1	炮9-7		
21. 車1-3	炮7/2		
22. 馬3/1	車4.1		
23. 馬1.2	車4-5		
24. 馬2.1	車5-9		
25. 馬1.2	炮7.2		
26. 車3.1	炮2/5		
27. 炮6.5	士4.5		
28. 馬2/3	士5.4		
29. 馬3.4	將5-4		
30. 馬4/5	士4/5		
31. 車3/1	車9-1		
32. 車3-8	炮2-3		
33. 馬5.7	車1-5		



Lý Lai Quần (tiên thắng) - Vương Hiếu Hoa

- | | | | |
|---------|------|---------|-------------|
| 1. 炮2-6 | 卒7.1 | 2. 馬2.3 | 炮8-6 |
| 3. 車1-2 | 馬8.7 | 4. 馬8.7 | 車9.1 |
| 5. 車2.4 | 車9-4 | 6. 兵7.1 | 馬7.6 |
| 7. 仕6.5 | 車4.5 | 8. 兵3.1 | 卒7.1 (hình) |

- | | |
|----------|------|
| 9. 車2-3 | 象3.5 |
| 10. 相7.5 | 車4-3 |
| 11. 車9.2 | 馬2.3 |
| 12. 炮8/2 | 士4.5 |
| 13. 炮8-7 | 車3-2 |
| 14. 車3.2 | 炮2.2 |
| 15. 兵9.1 | 車1-2 |
| 16. 車3-4 | 馬6.7 |
| 17. 兵9.1 | 卒1.1 |
| 18. 車9.3 | 炮2-5 |
| 19. 車4/3 | 馬7/8 |
| 20. 馬3.2 | 炮5-7 |
| 21. 兵5.1 | 炮6-8 |
| 22. 車4-8 | 車2.6 |
| 23. 車9.4 | 士5/4 |
| 24. 馬2.4 | 馬8.7 |
| 26. 車9/6 | 車7/1 |
| 28. 相3.1 | 車7-6 |
| 30. 炮7.6 | 車6/1 |
| 32. 炮7-5 | 士4.5 |
| 34. 炮6/4 | 炮7-8 |
| 36. 兵5.1 | 炮2-6 |
| 38. 車5-2 | 炮8.2 |
| 40. 車2-5 | 炮8.5 |
| 42. 馬7.9 | 炮8/8 |
| 44. 相3.1 | 炮6-8 |

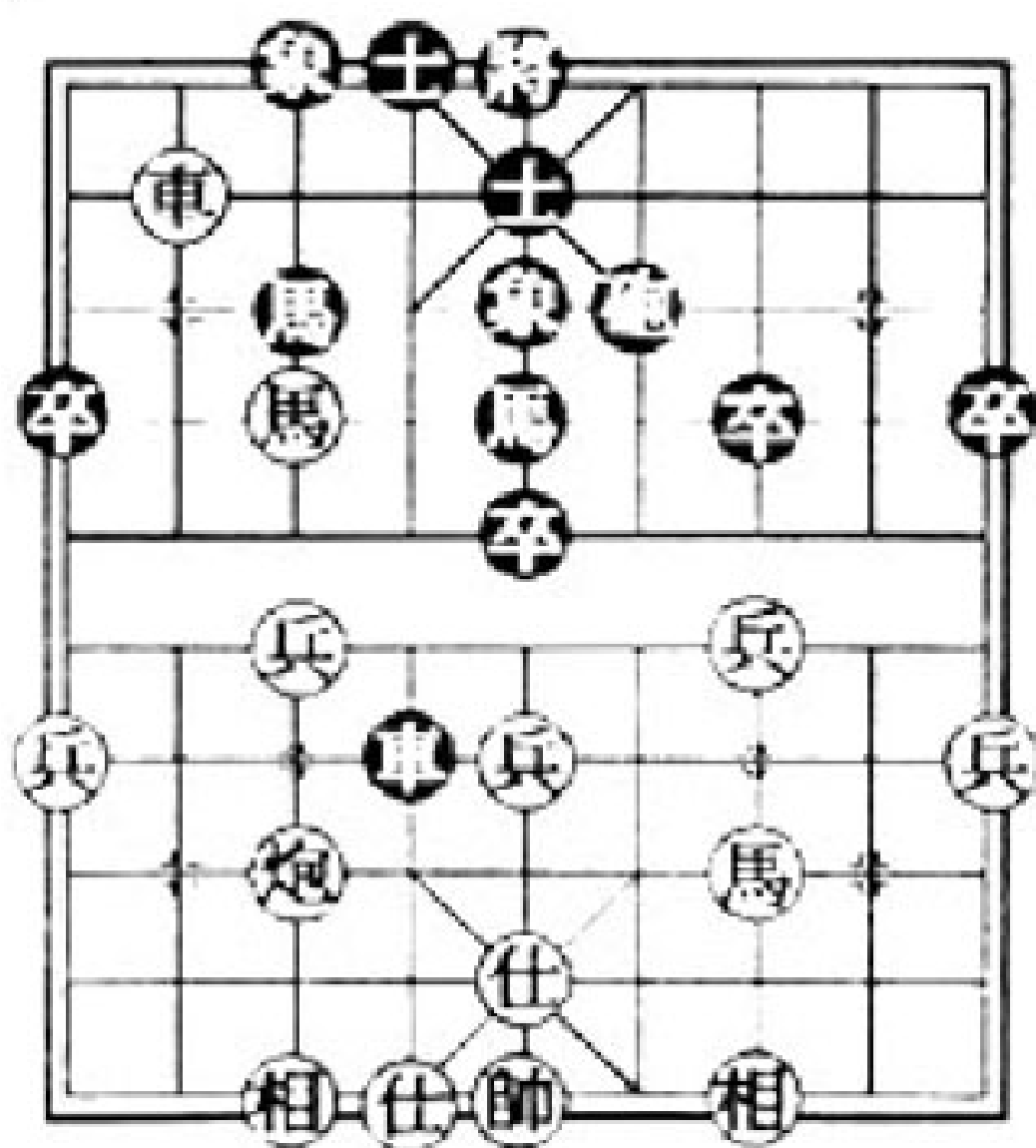


- | | |
|----------|------|
| 25. 馬4/3 | 車2-7 |
| 27. 車9-5 | 炮8-7 |
| 29. 馬7.8 | 炮t-2 |
| 31. 炮6.4 | 卒9.1 |
| 33. 兵5.1 | 車6-7 |
| 35. 炮6-7 | 馬3.5 |
| 37. 兵5.1 | 炮6.4 |
| 39. 馬8.7 | 車7-2 |
| 41. 相1/3 | 車2-7 |
| 43. 車5-4 | 炮8-7 |
| 45. 兵5-4 | 士5.6 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 46. ⑤9.7 | ⑤7-4 | 47. ④4.4 | ⑤7-5 |
| 48. ④5.6 | ④6.5 | 49. ④4-3 | ④7.5 |
| 50. ④4.5 | ④5.2 | 51. ④3-1 | ④5-3 |
| 52. ④7/2 | ④3-9 | 53. ④1-5 | ④9.1 |
| 54. ④7-6 | ④8/7 | 55. ④5.3 | ④9/1 |
| 56. ④5.4 | ④5-6 | 57. ④6.8 | ④8-4 |
| 58. ④5.1 | ④9-4 | 59. ④5.1 | ④6.1 |
| 60. ④5/4 | | | |

Tử Thiên Hồng (tiên thắng) Liều Đại Hoa

- | | | | |
|----------|-------------|----------|------|
| 1. ④2-6 | ⑤8.7 | 2. ⑤2.3 | ④9-8 |
| 3. ④1-2 | ④8.4 | 4. ⑤3.1 | ④8-7 |
| 5. ⑤7.1 | ④2-5 | 6. ⑤8.7 | ④1.1 |
| 7. ④9-8 | ④1-4 | 8. ④4.5 | ④8.9 |
| 9. ⑤3/2 | ⑤2.3 | 10. ④8.5 | ④5.1 |
| 11. ④8-5 | ④7.5 | 12. ④8.7 | ⑤7.5 |
| 13. ⑤7.8 | ④7-6 | 14. ⑤8.7 | ④4.3 |
| 15. ⑤2.3 | ④6/4 | 16. ④8.1 | ④6.5 |
| 17. ④6-7 | ④4.2 (hình) | | |
| 18. ④3.5 | ④7.1 | | |
| 19. ⑤7/5 | ④4-3 | | |
| 20. ④7-6 | ⑤3.4 | | |
| 21. ④8-6 | ⑤5/3 | | |
| 22. ⑤5.4 | ④5.6 | | |
| 23. ⑤3.1 | ⑤4.5 | | |
| 24. ⑤3.4 | ④5.7 | | |
| 25. ④6/1 | ⑤3.2 | | |
| 26. ④6-4 | ⑤2.4 | | |
| 27. ④4/1 | ④4.5 | | |
| 28. ④4-1 | ⑤4.6 | | |
| 29. ④5-4 | ⑤5/6 | | |

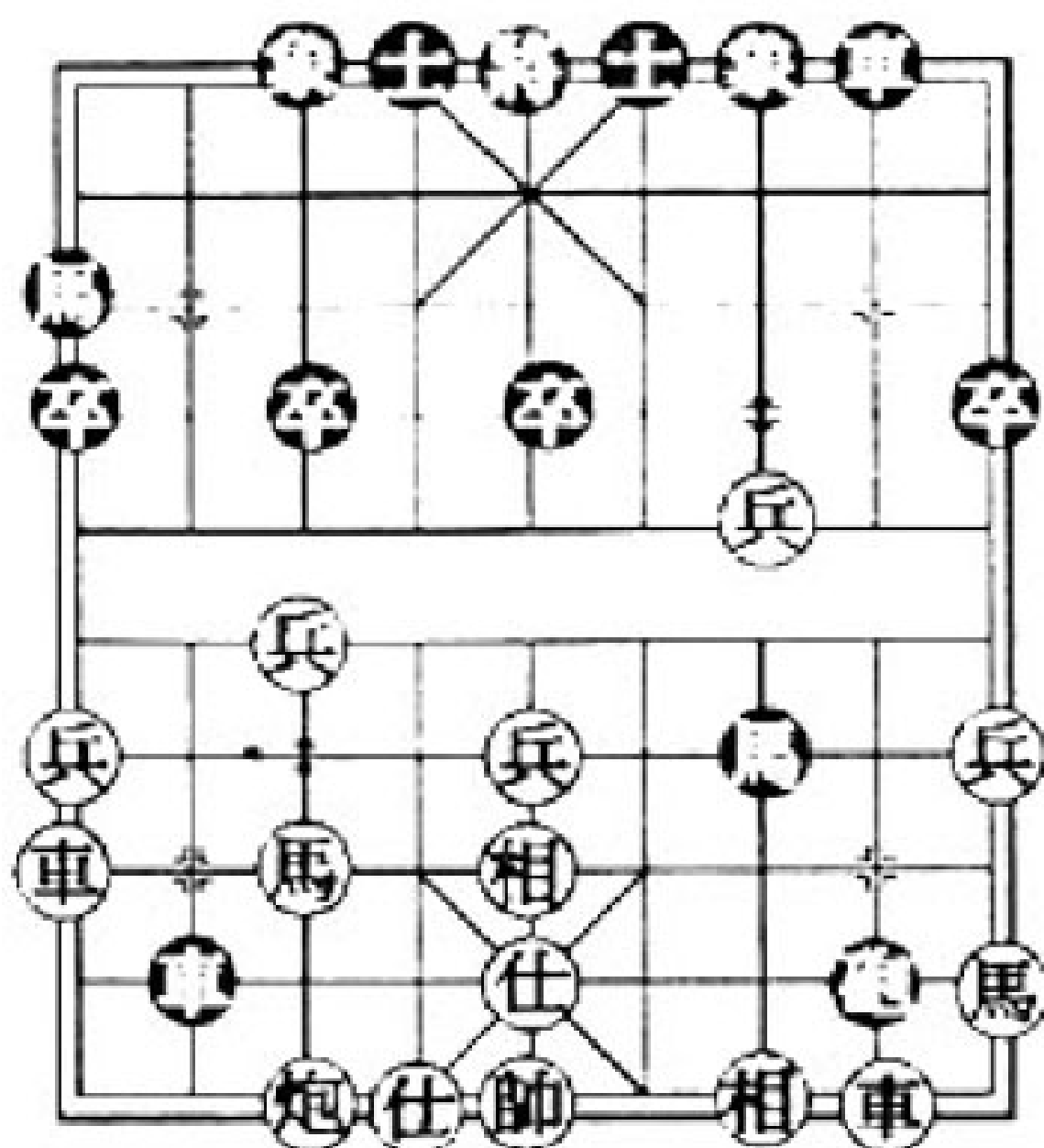


30. 炮4.6	炮3-4	31. 馬6.8	馬1.4
32. 仕5.6	炮4.1	33. 仕6.5	炮4/1
34. 馬8.7	炮4/5	35. 車1-4	馬6.7
36. 馬7/6	馬7.8	37. 帥4-5	馬8/9
38. 兵7.1	馬9.7	39. 兵7.1	炮4.1
40. 車4/3	馬7/8	41. 車4.1	馬8/7
42. 車4.2	馬7/8	43. 馬6/5	象7/9
44. 馬5.6	馬8.6	45. 馬6/7	炮4.2
46. 兵9.1	炮4-2	47. 兵7-8	炮2.1
48. 馬7.5	象9/7	49. 兵8-7	馬6/8
50. 兵7.1	炮2-1	51. 兵7.1	炮1-4
52. 車4.2	炮4/1	53. 車4-2	炮4-5
54. 兵7-6	炮5/2	55. 車2-3	象7.9
56. 車3-2	士5/6	57. 車2/2	象9/7
58. 車2-7	象3.1	59. 車7-4	炮5-4
60. 車4.2			

Tôn Vinh Sinh (tiên hòa) - Triệu Nhữ Quyển

1. 炮2-6	馬8.9	2. 馬2.3	炮9.1
3. 車1-2	象3.5	4. 馬8.7	炮9-4
5. 兵7.1	炮8-6	6. 車2.4	炮4.5
7. 炮6-4	馬2.3	8. 相7.5	士4.5
9. 兵3.1	炮1-4	10. 仕6.5	卒3.1
11. 兵7.1	炮1-3	12. 兵7.1	炮3/3
13. 馬7.8	炮2.2	14. 炮8.3	炮3-2
15. 炮8-2	炮2.2	16. 炮2.3	卒7.1
17. 兵3.1	炮2/1 (hình)	18. 車2.3	炮2-7
19. 馬3.2	卒9.1	20. 車9-7	馬3.4
21. 馬2/4	炮7/3	22. 炮4.5	士5.6
23. 車2-1	卒7-8	24. 車1-4	士6.5

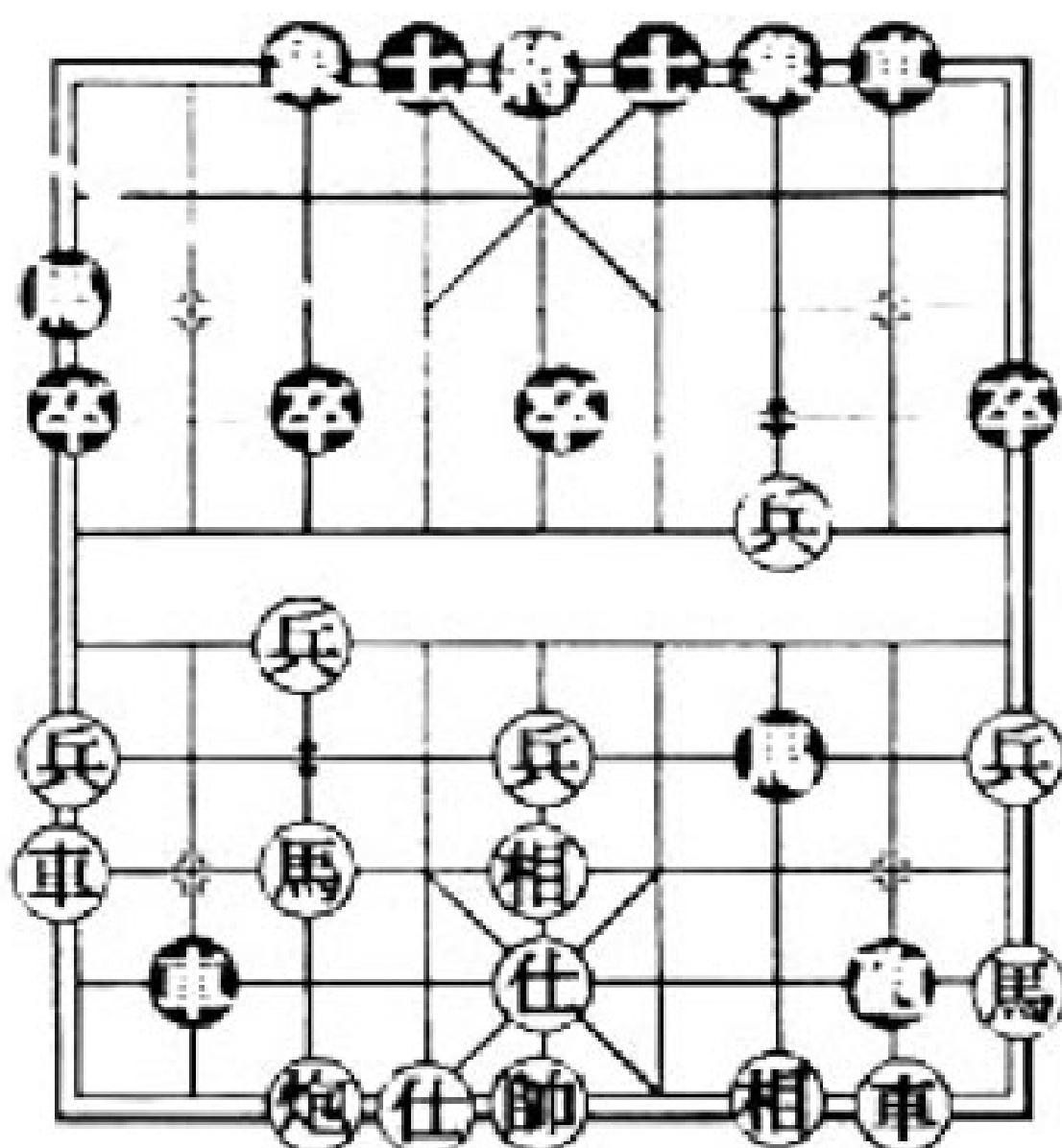
25. 車4/2	馬4.5
26. 車4-1	車8.5
27. 馬4/3	車8.2
28. 馬3.4	車8/2
29. 馬4/3	馬5.7
30. 車1.3	車8-1
31. 兵1.1	馬7/6
32. 仕5/6	馬6.4
33. 仕4.5	車4-3
34. 車7.9	象5/3
35. 車1-4	馬4.3
36. 帥5-4	車1-9
37. 車4/2	車9/1



Vu Hồng Mộc (tiên thua) - Hoàng Dũng

1. 炮2-6	馬8.7
2. 馬2.3	車9-8
3. 兵7.1	卒7.1
4. 馬8.7	馬2.1
5. 相7.5	車1.1
6. 車1-2	炮8.4
7. 仕4.5	車1-4
8. 炮8.2	車4.5
9. 兵3.1	車4-3
10. 車9.2	馬7.6
11. 馬3/1	車8.2
12. 炮8/3	馬6.7
13. 炮6/1	車8/1
14. 炮6-7	車3-2
15. 炮8.6	車2/4

- | | |
|-----------|--------------|
| 16. 兵 2.1 | 炮 2.6 |
| 17. 炮 7/1 | 炮 8.1 (hình) |
| 18. 帥 5-4 | 炮 8.5 |
| 19. 兵 9.1 | 炮 2-3 |
| 20. 馬 7.8 | 馬 7.6 |
| 21. 車 2-1 | 馬 6/5 |
| 22. 車 9-6 | 馬 5.7 |
| 23. 帥 4-5 | 炮 8.1 |
| 24. 車 1-2 | 馬 7.8 |
| 25. 車 6.1 | 象 7.5 |
| 26. 兵 3-4 | 炮 3/3 |
| 27. 馬 8.9 | 炮 3-4 |
| 28. 車 6-3 | 炮 4-1 |
| 29. 馬 9.7 | 馬 1.2 |
| 30. 馬 7.9 | 馬 8/7 |
| 31. 車 3/1 | 馬 2.4 |
| 32. 車 3.1 | 馬 4/6 |



PHIÊN ÂM VÀ GIẢI NGHĨA CHỮ HÁN RA CHỮ VIỆT

bàn đấu Mã = Mã lên cột giữa (Mã đội)

bên tiên = bên đi trước

bên hậu = bên đi sau

Bình phong Mã = hai Mã của một bên cùng lên lộ 3 và lộ 7

cục = thế cờ, thế trận

đoái = đổi

đế = đây, phía sau

đơn đế Mã = Mã ra biên

độ hà = vượt sông

hoành Xa = đi Xe ngang (lên Xe 1 nước để sau đó đi ngang)

hữu = phải
hoãn khai Xa = ra Xe chậm
khí Mã, khí Xa = bỏ Mã, bỏ Xe
ky hà Xa = Xe lên đường sông bên đối phương (X2.5)
khai Xa = mở đường cho Xe
khởi Mã = đi nước đầu bằng Mã
liệt Pháo = nghịch Pháo = hai bên vào Pháo ngược hướng nhau
lộ = cột (hay đường dọc trên bàn cờ)
lưỡng chiếu = Tướng cùng lúc bị 2 quân chiếu
lưỡng đầu xa = rần hai đầu (lên cả Tốt 3 và Tốt 7)
Mã ngoại tào = Mã nằm ngoài nhằm vào cung đối phương
ngũ lục Pháo = Pháo vào cột 5 và cột 6
phản cung Mã = Pháo tới góc cung Tướng rồi lên Mã
phi Tượng = đi nước đầu bằng Tượng
phản tiên = giành thế chủ động từ tay đối phương
phế = bỏ, hy sinh
quải giác Mã = Mã nằm ở góc cung Tướng, Mã quý
quá hà Xa = Xe lên quá đường sông bên đối phương (X2.6)
quá cung = đi qua cung Tướng và nằm ở góc cung
quy bồi Pháo = rút Pháo về phía sau
Sĩ giác = gọng Sĩ = góc phía trên của cung Tướng
Sĩ Tượng toàn = còn đủ 2 Sĩ và 2 Tượng
sát chiếu = đòn bắt Tướng
song = nhị = lưỡng = hai (2)
trục Xa = đi Xe dọc (ra Xe một nước để sau đó đi Xe dọc)
trung = giữa (Trung Pháo, Trung binh = Pháo đầu, Tốt đầu)
tả = trái
tuấn hà Xa = Xe lên đường sông bên mình (X2.4)
tiến tam Binh = tiến Tốt ở cột 3
thuận Pháo = 2 bên vào Pháo cùng hướng
Tiên nhân chỉ lộ = nước đầu tiên lên Tốt cột 3 hay Tốt cột 7
tam tử quy biên = 3 quân Xe, Pháo, Mã cùng dồn về một bên
tranh tiên = tranh giành thế chủ động
Tam bộ hổ = Xe Pháo Mã dồn về một bên thành hình tam giác
tróc tử = đuổi bắt quân
thoái = lùi